

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN**



**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH KHOA HỌC Y SINH TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ**

**Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
của Bộ giáo dục và đào tạo**

Đắk Lắk, tháng 10 - 2024

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN**



**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH KHOA HỌC Y SINH TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ**

**Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
của Bộ giáo dục và đào tạo**

Đắk Lắk, tháng 10 - 2024

PHỤ LỤC 1
DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THEO BỘ TIÊU CHUẨN CỦA BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO, NĂM 2024



Chương trình: Khoa học Y sinh

Bậc đào tạo: Thạc sỹ

Khoa đào tạo: Y dược

(Kèm theo Quyết định số: 833/QĐ-ĐHTN ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên)

TT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ
1	TS. Nguyễn Thanh Trúc	Hiệu trưởng	Chủ tịch Hội đồng
2	PGS. TS Lê Đức Niêm	Phó Hiệu trưởng	Phó CT Hội đồng
3	TS. Đinh Hữu Hùng	Trưởng khoa Y Dược	Phó CT Hội đồng
4	ThS. Hoàng Thị Ngọc Diệp	Giảng viên	Thư ký
5	TS. Thái Quang Hùng	Phó TK Y Dược	Thành viên
6	ThS. Huỳnh Văn Quốc	TP. Quản lý chất lượng	Thành viên
7	PGS.TS. Nguyễn Phương Đại Nguyên	TP. Đào tạo Đại diện HĐ KH và ĐT	Thành viên
8	ThS. Võ Văn Thành	PTP. KHTC	Thành viên
9	ThS. Phạm Văn Thành	TP. Cơ sở vật chất	Thành viên
10	TS. Ngô Thị Hiếu	TP. TCCB Đại diện Hội đồng Trường	Thành viên
11	TS. Phạm Trọng Lượng	TP. CTSV	Thành viên
12	TS. Nguyễn Đình Sỹ	TP. KH và QHQT	Thành viên
13	ThS. Vũ Thị Giang	GD. Thư viện	Thành viên
14	PGS.TS. Thân Trọng Quang	TBM Vi ký sinh	Thành viên
15	PGS. TS. Phan Văn Trọng	GVCC, BM Vi ký sinh	Thành viên
16	PGS. TS. Hồ Văn Hoàng	GVCC (GV mời giảng)	Thành viên
17	TS. Trần Thị Thanh	GVC (GV mời giảng)	Thành viên
18	ThS. Trần Thị Nguyên Đăng	Giảng viên	Thành viên
19	ThS. Vũ Thị Thu Hường	Giảng viên chính	Thành viên
20	ThS. Phan Thị Huyền Trang	Giảng viên	Thành viên
21	HV. Nguyễn Thị Lệ Quyên	Lớp cao học Khoa học Y Sinh K23	Thành viên

Danh sách có: 21 thành viên./.

MỤC LỤC

MỤC LỤC	ii
DANH MỤC BẢNG	v
DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT	v
PHẦN I. KHÁI QUÁT	1
1. Đặt vấn đề	1
2. Tổng quan chung	5
PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ	14
Tiêu chuẩn 1	14
Tiêu chí 1.1.	14
Tiêu chí 1.2.	19
Tiêu chí 1.3.	22
Kết luận về Tiêu chuẩn 1:	24
Tiêu chí 2.1.	25
Tiêu chí 2.2.	27
Tiêu chí 2.3.	30
Kết luận về Tiêu chuẩn 2:	31
Tiêu chuẩn 3	32
Tiêu chí 3.1.	32
Tiêu chí 3.2.	34
Tiêu chí 3.3.	36
Kết luận về Tiêu chuẩn 3:	38
Tiêu chuẩn 4	39
Tiêu chí 4.1.	39
Tiêu chí 4.2.	41
Tiêu chí 4.3.	44
Kết luận về Tiêu chuẩn 4:	46
Tiêu chuẩn 5	47
Tiêu chí 5.1.	47
Tiêu chí 5.2.	49
Tiêu chí 5.3.	51
Tiêu chí 5.4:	52

Tiêu chí 5.5.	54
Kết luận về Tiêu chuẩn 5:.....	55
Tiêu chuẩn 6.	55
Tiêu chí 6.1.	56
Tiêu chí 6.2.	59
Tiêu chí 6.3.	62
Tiêu chí 6.4.	65
Tiêu chí 6.5.	67
Tiêu chí 6.6.	69
Tiêu chí 6.7.	72
Kết luận về Tiêu chuẩn 6:.....	85
Tiêu chuẩn 7.....	76
Tiêu chí 7.1.	77
Tiêu chí 7.2.	79
Tiêu chí 7.3	81
Tiêu chí 7.4.	84
Tiêu chí 7.5.	86
Kết luận về Tiêu chuẩn 7:.....	103
Tiêu chuẩn 8.	90
Tiêu chí 8.1.	90
Tiêu chí 8.2.	94
Tiêu chí 8.3.	96
Tiêu chí 8.4.	99
Tiêu chí 8.5.	103
Kết luận về Tiêu chuẩn 8:	105
Tiêu chuẩn 9.....	106
Tiêu chí 9.1.	107
Tiêu chí 9.2.	110
Tiêu chí 9.3.	112
Tiêu chí 9.4.	116
Tiêu chí 9.5. C.....	119
Kết luận về Tiêu chuẩn 9:	122
Tiêu chuẩn 10.	123

Tiêu chí 10.1	124
Tiêu chí 10.2	127
Tiêu chí 10.3	129
Tiêu chí 10.4	132
Tiêu chí 10.5	135
Tiêu chí 10.6	138
Kết luận về Tiêu chuẩn 10:	141
Tiêu chuẩn 11	144
Tiêu chí 11.1	144
Tiêu chí 11.2	146
Tiêu chí 11.3. g	148
Tiêu chí 11.4	150
Tiêu chí 11.5	153
Kết luận về Tiêu chuẩn 11:	155
PHẦN III. KẾT LUẬN	157
PHẦN IV. PHỤ LỤC	i

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1.1.1. So sánh sự phù hợp của sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu CTĐT	15
Bảng 1.1.2. Sự phù hợp mục tiêu CTĐT Thạc sĩ Nội khoa với mục tiêu giáo dục Đại học	16
Bảng 1.2.1. Ma trận mục tiêu với chuẩn đầu ra CTĐT	19
Bảng 2.1.1. Nội dung, cấu trúc CTDH thạc sĩ KHYS.....	26
Bảng 2.2.1. Bảng mô tả các thay đổi chính trong một số ĐCCT các HP sau khi rà soát cập nhật định kỳ từ 2020 đến 2022	28
Bảng 3.3.1. Bảng cấu trúc CTDH năm 2022.....	36
Bảng 6.1.1. Thống kê số lượng giảng viên ngành KHYS giai đoạn 2019-2024.....	56
Bảng 6.2.1. Quy định khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên	61
Bảng 9.1.1 Sự hài lòng của GV về điều kiện làm việc và cơ sở vật chất.....	108
Bảng 9.2.1. Tỷ lệ hài lòng của GV và HV về thư viện (%)	111
Bảng 9.3.1. Tỷ lệ hài lòng của GV và HV về phòng thí nghiệm thực hành (%)	114
Bảng 10.3.1. Tỷ lệ của HV hài lòng đối với quá trình dạy - học, đánh giá kết quả học tập của GV khoa Y Dược (%)	130
Bảng 10.4.1. Một số ứng dụng kết quả NCKH khoa Y Dược vào hoạt động đào tạo	133
Bảng 10.5.1. Kết quả hài lòng của sinh viên đối với giáo dục công của Trường(%) .	136
Bảng 10.5.2. Kết quả hài lòng của sinh viên giảng viên đối với chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác của Nhà trường.....	137
Bảng 11.1.1. Tỷ lệ tốt nghiệp và thôi học của học viên ngành Thạc sĩ Khoa học Y Sinh	145
Bảng 11.3.1. Tình hình việc làm của học viên ngành Thạc sĩ Khoa học Y Sinh sau tốt nghiệp.....	149
Bảng 11.4.1. Số lượng học viên ngành Thạc sĩ Khoa học Y Sinh học vi tham gia nghiên cứu khoa học	151
Bảng 11.5.1. So sánh tỷ lệ người học hài lòng về hoạt động giảng dạy của giảng viên Khoa Y Dược và một số khoa khác thuộc trường đại học Tây Nguyên năm 2024	154

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

TỪ VIẾT TẮT	TỪ VIẾT ĐẦY ĐỦ
BD	Bồi dưỡng
BGH	Ban Giám hiệu
BM	Bộ môn
CB	Cán bộ
CBQL	Cán bộ quản lý
CBVC	Cán bộ viên chức
CĐR	Chuẩn đầu ra
CLB	Câu lạc bộ
CNTT	Công nghệ thông tin
CSVC	Cơ sở vật chất
CTDH	Chương trình dạy học
CTĐT	Chương trình đào tạo
CVHT	Có vấn học tập
ĐCCT	Đề cương chi tiết
ĐCCTHP	Đề cương chi tiết học phần
ĐH	Đại học
ĐHTN	Đại học Tây Nguyên
ĐT	Đào tạo
ĐTSDH	Đào tạo sau đại học
GDDH	Giáo dục đại học
GDDT	Giáo dục và đào tạo
GS	Giáo sư
GV	Giảng viên
GVHD	Giảng viên hướng dẫn
HP	Học phần
HV	Học viên
KH&QHQT	Khoa học và Quan hệ Quốc tế
KHCN	Khoa học công nghệ
KHĐT	Khoa học và đào tạo
KHQHQT	Khoa học và quan hệ quốc tế
KHYS	Khoa học y sinh
KQHT	Kết quả học tập
KST	Ký sinh trùng
KTĐG	Kiểm tra đánh giá
KT-XH	Kinh tế - xã hội
MT	Mục tiêu
NCKH	Nghiên cứu khoa học
NCV	Nghiên cứu viên
NH	Người học
NV	Nhân viên

PGS	Phó giáo sư
PPGD	Phương pháp giảng dạy
PVCD	Phục vụ cộng đồng
QLCL	Quản lý chất lượng
SV	Sinh viên
TC	Tín chỉ
TCCB	Tổ chức cán bộ
ThS	Thạc sỹ
TLGD	Triết lý giáo dục
TLTK	Tài liệu tham khảo
TN	Tốt nghiệp
TS	Tiến sỹ
TTTT	Trung tâm thông tin
VC – NLĐ	Viên chức – Người lao động
Viện SR-KST-CT	Viện Sốt rét-Ký sinh trùng-Côn trùng
VKS	Vi Ký sinh
VLVH	Vừa làm vừa học

PHẦN I. KHÁI QUÁT

1. Đặt vấn đề

1.1. Tóm tắt báo cáo tự đánh giá

Giáo dục và đào tạo (GDĐT) có vị trí, vai trò hết sức quan trọng đối với sự phát triển của mỗi quốc gia, dân tộc. Trong công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam, ngành GDĐT có vị trí quan trọng hàng đầu nhằm nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài để góp phần vào việc xây dựng nền kinh tế tri thức. Với vai trò vô cùng quan trọng như vậy nên việc nâng cao chất lượng đào tạo là yêu cầu nội tại và cấp thiết của mỗi trường đại học nói riêng và đồng thời cũng là đòi hỏi của toàn xã hội nói chung. Trong xu thế của hội nhập quốc tế và đổi mới giáo dục theo tinh thần của Nghị quyết số 29-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương khóa XI một trong các giải pháp để thực hiện nâng cao chất lượng, đổi mới căn bản, toàn diện GDĐT là đánh giá, kiểm định chất lượng các cơ sở giáo dục. Tại Điều 50, Luật Giáo dục Đại học năm 2012 nêu rõ *“hoạt động tự đánh giá, cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo là trách nhiệm của cơ sở giáo dục đại học trong việc đảm bảo chất lượng giáo dục đại học”*.

Sứ mạng của trường Đại học Tây Nguyên (ĐHTN) là *“Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ phục vụ cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội. Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá của dân tộc”*. Nhà trường luôn coi hoạt động đảm bảo chất lượng là yếu tố then chốt, một trong những giá trị hàng đầu để giữ vững chất lượng đào tạo. Thực tiễn đã chứng minh, trong GDĐT, chất lượng chương trình đào tạo (CTĐT) đóng vai trò quan trọng, quyết định sự tồn tại và phát triển của mỗi ngành đào tạo trong đó có ngành thạc sĩ Khoa học y sinh của khoa Y Dược. Trước xu thế hội nhập và nhu cầu về nguồn nhân lực có chất lượng cao trong lĩnh vực Y Dược, để đáp ứng sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đã làm cho việc nâng cao chất lượng CTĐT ngành thạc sĩ Khoa học y sinh ngày càng trở nên cấp thiết. Để đáp ứng nhu cầu này, trong nhiều năm qua, khoa Y Dược, trường ĐHTN đã thường xuyên quan tâm và áp dụng nhiều biện pháp nhằm không ngừng nâng cao chất lượng CTĐT ngành thạc sĩ Khoa học y sinh. Nhà trường đã lập kế hoạch đăng ký tự đánh giá CTĐT trình độ đại học ngành thạc sĩ Khoa học y sinh theo thông tư 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ giáo dục và đào tạo (GD&ĐT) ban hành quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng CTĐT của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp. Ngày 15/5/2024,

Hiệu trưởng Nhà trường đã ban hành Quyết định số 834/QĐ-ĐHTN về việc thành lập hội đồng tự đánh giá CTĐT ngành thạc sĩ Khoa học y sinh trong giai đoạn 2020 - 2024. Hội đồng có nhiệm vụ triển khai công tác tự đánh giá CTĐT ngành thạc sĩ Khoa học y sinh của Trường ĐHTN.

CTĐT ngành thạc sĩ Khoa học y sinh có mục tiêu *“Đào tạo Thạc sĩ Y học, ngành khoa học y sinh theo định hướng ứng dụng có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; có kiến thức cơ sở ngành, cập nhật kiến thức chuyên ngành Ký sinh trùng và y học cộng đồng, phát triển kỹ năng nghiên cứu khoa học và vận dụng kiến thức đó vào hoạt động thực tiễn nghề nghiệp; có khả năng làm việc độc lập, tư duy sáng tạo, hội nhập và hợp tác quốc tế, đáp ứng nhu cầu chăm sóc và bảo vệ sức khoẻ nhân dân”*. Sau khi tốt nghiệp có thể đáp ứng được các vị trí công việc chuyên môn tại các Trường thuộc khối ngành sức khỏe, Viện nghiên cứu Sốt rét-Ký sinh trùng-Côn trùng, Viện Vệ sinh Dịch tễ, Viện Y tế công cộng, các khoa/phòng xét nghiệm tại các cơ sở y tế, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật (CDC).

Thực hiện chủ trương của nhà trường về tự đánh giá CTĐT, Bộ môn Vi Ký sinh coi đây là cơ hội để kiểm định, đánh giá lại một cách hệ thống, toàn diện và khách quan toàn bộ CTĐT đại học ngành thạc sĩ Khoa học y sinh (hệ chính quy) nhằm nắm bắt được chương trình có đáp ứng được mục tiêu của người học, mục tiêu của cơ sở giáo dục và nhu cầu của nhà tuyển dụng. Bên cạnh đó, đánh giá CTĐT giúp các giảng viên giảng dạy ngành thạc sĩ Khoa học y sinh nhìn nhận chất lượng đào tạo, xem xét mục tiêu của chương trình đề ra có phù hợp với bối cảnh của xã hội và có thể đạt được hay không với những điều kiện sẵn có của Nhà trường.

Bản báo cáo tự đánh giá chương trình đào tạo ngành thạc sĩ Khoa học y sinh là sản phẩm của quá trình tự đánh giá khách quan, trung thực, công khai và minh bạch với đầy đủ các tiêu chí trong bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) ban hành. Cấu trúc của báo cáo tự đánh giá CTĐT ngành thạc sĩ Khoa học y sinh (hệ chính quy) bao gồm 4 phần:

Phần I. Khái quát, với các nội dung về mô tả tóm tắt báo cáo tự đánh giá CTĐT, mục đích, quy trình, phương pháp tự đánh giá, tổng quan chung về Trường Đại học Tây Nguyên và Khoa Y Dược.

Phần II. Tự đánh giá theo các tiêu chuẩn và tiêu chí. Trong mỗi tiêu chuẩn, lần lượt mỗi tiêu chí được xem xét đánh giá theo các bước sau: (1) Mô tả - phân tích

chung về toàn bộ tiêu chuẩn và chỉ ra các minh chứng cụ thể; (2) Nêu những điểm mạnh của CTĐT; (3) Điểm tồn tại; (4) Kế hoạch hành động và (5) Tự đánh giá.

Phần III. Kết luận về những điểm mạnh, điểm cần phát huy của đơn vị đào tạo, được tổng hợp theo từng tiêu chuẩn, tóm tắt những tồn tại cần cải tiến chất lượng, kế hoạch cải tiến chất lượng và tổng hợp kết quả tự đánh giá.

Phần IV. Phần phụ lục bao gồm cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CTĐT, các văn bản, quyết định liên quan và danh mục minh chứng.

Nội dung chính của Báo cáo tự đánh giá CTĐT ngành thạc sĩ Khoa học y sinh dựa theo công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020 và công văn số 774/QLCL-KĐCLGD ngày 10/6/2021 của Cục quản lý chất lượng quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học bao gồm 11 tiêu chuẩn với 50 tiêu chí. Trong đó, các tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4 tập trung vào mục tiêu, chuẩn đầu ra (CĐR), bản mô tả CTĐT, cấu trúc, nội dung chương trình dạy học (CTDH) và phương pháp tiếp cận trong dạy và học; tiêu chuẩn 5 đánh giá về kết quả học tập của người học (NH); tiêu chuẩn 6, 7 đánh giá về đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên; tiêu chuẩn 8 đánh giá các yếu tố liên quan đến NH và hoạt động hỗ trợ NH; tiêu chuẩn 9 gắn với các vấn đề về cơ sở vật chất và trang thiết bị; tiêu chuẩn 10 tập trung khẳng định các nhận định về việc nâng cao chất lượng CTĐT và nghiên cứu khoa học (NCKH); tiêu chuẩn 11 đánh giá về kết quả đầu ra của cả CTĐT ngành thạc sĩ Khoa học y sinh.

Phương pháp mã hóa minh chứng được thực hiện theo đúng hướng dẫn của công văn số 2085/QLCL ngày 31/12/2020 của Cục Quản lý chất lượng về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài CTĐT. Mã thông tin và minh chứng (Mã MC) được ký hiệu bằng chuỗi có ít nhất 11 ký tự, bao gồm 1 chữ cái, ba dấu chấm và 7 chữ số; cứ 2 chữ số có 1 dấu chấm (.) để phân cách theo công thức: **Hn.ab.cd.ef**. Trong đó:

- H: viết tắt “Hộp minh chứng” (MC của mỗi tiêu chuẩn được tập hợp trong 1 hộp hoặc một số hộp).

- n: số thứ tự của hộp MC được đánh số từ 1 đến hết (trường hợp $n > 10$ thì chuỗi ký hiệu có 12 ký tự trở lên). Cụ thể tiêu chuẩn 1 chứa trong hộp minh chứng số 1, tiêu chuẩn 10 chứa trong hộp minh chứng số 10.

- ab: số thứ tự của tiêu chuẩn (tiêu chuẩn 1 viết 01, tiêu chuẩn 10 viết 10).

- cd: số thứ tự của tiêu chí (tiêu chí 1 viết 01, tiêu chí 10 viết 10).

- ef: số thứ tự của mình chứng theo từng tiêu chí (thông tin và MC thứ nhất viết 01, thứ 15 viết 15...).

Ví dụ: H1.01.01.01: là MC thứ nhất của tiêu chí 1 thuộc tiêu chuẩn 1, được đặt ở hộp 1; H3.03.02.15: là MC thứ 15 của tiêu chí 2 thuộc tiêu chuẩn 3, được đặt ở hộp 3.

1.2. Mục đích, quy trình tự đánh giá, phương pháp và công cụ đánh giá

Mục đích tự đánh giá: Đây là quá trình để Bộ môn Vi Ký sinh tự xem xét, nghiên cứu dựa trên các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục do BGD&ĐT ban hành để báo cáo về tình trạng chất lượng đào tạo, hiệu quả hoạt động đào tạo, NCKH, nhân lực, cơ sở vật chất (CSVC), cũng như các vấn đề liên quan khác; từ đó tiến hành điều chỉnh các nguồn lực và quá trình thực hiện nhằm đạt tiêu chuẩn chất lượng đào tạo thạc sĩ Khoa học y sinh.

Ngoài ra, hoạt động tự đánh giá còn thể hiện tính tự chủ và tính tự chịu trách nhiệm của Khoa và Bộ môn trong toàn bộ hoạt động đào tạo, NCKH, dịch vụ xã hội theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng và giá trị cốt lõi của Nhà trường.

Quy trình tự đánh giá: được thực hiện theo các bước chính sau:

- Bước 1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành QLDD;
- Bước 2. Lập kế hoạch tự đánh giá;
- Bước 3: Thu thập, phân tích và xử lý thông tin và MC;
- Bước 4: Viết báo cáo tự đánh giá;
- Bước 5: Lưu trữ và sử dụng báo cáo tự đánh giá;
- Bước 6: Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành báo cáo tự đánh giá.

Phương pháp đánh giá: Phương pháp tự đánh giá chủ yếu là thu thập thông tin, MC từ các nguồn ở trong và ngoài trường giai đoạn 2020-2024, trên cơ sở đó phân tích, đánh giá theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định chất lượng CTĐT.

Đối với mỗi tiêu chí, việc tự đánh giá được thực hiện theo trình tự sau:

- Mô tả, làm rõ thực trạng của CTĐT; phân tích, so sánh để chỉ ra những điểm mạnh, điểm tồn tại, đi đến tự đánh giá cho từng tiêu chí.
- Lập kế hoạch hành động để khắc phục những điểm tồn tại, cải tiến, phát huy điểm mạnh, nâng cao chất lượng CTĐT.
- Tự đánh giá mức độ đáp ứng tiêu chí và kết luận về các tiêu chuẩn.

Công cụ đánh giá: Công cụ đánh giá căn cứ theo công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Cục Quản lý chất lượng về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài CTĐT và công văn số 774/QLCL-KĐCLGD ngày 10/6/2021 về việc điều chỉnh một số phụ lục của Công văn 2085/KĐCLGD.

2. Tổng quan chung

2.1. Giới thiệu về trường Đại học Tây Nguyên

Trường ĐHTN được thành lập năm 1977 theo Quyết định số 298/CP ngày 11 tháng 11 năm 1977 của Hội đồng Chính phủ.

Sứ mạng: “Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, NCKH và chuyển giao công nghệ phục vụ cho sự nghiệp phát triển KT-XH. Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá của dân tộc”.

Tầm nhìn: “Đến năm 2030, Trường Đại học Tây Nguyên là trường đại học đào tạo đa lĩnh vực, có uy tín, chất lượng; là trung tâm NCKH và chuyển giao công nghệ mang tầm quốc gia trong các lĩnh vực: Y tế, Giáo dục, Nông Lâm nghiệp, Môi trường, Kinh tế, Tự nhiên và Xã hội; đảm bảo cho người học sau khi tốt nghiệp có trình độ và kỹ năng đáp ứng nhu cầu nhân lực của xã hội”.

Giá trị cốt lõi: “Sáng tạo trong học tập và nghiên cứu khoa học; Chất lượng giáo dục là mục tiêu hàng đầu; Hội nhập và hợp tác quốc tế là giá trị cho sự phát triển”.

Mục tiêu chiến lược: “Xây dựng đội ngũ nhân lực có chuyên môn cao, CSVC hiện đại, CTĐT tiên tiến; Không ngừng hiện đại hóa, chuyên nghiệp hóa hoạt động quản trị Nhà trường; Kết quả đào tạo, NCKH đáp ứng yêu cầu của thị trường; Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá của dân tộc”.

Triết lý giáo dục: “Phát triển toàn diện phẩm chất, năng lực người học”.

Sau chiến thắng lịch sử mùa xuân năm 1975 và thống nhất đất nước, sự ra đời của Trường ĐHTN là một tất yếu lịch sử phù hợp thống nhất giữa chủ trương của Đảng và Nhà nước ta với nguyện vọng thiết tha của nhân dân các dân tộc Tây Nguyên. Những bước phát triển của Trường đã trải qua nhiều giai đoạn thăng trầm gắn liền với sự nghiệp phát triển GDĐT cùng với sự phát triển kinh tế-văn hóa-xã hội của nước ta. Khi mới thành lập (11/11/1977), Trường ĐHTN chỉ có 06 bộ phận đảm nhiệm các công tác về Đảng, tổ chức, tuyển sinh, tài vụ, CSVC và 04 khoa chuyên môn với 06 ngành đào tạo (Chăn nuôi thú y, Lâm sinh, Trồng trọt, Sư phạm Toán, Sư phạm Văn

và Y đa khoa) với đội ngũ 98 cán bộ, giảng viên và 215 SV; CSVC khá nghèo nàn, chưa có hoạt động NCKH, như đề tài “Nghiên cứu sản xuất thuốc tăng trọng SMG” được các cơ sở sản xuất đặt hàng.

Giai đoạn 1979-1985: Cơ cấu Nhà trường gồm 06 phòng ban chức năng, 04 khoa chuyên môn và bộ môn trực thuộc với đội ngũ 236 người (trong đó 136 giảng viên) vào năm 1980, 334 người (140 giảng viên) vào năm 1985 và tuyển sinh được 180 sinh viên (SV)/năm. Các đề tài nghiên cứu trong giai đoạn này có tính thực tiễn cao, tập trung vào nghiên cứu đặc điểm con người, điều kiện tự nhiên, tiềm năng kinh tế của các tỉnh Tây Nguyên, ... góp phần làm căn cứ khoa học cho việc hoạch định chính sách phát triển KT-XH của vùng; NCKH luôn gắn với chuyển giao kỹ thuật.

Giai đoạn 1986-2001: Cơ cấu Nhà trường gồm có 04 phòng chức năng, 05 khoa đào tạo và 01 bộ môn. CTĐT được thực hiện từ 4-4,5 năm đối với cử nhân sư phạm, kỹ sư các ngành và 06 năm đối với bác sĩ đa khoa.

Giai đoạn 2002 - 2024: Nhà trường đã có sự phát triển rõ rệt qua hơn 40 năm xây dựng và phát triển. Bộ máy tổ chức Nhà trường gồm: Đảng ủy, Ban Giám hiệu, Hội đồng Trường; có 28 đơn vị thuộc và trực thuộc, trong đó: 10 Phòng chức năng; 08 Khoa; 01 Trường mầm non; 01 Trường trung học phổ thông; 01 Viện; 05 Trung tâm; 01 Thư viện; 01 Bệnh viện.

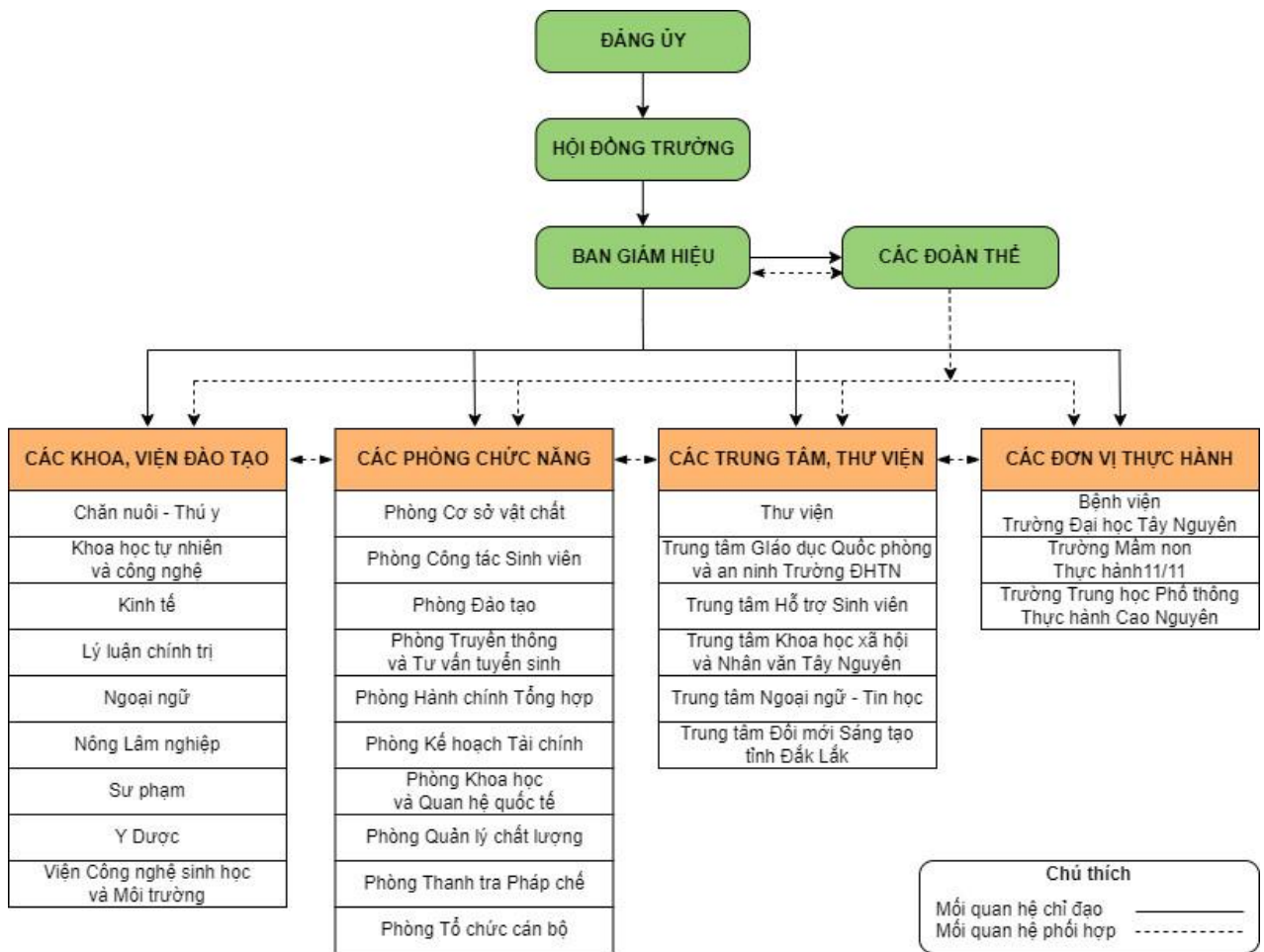
Tính đến nay, Trường ĐHTN có 03 đơn vị trực thuộc đã tự chủ tài chính. Số VC, NLD của Trường là 702 người, trong đó 8 sĩ quan biệt phái, 48 VC và người lao động thuộc 03 đơn vị tự chủ trực thuộc Trường ĐHTN. Trường có 427 giảng viên, chiếm tỷ lệ gần 69,65% trên tổng số VC, NLD của Trường. Về chất lượng đội ngũ, Trường có 01 Giáo sư (chiếm 0,23% tổng số giảng viên của Trường), 15 Phó Giáo sư (chiếm 3,51% tổng số giảng viên của Trường); 100 Tiến sĩ (chiếm 23,41% tổng số giảng viên); 03 Bác sĩ chuyên khoa II; 05 Bác sĩ chuyên khoa I; 298 Thạc sĩ; 145 cử nhân; 54 người trình độ khác. Nhà trường hiện đang đào tạo 05 ngành tiến sĩ, 11 ngành thạc sĩ, 01 ngành chuyên khoa cấp I, 37 ngành đại học và 19 ngành hệ vừa làm vừa học (VLVH), 17 ngành liên thông từ cao đẳng lên đại học, 10 ngành liên thông từ trung cấp lên đại học hệ chính quy, và 07 ngành Đại học văn bằng 2.

Trong giai đoạn 2020 - 2024, Trường ĐHTN đã đạt được nhiều thành tích: Có 02 VC được Chủ tịch nước tặng danh hiệu “Thầy thuốc ưu tú”; 01 đơn vị được tặng Cờ thi đua của Bộ trưởng BGD&ĐT; 01 cá nhân tiêu biểu xuất sắc được Ban Tuyên

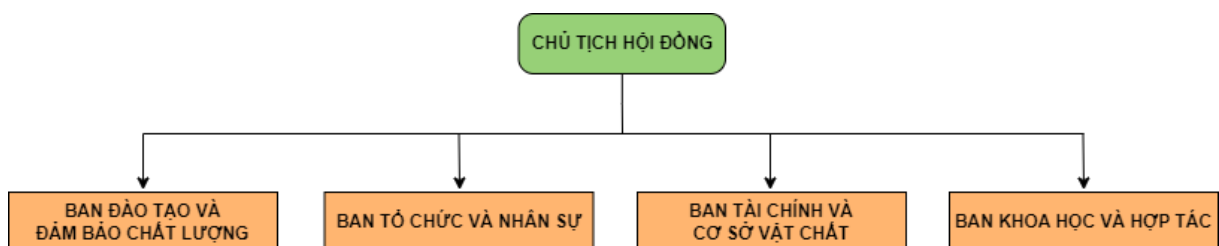
giáo Trung ương tặng Bằng khen; Nhà trường được công nhận Tập thể lao động xuất sắc; 02 đơn vị trực thuộc Trường được tặng Cờ thi đua của Bộ trưởng BGD&ĐT; 01 VC được Bộ trưởng BGD&ĐT công nhận có thành tích xuất sắc, tiêu biểu giai đoạn 1982 – 2022.

Cơ cấu tổ chức của Trường

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN NĂM 2024



CẤU TRÚC TỔ CHỨC CỦA HỘI ĐỒNG TRƯỜNG



Đến nay, Nhà trường đã triển khai hơn 32 dự án quốc tế. Các dự án đã phần nào đáp ứng được yêu cầu của chính quyền địa phương trong nâng cao hiệu quả sản xuất, giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập, xóa đói giảm nghèo cho một bộ phận không nhỏ người dân địa phương và đặc biệt là đồng bào dân tộc thiểu số cư trú ở các vùng sâu, vùng xa và đào tạo một số lượng lớn cán bộ kỹ thuật, chuyên gia công nghệ, tạo điều kiện nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tại chỗ, góp phần phát triển KT-XH một cách bền vững. Nhà trường ký kết 18 biên bản hợp tác và ghi nhớ với đối tác quốc tế là các trường, viện nghiên cứu hàng đầu của các nước có trình độ khoa học công nghệ (KH-CN) tiên tiến, hiện đại như Hàn Quốc, Nhật Bản, Úc, Hà Lan... Đặc biệt, từ năm 2008 đã tiếp nhận đào tạo, hướng dẫn thực tập cho SV nước ngoài như: Lào, Mexico, Pháp, Đức, Hàn Quốc, Australia...

Với những thành tựu đạt được, Trường ĐHTN đã được tặng nhiều danh hiệu cao quý như: Huân chương lao động hạng Ba (năm 1985), Huân chương lao động hạng Nhì (năm 1997), Huân chương lao động hạng Nhất (năm 2007), Huân chương Độc lập hạng Ba (năm 2012) và nhiều Bằng khen của Hội đồng Bộ trưởng, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, ...

2.2. Đánh giá điểm mạnh, cơ hội và thách thức của Trường Đại học Tây Nguyên

- Điểm mạnh

Trường ĐHTN ra đời đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho khu vực Tây Nguyên nói riêng và cả nước nói chung, là nhân tố hàng đầu nâng cao trình độ dân trí cho các dân tộc thiểu số khu vực Tây Nguyên.

Trường ĐHTN là một trường đa ngành, đa lĩnh vực và hình thức đào tạo, trong đó thế mạnh của trường là các ngành y dược, kinh tế, nông lâm, chăn nuôi thú y với đội ngũ cán bộ đáp ứng với nhu cầu đào tạo. Số lượng GV có trình độ Thạc sĩ, Tiến sĩ tốt nghiệp ở nước ngoài ngày càng tăng, thuận lợi cho việc kết nối các hoạt động hợp tác quốc tế trong đào tạo (ĐT) và NCKH. GV có trình độ cao ngày càng được trẻ hóa.

CTĐT theo hệ thống tín chỉ đã được áp dụng từ năm 2009. Nhà trường thường xuyên cập nhật thay đổi CTĐT dựa trên việc đối sánh chương trình của các trường đại học uy tín trong nước và trên thế giới, có sự đối sánh với chuẩn nghề nghiệp theo quy định của từng Bộ, Ngành, đồng thời lấy ý kiến khảo sát của các bên liên quan để có mối quan hệ gắn kết với thực tiễn nghề nghiệp. Các học phần liên quan đến kỹ năng cũng được Nhà trường đưa vào chương trình dạy học như: Khởi nghiệp, Kỹ năng

mềm, Kỹ năng giao tiếp,... Các phương pháp dạy học tích cực được áp dụng thường xuyên để nâng cao kỹ năng giải quyết vấn đề, tư duy logic và xử lý tình huống của NH.

CSVT của Nhà trường về cơ bản đáp ứng được nhu cầu ĐT, NCHK và phục vụ cộng đồng. Với tổng diện tích 396.927,7 m², trong đó Nhà trường đã xây dựng 98.263,2 m² phục vụ ĐT và NCHK. Nhà trường đã thực hiện việc xây dựng các kế hoạch chiến lược dài hạn, trung hạn và ngắn hạn liên quan đến việc đầu tư CSVC theo hướng hiện đại hóa để đáp ứng với yêu cầu ĐT và NCHK. Nhà trường có hệ thống giảng đường, phòng máy tính, phòng thí nghiệm thực hành với trang thiết bị hiện đại, đồng bộ, đủ đáp ứng cho hoạt động giảng dạy, học tập và NCHK; có đủ hệ thống phòng làm việc đáp ứng cho các đơn vị chức năng, Khoa và BM. Ngoài tòa nhà điều hành trung tâm, các giảng đường, Nhà trường còn xây dựng Viện công nghệ sinh học và môi trường, đầu tư các máy móc hiện đại để phục vụ nghiên cứu chuyên sâu, các trung tâm sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, bệnh viện thực hành, trạm xá thú y,... để đáp ứng nhu cầu thực hành, chuyển giao công nghệ và phục vụ cộng đồng.

Công tác NCHK và chuyển giao công nghệ là một nhiệm vụ quan trọng được Nhà trường chú trọng đẩy mạnh và đã đạt được nhiều thành tựu, đặc biệt đối với lĩnh vực chăm sóc sức khỏe, kinh tế, nông lâm nghiệp, chăn nuôi thú y và khoa học xã hội. Đồng thời, Nhà trường có năng lực và kinh nghiệm tổ chức các hội thảo khoa học cấp quốc gia và quốc tế, triển khai dự án hợp tác quốc tế, thu hút đông đảo các nhà khoa học, nhà nghiên cứu đến từ các trường đại học, viện nghiên cứu uy tín trong và ngoài nước. Tạp chí khoa học của Nhà trường ngày càng có uy tín, bài báo về các lĩnh vực y tế, chăn nuôi, thú y, sinh, kinh tế,... được đánh giá tốt và có thang điểm NCHK cao.

Năm 2020, Trường đã thực hiện kiểm định và được cấp giấy chứng nhận kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục (Quyết định số 195/QĐ-CEA.UD ngày 27/10/2020 của Giám đốc Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Đà Nẵng). Năm 2021, Trường Đại học Tây Nguyên nằm trong số 36% những trường đầu tiên có CTĐT được kiểm định chất lượng, đến năm 2022 trường đã có 03 chương trình được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng và 03 chương trình này nằm trong 10% những chương trình đầu tiên của Việt Nam được công nhận theo tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT. Năm 2023, 11 CTĐT tiếp tục được kiểm định và đều đạt tiêu chuẩn chất lượng. Kết quả kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục và các CTĐT là điều kiện hết sức quan trọng để Nhà trường đảm bảo nâng cao chất lượng đào tạo, đồng thời công khai, giải trình với các bên liên

quan và xã hội trong quá trình tiến tới tự chủ và trách nhiệm giải trình theo quy định của Luật Giáo dục đại học.

Nhà trường luôn thực hiện đổi mới, cầu thị, đoàn kết. Việc xây dựng cơ chế hoạt động trong Nhà trường đúng theo quy định của Nhà nước, tạo điều kiện cho các đơn vị hoạt động hiệu quả.

- Cơ hội

Luật Giáo dục đại học đang từng bước giao quyền tự chủ cho trường đại học. Tây Nguyên là vùng đang được Đảng và Nhà nước có nhiều chính sách ưu tiên phát triển kinh tế, xã hội. Kết luận số 67-KL/TW ngày 16/12/2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Buôn Ma Thuột đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Hội nhập quốc tế và khu vực ngày càng sâu rộng; Hòa nhập, toàn cầu hóa, tăng cường giao lưu quốc tế sẽ góp phần nâng cao năng lực nghiên cứu, trao đổi học thuật, chia sẻ thông tin cho các nhà khoa học trong Trường.

Kinh tế - xã hội tăng trưởng và phát triển, đặc biệt là sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin và truyền thông tác động tích cực đến quản trị, điều hành, học tập. Văn hóa chất lượng, văn hóa ứng xử và hoạt động quản trị học tập bắt đầu được chú ý.

Nhu cầu của xã hội về các sản phẩm nghiên cứu ứng dụng, về nguồn nhân lực có trình độ cao, kỹ năng giỏi trong hoạt động nghề nghiệp ngày càng tăng và đa dạng. Nhu cầu của NH muốn được đào tạo theo các chương trình chất lượng cao trong nước ngày càng tăng.

Mối liên kết giữa trường đại học với địa phương và doanh nghiệp có xu hướng tăng. Lợi thế về vai trò, điều kiện thiên nhiên, môi trường của khu vực Tây Nguyên trong bối cảnh chung toàn quốc.

- Thách thức

Xu hướng phát triển giáo dục đại học đặt ra yêu cầu mỗi nhà trường cần đáp ứng đòi hỏi của nền “Kinh tế tri thức”.

Thị trường lao động biến động và phát triển, đòi hỏi trách nhiệm xã hội và năng lực nghiên cứu phát triển của trường Đại học ngày càng cao.

Cạnh tranh giữa các trường đại học ngày càng gia tăng. Mâu thuẫn giữa nhu cầu nâng cao chất lượng ĐT trong khi chi phí cho ĐT thấp.

Một số chính sách của Nhà nước về điều tiết ĐT, sử dụng nhân lực và khoa học công nghệ còn nhiều bất cập.

Hệ thống đảm bảo chất lượng cấp quốc gia và chuẩn nghề nghiệp chưa định hình rõ nét.

Đầu tư của Nhà nước cho đào tạo và khoa học công nghệ còn thấp.

Trình độ học vấn và thu nhập của dân cư còn thấp.

Trường ĐHTN nằm ở xa các thành phố lớn, trung tâm văn hóa xã hội của đất nước.

Tây Nguyên là vùng địa chính trị quan trọng nên có cơ chế quản lý hoạt động quan hệ quốc tế (QHQT) đặc thù.

Tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp tạo ra những thách thức mới trong dạy học và nghiên cứu.

2.3. Giới thiệu về Khoa Y Dược

Khoa Y Dược là một trong 08 khoa đào tạo thuộc Trường Đại học Tây Nguyên, ĐC: 567 Lê Duẩn, phường EaTam, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk. Số điện thoại liên hệ: 02623. 853.278. Website: <https://www.ttn.edu.vn/index.php/kyd>

Được ra đời từ những ngày đầu thành lập trường ĐHTN, với bề dày lịch sử hơn 40 năm phát triển, Khoa Y Dược luôn nỗ lực để xây dựng kế hoạch phát triển phù hợp mục tiêu, sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường. Hiện nay, Khoa đang đào tạo 02 chương trình sau đại học: Thạc sĩ y sinh, Chuyên khoa I Nội tổng quát và 03 chương trình đại học: Y khoa, Điều dưỡng và Kỹ thuật xét nghiệm y học.

Với mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực y tế chất lượng cao đáp ứng với nhu cầu ngày càng cao của xã hội và phục vụ cho hệ thống y tế của cả nước, Khoa Y Dược đã trở thành trung tâm đào bác sĩ hàng đầu của khu vực Tây Nguyên, đào tạo hàng ngàn bác sĩ cho khu vực và cả nước. Khoa Y Dược trường ĐHTN đã và đang nâng cao chất lượng đào tạo, năng lực NCKH và phục vụ nhân dân trong lĩnh vực sức khỏe, là địa chỉ đáng tin cậy và là lựa chọn ưu tiên của NH. Điều này thể hiện qua tỉ lệ tuyển sinh của Khoa luôn ở mức cạnh tranh cao so với các ngành khác trong Nhà trường và so với các trường đào tạo về sức khỏe trong khu vực.

Khoa Y Dược được hoạt động theo quy định về chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc trường ĐHTN, gồm có: 01 trưởng khoa phụ trách chung, 01 phó khoa phụ trách về đào tạo, NCKH-QHQT, CSVC, quản lý sinh viên (SV) và các hoạt động hỗ trợ CTĐT. Hiện tại, Khoa đang có 18 bộ môn để quản lý về hành chính và chuyên môn của các môn học liên quan đến cơ sở ngành và chuyên ngành. Từ ngày

đầu thành lập, Khoa chỉ có 05 bác sĩ, GV giảng dạy, lực lượng chủ yếu là GV thỉnh giảng từ Trường Đại học Y Hà Nội, Đại học Y Dược TP HCM và Viện Vệ sinh dịch tễ Tây Nguyên. Hiện nay, Khoa Y Dược hiện có 126 GV cơ hữu, 03 Phó giáo sư, 05 Tiến sĩ, Bác sĩ chuyên khoa II, Thạc sĩ, Bác sĩ chuyên khoa I, Đại học, trình độ khác. Hiện nay nhiều GV đang tham gia học sau đại học trong và ngoài nước, nhiều kỹ thuật viên học lên bằng cử nhân Đại học, CB trẻ hầu hết đều quy hoạch đi học trong vòng 1 đến 2 năm kể từ lúc bắt đầu làm việc tại trường.

CTĐT được xây dựng theo khối lượng kiến thức tối thiểu và yêu cầu năng lực của NH cần đạt được khi tốt nghiệp trình độ đại học hoặc cao học của các ngành đào tạo, đồng thời gắn với nhu cầu thực tiễn của thị trường lao động, xu thế phát triển của nhân lực ngành Y trong nước và khu vực. CTĐT theo tín chỉ giúp NH có thể lựa chọn các môn học phù hợp với năng lực của mình và định hướng các môn tự chọn theo yêu cầu nghề nghiệp tương lai.

Với mục tiêu tạo môi trường học tập tốt nhất cho NH, công tác quản lý và hỗ trợ cũng được Khoa quan tâm hàng đầu. Có cán bộ quản lý Khoa phụ trách trực tiếp và 05 trợ lý để giải quyết và tư vấn các vấn đề liên quan đến học tập và đời sống của NH. Ngoài ra, hệ thống cố vấn học tập thường xuyên tổ chức các buổi sinh hoạt lớp và có những hướng dẫn phù hợp như thời gian biểu học tập, tư vấn hướng nghiệp để NH yên tâm học tập và định hướng các chế độ hỗ trợ như học bổng, tài trợ, các chương trình khởi nghiệp.

Để CTĐT ngành thạc sĩ Khoa học y sinh có trình độ đáp ứng với nhu cầu xã hội và hội nhập quốc tế, Khoa đã liên kết và tham gia vào nhiều dự án do nước ngoài đầu tư như dự án Việt Nam – Hà Lan, dự án Pathfinder, dự án Mẹ em, và gần đây nhất là Dự án One-health và Dự án hợp tác GDDH Việt Nam – Vương Quốc Anh. Các GV tham gia học tập tại nước ngoài cũng là cầu nối để thực hiện việc liên kết khoa học và quan hệ quốc tế (KHQHQT). Các chương trình, dự án này đã và đang đóng góp đáng kể cho Khoa về CSVC, cải thiện chương trình và phương pháp đào tạo, nâng cao chất lượng GV và phối hợp NCKH.

Qua quá trình hoạt động, Khoa Y Dược đã nhận được nhiều bằng khen của BGDDT, Bộ Y tế và Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Đặc biệt trong giai đoạn Covid-19 bùng phát, nhiều GV, SV đã tham gia tích cực công tác phòng chống dịch tại địa

phương và các tỉnh phía Nam. Tập thể Khoa, các tình nguyện viên đã được nhận giấy khen về việc tham gia vào công tác phòng, chống dịch.

Thông qua công tác viết báo cáo TĐG và thu thập minh chứng, tiếp thu ý kiến của chuyên gia và chỉ đạo trực tiếp từ Lãnh đạo trường, Khoa Y Dược đã tổng kết được những điểm mạnh, điểm tồn tại của CTĐT, đồng thời làm căn cứ đề đưa ra các kế hoạch hành động phù hợp nhằm cải tiến chất lượng đào tạo ngành thạc sĩ Khoa học y sinh.

2.3. Giới thiệu về Bộ môn Vi Ký sinh

Bộ môn Vi Ký sinh được thành lập từ những ngày đầu thành lập trường ĐH Tây Nguyên và Khoa Y Dược. Chức năng của bộ môn: thực hiện công tác đào tạo, khoa học công nghệ và phục vụ cộng đồng của các ngành đào tạo (Y khoa, cử nhân Điều dưỡng, cử nhân Xét nghiệm y học, thạc sĩ Khoa học y sinh, chuyên khoa 1 Nội). Hiện tại bộ môn có: 02 PGS, 02 giảng viên (01 Thạc sĩ, 01 Đại học), 02 KTV trình độ Đại học, 01 chuyên viên Khoa Y dược trình độ thạc sĩ.

PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ

Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mở đầu:

Mục tiêu CTĐT thạc sĩ ngành KHYS được xác định rõ ràng theo hướng dẫn của Bộ giáo dục-Đào tạo và phản ánh rõ sứ mạng, tầm nhìn, triết lý giáo dục của Trường Đại học Tây Nguyên. Chuẩn đầu ra CTĐT được xây dựng rõ ràng, phù hợp, đảm bảo các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ, trách nhiệm của người học sau khi hoàn thành CTĐT. CDR của CTĐT được xây dựng, rà soát có sự tham gia xây dựng và thống nhất từ giảng viên (GV), học viên (HV), cựu học viên và các nhà sử dụng lao động. CTĐT thạc sĩ KHYS được công bố công khai qua nhiều kênh đến các bên liên quan để cùng thực hiện.

Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học

1. Mô tả hiện trạng

Ngành thạc sĩ Ký sinh trùng-Côn trùng y học của trường ĐH Tây Nguyên được mở vào năm Và được đổi tên thành ngành thạc sĩ Khoa học y sinh vào năm 2018 [H1.01.01.01], [H1.01.01.02]. Mục tiêu của CTĐT thạc sĩ ngành KHYS được xây dựng theo đúng quy định, quy trình, hướng dẫn xây dựng CTĐT của Bộ Giáo dục-Đào tạo, trường Đại học Tây Nguyên [H1.01.01.03], [H1.01.01.04]. Mục tiêu của CTĐT thạc sĩ KHYS được rà soát, cập nhật trong vòng 5 năm trở lại đây là vào năm 2020 và năm 2022 [H1.01.01.05], [H1.01.01.06]. Trong quá trình xây dựng và rà soát, mục tiêu CTĐT Thạc sĩ KHYS có sự góp ý từ giảng viên, HV, cựu HV và nhà sử dụng lao động [H1.01.01.07], [H1.01.03.08], [H1.01.03.09], [H1.01.03.10].

Mục tiêu của CTĐT Thạc sĩ KHYS được xác định rõ ràng với các mục tiêu về kiến thức, kỹ năng, thái độ, trình độ ngoại ngữ, tin học, vị trí việc làm sau tốt nghiệp. Với các nội dung trên, CTĐT đảm bảo sự tương thích giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT (ma trận kỹ năng), phù hợp với mục tiêu của các học phần cụ thể, đúng yêu cầu về hình thức, nội dung, năng lực cần có của đào tạo trình độ sau đại học, giúp học viên đáp ứng các yêu cầu của nhà tuyển dụng lao động và phát triển bản thân trong tương lai [H1.01.01.11-12], [H1.01.01.08-09], [H1.01.01.13].

Chương trình đào tạo năm 2020 và năm 2022 ngành thạc sĩ KHYS đều có mục tiêu chung là: "Đào tạo thạc sĩ Y học, ngành khoa học y sinh theo định hướng ứng dụng có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; có kiến thức cơ sở ngành, cập nhật kiến thức chuyên ngành Ký sinh trùng và y học cộng đồng, phát triển kỹ năng nghiên cứu khoa học và vận dụng kiến thức đó vào hoạt động thực tiễn nghề nghiệp; có khả năng làm việc độc lập, tự duy sáng tạo, hội nhập và hợp tác quốc tế, đáp ứng nhu cầu chăm sóc và bảo vệ sức khoẻ nhân dân." [H01.01.01.11], [H01.01.01.12].

Mục tiêu cụ thể của CTĐT thạc sĩ ngành KHYS năm 2020 và năm 2022 có tương đối giống nhau, có điểm chung là: Trang bị cho HV kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành để HV có thể phân tích và giải quyết một cách logic các vấn đề chẩn đoán, điều trị, tiên lượng và dự phòng các bệnh Ký sinh trùng thường gặp và bệnh Ký sinh trùng cơ hội; Trang bị cho HV những kỹ năng tiếp cận, chẩn đoán, xử lý đầy đủ và toàn diện về điều trị, dự phòng một số bệnh Ký sinh trùng thường gặp và bệnh Ký sinh trùng cơ hội; kỹ năng phân tích kết quả của một số xét nghiệm cận lâm sàng chuyên sâu; Kỹ năng phân tích, hoạch định, thực hiện được các chiến lược và chính sách liên quan đến công tác phòng chống bệnh Ký sinh trùng y học; Kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, phối hợp với đồng nghiệp giải quyết tốt công việc; kỹ năng xây dựng mối quan hệ thân thiện và giao tiếp có hiệu quả với người bệnh, người nhà người bệnh và cộng đồng [H1.01.01.14], [H1.01.01.15].

Mục tiêu của CTĐT thạc sĩ ngành KHYS được xây dựng phù hợp với Sứ mạng, Tầm nhìn của trường ĐH Tây Nguyên đã công bố và Luật giáo dục đại học hiện hành cũng như được cụ thể hóa trong mục tiêu của các học phần.

Nội dung "Sứ mạng, Tầm nhìn, Giá trị cốt lõi" của Trường Đại học Tây Nguyên được công bố theo quyết định số 123 ban hành ngày 18/01/2019 cho thấy mục tiêu của CTĐT được xác định cụ thể, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Trường [H1.01.01.16]. Sự phù hợp này được thể hiện qua **bảng 1.1.1**.

Bảng 1.1.1. So sánh sự phù hợp của sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu CTĐT

Sứ mạng	Mục tiêu đào tạo thạc sĩ ngành KHYS
Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ phục vụ cho sự nghiệp phát triển kinh tế-xã hội . Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá của dân tộc.	Đào tạo thạc sĩ Y học, ngành khoa học y sinh theo định hướng ứng dụng: - Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; - Có kiến thức cơ sở ngành, cập nhật kiến thức chuyên ngành Ký sinh trùng và y học cộng đồng, phát triển kỹ
Tầm nhìn	
Đến năm 2030, trường ĐH Tây Nguyên là	

<p>trường ĐH đào tạo đa lĩnh vực, có uy tín, chất lượng; là trung tâm nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ mang tầm quốc gia trong các lĩnh vực y tế, giáo dục, nông-lâm nghiệp, môi trường, kinh tế, tư nghiên và xã hội; đảm bảo cho người học sau khi tốt nghiệp có trình độ và kỹ năng đáp ứng nhu cầu nhân lực của xã hội.</p>	<p>năng nghiên cứu khoa học và vận dụng kiến thức đó vào hoạt động thực tiễn nghề nghiệp; - Có khả năng làm việc độc lập, tư duy sáng tạo, hội nhập và hợp tác quốc tế, đáp ứng nhu cầu chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân.</p>
---	---

So sánh mục tiêu của CTĐT với mục tiêu giáo dục đại học của Luật Giáo dục đại học (Điều 5, Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13 ngày 01/01/2013) cho thấy có sự phù hợp giữa hai mục tiêu này [H1.01.01.17]. Sự phù hợp được thể hiện cụ thể qua bảng 1.1.2.

Bảng 1.1.2. Sự phù hợp mục tiêu CTĐT Thạc sĩ Nội khoa với mục tiêu giáo dục Đại học

Mục tiêu đào tạo CTĐT thạc sĩ ngành KHYS	Mục tiêu giáo dục Đại học của luật Giáo dục Đại học	Sự phù hợp
Mục tiêu chung		
<p>Đào tạo thạc sĩ Y học, ngành khoa học y sinh theo định hướng ứng dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; - Có kiến thức cơ sở ngành, cập nhật kiến thức chuyên ngành Ký sinh trùng và y học cộng đồng, phát triển kỹ năng nghiên cứu khoa học và vận dụng kiến thức đó vào hoạt động thực tiễn nghề nghiệp; - Có khả năng làm việc độc lập, tư duy sáng tạo, hội nhập và hợp tác quốc tế, đáp ứng nhu cầu chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân. 	<p>Điều 5 – Mục 1a</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đào tạo nhân lực, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài; - Nghiên cứu khoa học, công nghệ tạo ra tri thức, sản phẩm mới, phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế. <p>Điều 5 – Mục 1b</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức; - Có kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu và phát triển ứng dụng khoa học và công nghệ tương xứng với trình độ đào tạo; có sức khỏe; có khả năng sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp, thích nghi với môi trường làm việc; có ý thức phục vụ Nhân dân. 	Phù hợp
Mục tiêu cụ thể		
<p>M1. Trang bị cơ sở lý luận và thực tiễn về triết học và vận dụng vào thực tế công việc.</p> <p>M2. Cung cấp kiến thức cơ sở ngành giúp chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh ký sinh trùng.</p> <p>M3. Cung cấp kiến thức chuyên sâu để phân tích</p>	<p>Điều 5 – Mục 2c</p> <p>Đào tạo trình độ thạc sĩ để học viên có kiến thức khoa học nền tảng.</p>	Phù hợp

<p>và giải quyết một cách logic các vấn đề chẩn đoán, điều trị, tiên lượng và dự phòng các bệnh Ký sinh trùng thường gặp và Ký sinh trùng cơ hội.</p> <p>M4. Cung cấp kiến thức phương pháp nghiên cứu khoa học, lập kế hoạch phát triển kỹ năng nghiên cứu khoa học.</p>		
<p>M5. Trang bị những kỹ năng tiếp cận, chẩn đoán, xử lý đầy đủ và toàn diện một số bệnh ký sinh trùng thường gặp và ký sinh trùng cơ hội.</p> <p>M6. Trang bị những kỹ năng chẩn đoán, điều trị, dự phòng các bệnh ký sinh trùng lây từ động vật sang người.</p> <p>M7. Trang bị những kỹ năng phân tích kết quả của một số xét nghiệm cận lâm sàng chuyên sâu trong chẩn đoán một số bệnh Ký sinh trùng thường gặp và Ký sinh trùng cơ hội.</p> <p>M8. Trang bị những kỹ năng phân tích, hoạch định, thực hiện được các chiến lược và chính sách liên quan đến công tác phòng chống bệnh ký sinh trùng y học;</p> <p>M9. Trang bị những kỹ năng tuyên truyền, cung cấp thông tin liên quan đến phòng bệnh cho người dân trong cộng đồng.</p> <p>M10. Trang bị những kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, phối hợp với đồng nghiệp giải quyết tốt công việc.</p> <p>M11. Hướng dẫn kỹ năng xây dựng mối quan hệ thân thiện và giao tiếp có hiệu quả với người bệnh, người nhà người bệnh và cộng đồng.</p> <p>M12. Tự trang bị trình độ ngoại ngữ bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.</p>	<p>Điều 5 – Mục 2c</p> <p>Đào tạo trình độ thạc sĩ để học viên có kỹ năng chuyên sâu cho nghiên cứu về một lĩnh vực khoa học hoặc hoạt động nghề nghiệp hiệu quả.</p>	<p>Phù hợp</p>
<p>M13. Rèn luyện nâng cao kỹ năng nghiên cứu, đưa ra sáng kiến quan trọng trong lĩnh vực Ký sinh trùng nhằm phát triển chuyên môn.</p> <p>M14. Rèn luyện nâng cao khả năng quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động trong lĩnh vực ký sinh trùng tại cơ quan công tác.</p> <p>M15. Rèn luyện nâng cao khả năng vận dụng năng lực chuyên môn giải quyết công việc, hỗ trợ và hướng dẫn đồng nghiệp trong quá trình công tác.</p>	<p>Điều 5 – Mục 2c</p> <p>Đào tạo trình độ thạc sĩ để học viên có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và có năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề thuộc chuyên ngành được đào tạo.</p>	<p>Phù hợp</p>

<p>M16: Các học viên sau tốt nghiệp có khả năng làm việc tại các Trường thuộc khối ngành sức khỏe, Viện nghiên cứu Sốt rét-Ký sinh trùng-Côn trùng, Viện Vệ sinh Dịch tễ, Viện Y tế công cộng, các khoa/phòng xét nghiệm tại các cơ sở y tế, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật (CDC).</p>	<p>Điều 5 – Mục 2c Đào tạo trình độ thạc sĩ để học viên có kiến thức khoa học nền tảng, có kỹ năng chuyên sâu cho nghiên cứu về một lĩnh vực khoa học hoặc hoạt động nghề nghiệp hiệu quả, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và có năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề thuộc chuyên ngành được đào tạo.</p>	
---	---	--

2. Điểm mạnh

- Mục tiêu của CTĐT thạc sĩ KHYS được xác định cụ thể, rõ ràng.
- Mục tiêu CTĐT phù hợp với sứ mệnh của nhà trường và đáp ứng nhu cầu của xã hội về nguồn nhân lực y tế.
- Mục tiêu của chương trình đào tạo ngành KHYS được xây dựng phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học nêu trong Luật giáo dục Việt Nam.

3. Điểm tồn tại

Trong quá trình tổ chức rà soát, điều chỉnh mục tiêu đào tạo của CTĐT, số lượng nhà tuyển dụng trả lời ý kiến phản hồi về CTĐT thạc sĩ ngành KHYS chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Mở rộng quy mô khảo sát đến các cơ quan nơi học viên đang làm việc.	<ul style="list-style-type: none"> - Khoa Y Dược - Bộ môn VKS 	Từ năm học 2024 - 2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Rà soát, điều chỉnh, cập nhật CTĐT và kế hoạch đào tạo định kỳ để phù hợp với mục tiêu đào tạo.	<ul style="list-style-type: none"> - Phòng Đào tạo - Khoa Y Dược - Bộ môn VKS 	Theo kế hoạch của nhà trường	

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 1.2. Chuẩn đầu ra của CTĐT được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT

1. Mô tả hiện trạng

Trong giai đoạn đánh giá, chuẩn đầu ra (CĐR) ThS ngành KHYS được rà soát, cập nhật trong bản CTĐT theo Quyết định số ...ngày ... tháng ... năm 2020 và bản CTĐT theo Quyết định số 2110 ngày 14 tháng 11 năm 2022 [H1.01.01.03-04], [H1.01.01.11-12]. Quá trình cập nhật, điều chỉnh được thực hiện theo các quy định hiện hành, gồm (1) Khung trình độ quốc gia Việt Nam [H1.01.02.01], (2) Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học của Bộ GD&ĐT [H1.01.02.02], quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của ĐH Tây Nguyên [H1.01.02.03] và dựa trên kết quả khảo sát và góp ý của các bên liên quan về CĐR của CTĐT [H1.01.02.04-06]. Trên cơ sở đó, CĐR của CTĐT thạc sĩ ngành KHYS đã được xây dựng, xác định rõ ràng, gắn liền với mục tiêu CTĐT (Bảng 1.2.1).

Bảng 1.2.1. Ma trận mục tiêu với chuẩn đầu ra CTĐT

Mục tiêu của CTĐT	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (C)															
	Về kiến thức					Về kỹ năng							Về trình độ và năng lực chuyên môn			(*)
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	
M1	x											x	x	x	x	x
M2				x		x	x	x								
M3					x	x	x	x								
M4			x													
M5				x	x	x										
M6				x	x		x									
M7				x	x			x								
M8									x							
M9		x		x						x						
M10					x	x	x		x		x					
M11							x			x		x				
M12												x				
M13													x			
M14		x												x		
M15												x			x	

Mục tiêu của CTĐT	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (C)															
	Về kiến thức					Về kỹ năng						Về trình độ và năng lực chuyên môn			(*)	
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
M16																x

(*): Vị trí hay công việc có thể đảm nhiệm của người học sau khi tốt

CDR CTĐT năm 2020, năm 2022 được mô tả rõ ràng, dễ hiểu, phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của trường ĐH Tây Nguyên; đồng thời cũng thể hiện sự cam kết về chất lượng đối với người học về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ, trách nhiệm; đáp ứng với yêu cầu của thị trường lao động, làm cơ sở để xây dựng chương trình đào tạo [\[H1.01.02.07\]](#), [\[H1.01.02.08\]](#), [\[H1.01.01.10\]](#).

CDR của CTĐT được cụ thể hóa trong CDR của từng học phần trong ĐCCTHP. CDR của từng học phần được lượng giá thông qua mục "Phương pháp kiểm tra và đánh giá kết quả học tập" của người học mô tả chi tiết và cụ thể trong ĐCCTHP. Do đó, CDR và các học phần có mối quan hệ chặt chẽ giúp cho HV có kiến thức, kỹ năng vững vàng, đáp ứng triển vọng việc làm trong tương lai [\[H1.01.01.08-09\]](#), [\[H1.01.01.13\]](#).

CDR của CTĐT Thạc sĩ KHYS năm 2022 nêu cụ thể kiến thức, kỹ năng cần có của HV trong việc giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực Kỹ sinh trùng bằng cách vận dụng được các kiến thức cơ sở và chuyên ngành sau khi tốt nghiệp. HV cần đạt các CDR về mức tự chủ và trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp, hiểu biết về các vấn đề chính trị, xã hội để đóng góp giá trị cho cộng đồng và thúc đẩy tư duy tích cực về định hướng phát triển trọn đời. Mỗi CDR CTĐT đều bắt đầu bằng động từ rõ ràng, cụ thể, dễ hiểu, dễ nhớ như “Vận dụng được” (C2, C3, C4), “Thực hiện thành thạo” (C5, C6, C7, C9),...; tất cả CDR đầy đủ các thành tố gồm động từ, có nội dung và ngữ cảnh thực hiện, có tiêu chuẩn hoàn thành, từ ngữ đơn giản, dễ hiểu, giúp người học dễ hình dung và đánh giá trong quá trình học tập. Đối với C16: là những vị trí việc làm triển vọng mà HV sau tốt nghiệp có thể đảm nhận và phát triển công việc trong tương lai [\[H1.01.02.07\]](#), [\[H1.01.02.08\]](#).

CDR CTĐT ThS KHYS bao quát được 3 yếu tố cốt lõi mà người học cần đạt được sau khi tốt nghiệp gồm kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm trong thực hành nghề nghiệp. Cụ thể, về kiến thức: HV vận dụng được kiến thức về cơ sở lý luận triết học vào công việc và đời sống, vận dụng được kiến thức nghiên cứu khoa

học, cơ sở ngành, chuyên ngành về lĩnh vực Ký sinh trùng vào quá trình thực hiện kỹ năng nghề nghiệp như: phân tích và giải quyết một cách logic các vấn đề về chẩn đoán, điều trị, tiên lượng và dự phòng các bệnh Ký sinh trùng thường gặp và bệnh Ký sinh trùng cơ hội. CDR cũng xác định rõ ràng những kỹ năng tổng hợp mà HV phải đạt được như kỹ năng phân tích, tổng hợp, tự học, tự nghiên cứu, đồng thời cũng xác định những kỹ năng chuyên biệt chuyên về ngành Ký sinh trùng mà HV phải đạt tới trong đó nhấn mạnh đến các phẩm chất đạo đức nghề nghiệp [H1.01.02.07], [H1.01.02.08].

2. Điểm mạnh

- CDR ThS KHYS được xác định rõ ràng và cập nhật theo các văn bản quy định của Bộ GDĐT.

- CDR của CTĐT Thạc KHYS xác định cụ thể kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ, trách nhiệm đối với NH tốt nghiệp và triển vọng việc làm trong tương lai

3. Điểm tồn tại

Việc cập nhật, điều chỉnh CDR của CTĐT ThS KHYS được chuẩn hóa theo khung trình độ quốc gia, phù hợp với yêu cầu xã hội. Tuy nhiên, nhìn chung, CDR của CTĐT ThS KHYS còn chưa tiệm cận chuẩn quốc tế

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Rà soát, cập nhật CDR của CTĐT dẫn hướng đến chuẩn quốc tế, đặc biệt, cần thực hiện tốt hơn về CDR ngoại ngữ, tin học trong CTĐT.	- Trường ĐHTN - Khoa Y Dược	Từ năm học 2023-2024	
2	Phát huy điểm mạnh	Thường xuyên rà soát, cập nhật CDR của CTĐT ThS KHYS định kỳ để tăng cường tính chủ động, sáng tạo của HV, đồng thời tạo môi trường thuận lợi cho HV chủ	- Trường ĐHTN - Khoa Y Dược	Định kỳ 2 năm/lần	

		động trong học tập, tìm hiểu thông tin và nhận hỗ trợ từ phía GV hoặc CVHT.			
--	--	---	--	--	--

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 1.3. CDR của CTĐT phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai

1. Mô tả hiện trạng

Dựa trên các hướng dẫn, quy định chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trường Đại học Tây Nguyên ban hành thông báo số 634/TB-ĐHTN-ĐTĐH ngày 16/03/2020 và thông báo số 1375/TB-ĐHTN ngày 20/07/2022 về việc cập nhật CTĐT. Trong các văn bản này đều rõ yêu cầu phải thực hiện khảo sát ý kiến của các bên liên quan khi cập nhật CTĐT cũng như CDR của CTĐT [H1.01.03.01]. Công tác lấy ý kiến của các bên liên quan được thực hiện theo kế hoạch của Khoa Y Dược [H1.01.03.02]. Các bên liên quan cần được lấy ý kiến trong công tác cập nhật CTĐT ThS KHYS gồm: các đơn vị sử dụng lao động (Viện SR-KSR-CT Quy Nhơn, Viện Vệ Sinh dịch tễ Tây Nguyên, trung tâm CDC một số tỉnh Miền trung-Tây Nguyên; bệnh viện trường ĐH Tây Nguyên); GV của Trường ĐH Tây Nguyên, GV thỉnh giảng tham gia giảng dạy; học viên và cựu học viên [H1.01.02.04-06]. CDR của CTĐT ThS KHYS đã được chỉnh sửa, hoàn thiện sau khi tiếp thu ý kiến của các bên liên quan, CDR ngày càng cụ thể, rõ ràng hơn, giúp NH định hướng tốt hơn trong việc hoàn thành chương trình học tập của mình và phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động. Cụ thể, Nhà trường đã tiến hành khảo sát sự hài lòng của cựu SV, nhà tuyển dụng về CTĐT trong đó có thể hiện nội dung CDR của CTĐT, kết quả cho thấy ...% NH và ...% nhà tuyển dụng hài lòng với CTĐT [H1.01.02.04].

Sau khi có thông báo cập nhật CTĐT của nhà trường, Khoa Y dược thực hiện các hoạt động cụ thể là: thành lập nhóm biên soạn, dự thảo CTĐT, lấy ý kiến của các bên có liên quan về các nội dung của CTĐT, đánh giá lại CTĐT dựa trên những số liệu đã thu thập, sau đó tổ chức duyệt CTĐT ở cấp Khoa bởi Hội đồng Khoa học Đào tạo của Khoa, sau đó trình bản CTĐT lên hội đồng trường ĐH Tây Nguyên và cuối cùng trường ra quyết định ban hành CTĐT mới cập nhật [H1.01.03.03-05], [H1.01.03.06-07], [H1.01.03.08-09], [H1.01.01.10-11].

CDR của CTĐT thạc sĩ KHYS năm 2020 và 2022 thể hiện được tính súc tích, cụ thể, rõ ràng, bao quát được cả yêu cầu chuyên biệt (kỹ năng chuyên môn) và các yêu cầu chung (các kỹ năng phục vụ cho công việc như kỹ năng mềm) theo từng định hướng mà người học cần đạt sau khi hoàn thành CTĐT; giúp HV định hướng tốt hơn trong quá trình đào tạo và mang lại kết quả học tập cao hơn. Đồng thời, CDR của CTĐT cũng được thể hiện rõ trong các học phần của đề cương chi tiết [H1.01.01.08-09], [H1.01.02.07-08].

CDR của CTĐT được công bố đầy đủ, công khai bằng nhiều hình thức đa dạng, dễ tiếp cận với GV, NH và nhà tuyển dụng; Lưu bản giấy CTĐT tại phòng Đào tạo, Khoa Y Dược, bộ môn Vi Ký sinh; CTĐT được gửi tới toàn thể các cá nhân, đơn vị liên quan trong trường ĐH Tây Nguyên thông qua các buổi họp; được công bố rộng rãi trên trang thông tin điện tử của nhà trường; được phổ biến tới toàn thể HV vào buổi gặp mặt đầu khóa học [H1.01.01.05-06], [H1.01.03.10-11], [H1.01.03.12].

2. Điểm mạnh

- CDR CTĐT được rà soát, điều chỉnh định kỳ 2 năm một lần, có sự tham gia ý kiến của các bên liên quan và đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động.

- CDR CTĐT được công khai rộng rãi bằng nhiều hình thức đến nhà tuyển dụng, GV, HV.

3. Điểm tồn tại

Nội dung trong các hình thức phổ biến CTĐT, mục tiêu đào tạo và đặc biệt là CDR CTĐT của Trường, Khoa còn chung chung và kết hợp với nhiều nội dung khác nên khó nhớ.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Triển khai nội dung trong các hình thức phổ biến CTĐT, mục tiêu đào tạo và đặc biệt là CDR CTĐT tập trung và súc tích, không phối hợp quá nhiều nội	- Trường ĐHTN - Khoa Y Dược	Từ năm học 2024-2025	

		dung.	- BM Vi Ký sinh		
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát, cập nhật CDR CTĐT theo kế hoạch của nhà trường. Mở rộng quy mô lấy ý kiến của các nhà tuyển dụng trong quá trình cập nhật CDR.	Khoa Y Dược	Định kỳ	

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 1:

Mục tiêu của CTĐT thạc sĩ KHYS được xác định rõ ràng, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội về nguồn nhân lực y tế. Mục tiêu thông tin đến GV, HV bằng nhiều hình thức để đảm bảo hiệu quả triển khai thực hiện. CDR của CTĐT được xây dựng cụ thể, rõ ràng, thành các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm của người học giúp HV vừa rèn luyện được chuyên môn, vừa rèn luyện đạo đức cá nhân và các kỹ năng mềm trong quá trình học tập để thực hành nghề nghiệp trong tương lai. CDR của CTĐT được công bố công khai cho HV khi tham gia vào khoá đào tạo.

Trong quá trình tổ chức rà soát, điều chỉnh mục tiêu đào tạo của CTĐT, số lượng nhà tuyển dụng trả lời ý kiến phản hồi về CTĐT thạc sĩ ngành KHYS chưa nhiều. Việc cập nhật, điều chỉnh CDR của CTĐT ThS KHYS chuẩn hóa theo khung trình độ quốc gia, phù hợp với yêu cầu xã hội. Tuy nhiên, nhìn chung, CDR của CTĐT ThS KHYS còn chưa tiệm cận chuẩn quốc tế. Nội dung trong các hình thức phổ biến CTĐT, mục tiêu đào tạo và đặc biệt là CDR CTĐT của Trường và Khoa còn chung chung và kết hợp với nhiều nội dung khác nên khó nhớ.

Tự đánh giá tiêu chuẩn 1 đạt 3/3 tiêu chí và cả 3 tiêu chí đều đạt 5/7 điểm. Mức điểm trung bình của tiêu chuẩn 1 là 5 điểm.

Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả chương trình đào tạo

Mở đầu:

Trong giai đoạn đánh giá, CTĐT ThS KHYS được định kỳ rà soát, cập nhật, điều chỉnh theo quy định để phù hợp với thực tiễn, với sứ mạng, tầm nhìn của Trường ĐH Tây Nguyên 2 năm/lần, trong đó có đầy đủ nội dung của bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết học phần. Bản mô tả CTĐT năm 2022 có đầy đủ nội dung theo quy

định; được công bố công khai, dễ tiếp cận đến các bên liên quan bằng nhiều hình thức khác nhau; nhằm đảm bảo triển khai hiệu quả CTĐT giúp HV đạt được CĐR sau khi hoàn thành khóa học. 100% đề cương chi tiết học phần (ĐCCTHP) được xây dựng đúng quy trình và đủ về nội dung, được định kỳ rà soát 2 năm/lần và cung cấp cho HV ngay khi bắt đầu học phần.

Tiêu chí 2.1. Bản mô tả CTĐT đầy đủ thông tin và cập nhật

1. Mô tả hiện trạng

Bản mô tả CTĐT ThS KHYS có cấu trúc rõ ràng, đầy đủ thông tin, tuân thủ theo các quy định của Bộ GD&ĐT và hướng dẫn của Trường Đại học Tây Nguyên; được cụ thể hóa trong các đề cương chi tiết học phần của CTĐT [\[H2.02.01.01\]](#), [\[H2.02.01.02\]](#).

Bản mô tả CTĐT có các nội dung cơ bản như sau:

Cơ sở đào tạo - Cơ sở cấp bằng: Trường Đại học Tây Nguyên

Tên chương trình: thạc sĩ Khoa học y sinh

Mã ngành: 8720101

Tên gọi của văn bằng: Thạc sĩ Khoa học y sinh

Thời gian đào tạo: 2 năm

Mục tiêu CTĐT: Đào tạo Thạc sĩ Y học, ngành khoa học y sinh theo định hướng ứng dụng có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; có kiến thức cơ sở ngành, cập nhật kiến thức chuyên ngành Ký sinh trùng và y học cộng đồng, phát triển kỹ năng nghiên cứu khoa học và vận dụng kiến thức đó vào hoạt động thực tiễn nghề nghiệp; có khả năng làm việc độc lập, tư duy sáng tạo, hội nhập và hợp tác quốc tế, đáp ứng nhu cầu chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân.

CĐR của CTĐT: được xây dựng cụ thể, rõ ràng và có tính khả thi gồm 16 CĐR năm 2022 nhằm đảm bảo người học sau khi hoàn thành CTĐT có đủ kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ, trách nhiệm trong thực hành nghề nghiệp.

Tiêu chí tuyển sinh: được thực hiện theo đúng quy định (theo điều 5, 6, 7, 8 Quyết định số 981/QĐ-ĐHTN ngày 25/5/2022 về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của trường Đại học Tây Nguyên) [\[H1.01.02.03\]](#).

Bảng 2.1.1. Nội dung, cấu trúc CTDH thạc sĩ KHYS

Nội dung	Năm 2020		Năm 2022	
	HP	Tín chỉ	HP	Tín chỉ
Kiến thức chung	02	09	01	03
Kiến thức cơ sở	08	16	12	22
Kiến thức chuyên ngành	15	26	12	29
Phần luận văn/đề án tốt nghiệp	01	10	01	09
Tổng	26	61	26	63

Ma trận kỹ năng:**Đề cương các môn học/học phần:**

Cùng với việc điều chỉnh, rà soát CTĐT, phòng Đào tạo, Khoa Y Dược và bộ môn Vi Ký sinh triển khai thực hiện cập nhật bản mô tả CTĐT: (1) Khoa Y Dược lên kế hoạch cập nhật bản mô tả CTĐT, (2) Sau khi hoàn thành bản dự thảo theo mẫu, Hội đồng Khoa tiến hành họp thông qua toàn bộ nội dung của bản mô tả CTĐT [H2.02.01.01-02], [H2.02.01.03-05]. Các phiên bản được rà soát cập nhật những vấn đề mới thông qua việc tích hợp đóng góp ý kiến các bên liên quan như GV, HV, cựu HV và nhà tuyển dụng nhằm đáp ứng đảm bảo tính thực tiễn, phù hợp với nhu cầu của xã hội và thị trường lao động [H1.01.01.10], [H1.01.02.04-06].

Qua khảo sát đánh giá CTĐT, cho thấy tỷ lệ HV tốt nghiệp trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp là ...% và tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay do các nhà tuyển dụng đánh giá là ...% [H01.01.02.04].

2. Điểm mạnh

- Bản mô tả CTĐT thạc sĩ KHYS có đầy đủ thông tin và nội dung chi tiết, rõ ràng.

3. Điểm tồn tại.

- Việc rà soát, cập nhật bản mô tả CTĐT chưa được đối sánh với CTĐT cùng ngành của các trường khác.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực	Thời gian thực hiện	Ghi chú
----	----------	----------	--------------------	---------------------	---------

			hiện	hoặc hoàn thành	
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tham khảo bản mô tả CTĐT của các trường lân cận và trong khu vực khi rà soát, cập nhật.	- Khoa Y Dược - BM VKS	Từ năm học 2024-2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục tổ chức, cập nhật bản mô tả CTĐT.	- Trường ĐHTN. - Khoa Y Dược - BM VKS	Định kỳ 2 năm/lần	

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật

1. Mô tả hiện trạng

Trường ĐHTN ban hành hướng dẫn về việc xây dựng đề cương học phần với các biểu mẫu thực hiện cụ thể theo thông báo về việc rà soát, cập nhật CTĐT của Nhà trường ban hành năm 2020, 2022 [\[H1.01.03.01\]](#), [\[H2.02.02.01\]](#).

Đề cương chi tiết học phần ThS KHYS được cập nhật theo thông báo cập nhật CTĐT của trường ĐH Tây Nguyên. Đồng thời, được mô tả trong bản mô tả CTĐT và CTDH [\[H1.01.03.01\]](#), [\[H2.02.01.01\]](#). Tất cả đề cương học phần trong CTĐT ThS KHYS đều có đầy đủ thông tin:

- GV đảm nhận giảng dạy;
- Tên học phần/môn học;
- số tín chỉ;
- Mục tiêu, CDR của môn học/học phần (kiến thức, kỹ năng và thái độ);
- Ma trận liên kết nội dung chương mục với CDR;
- Các yêu cầu của môn học/học phần;
- Cấu trúc môn học/học phần;
- Phương pháp dạy - học;
- Phương thức kiểm tra/đánh giá;
- Tài liệu chính và tài liệu tham khảo.

ĐCCTHP trong CTĐT của ThS KHYS đảm bảo thể hiện được 03 yếu tố quan trọng: nội dung giảng dạy để đạt được CĐR của HP; phương pháp giảng dạy của GV và học tập của HV để có thể đạt được các CĐR của HP; phương pháp đánh giá thể hiện được hiệu quả giảng dạy. Phần kiểm tra đánh giá HV được thực hiện thường xuyên, toàn diện và bằng nhiều hình thức: quan sát, theo dõi sự tiến bộ của học viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của học viên; kiểm tra tự luận; bài tiểu luận; báo cáo thực hành,... Từ năm 2022, 100% đề cương các học phần của CTĐT ngành ThS KHYS được bổ sung mục rubric đánh giá học phần [H1.01.01.08-09].

Trong giai đoạn đánh giá, 100% ĐCCTHP đều được định kỳ rà soát 02 năm/lần (2020, 2022) theo kế hoạch của Khoa Y Dược nhằm nâng cao chất lượng dạy và học. Việc cập nhật bản mô tả CTĐT dựa trên ý kiến góp ý của các bên liên quan về nội dung, chất lượng của các HP [H1.01.03.01], [H1.02.03.06-07], [H1.01.03.03-05].

CTĐT ThS KHYS của trường Đại học Tây Nguyên năm 2022 gồm 26 học phần, 61 tín chỉ; năm 2022 có 26 học phần, 63 tín chỉ. Đề cương các HP trong CTĐT được định kỳ rà soát, bổ sung/điều chỉnh/cập nhật và có sự thay đổi so với những phiên bản trước, điều này được thể hiện qua bảng 2.1, Các HP còn lại rà soát, cập nhật những nội dung sau: Cập nhật tên học phần; nội dung bài học; tài liệu tham khảo; Bổ sung phần kiểm tra, đánh giá theo hình thức Rubric [H1.01.01.11-12].

Bảng 2.2.1. Bảng mô tả các thay đổi chính trong một số ĐCCT các HP sau khi rà soát cập nhật định kỳ từ 2020 đến 2022

STT	Tên học phần	Năm 2020	Năm 2022
1	Tiếng Anh	(6/0TC)	Bỏ học phần Tiếng Anh
2	Phương pháp luận nghiên cứu trong y học	(3/0TC)	(3/1TC) Thêm 01 học phần thực hành
3	Sinh học phân tử tế bào	(2/0TC)	(2/1TC) - Thêm 01 học phần thực hành - Bổ sung GV giảng dạy
4	Sốt rét-Đơn bào	(3/0TC)	(3/1TC) Thêm 01 học phần thực hành
5	Giun-Sán	(2,5/0,5TC)	(3/1TC)

			Thêm 01 học phần thực hành
6	Bệnh thần kinh do Ký sinh trùng	Chưa	(2/0TC) Học phần mới
7	Thực tập các kỹ thuật Sốt rét-Đơn bào chuyên sâu	(1/2 TC) - Tên HP: các kỹ thuật Sốt rét-Đơn bào chuyên sâu - HP tự chọn	(0/3 TC) - Tên HP: Thực tập các kỹ thuật Sốt rét-Đơn bào chuyên sâu - HP bắt buộc
8	Thực tập các kỹ thuật Giun - Sán chuyên sâu	(1/2 TC) - Tên HP: các kỹ thuật Giun - Sán chuyên sâu. - HP tự chọn	(0/3 TC) - Tên HP: Thực tập các kỹ thuật Giun - Sán chuyên sâu - HP bắt buộc - Bổ sung GV giảng dạy
9	Đề án tốt nghiệp	(0/10 TC) - Tên HP: Luận văn TN	(0/9 TC) - Tên HP: Đề án TN

2. Điểm mạnh

- Đề cương của tất cả các học phần được xây dựng theo quy định xây dựng CTĐT và ĐCCTHP của trường Đại Học Tây Nguyên;

- Các ĐCCTHP được cập nhật, điều chỉnh 02 năm/lần, nhận được góp ý của NH cũng như những bên liên quan, đáp ứng tình hình thực tế và nhu cầu của xã hội.

3. Điểm tồn tại

- Một số tài liệu tham khảo của một số học phần chưa được phong phú.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	- Rà soát và cập nhật thêm các TLTK mới, đặc biệt là các TLTK nước ngoài, các bài báo khoa học trên các tạp chí uy tín.	- Khoa Y Dược - Bộ môn Vi Ký sinh	Qua các đợt cập nhật	

2	Phát huy điểm mạnh	- Thực hiện thêm các cuộc khảo sát NH về nội dung bài học của ĐCCT để có những điều chỉnh phù hợp và cũng tăng sự gắn kết của NH đối với BM.	- Khoa Y Dược - Bộ môn Vi Ký sinh	Theo kế hoạch của nhà trường	
---	--------------------	--	--------------------------------------	------------------------------	--

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 2.3. Bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận

1. Mô tả hiện trạng

Khoa Y dược luôn bảo đảm Bản mô tả CTĐT thạc sĩ KHYS được công khai bằng nhiều hình thức khác nhau để các bên liên quan có thể tiếp cận một cách dễ dàng khi cần thiết:

- Công bố trên website của trường ĐH Tây Nguyên; Khoa Y Dược để HV, GV, các đơn vị hợp tác, nhà tuyển dụng có thể tiếp cận, tham khảo [\[H1.01.03.10-11\]](#).

- Đóng quyền và lưu tại phòng Đào tạo, Khoa Y Dược, bộ môn VKS [\[H2.02.01.01\]](#).

- Phổ biến đến thông qua các buổi họp giao ban Khoa; họp bộ môn; buổi sinh hoạt đầu khoá của HV; Nội dung CTĐT thể hiện trong phiếu khảo sát lấy ý kiến khảo sát đối với các bên liên quan [\[H1.01.03.12\]](#), [\[H1.01.01.07\]](#), [\[H2.02.03.01-02\]](#).

Với nhiều hình thức công bố công khai, các bên liên quan như cơ quan quản lý, nhà sử dụng lao động, GV, NH, NH đã tốt nghiệp ... đều có thể tiếp cận với bản mô tả CTĐT một cách dễ dàng và thuận tiện nhất. Việc công khai trên website Trường là một hình thức thuận tiện và dễ dàng cho việc tiếp cận các bên liên quan khi có nhu cầu. Cụ thể, đối tượng có dự định học thạc sĩ có thể tham khảo thông tin cơ bản về CTĐT trước khi nộp hồ sơ tuyển sinh; các cơ sở giáo dục trên cả nước cần tham khảo, đối sánh CTĐT hoặc các nhà tuyển dụng, các cơ sở thực hành, các đơn vị có quan hệ hợp tác với Trường đánh giá, góp ý [\[H1.01.01.11-12\]](#). Đối với HV học tập tại Trường, các nội dung về CDR, mô tả CTĐT, ĐCCTHP của ngành được phổ biến trong buổi sinh hoạt đầu khóa, được GV phổ biến ĐCCTHP trước khi học [\[H1.01.03.12\]](#). Đối với GV: Trường và Khoa cũng triển khai đến toàn thể GV qua hệ thống văn bản điện tử của Trường, tiếp cận thông tin giới thiệu tóm lược và trao đổi, giải đáp các thắc mắc về

CTĐT và ĐCCTHP trong các buổi họp giao ban, các buổi sinh hoạt chuyên môn hoặc thông qua bản lưu CTĐT tại Khoa [H1.01.03.07].

2. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT và ĐCCTHP ngành ThS KHYS được công bố công khai trên website, lưu trữ tại nhiều khoa phòng, được phổ biến đến nhiều đối tượng khác nhau. Do đó, các bên liên quan có thể dễ dàng tiếp cận CTĐT và ĐCCTHP từng HP để có thể hiểu được nội dung, từ đó thiết lập một kế hoạch giảng dạy, học tập phù hợp, phát triển bản thân một cách tốt nhất và định hướng cho tương lai nghề nghiệp sau này.

3. Điểm tồn tại

Việc thông tin về CTĐT và ĐCCTHP ThS KHYS tới các bên có liên quan vẫn chưa được thực hiện một cách bài bản và chuyên nghiệp.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	- Phối hợp TTTT, phòng ĐT đẩy mạnh quảng bá CTĐT ThS KHYS trên các tờ rơi, mạng xã hội, website để các bên liên quan có thể tiếp cận dễ dàng, thuận tiện hơn.	- TTTT - Phòng ĐTĐH - Khoa Y dược	Hoàn thành qua các năm học	
2	Phát huy điểm mạnh	- Liên tục cập nhật CTĐT cũng như ĐCCTHP của các năm lên website để NH có thể tìm hiểu một cách dễ dàng, thuận tiện hơn khi có nhu cầu.	- TTTT - Khoa Y dược	Hoàn thành qua các năm học	

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 2:

CTĐT thạc sĩ ngành KHYS được thiết kế với cấu trúc chặt chẽ, hệ thống, có đầy đủ các thông tin; đúng quy trình xây dựng CTĐT của Trường ĐH Tây Nguyên. ĐCCTHP được xây dựng cụ thể, rõ ràng. Quá trình cập nhật và điều chỉnh CTĐT, ĐCCTHP đều dựa trên cơ sở góp ý của các bên liên quan như GV, HV, cựu HV, nhà sử dụng lao động qua các lần khảo sát, lấy ý kiến. Các thông tin quan trọng

trong bản mô tả CTĐT và ĐCCTHP được công bố công khai, minh bạch, dễ tiếp cận cho các bên liên quan bằng nhiều hình thức khác nhau.

Bản mô tả CTĐT và ĐCCTHP tuy được rà soát, cập nhật nhưng chưa đối sánh với các trường lân cận và trong khu vực. Việc cập nhật tài liệu tham khảo của một số học phần còn ít. Cần thông qua nhiều kênh truyền thông, quảng bá hơn nữa CTĐT và ĐCCTHP nhằm giúp các bên liên quan có thể tiếp cận dễ dàng và thuận tiện.

Đánh giá chung tiêu chuẩn 2 đạt trung bình 5,0 điểm, 3/3 tiêu chí đạt yêu cầu mức 5/7.

Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Mở đầu:

Chương trình dạy học (CTDH) ngành ThS KHYS được thiết kế dựa trên các yêu cầu của CĐR CTĐT về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm của NH. Tất cả các học phần trong CTDH được xây dựng có tính tương thích, có sự gắn kết, liên mạch từ khối kiến thức chung, kiến thức cơ sở ngành đến kiến thức chuyên ngành, có phương pháp dạy và học phù hợp và có sự đóng góp cụ thể, rõ ràng vào CĐR CTĐT. Cấu trúc và nội dung các học phần được đảm bảo tính chặt chẽ, theo hướng hỗ trợ lẫn nhau, các học phần linh hoạt, thể hiện tính khoa học của toàn bộ CTĐT. Đồng thời, CTĐT được xây dựng, rà soát đảm bảo phù hợp và cập nhật xu hướng dựa trên khảo sát của các bên liên quan. Tuy nhiên CTDH chưa được cập nhật định kỳ và đối sánh với nhiều CTDH của các trường đại học có đào tạo ThS KHYS, nhất là các trường lân cận, cùng khu vực.

Tiêu chí 3.1. CTDH được thiết kế dựa trên CĐR

1. Mô tả hiện trạng

Dựa trên yêu cầu của CĐR CTĐT, nội dung CTDH ngành ThS KHYS được xây dựng, điều chỉnh đã đảm bảo cân đối và hợp lý trong thiết kế nhóm học phần, các khối kiến thức để đảm bảo người học đạt được kiến thức ở mức “đánh giá” và có kỹ năng ở mức “thành thạo”, năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong thực hành nghề nghiệp. Cụ thể: CTDH Ngành ThS KHYS có 26 học phần gồm 63 tín chỉ, trong đó kiến thức chung 03 tín chỉ, kiến thức cơ sở 22 tín chỉ và kiến thức chuyên ngành 29 tín chỉ, 09 tín chỉ phần đề án tốt nghiệp. Khi xây dựng các học phần, BM đều dựa trên cơ sở CĐR CTĐT. Mỗi học phần đóng một vai trò nhất định trong CTDH, khi HV đạt CĐR học phần sẽ góp phần đạt CĐR của CTĐT thể hiện qua ma trận mức độ đóng góp

của các học phần đáp ứng CDR của CTĐT trong bảng ma trận kỹ năng [H1.01.02.07-08], [H3.03.01.01].

Sau khi xây dựng CDR của học phần, xác định sự đóng góp vào CDR CTĐT, GV tiến hành xác định phương pháp dạy - học, kiểm tra - đánh giá thích hợp để đạt CDR của học phần, xây dựng nội dung các bài học, vì vậy 100% các học phần trong CTDH có phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra - đánh giá và nội dung được xác định rõ ràng, đảm bảo việc đạt được CDR [H1.01.01.08-09].

Các phương pháp giảng dạy đều có sự đóng góp hiệu quả vào việc giúp HV đạt được CDR CTDH. Để đạt mức “đánh giá” được kiến thức, kỹ năng, thái độ trong phương pháp giảng dạy lý thuyết, ngoài phương pháp đánh giá bài thuyết trình, bài kiểm tra; GV còn hướng dẫn HV thực hiện thảo luận nhóm, viết bài tiểu luận. Để đạt các mức của kỹ năng đảm bảo HV có khả năng thực hành nghề nghiệp thành thạo sau khi hoàn thành chương trình, trong các học phần thực hành, nhiều phương pháp cũng được áp dụng như quan sát quá trình thực hiện quy trình, hỏi-đáp, đánh giá kết quả thực hiện quy trình của HV,... [H1.01.01.08-09], [H3.03.01.01-02].

Để đảm bảo giúp người học đạt được CDR, các phương pháp học và tự học đã được xây dựng một cách đa dạng, phù hợp. Để đạt mức vận dụng được kiến thức vào thực hành, người học cần tham gia đủ giờ học trên lớp (tối thiểu 80% đối với giờ lý thuyết, 100% đối với giờ thực hành), làm việc nhóm để soạn và trình chuyên đề, tự đọc tài liệu tại thư viện hoặc tài liệu điện tử, giải quyết bài tập tình huống, lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc các trường hợp thực tế [H1.01.01.08-09].

2. Điểm mạnh

CTDH ngành ThS KHYS được được thiết kế và xây dựng dựa trên CDR một cách hệ thống về các HP, tổ hợp phương pháp dạy-học, phương pháp kiểm tra/đánh giá kết quả học tập của HV và phù hợp với CDR của CTĐT.

3. Điểm tồn tại

GV sử dụng phương pháp giảng dạy thuyết giảng trong CTDH đôi khi vẫn chưa lồng ghép hoàn toàn dạy học tích cực, nên GV vẫn giữ vai trò là người giảng nhiều hơn vai trò hỗ trợ NH.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức các đợt tập huấn về phát triển phương pháp giảng dạy tích cực cho GV, các buổi hướng dẫn phương pháp học tập tích cực cho HV. - Gia tăng trọng số các bài đánh giá quá trình. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trường ĐH TN - Khoa Y Dược 	Từ năm học 2024-2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục cập nhật CTDH hằng năm đặc biệt quan tâm cải tiến phương pháp giảng dạy, học tập, phương pháp kiểm tra/đánh giá.	<ul style="list-style-type: none"> - Trường ĐH TN - Khoa Y Dược - BM VKS 	Theo kế hoạch của nhà trường	

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 3.2. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được CĐR là rõ ràng

1. Mô tả hiện trạng

Trường Đại học Tây Nguyên đã ban hành mẫu ĐCCTHP nhằm thống nhất biểu mẫu và định hướng các hoạt động đóng góp đạt CĐR CTĐT (năm 2020, năm 2022). Căn cứ vào các hướng dẫn, 100% học phần trong CTĐT đều có ĐCCTHP, được xây dựng đúng quy định của Trường; đảm bảo phù hợp, tương thích về nội dung và đóng góp trong việc giúp người học đạt được CĐR. Bên cạnh đó, ở mục 3 của 100% các ĐCCT của mỗi HP thuộc CTDH ngành ThS KHYS đều thể hiện Ma trận tích hợp giữa CĐR HP và CĐR của CTĐT, điều này thể hiện rất rõ ràng sự đóng góp cụ thể của mỗi HP trong tiến trình học tập tích lũy của NH để đạt được CĐR của CTĐT [H1.01.01.08-09], [H2.02.02.01].

Nội dung của các HP logic và tương thích với nhau, giúp NH phát triển năng lực theo tiến trình và tích lũy qua các học kỳ để đạt được CĐR. Cụ thể, các HP thuộc Khối kiến thức chung bắt buộc sẽ cung cấp cho NH những kiến thức và kỹ năng cơ bản về chính trị, pháp luật; Các HP thuộc Khối kiến thức cơ sở ngành cung cấp cho HV kiến thức về khoa học cơ bản, y học cơ sở như kiến thức về phương pháp NCKH,

đạo đức y học, sinh học phân tử, y sinh học di truyền, miễn dịch học, vi sinh, dịch tễ học, sức khoẻ môi trường; Các HP thuộc Khối kiến thức chuyên ngành cung cấp cho HV nhóm kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm bao gồm: vi nấm, da liễu, truyền nhiễm, sốt rét-đơn bào, Giun – Sán, Bệnh động vật ký sinh, Tiết túc y học, Bệnh thần kinh do ký sinh trùng, Phòng chống các bệnh KST đường ruột, Dược lý học điều trị bệnh Ký sinh trùng, Bệnh KST cơ hội, Tăng bạch cầu toan tính trong bệnh KST, Thực tập các kỹ thuật Sốt rét - Đơn bào chuyên sâu, Thực tập các kỹ thuật Giun - Sán chuyên sâu, đề án tốt nghiệp [\[H3.03.01.01-02\]](#).

Trong CTDH ngành ThS KHYS, 100% học phần đều được xây dựng nhằm đáp ứng được CĐR; sau khi xác định CĐR của CTĐT, các GV đã tiến hành xây dựng CĐR của học phần, sau đó xác định phương pháp dạy-học, phương pháp kiểm tra/đánh giá phù hợp để đạt được CĐR, từ đó làm cơ sở xây dựng nội dung bài giảng. Theo đó, nhà trường ban hành các thông báo về việc hướng dẫn các phương pháp giảng dạy và học tập tích cực để NH đáp ứng CĐR các chương trình đào tạo tại trường; Thông báo về hướng dẫn phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả người học. Vì vậy, tất cả các học phần trong CTDH đều có các tổ hợp phương pháp dạy - học, phương pháp kiểm tra/đánh giá rõ ràng, đảm bảo tương thích với CĐR của học phần và được nêu cụ thể trong ĐCCTHP [\[H1.01.02.07-08\]](#), [\[H3.03.01.01-02\]](#), [\[H3.03.02.01\]](#).

Nội dung các ĐCCTHP trong CTDH thể hiện việc đạt được CĐR và định kỳ được lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan thông qua các đợt cập nhật CTĐT của ngành ThS KHYS làm cơ sở cho việc cải tiến phương pháp giảng dạy, hỗ trợ người học tốt hơn trong việc đạt được CĐR CTĐT và CĐR HP. Các bên liên quan bao gồm: GV tham gia giảng dạy, HV, cựu HV và các nhà tuyển dụng [\[H1.01.03.03-05\]](#).

2. Điểm mạnh

- Nội dung các học phần đều thể hiện sự đóng góp cao vào việc thực hiện CĐR của CTDH.

- Các phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra/đánh giá kết quả học tập của các học phần trong CTDH đa dạng, phù hợp và hỗ trợ nhau để đảm bảo tốt nhất trong việc đạt được CĐR.

3. Điểm tồn tại

Số lượng nhà tuyển dụng và cựu SV góp ý về CTDH ngành ThS KHYS chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	- Tăng cường lấy ý kiến góp ý của nhà tuyển dụng và cựu HV về CTDH ngành ThS KHYS	- Trường ĐHTN - Phòng QLCL - Khoa Y Dược - BM VKS	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục cập nhật sự tương thích về nội dung và sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần nhằm đạt được CĐR.	- Trường ĐHTN - Khoa Y Dược - BM VKS	Theo kế hoạch của nhà trường	

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 3.3. CTDH có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp

1. Mô tả hiện trạng

Căn cứ vào mục tiêu và CĐR của CTĐT, CTDH ngành ThS KHYS được thiết kế với cấu trúc và trình tự logic xuyên suốt gắn kết và liền mạch giữa các HP đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành, đảm bảo chương trình trở thành một khối thống nhất. Cấu trúc của CTDH ngành ThS KHYS được thể hiện trong bảng 3.3.1:

Bảng 3.3.1. Bảng cấu trúc CTDH năm 2022

Khối lượng học tập	Tổng số tín chỉ (LT/TH)	Tỷ lệ % thực hành	Tỷ lệ % chung
Khối kiến thức chung			
- Triết học	3		4,8
	3 / 0	0	
Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành			
- Các học phần/môn học cơ sở ngành	22		34,9
	18,5 / 3,5	15,9	
- Các học phần/môn học chuyên ngành	29		46,0
	20 / 9	31,0	
- Học phần đề án tốt nghiệp	09		14,3
	0 / 9	100,0	
Các học phần/môn học tự chọn	12		
	11,5/0,5		

Khối lượng kiến thức toàn khóa	63		100,0
	41,5/21,5	34,1	

CTDH năm 2022, tỷ lệ thời lượng lý thuyết chiếm 65,9% (41,5/63 TC), tỷ lệ thời lượng thực hành chiếm 34,1% (21,5/63 TC). Thời gian đào tạo là 02 năm được phân bổ trong 04 học kỳ: khối kiến thức chung, kiến thức cơ sở, hỗ trợ trong 2 học kỳ đầu tiên; kiến thức chuyên ngành được bố trí trong học kỳ 2 đến học kỳ 3. Đề án tốt nghiệp được thực hiện vào học kỳ 4 [\[H3.03.01.01\]](#).

CTDH ngành ThS KHYS của Trường có trình tự logic, bố trí hợp lý, được sắp xếp theo năm học, trình tự và mức độ tăng dần theo các năm học đã tạo điều kiện tốt cho sự tiếp thu của HV từ năm thứ nhất đến khi hoàn thành khóa học. Các học phần có mối liên kết, làm nền tảng, và hỗ trợ lẫn nhau giúp người học đạt được CDR về kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ, trách nhiệm trong thực hành nghề nghiệp, cụ thể: (i) khối kiến thức chung trang bị cho người học nền tảng kiến thức sâu hơn và thiết thực cho việc thực hiện lối sống, chủ trương của Đảng, Nhà nước trong đời sống và quá trình thực hành nghề nghiệp; (ii) khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành trang bị các kiến thức cần thiết, chuyên sâu các vấn đề về Ký sinh trùng. Bên cạnh đó, phẩm chất đạo đức nghề nghiệp được lồng ghép trong nội dung của các học phần, từ đó giúp người học tuân thủ các nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp, thể hiện sự chuyên nghiệp trong quá trình học tập và làm việc sau khi tốt nghiệp. Việc tính toán bố trí các khối kiến thức như vậy giúp NH hoàn tất quá trình học tập thông qua tích hợp kiến thức vừa theo chiều dọc vừa theo chiều ngang và hướng đến đạt CDR của CTĐT [\[H1.01.01.13\]](#), [\[H3.03.01.01\]](#).

Trong giai đoạn đánh giá, 100% nội dung bản mô tả CTDH đều được định kỳ rà soát 02 năm/lần (2020, 2022) theo kế hoạch của Khoa Y Dược nhằm nâng cao chất lượng dạy và học. Việc cập nhật bản mô tả CTDH dựa trên ý kiến góp ý của các bên liên quan về nội dung, chất lượng của các HP [\[H3.03.03.01\]](#), [\[H2.02.01.03\]](#), [\[H3.03.01.01-02\]](#).

2. Điểm mạnh

- Chương trình dạy học được thiết kế logic, theo trình tự hợp lý và có hệ thống, mang tính thống nhất cao phù hợp xu hướng, yêu cầu phát triển của xã hội.

3. Điểm tồn tại

- CTDH chưa được đối sánh với CTDH của các trường đại học có đào tạo thạc sĩ cùng ngành, nhất là các trường lân cận, cùng khu vực.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	- Tham khảo, nghiên cứu CTDH thạc sĩ của các trường khác để gia tăng tính tích hợp.	- Khoa Y Dược - Bộ môn VKS	Năm học 2024 – 2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Rà soát, cập nhật, bổ sung CTDH đảm bảo tính gắn kết và liền mạch của các học phần/môn học.	- Khoa Y Dược - Bộ môn VKS	Định kỳ	

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 3:

CTDH ngành ThS KHYS được thiết kế dựa trên CĐR, với các học phần trong CTDH có cấu trúc chặt chẽ, tích hợp theo trình tự từ cơ bản đến chuyên sâu, từ đơn giản đến phức tạp; nội dung của các HP trong phần kiến thức chung, kiến thức cơ sở và chuyên ngành có cấu trúc gắn kết, liền mạch, phù hợp và bổ trợ lẫn nhau; các phương pháp kiểm tra đánh giá đầy đủ, giúp người học đạt được CĐR của CTĐT. Các nội dung trong CTDH được rà soát, điều chỉnh, bổ sung theo các đợt cập nhật và có sự góp ý của các bên liên quan.

Tuy nhiên, trong quá trình xây dựng và cập nhật CTDH, cần được đối sánh với nhiều CTDH của các trường đại học có đào tạo thạc sĩ cùng chuyên ngành, nhất là các trường lân cận, cùng khu vực, số lượng nhà tuyển dụng và cựu SV góp ý về CTDH ngành ThS KHYS chưa nhiều. GV sử dụng phương pháp giảng dạy thuyết giảng trong CTDH đôi khi vẫn chưa lồng ghép hoàn toàn dạy học tích cực, nên GV vẫn giữ vai trò là người giảng nhiều hơn vai trò hỗ trợ NH.

Tự đánh giá theo 3 tiêu chí của tiêu chuẩn này, CTĐT ngành ThS KHYS đạt yêu cầu 3/3 tiêu chí trong đó cả 03 tiêu chí đạt 5/7 điểm.

Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Mở đầu: Trong giáo dục đào tạo nói chung và đào tạo đại học nói riêng, phương pháp tiếp cận trong dạy và học đóng một vai trò quan trọng trong việc đảm bảo, cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo. Nhà trường có tuyên bố rõ ràng về TLGD và đồng thời TLGD của nhà trường được phổ biến tới các bên liên quan. CĐR của CTĐT Thạc sĩ ngành Khoa học y sinh được xác định, ban hành và phổ biến tới các bên liên quan. GV Khoa Y Dược xây dựng hoạt động dạy học, PPGD đa dạng, phù hợp chọn cách tiếp cận lấy người học làm trung tâm, trong đó giảng viên đóng vai trò dẫn dắt, truyền cảm hứng cho người học, các hoạt động dạy học được tổ chức đa dạng nhằm đạt được các chuẩn đầu ra đã tuyên bố trong CTĐT. Các phương pháp dạy học hiện đại, đa dạng được sử dụng nhằm phát triển tính chủ động, sáng tạo trong học tập cho người học, giúp người học hình thành khả năng tự học, tự nghiên cứu, luôn cập nhật các đổi mới từ thực tế, từ đó góp phần nâng cao khả năng học tập suốt đời.

Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan

1. Mô tả hiện trạng

Năm 2019, Nhà trường ban hành TLGD theo Quyết định số 2890/QĐ-ĐHTNTCCB ngày 26/12/2019 TLGD của Trường ĐHTN là: “Phát triển toàn diện phẩm chất, năng lực người học” với ý nghĩa Trường ĐHTN dựa trên nguồn lực mạnh, tổ chức đào tạo theo chương trình chất lượng, tạo môi trường học tập tốt nhất cho NH phát triển toàn diện phẩm chất, năng lực cá nhân. Nhà trường phổ biến TLGD đến các bên liên quan bằng hình thức đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Trường **[H4.04.01.01]**..

TLGD của Nhà trường được xác định dựa trên các giá trị truyền thống được xác định từ ngày thành lập 11/11/1977 cho đến nay. Bên cạnh đó, TLGD của Nhà trường được xác định rõ trong Kế hoạch chiến lược phát triển trường đại học Tây Nguyên giai đoạn 2020-2027, tầm nhìn 2035 **[H4.04.01.02]** phù hợp với Sứ mạng, Tầm nhìn của Nhà trường và thể hiện trong kế hoạch dài hạn, kế hoạch trung hạn cũng như kế hoạch ngắn hạn, kế hoạch bảo đảm chất lượng, báo cáo công tác đảm bảo chất lượng của Nhà trường **[H4.04.01.03]**, **[H4.04.01.04]**, **[H4.04.01.05]**. Trong Nghị quyết của Đảng ủy Trường, kế hoạch năm học hằng năm của Nhà trường luôn có nội dung chú trọng phổ biến, tuyên truyền TLGD đến các bên liên quan, trong đó chú

trọng giải thích rõ để GV, NH hiểu rõ và thực hiện [H4.04.01.06]. Đối với GV, Nhà trường và Khoa Y Dược luôn phổ biến, quán triệt để GV hiểu rõ về TLGD của Trường trong hội nghị đại biểu cán bộ viên chức hàng năm và các buổi họp Khoa, từ đó GV lựa chọn nội dung dạy học, PPGD chuyển tải TLGD của Trường và thể hiện trong DC học phần [H4.04.01.07]. Đối với NH, Nhà trường và Khoa Y Dược phổ biến đến NH về TLGD của Trường đầu năm học, CVHT phổ biến tại các buổi sinh hoạt lớp [H1.01.03.12].

Triết lý giáo dục của Nhà trường được truyền tải vào chương trình đào tạo ngành KHYS thông qua mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra của CTĐT [H1.01.02.07], [H1.01.02.08]. **Mục tiêu chung** của CTĐT ngành thạc sĩ Khoa học y sinh theo định hướng ứng dụng có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; có kiến thức cơ sở ngành, cập nhật kiến thức chuyên ngành Ký sinh trùng và y học cộng đồng, phát triển kỹ năng nghiên cứu khoa học và vận dụng kiến thức đó vào hoạt động thực tiễn nghề nghiệp; có khả năng làm việc độc lập, tư duy sáng tạo, hội nhập và hợp tác quốc tế, đáp ứng nhu cầu chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân [H1.01.01.11], [H1.01.01.12].

Đối với các bên liên quan bên ngoài, Nhà trường luôn chú trọng phổ biến, tuyên truyền TLGD của Trường và thể hiện cụ thể trong kế hoạch năm học hằng năm [H4.04.01.08]. Bên cạnh việc đăng tải TLGD trên trang thông tin điện tử của Trường, Nhà trường và Khoa Y Dược đăng tải TLGD trên các tài liệu hội nghị, hội thảo do Trường, Khoa Y Dược tổ chức luôn quan tâm giới thiệu TLGD của Trường đến cựu HV, các nhà tuyển dụng và các đại biểu tham dự [chưa tìm được MC].

2. Điểm mạnh

- Nhà trường tuyên bố TLGD “Phát triển toàn diện phẩm chất, năng lực người học” vào năm 2019 và phổ biến đến các bên liên quan bằng nhiều hình thức khác nhau.

- Các bên liên quan bên ngoài trường được phổ biến về TLGD.

- Triết lý giáo dục của Viện được các cán bộ, giảng viên, người học hiểu rõ và thực hiện. Các hoạt động dạy và học thực hiện theo đúng triết lý giáo dục của trường đã giúp cho người học đạt được một số thành tựu nổi bật.

3. Điểm tồn tại

- Triết lý giáo dục của trường mặc dù được phổ biến rộng rãi trên website tuy nhiên việc lan tỏa triết lý giáo dục của trường đến một số bên liên quan còn nhiều khó

khăn, một số bên liên quan chưa thật sự hiểu sâu sắc và thấu đáo về triết lý giáo dục của trường.

- Nhà trường và Khoa Y Dược chưa khảo sát mức độ hài lòng và hiểu biết của GV, HV, cựu HV và các nhà tuyển dụng về TLGD của Trường

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Khoa Y Dược phối hợp với Nhà trường tiến hành khảo sát mức độ hài lòng và hiểu biết của GV, HV, cựu HV và các nhà tuyển dụng về TLGD của Trường	Trường ĐHTN Khoa Y Dược	Từ năm học 2024 – 2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Kết hợp thêm các nội dung về chia sẻ nội hàm của triết lý giáo dục trường trong các hoạt động liên quan đến người học, nhà tuyển dụng, cựu sinh viên, giúp các bên liên quan hiểu rõ hơn về triết lý giáo dục của trường	Trường ĐHTN Khoa Y Dược Bộ môn vi ký sinh	Từ năm học 2024 – 2025	

5. Tự đánh giá: Mức đạt của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được CDR

1. Mô tả hiện trạng

Trong Nghị quyết của Đảng ủy Trường, kế hoạch năm học hằng năm của Nhà trường luôn có nội dung chú trọng tạo dựng môi trường học tập đa dạng, tạo thuận lợi cho việc đạt được CDR, cho việc học tập, nghiên cứu và thúc đẩy NH tìm tòi và khám phá kiến thức [H4.04.01.03]. Bên cạnh đó, trong kế hoạch năm học của trường/Khoa Y Dược luôn xác định quan tâm tạo dựng môi trường học tập đa dạng, tạo thuận lợi cho việc đạt được CDR, cho việc học tập, nghiên cứu và thúc đẩy NH tìm tòi và khám phá kiến thức [H4.04.01.08]. Nhà trường ban hành văn bản hướng dẫn GV sử dụng các PPGD tích cực và gửi đến các Khoa để thực hiện [H3.03.02.01].

Với quan điểm lấy người học làm trung tâm, giúp người học đạt được các CDR về cả kiến thức, kỹ năng và mức tự chủ trách nhiệm, các chiến lược và phương pháp giảng dạy của ngành thạc sĩ Khoa học Y sinh được thiết kế và sử dụng linh hoạt, không chỉ có các hoạt động ở trên lớp mà còn trong những hoạt động đào tạo hỗ trợ nhằm phát triển đầy đủ các năng lực của người học, đáp ứng nhu cầu thực tiễn của người học cũng như nhà tuyển dụng. Việc xây dựng hoạt động dạy học và phương pháp giảng dạy các HP do Trường/Khoa đảm trách thể hiện sự đa dạng, phù hợp để đạt được CDR, được nêu rõ trong chương trình đào tạo và những đề cương chi tiết của từng HP [\[H01.01.01.08\]](#), [\[H01.01.01.09\]](#).

Đề cương chi tiết xác định rõ phương pháp giảng dạy của từng HP để NH đạt được những kiến thức, kỹ năng và mức tự chủ và trách nhiệm cá nhân. Để giúp cho NH đạt được CDR thì GV phải xác định được các yếu tố: mục tiêu của giáo dục, vai trò của GV, vai trò của NH, nội dung kiến thức cần đạt để từ đó định hướng và lựa chọn phương pháp dạy học phù hợp [\[H01.01.01.09\]](#).

Trường đã ký kết Hợp đồng thỉnh giảng tại Viện SR - KST - CT Quy Nhơn để tạo cơ hội cho HV có thêm nhiều cơ hội được thực tập thực tế [\[H4.04.02.01\]](#). Từ các hoạt động này giúp cho HV vận dụng được kiến thức chuyên môn để có thể đảm nhận công việc trong các cơ sở nghề nghiệp liên quan đến ngành thạc sĩ Khoa học Y sinh và hiểu được biết vai trò và trách nhiệm nghề nghiệp. Đặc biệt, các PPDH tích cực được sử dụng phổ biến đối các học phần, luận văn tốt nghiệp [\[H4.04.02.02\]](#).

Ngoài ra, Trường cũng linh hoạt thay đổi phương pháp giảng dạy trong tình hình mới, chẳng hạn trong tình hình dịch bệnh covid năm 2020-2021, trường mở các lớp tập huấn sử dụng phần mềm giảng dạy trực tuyến cho GV và NH, giúp GV và NH sử dụng được phương pháp giảng dạy trực tuyến kịp thời, nhằm giúp NH không bị ảnh hưởng đến tiến độ học tập [\[H4.04.02.03\]](#). Trường/khoa và GV xây dựng phương pháp giảng dạy đa dạng, phù hợp để đạt được CDR.

Hàng năm, phòng QLCL khảo sát ý kiến phản hồi từ NH về hoạt động giảng dạy của GV trong đó có khảo sát về hoạt động dạy và học, các PPGD được GV sử dụng trong môn học [\[H4.04.02.04\]](#). Kết quả khảo sát thể hiện sự hài lòng của NH về hoạt động dạy và học, các PPGD được GV Khoa Y Dược sử dụng trong CTĐT ngành thạc sĩ Khoa học Y sinh với tỷ lệ rất hài lòng hoặc hài lòng cao.

Việc sử dụng công nghệ trong hoạt động dạy học cũng luôn được trường và Bộ môn quan tâm. Trường đã xây dựng hệ thống học tập trực tuyến LMS trên nền tảng phần mềm mở MS Teams. Giảng viên của Bộ môn đã sử dụng hệ thống hỗ trợ học tập trực tuyến này để giúp cho quá trình học tập của sinh viên hiệu quả hơn góp phần đạt được chuẩn đầu ra [H4.04.02.05]. Trong giai đoạn đại dịch Covid, các giảng viên đã tận dụng hệ thống học tập trực tuyến này kết hợp cùng với phần mềm MS-Team giúp cho quá trình chuyển đổi từ học tập trực tiếp sang học tập trực tuyến được hiệu quả, đảm bảo chuẩn đầu ra của HV.

2. Điểm mạnh

- Phương pháp giảng dạy đa dạng, đáp ứng tốt, phù hợp để giúp sinh viên đạt được CDR;

- Đội ngũ GV giảng dạy thường xuyên cập nhật, trau dồi kiến thức, đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát huy tính tích cực, sáng tạo của HV;

- Các hoạt động dạy và học đã được sử dụng tích cực, góp phần nâng cao khả năng đạt được CDR CTĐT.

- Đa số HV hài lòng với các phương pháp dạy và học được sử dụng trong CTĐT

3. Điểm tồn tại

Phương pháp giảng dạy trực tuyến mới được bắt đầu áp dụng trong thời kỳ dịch Covid nên vẫn còn một số GV và HV chưa kịp thích nghi để sử dụng có hiệu quả cao với phương pháp này.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tổ chức tập huấn, hội thảo trao đổi kinh nghiệm để nâng cao chất lượng đào tạo trực tuyến giúp người học đạt được CDR của CTĐT	Tổ HCTH Phòng Đào tạo Bộ môn Vi ký sinh khoa Y Dược, Trường ĐHTN	Từ năm học 2024-2025	

2	Phát huy điểm mạnh	<ul style="list-style-type: none"> - Lập kế hoạch và tổ chức các buổi seminar về các PPDH mới tích cực - Tiếp tục đẩy mạnh các phương pháp dạy học thực hành, trải nghiệm và các phương pháp dạy học tích cực khác. 	Bộ môn Vi ký sinh khoa Y Dược Trường ĐHTN	Hàng năm	
---	--------------------	---	---	----------	--

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của NH.

1. Mô tả hiện trạng

Trong ĐC chi tiết học phần ngành thạc sĩ Khoa học y sinh có nêu rõ các PPGD của GV và phương pháp học tập của HV nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm [H1.01.01.13]. Các PPGD của GV và phương pháp học tập của NH trong ĐC học phần ngành Khoa học y sinh được GV xác định, thông qua các Bộ môn, Hội đồng KH&ĐT Khoa và Hội đồng KH&ĐT Trường [H1.01.03.08], [H1.01.03.02]. Đồng thời, trong ĐC học phần ngành thạc sĩ Khoa học y sinh nêu rõ nguồn tư liệu, sách báo, phim ảnh phục vụ hoạt động dạy và học [H4.04.03.01]. Các PPGD và các phương pháp học tập của ngành thạc sĩ Khoa học y sinh đồng thời được thể hiện trong Bản mô tả CTĐT ngành thạc sĩ Khoa học y sinh [H1.01.01.11], [H1.01.01.12].

Hoạt động tự nghiên cứu, tự học nhằm hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời cho NH được thể hiện trong tất cả ĐC học phần ngành thạc sĩ Khoa học y sinh Nhà trường và Khoa Y Dược đã ký kết Hợp đồng thỉnh giảng tại Viện SR - KST - CT Quy Nhơn [H4.04.02.01]. Có thể nói, tất cả đều là cơ hội lớn cho HV ngành thạc sĩ Khoa học y sinh được mở rộng môi trường học tập, thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của mình. Để tăng cường tính chủ động học tập của , Nhà trường cũng đã triển khai Hệ thống học tập trực tuyến [H4.04.03.02].

GV Khoa Y Dược sử dụng đa dạng, phù hợp các PPGD để đạt CDR như: thuyết giảng, nêu vấn đề, hỏi đáp, tiếp cận cá nhân, thảo luận theo cặp hoặc theo nhóm, thuyết trình cá nhân hoặc theo nhóm, thực tập, thực hành, thực tế chuyên ngành ngoài tỉnh, luận văn tốt nghiệp, học tập trực tuyến, ... [H4.04.02.01] [H4.04.02.05]. Kết quả khảo sát ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của GV thể hiện HV

ngành thạc sĩ Khoa học y sinh hài lòng về hoạt động dạy và học, các PPGD được GV Khoa Y Dược sử dụng trong CTĐT ngành thạc sĩ Khoa học y sinh nhằm hỗ trợ NH rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời.

2. Điểm mạnh

- Tất cả ĐC học phần ngành thạc sĩ Khoa học y sinh mô tả rõ việc sử dụng các phương pháp dạy và học tập phù hợp nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm cho HV.

- Tất cả ĐC học phần ngành thạc sĩ Khoa học y sinh mô tả và nhấn mạnh đến hoạt động tự nghiên cứu, tự học nhằm hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời cho HV.

- GV Khoa Y Dược sử dụng đa dạng, phù hợp các PPGD để đạt CDR của học phần và CDR của CTĐT ngành thạc sĩ Khoa học y sinh nhằm hỗ trợ HV rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời.

- Kết quả khảo sát ý kiến của HV thể hiện GV Khoa Y Dược sử dụng đa dạng các PPGD phù hợp nhằm hỗ trợ HV rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời.

3. Điểm tồn tại

Số lượng các hội nghị, hội thảo về đổi mới, cải tiến phương pháp dạy và học do Khoa Y Dược tổ chức chưa nhiều

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Khoa Y Dược tổ chức thêm nhiều hội nghị, hội thảo về đổi mới, cải tiến phương pháp dạy học.	Trường ĐHTN Khoa Y Dược	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	GV Khoa Y Dược tiếp tục sử dụng đa dạng, phù hợp các PPGD để đạt CDR của học phần và CDR của CTĐT ngành thạc sĩ Khoa	Trường ĐHTN Khoa Y Dược	Hàng năm	

		học y sinh nhằm hỗ trợ HV rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời.			
--	--	--	--	--	--

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 4:

Trường ĐHTN tuyên bố TLGD vào năm 2020 là “Phát triển toàn diện phẩm chất, năng lực NH” và phổ biến đến các bên liên quan bằng nhiều hình thức khác nhau. GV hiểu rõ về TLGD của Trường và triển khai thực hiện. Kết quả khảo sát ý kiến của GV, HV, cựu HV thể hiện mức độ hài lòng đối với TLGD của Trường. GV Khoa Y Dược xác định hoạt động dạy học, PPGD đa dạng, phù hợp để đạt được CĐR ngành Phát triển toàn diện phẩm chất, năng lực NH và thể hiện trong ĐC học phần. GV Khoa Y Dược tích cực hướng dẫn HV sử dụng các hoạt động học tập phù hợp từ đó giúp HV chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức nhằm đạt được CĐR. GV, HV Khoa Y Dược hài lòng với các hoạt động dạy và học, các phương pháp dạy và học được sử dụng trong CTĐT ngành Thạc sĩ Khoa học y sinh. Tất cả ĐC học phần ngành Thạc sĩ Khoa học y sinh mô tả rõ việc sử dụng các PPGD và học tập phù hợp nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm cho HV; mô tả và nhấn mạnh đến hoạt động tự nghiên cứu, tự học nhằm hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời cho HV. GV Khoa Y Dược sử dụng đa dạng, phù hợp các PPGD để đạt CĐR của học phần và CĐR của CTĐT ngành Thạc sĩ Khoa học y sinh nhằm hỗ trợ HV rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời. Kết quả khảo sát ý kiến của HV thể hiện GV Khoa Y Dược sử dụng đa dạng các PPGD phù hợp nhằm hỗ trợ HV rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời.

Tuy nhiên, Triết lý giáo dục của trường mặc dù được phổ biến rộng rãi trên website tuy nhiên việc lan tỏa triết lý giáo dục của trường đến một số bên liên quan còn nhiều khó khăn, một số bên liên quan chưa thật sự hiểu sâu sắc và thấu đáo về triết lý giáo dục của trường. Nhà trường và Khoa Y Dược chưa khảo sát mức độ hài lòng và hiểu biết của GV, HV, cựu HV và các nhà tuyển dụng về TLGD của Trường. Phương pháp giảng dạy trực tuyến mới được bắt đầu áp dụng trong thời kỳ dịch Covid nên vẫn còn một số GV và HV chưa kịp thích nghi để sử dụng có hiệu quả cao với phương

pháp này. Số lượng các hội nghị, hội thảo về đổi mới, cải tiến phương pháp dạy và học do Khoa Y Dược tổ chức chưa nhiều.

Tự đánh giá theo 3 tiêu chí của tiêu chuẩn này, CTĐT ngành ThS KHYS đạt yêu cầu 3/3 tiêu chí trong đó 3 tiêu chí đạt 5/7 điểm.

Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học

Mở đầu: Đánh giá KQHT của người học là một trong những yếu tố quan trọng nhất trong ĐT. Kết quả đánh giá sẽ ảnh hưởng đến việc học tập và nghiên cứu của người học sau này, đồng thời cung cấp cho Trường, phòng KH&QHQT và ĐT các thông tin có giá trị về hiệu quả giảng dạy và các dịch vụ hỗ trợ người học. Việc đánh giá KQHT người học được thiết kế để đo lường mức độ đạt được của CĐR, bao trùm được cả kiến thức và kỹ năng chung cũng như chuyên ngành Các quy định về đánh giá KQHT của người học theo CTĐT đều được thông báo công khai tới người học qua nhiều kênh để đảm bảo tất cả người học đều hiểu rõ Phương pháp đánh giá KQHT đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng đồng thời được ghi chép lại để đánh giá, phát triển và thử nghiệm các phương pháp mới. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập và nghiên cứu của mình, đồng thời tạo điều kiện cho người học tiếp cận dễ dàng với qui trình khiếu nại về kết quả học tập.

Tiêu chí 5.1. Việc đánh giá kết quả học tập của NH được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CĐR

1. Mô tả hiện trạng

Với mục tiêu đảm bảo đạt CĐR cho người học, Trường đã xây dựng hệ thống đánh giá KQHT của người học từ giai đoạn tuyển sinh đến khi bảo vệ luận văn. Theo đó, từ giai đoạn tuyển sinh, Trường đã tiến hành phân hoá thí sinh dựa theo đối tượng tuyển sinh phù hợp với chuyên ngành đào tạo, ưu tiên những đối tượng tốt nghiệp ĐH ngành đúng, ngành phù hợp được dự thi. Đối với những đối tượng tốt nghiệp khác chuyên ngành dự thi thì phải học bổ sung kiến thức nhằm đảm bảo có nền tảng kiến thức nhất định khi theo học chính thức, việc tổ chức lớp bổ sung kiến thức được tổ chức như đối với lớp học chính thức [H1.01.01.06], [H1.01.02.03]. Việc tổ chức thi tuyển sinh luôn được thực hiện theo đúng quy chế của Bộ GD&ĐT và quy định của Trường, đảm bảo công bằng, khách quan, và bảo mật nhằm tuyển chọn được những thí sinh thật sự muốn tham gia và có năng lực học tập [H1.01.02.03], [H1.01.01.06]. Để đáp ứng tiêu chuẩn về CĐR kiến thức, trong thời gian học chính thức, các học phần

đều được đánh giá bởi 02 loại điểm, điểm quá trình (bộ phận) (chiếm 30 %) và điểm thi kết thúc học phần (chiếm 70 %). Lịch thi được xây dựng phù hợp với hình thức đào tạo và đặc điểm của người học, thi học phần khi học xong tất cả các học phần, lịch thi được công bố trước khi thi ít nhất 02 tuần. Việc tổ chức đánh giá học tập được quy định rõ trong quy định đào tạo thạc sĩ của Trường [H1.01.01.09], [H2.02.01.01], [H5.05.01.01], [H5.05.01.02]. Nếu không đồng ý với kết quả thi, người học được quyền phúc khảo. Để đánh giá việc đáp ứng CDR của CTĐT, phương pháp đánh giá được sử dụng nhiều dạng: tự luận được sử dụng tài liệu, tự luận không được sử dụng tài liệu, trắc nghiệm, làm tiểu luận, thuyết trình tùy theo từng học phần. Những học phần lý thuyết thì thường sử dụng kiểm tra dạng thuyết trình, tiểu luận để đánh giá kiến thức, kỹ năng nghiên cứu, tổng hợp. Những học phần gắn liền thực tiễn, thực hành thường được kiểm tra dạng bài tập xử lý tình huống, bảng kiểm quy trình các loại xét nghiệm theo từng học phần, ... Thực hiện luận văn nhằm giúp người học rèn luyện kỹ năng tự nghiên cứu, tự học tập, tự chủ và có trách nhiệm. Để chuẩn bị cho việc thực hiện luận văn, người học luôn được thông báo kế hoạch thực hiện, được trưởng bộ môn chuyên ngành triển khai các nội dung liên quan, quy trình xét duyệt đề tài, phân công GVHD, quy trình bảo vệ luận văn, quy định về bảo vệ luận văn [H5.05.01.03]. Ngoài ra, người học còn được cung cấp đầy đủ thông tin về điều kiện tốt nghiệp, quy trình xét tốt nghiệp cũng như kế hoạch tổ chức bế giảng, cấp bằng tốt nghiệp.

2. Điểm mạnh

Có quy trình thiết kế và kiểm soát việc đánh giá KQHT từ khâu tuyển sinh đến xét tốt nghiệp để đảm bảo đạt CDR. Có rubric chấm điểm tương ứng cho từng kiểu học phần.

3. Điểm tồn tại

Cần đa dạng hóa các hình thức đánh giá, khâu tổ chức cần tạo thuận lợi và linh hoạt cho HV trong tình hình mới.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục	Khoa/Trường có quy trình	Trường	Từ năm học	

	điểm tồn tại	cụ thể hướng dẫn GV thực hiện đổi hình thức đánh giá so với hình thức công bố trong đề cương học phần, nhằm thích ứng với tình hình hiện nay	ĐHTN Khoa Y Dược	2024-2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Thực hiện đúng quy trình đánh giá đạt chuẩn đầu ra cho học viên.	Khoa Y Dược Bộ môn Vi Ký sinh	Từ năm học 2024-2025	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 5.2. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của NH (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới NH

1. Mô tả hiện trạng

Để giúp người học hiểu và chủ động trong việc đánh giá KQHT, tất cả các quy định về đánh giá KQHT của người học được thông báo công khai trên trang thông tin điện tử của Trường, phòng KH&QHQT và ĐT, bao gồm: Quy định đào tạo, CTĐT, CTDH và đề cương học phần [\[H5.05.02.01\]](#), [\[H1.01.01.06\]](#), [\[H1.01.01.09\]](#), [\[H1.01.03.10\]](#), [\[H1.01.03.11\]](#). Trường ban hành quy định về thi, chấm thi kết thúc học phần trong đó quy định về các nội dung liên quan nhằm giúp học viên có đầy đủ thông tin cần thiết. Trước kỳ thi ít nhất 02 tuần, lịch thi được công bố trên cổng thông tin điện tử cho học viên biết để chuẩn bị. Ngoài ra, trưởng bộ môn chuyên ngành còn trực tiếp sinh hoạt với người học vào đầu mỗi khoá/năm học để trao đổi trực tiếp và giải đáp những thắc mắc nhằm đảm bảo tất cả người học đều hiểu rõ các quy định về đánh giá KQHT. Các quy định về đánh giá KQHT được quy định cụ thể về thời gian đánh giá, phương pháp đánh giá, tiêu chí đánh giá, trọng số các bài kiểm tra cũng như cơ chế khiếu nại, phản hồi của người học [\[H1.01.02.03\]](#). Trong buổi học đầu tiên, GV thông báo công khai phương pháp kiểm tra, đánh giá theo qui định thi kết thúc học phần và cách tính điểm các hệ, bậc đào tạo theo tín chỉ của trường rất rõ ràng như sau: (1) đối với điểm quá trình phải có ít nhất 03 điểm đánh giá, GV có thể sử dụng nhiều hình thức đánh giá quá trình khác nhau; (2) Đối với điểm thi kết thúc học phần bắt

buộc có trọng số 70 %. Việc lựa chọn các hình thức đánh giá quá trình (điểm bộ phận) và trọng số của điểm đánh giá quá trình, điểm thi kết thúc học phần do khoa/bộ môn đề xuất, được hiệu trưởng phê duyệt trong đề cương chi tiết học phần [\[H1.01.02.03\]](#), [\[H5.05.02.02\]](#), [\[H5.05.02.03\]](#). Điểm thi được công bố chậm nhất hai tuần sau khi môn thi kết thúc. Ngoài điểm thi kết thúc học phần, luận văn thạc sĩ là hình thức đặc biệt để đánh giá HV cao học. Hiện nay phòng KH&QHQT và ĐT có quy trình rõ ràng trong việc thực hiện luận văn thạc sĩ và được công khai đến từng HV thông qua các thông báo được trường bộ môn chuyên ngành phổ biến hoặc được đăng trên cổng thông tin điện tử... [\[H1.01.03.08\]](#), [\[H1.01.03.09\]](#), [\[H5.05.02.04\]](#), [\[H5.05.02.05\]](#), [\[H5.05.02.06\]](#).

2. Điểm mạnh

Quy định về đánh giá kết quả học tập đầy đủ rõ ràng và đảm bảo HV nắm rõ cơ chế, quy định về đánh giá kết quả học tập.

3. Điểm tồn tại

Hiện tại các kênh thông tin truyền tải đến HV về các quy định đánh giá kết quả học tập của người học phát huy hiệu quả.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Khoa tiếp tục duy trì và đi vào ổn định các kênh thông tin hiện tại	Trường ĐHTN Khoa Y Dược Bộ môn VKS	Từ năm học 2024-2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Tích cực phổ biến Quy định về đánh giá kết quả học tập đến HV	Trường ĐHTN Khoa Y Dược Bộ môn VKS	Từ năm học 2024-2025	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 6/7

Tiêu chí 5.3. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng

1. Mô tả hiện trạng

Với mục tiêu giúp người học nhận thức đúng đắn về kết quả học tập của bản thân, cũng như tạo điều kiện tối đa cho người học phát huy kỹ năng và kiến thức, phương pháp đánh giá KQHT được xây dựng đa dạng, đảm bảo có giá trị, công bằng và đáng tin cậy. Các phương pháp đánh giá được thực hiện theo từng học phần, tùy thuộc nội hàm của học phần là lý thuyết thuần túy hay có ứng dụng thực tế [H1.01.01.06], [H1.01.01.09], [H2.02.01.01], [H1.01.03.10], [H1.01.03.11]. Khi đó, phương pháp đánh giá được lựa chọn có thể là thuyết trình đề tài theo nhóm, thực hiện tiểu luận nhóm hoặc cá nhân đề tài áp dụng giải quyết vấn đề thực tế, vấn đáp, hoặc làm bài thi viết, trắc nghiệm.... Ngoài ra, các bảng tiêu chí đánh giá và thang điểm tương thích với từng loại học phần và phương pháp đánh giá được sử dụng cũng góp phần đảm bảo tính tin cậy và công bằng trong đánh giá KQHT [H5.05.03.01], [H5.05.02.03], [H5.05.02.01]. Để đảm bảo sự công bằng và độ tin cậy trong đánh giá KQHT, công tác tổ chức thi luôn đảm bảo tính nghiêm túc, khách quan, đúng quy định [H5.05.03.02], [H5.05.03.03], [H5.05.03.04], [H5.05.03.05]. Đề thi hiện nay được GV giảng dạy ra đề. Mỗi đề thi đều có đáp án tương ứng với số điểm chi tiết được bộ môn phê duyệt để đảm bảo tính hiệu lực đánh giá trước khi chuyển về phòng QLCL in ấn, nhân bản và đóng gói [H5.05.03.06], [H5.05.03.07], [H5.05.03.08]. Đồng thời GV phải chấm thi theo hướng dẫn cụ thể trong qui định về thi kết thúc học phần của Trường. Để đánh giá KQHT được chính xác, Trường ban hành quy định về xây dựng đề thi, qui trình xây dựng đề thi nhằm đảm bảo đánh giá đúng kiến thức người học với phương pháp phù hợp và cũng để bảo mật đảm bảo công bằng cho người học, sau mỗi kỳ thi, đề thi lại được xem xét độ khó, độ phân cách để rút kinh nghiệm cho các đợt thi sau [H5.05.03.09], [H5.05.03.10], [H5.05.03.11].

2. Điểm mạnh

Các phương pháp đánh giá và việc sử dụng bảng tiêu chí và thang điểm hiện nay đảm bảo đánh giá đúng KQHT của người học, giúp người học tự nhìn nhận về quá trình học tập của bản thân.

3. Điểm tồn tại

Chưa triển khai xây dựng ngân hàng đề thi các học phần.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Khoa xây dựng kế hoạch 100 % môn học do GV cơ hữu hiện tại phụ trách có ngân hàng đề thi trong năm học 2020-2021, và 100 % môn học trong CTĐT có ngân hàng đề thi chung trong năm học tiếp theo	Khoa Y Dược	Từ năm học 2024-2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Áp dụng hiệu quả các Các phương pháp đánh giá, sử dụng bảng tiêu chí và thang điểm đối với HV	Khoa Y Dược Bộ môn VKS	Từ năm học 2024-2025	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 5.4: Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để NH cải thiện việc học tập

1. Mô tả hiện trạng

Nhằm tạo điều kiện cho người học nhanh chóng biết được kết quả đánh giá KQHT để có kế hoạch điều chỉnh học tập của bản thân, Trường có quy định về thời gian GV chấm bài, đồng thời công bố kết quả đánh giá, thời gian phản hồi khiếu nại của người học về kết quả đánh giá [\[H5.05.03.05\]](#), [\[H5.05.03.08\]](#), [\[H5.05.04.01\]](#), [\[H5.05.04.02\]](#), [\[H5.05.03.03\]](#). Để người học đánh giá đúng KQHT qua việc thực hiện bài đánh giá, Trường công bố công khai thang điểm, đáp án, cũng như cách thức chấm điểm, từ đó, giúp người học tự biết phần học nào yếu, phần học nào tốt và cần điều chỉnh việc học tập như thế nào [\[H5.05.04.03\]](#), [\[H5.05.04.04\]](#). Có thể nói, ...[?] % người học hài lòng về thời gian thông báo kết quả học tập vì thông tin được cung cấp nhanh chóng kịp thời theo đúng thời gian quy định qua nhiều kênh như trang thông tin điện tử của Trường, phòng KH&QHQT và ĐT và người học có thể tra cứu trực tiếp

trên phần mềm quản lý đào tạo qua tài khoản sử dụng cá nhân được Trường cung cấp [H5.05.04.03], [H5.05.04.04]. Kết quả khảo sát cuối mỗi học phần cho thấy người học hài lòng với phương pháp đánh giá (100 %) vì rất ít khi có sự thắc mắc hay khiếu nại của người học, thường chỉ có một vài người học đề nghị phúc khảo kết quả đánh giá nhưng cũng không thường xuyên, tỷ lệ luôn chỉ chiếm dưới 1% [H1.01.01.07]. Tầm quan trọng của phản hồi kết quả thi-kiểm tra quá trình cho HV: đối với kết quả thi-kiểm tra quá trình (lý thuyết/Thực hành), khi nhận được các phản hồi, các nhận xét của giảng viên về bài làm kịp thời, đúng hạn thì HV sẽ có đủ thời gian khắc phục, điều chỉnh việc học của mình để có thể vừa bổ sung, nâng cao kiến thức vừa cải thiện kết quả thi cuối kỳ tốt hơn, giúp HV định hướng học tập, nắm được điểm mạnh và yếu của bản thân, cũng như có các kế hoạch cải thiện học tập ngay trong chính học phần đó. Khoa bổ sung đoạn mô tả qui trình cải thiện việc học tập của HV.

2. Điểm mạnh

Đảm bảo thông báo kết quả đánh giá học tập kịp thời và dễ tra cứu, tạo điều kiện cho người học thắc mắc khiếu nại (nếu có).

3. Điểm tồn tại

HVCH không/ít quan tâm đến việc đăng kí học và thi cải thiện điểm của các học phần có điểm số thấp.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Khuyến khích học viên đăng kí học và thi cải thiện điểm của các học phần có điểm số thấp.	Trường ĐHTN Khoa Y Dược	Từ năm học 2024-2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Khuyến khích GV phản hồi KQHT thông qua các bài kiểm tra thi đánh giá quá trình kịp thời đến người học.	Trường ĐHTN Khoa Y Dược	Từ năm học 2024-2025	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 5.5. NH tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập

1. Mô tả hiện trạng

Quy trình khiếu nại về KQHT của người học được quy định trong Quy chế đào tạo thạc sĩ, được phổ biến trên website Trường, cổng thông tin người học [H1.01.03.10], [H1.01.03.11], [H5.05.02.01], [H5.05.02.03], [H5.05.04.03]. Trong quá trình học tập, người học được quyền phúc tra khiếu nại KQHT, cụ thể: đối với điểm quá trình, HV khiếu nại trực tiếp với GV trực tiếp giảng dạy học phần đó khi công bố điểm trên lớp; đối với điểm thi kết thúc học phần, người học nếu thấy điểm trên cổng thông tin điện tử không chính xác thì HV làm đơn gửi đến phòng KH&QHQT và ĐT đề nghị xem xét lại [H5.05.05.01], [H5.05.05.02]. Phòng KH&QHQT và ĐT phối hợp với Khoa để giải quyết cho HV theo quy định [H5.05.05.01]. Hằng năm, phòng KH&QHQT và ĐT luôn thống kê lại số lượng khiếu nại KQHT từ HV từ đó rút kinh nghiệm và cải tiến công tác đánh giá đối với người học. Kết quả ghi nhận lại cho thấy các trường hợp khiếu nại không quá 1% số HV và luôn được giải quyết kịp thời, thỏa đáng [H5.05.05.02].

2. Điểm mạnh

Đảm bảo quyền được khiếu nại và phúc khảo của người học với qui trình thực hiện rõ ràng và và luôn được giải quyết kịp thời, thỏa đáng.

3. Điểm tồn tại

Chưa có kênh đánh giá sự hài lòng của người học về việc tiếp cận quy trình khiếu nại.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tiến hành khảo sát định kỳ nhằm đánh giá việc tiếp cận qui trình khiếu nại của người học	Phòng QLCL Khoa Y Dược	Từ năm học 2024-2025	

2	Phát huy điểm mạnh	Phòng KH&QHQT và ĐT tăng cường các kênh thông báo các qui định qui trình đến người học	Phòng KH&QHQT Phòng ĐT Khoa Y Dược	Từ năm học 2024-2025	
---	--------------------	--	--	----------------------	--

5. *Tự đánh giá:* Mức đạt được của tiêu chí: 4/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 5:

Trường đã xây dựng và công khai các qui định về đánh giá KQHT và đảm bảo tất cả người học đều được tiếp cận với cách thức dễ dàng nhất và hiểu rõ ràng. Phương pháp đánh giá được xác định khoa học, đảm bảo đánh giá được năng lực và kỹ năng của người học. Ngoài ra, việc thông báo kết quả đánh giá học tập cũng được thông báo nhanh chóng qua nhiều kênh, giúp người học biết để điều chỉnh kế hoạch và phương pháp học tập của bản thân. Quyền khiếu nại của HV cũng được đáp ứng qua những qui định qui trình về tiếp nhận và xử lý khiếu nại. Tuy nhiên, hạn chế là chưa đánh giá được mức độ điều chỉnh hoặc cải thiện công tác học tập của người học sau khi đánh giá KQHT.

Tự đánh giá theo 5 tiêu chí của tiêu chuẩn này, CTĐT ngành ThS KHYS đạt yêu cầu 5/5 tiêu chí trong đó 1 tiêu chí đạt 4/5 điểm, 3 tiêu chí đạt 5/5 điểm, 1 tiêu chí đạt 6/5 điểm.

Tiêu chuẩn 6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Mở đầu:

Đội ngũ GV, NCV là lực lượng nòng cốt trong hoạt động đào tạo của Khoa Y Dược nói chung và ngành Khoa học Y sinh nói riêng. Phát triển đội ngũ GV, NCV là nhiệm vụ quan trọng nhằm nâng cao chất lượng đào tạo của CTĐT ngành KHYS, phù hợp với chiến lược phát triển của Khoa Y Dược và Trường Đại học Tây Nguyên. Trong định hướng phát triển, Nhà trường luôn chú trọng phát triển đội ngũ GV bảo đảm về số lượng và trình độ chuyên môn để thực hiện tốt hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Nhà Trường và Khoa Y Dược luôn quan tâm phát triển đội ngũ GV từ khâu quy hoạch, tuyển dụng, bổ nhiệm, đào tạo và BD, khen thưởng tạo động lực. Đặc biệt, trong định hướng chung, Bộ môn Vi ký sinh, gồm các GV phụ trách chính trong CTĐT ngành KHYS, luôn chú trọng đến công tác phát triển đội ngũ GV, NCV thông qua việc tham gia các khóa tập huấn, đào tạo và BD nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Bên cạnh đó, Nhà trường tạo động lực phát triển nguồn nhân

lực GV, NCV thông qua quản trị theo kết quả công việc của GV đi kèm các chế độ chính sách, khen thưởng đối với đội ngũ GV được bảo đảm. Công tác quy hoạch, bổ nhiệm GV được thực hiện công khai, minh bạch. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của GV và NCV được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

Tiêu chí 6.1. Việc quy hoạch đội ngũ GV, NCV (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả hiện trạng

Việc quy hoạch đội ngũ GV, NCV được triển khai thực hiện trong toàn trường ở nhiều khía cạnh khác nhau nhằm đáp ứng nhu cầu ĐT, NCKH và PVCĐ. Nhà trường định kỳ hằng năm thực hiện báo cáo biên chế công chức, số lượng người làm việc trong năm theo danh mục vị trí việc làm, số lượng người làm việc của Trường và cơ cấu theo chức danh nghề nghiệp hạng I, II, III, IV để trình Bộ GDĐT phê duyệt chỉ tiêu biên chế hằng năm [H6.06.01.01], [H6.06.01.02]. Căn cứ phê duyệt chỉ tiêu biên chế của Bộ GDĐT, BGH Nhà trường trình Hội đồng Trường phê duyệt và ban hành danh mục vị trí việc làm, thông báo đến các đơn vị thuộc Trường rà soát, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ hằng năm của CBVC và xây dựng kế hoạch nhân lực trong năm của đơn vị, trong đó có Khoa Y Dược [H6.06.01.03], [H6.06.01.04], [H6.06.01.05], [H6.06.01.06], [H6.06.01.07]. Do đó, Khoa Y Dược đảm bảo đội ngũ GV, NCV phù hợp với nhu cầu ĐT, NCKH và PVCĐ của ngành KHYS. Tính đến tháng 6 năm 2024, Khoa Y dược có 74 GV cơ hữu, trong đó đội ngũ giảng dạy ngành KHYS có 3 PGS, 6 TS. Ngoài ra, ĐNGV thỉnh giảng gồm có 19 GV, gồm: 1 giáo sư (GS), 7 PGS, 11 TS.

Bảng 6.1.1. Thống kê số lượng giảng viên ngành KHYS giai đoạn 2019-2024

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	Giảng viên cơ hữu (GV)			GV thỉnh giảng trong nước
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng thỉnh giảng	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Giáo sư, Viện sĩ	1	0	1	0	1
2	Phó Giáo sư	10	3	7	1	10

3	Tiến sĩ	17	6	11	3	17
	Tổng số	28	9	19	4	

Bên cạnh đó, trong Kế hoạch chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2011-2020, Quy hoạch phát triển Trường giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn 2030 và Kế hoạch chiến lược phát triển Trường ĐHTN giai đoạn 2020-2027, tầm nhìn 2035 đã đánh giá thực trạng về ĐT, NCKH, chuyển giao công nghệ, quan hệ quốc tế, ... từ đó phân tích bối cảnh KT-XH, nhu cầu đào tạo để đưa ra các giải pháp, kế hoạch và chỉ tiêu phát triển đội ngũ bảo đảm về số lượng, chất lượng và hợp lý về cơ cấu, trong đó chú trọng đội ngũ GV đạt chuẩn chức danh theo quy định [H4.04.01.02], [H6.06.01.08]. Để đạt được các tiêu chí và chỉ tiêu phát triển nguồn nhân lực theo Kế hoạch chiến lược, Nhà trường ban hành Quy hoạch đào tạo, BD CBVC theo từng giai đoạn 2019-2023 và mới nhất quy hoạch đào tạo, BD CBVC giai đoạn 2024-2028 [H6.06.01.09]. Theo quy hoạch, CBVC được cử đi đào tạo hằng năm đúng tiến độ và được hưởng các chính sách theo quy định của Nhà trường [H6.06.01.10]. Đặc biệt, đối với khối ngành đào tạo sức khỏe nói chung và ngành KHYS nói riêng, Nhà trường có chính sách thu hút nhân lực đối với GV, NCV tuyển dụng mới với các mức hỗ trợ kinh phí từ 50-500 triệu đồng quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường. Để triển khai hoạt động ĐT, BD, phát triển đội ngũ, Nhà trường xây dựng dự toán ngân sách và cơ cấu thu chi hằng năm dành kinh phí chi cho hoạt động ĐT, BD, phát triển đội ngũ GV, NCV, từ đó quyết định về chỉ tiêu tuyển dụng nhân sự hằng năm [H6.06.01.11], [H6.06.01.12], [H6.06.01.13]. Phòng TCCB là đơn vị quản lý thông tin về cơ cấu độ tuổi, giới tính, trình độ chuyên môn GV của toàn trường và quản lý thông tin đội ngũ GV, NCV của ngành KHYS [H6.06.01.14].

Công tác quy hoạch các chức danh lãnh đạo Trường, CBQL thuộc Trường được thực hiện từ cấp bộ môn, đơn vị đến cấp Trường với mục đích tạo nguồn nhân lực CB có năng lực quản lý tốt và chú trọng phát huy năng lực đội ngũ CB trẻ. Nhà trường thường xuyên triển khai rà soát, bổ sung quy hoạch đúng quy trình, bảo đảm công khai, minh bạch, dân chủ của tất cả công chức, viên chức, bảo đảm quy hoạch những người có đủ tiêu chuẩn, năng lực và trình độ vào các vị trí quản lý [H6.06.01.15]. Công tác bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm chức vụ, từ chức, miễn nhiệm viên chức giữ chức vụ quản lý trực

thuộc Trường được thực hiện theo quy định của Bộ GDĐT và của Nhà trường [H6.06.01.16].

Để có nguồn nhân lực trình độ cao giàu kinh nghiệm, Trường cũng ban hành quy định về nghỉ hưu ở tuổi cao hơn đối với giảng viên cao cấp, giảng viên có học hàm phó giáo sư, giáo sư; ngoài ra, Trường còn quy định về hợp đồng chuyên môn đối với giảng viên đến tuổi nghỉ hưu nhưng còn sức khỏe công tác, có trình độ chuyên môn cao tiếp tục tham gia giảng dạy và NCKH tại Trường [H6.06.01.16]. Việc phát triển đội ngũ GV, NCV không chỉ giúp Trường, Khoa Y Dược nâng cao hiệu quả công tác ĐT và NCKH mà còn làm mạnh thêm công tác PVCĐ như tham gia giảng dạy lâm sàng và khám chữa bệnh tại các bệnh viện thực hành, khám chữa bệnh từ thiện, chia sẻ thông tin về chuyên môn trên các phương tiện truyền thông, trong các hội nghị, hội thảo trong và ngoài nước, đặc biệt một số giảng viên được bổ nhiệm kiêm nhiệm giữ chức vụ quản lý tại các bệnh viện thực hành [H6.06.01.17].

2. Điểm mạnh

- Kế hoạch quy hoạch và phát triển đội ngũ GV, NCV phù hợp với chiến lược phát triển giáo dục và chiến lược phát triển của Nhà trường theo từng giai đoạn và được Nhà trường ban hành trong Kế hoạch chiến lược phát triển giai đoạn 2011-2020, Quy hoạch phát triển Trường giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn 2030 và Kế hoạch xây dựng chiến lược phát triển Trường ĐHTN giai đoạn 2019-2027, tầm nhìn 2035.

- Công tác quy hoạch đào tạo, BD CBVC theo các giai đoạn, luôn được rà soát, điều chỉnh, bổ sung. Đặc biệt, Nhà trường có chính sách thu hút nhân lực đối với viên chức của Khoa Y Dược với các mức kinh phí từ 50-500 triệu đồng.

- Nhà trường thường xuyên triển khai rà soát, bổ sung quy hoạch đúng quy trình, bảo đảm tính công khai, minh bạch, dân chủ của tất cả công chức, viên chức, bảo đảm quy hoạch những người có đủ tiêu chuẩn, năng lực và trình độ vào các vị trí quản lý.

- Công tác bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm chức vụ, từ chức, miễn nhiệm viên chức giữ chức vụ quản lý trực thuộc Trường được thực hiện theo quy định của Bộ GDĐT và của Nhà trường.

3. Điểm tồn tại

Do đặc thù một số chuyên ngành không có hoặc có rất ít các khóa học sau đại học ở trong nước, nên việc phát triển đội ngũ GV Khoa Y Dược còn gặp nhiều khó

khăn. Việc phát triển học tập nâng cao chuyên môn ở nước ngoài của Khoa Y Dược vẫn còn hạn chế về số lượng.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Nhà trường và Khoa Y Dược tạo điều kiện thuận lợi cho GV nâng cao năng lực ngoại ngữ để có thể tìm kiếm và tham gia các khóa học tại nước ngoài	Trường ĐHTN Khoa Y Dược	Hằng năm	
		Khoa Y Dược xây dựng và hoàn thiện đề án phát triển nguồn nhân lực trong đó có nhiều chính sách hỗ trợ GV, NCV học tập nâng cao chuyên môn trong và ngoài nước.	Trường ĐHTN, Khoa Y Dược	Từ năm học 2024-2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Nhà trường và Khoa Y Dược tiếp tục chú trọng quy hoạch và BD đội ngũ CBVC.	Trường ĐHTN, Khoa Y Dược	Hằng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 6.2. Tỷ lệ GV/NH và khối lượng công việc của đội ngũ GV, NCV được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả hiện trạng

Trong chu kỳ đánh giá, số lượng GV toàn trường là: 655 người, trong đó có: 01 GS, 17 PGS, 91 TS, 305 ThS và số lượng SV toàn trường là: 7.920 người [H6.06.01.03]. Tỷ lệ SV/GV của Trường là: 16,71 và đáp ứng yêu cầu theo quy định hiện hành [H6.06.01.03], [H6.06.01.05]. Tính đến tháng 6 năm 2024, Khoa Y dược có

74 GV cơ hữu, trong đó đội ngũ giảng dạy ngành KHYS có 3 PGS, 6 TS. Ngoài ra, ĐNGV thỉnh giảng gồm có 19 GV, gồm: 1 giáo sư (GS), 7 PGS, 11 TS [H6.06.01.04]. Việc thực hiện các hoạt động đào tạo của ngành KHYS, CTĐT còn sử dụng nguồn GV chung của Trường và mời thỉnh giảng GV có uy tín từ nhiều bệnh viện, trường đại học, viện nghiên cứu, các tổ chức y tế trong nước. Hồ sơ năng lực của GV và các văn bản, chứng chỉ luôn được cập nhật và lưu trữ để đảm bảo GV đáp ứng đủ điều kiện giảng dạy theo quy định [H6.06.02.01], [H6.06.02.02]. Các giảng viên đáp ứng đủ yêu cầu và có uy tín trong cộng đồng KHYS nhằm làm đa dạng hóa và mở rộng quan hệ trong việc trao đổi học thuật. Tỷ lệ SV/GV của CTĐT ngành KHYS là: 4/7, vượt mức yêu cầu theo quy định hiện hành [H6.06.01.01], [H6.06.02.03].

Nhà trường triển khai kế hoạch xây dựng Đề án vị trí việc làm, trong đó yêu cầu các đơn vị thống kê công việc theo chức năng, nhiệm vụ quyền hạn; phân nhóm công việc (lãnh đạo, quản lý, điều hành; hoạt động nghề nghiệp; hỗ trợ, phục vụ); xây dựng bản mô tả công việc, khung năng lực của từng vị trí việc làm, ... Khoa Y Dược xây dựng bản mô tả công việc và mô tả khối lượng công việc, năng lực của từng vị trí công việc và của GV. Trên cơ sở đó, Nhà trường xây dựng Đề án vị trí việc làm của Trường và trình Bộ GDĐT phê duyệt. Năm 2019, Nhà trường xây dựng danh mục vị trí việc làm, mô tả chuẩn chức danh từng vị trí, trình Hội đồng Trường phê duyệt và Hiệu trưởng ký ban hành [H6.06.01.05].

Khối lượng công việc tiêu chuẩn của đội ngũ GV được thực hiện căn cứ các văn bản quy định của Bộ GDĐT tại Thông tư số 47/2014/TT- BGDDĐT và Thông tư 20/2020/TT-BGDĐT quy định số giờ chuẩn giảng dạy của GV, Nhà trường ban hành Quy định về thời gian làm việc định mức giờ dạy đối với GV, trong đó quy định cụ thể về việc GV thực hiện giờ nghỉ vụ theo từng chức danh: GV hạng I là 350 tiết chuẩn/năm, GV hạng II là 310 tiết chuẩn/năm, GV hạng III là 280 tiết chuẩn/năm, trợ giảng là 140 tiết chuẩn/năm và thực hiện giờ NCKH; giờ miễn giảm do làm công tác quản lý, công tác kiêm nhiệm, chi tiết được trình bày trong Bảng 6.2. Các quy định về định mức giờ dạy đối với GV được ban hành trong Nghị quyết của trường ĐHTN và đăng tải trên trang thông tin điện tử của Nhà trường [H6.06.02.04], [H1.01.03.10].

Bảng 6.2.1. Quy định khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên

Chức danh	Giờ chuẩn giảng dạy	Giờ chuẩn NCKH	Nhiệm vụ khác	Tổng số
Giảng viên hạng I	350	160	20	530
Giảng viên hạng II	310	140	80	530
Giảng viên hạng III	280	120	140	530
Giảng viên hợp đồng lao động lần đầu	140	80	310	530

Khối lượng công việc của GV trong CTĐT ngành KHYS thông qua hoạt động giảng dạy, NCKH và các hoạt động PVCĐ của GV đã thực hiện trong năm học và quy đổi theo Quy định về định mức giờ dạy đối với GV do Nhà trường ban hành để làm cơ sở đánh giá GV và xếp loại viên chức định kỳ hàng quý, năm học [H6.06.02.05], [H6.06.02.06], [H6.06.02.07]. Sau mỗi năm học, phòng Đào tạo sẽ thống kê toàn bộ khối lượng giảng dạy quy đổi của giảng viên, Phòng KH&HTQT cũng tiến hành thống kê giờ NCKH theo quy định, tiến hành đối sánh loại hình và số lượng các hoạt động NCKH của GV, NV để thanh toán tiền dạy vượt giờ, đồng thời phân tích và xây dựng định hướng phát triển phù hợp [H6.06.02.08], [H6.06.02.09]. Tất cả công việc đều được quản lý trên phần mềm riêng của Nhà trường và thanh toán theo quy chế chi tiêu nội bộ để đánh giá khối lượng thực hiện công việc rõ ràng, minh bạch, nhằm nâng cao chất lượng ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường và của Khoa Y Dược [H6.06.02.10], [H6.06.02.11].

2. Điểm mạnh

- Tỷ lệ GV/NH của CTĐT ngành KHYS đáp ứng yêu cầu theo quy định hiện hành.
- Việc quy đổi khối lượng công việc của đội ngũ GV, NCV theo giờ chuẩn được hướng dẫn chi tiết và được triển khai thực hiện.
- Nhà trường và Khoa Y Dược xây dựng cơ sở dữ liệu thông tin đội ngũ GV, lưu trữ hồ sơ năng lực của GV và các văn bằng, chứng chỉ để đảm bảo GV đáp ứng đủ điều kiện giảng dạy theo quy định và giám sát khối lượng công việc hằng năm của GV.
- Hằng năm, dựa trên cơ sở khối lượng công việc của đội ngũ GV để cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ.

3. Điểm tồn tại

Đội ngũ GV, NCV tập trung cho công tác giảng dạy nên chưa tích cực tham gia hoạt động NCKH và một số hoạt động PVCĐ của GV, NCV còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	- Khuyến khích GV, NCV tham gia công tác NCKH, PVCĐ. - Khoa Y Dược phối hợp với Phòng KH&HTQT hỗ trợ GV, NCV trong các thủ tục hành chính.	Khoa Y Dược, Phòng KH&HTQT, Công đoàn	Từ năm học 2024 - 2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Duy trì việc đánh giá khối lượng công việc của GV và áp dụng các biện pháp để cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ.	Trường ĐHTN, Khoa Y Dược	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 6.3. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV, NCV (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường căn cứ theo văn bản pháp luật hiện hành, ban hành quy định về quy trình tuyển dụng CB, công chức, viên chức, trong đó yêu cầu cụ thể về tiêu chuẩn, tiêu chí tuyển dụng [H6.06.03.01]. Nhà trường quy định cụ thể các tiêu chí tuyển dụng GV bao gồm cả về đạo đức và năng lực học thuật, cụ thể: các tiêu chí về trình độ chuyên môn, kinh nghiệm công tác, trình độ ngoại ngữ, kỹ năng giảng dạy, NCKH, PVCĐ,... [H6.06.01.12], [H6.06.03.02]. Bên cạnh đó, các tiêu chí, tiêu chuẩn của GV được thể hiện trong Bản mô tả công việc [H6.06.01.05]. Nhà trường thường xuyên rà soát, điều

chỉnh quy trình tuyển dụng CB, công chức, viên chức cho phù hợp với yêu cầu phát triển của Nhà trường và quy định hiện hành của Nhà nước **[H6.06.03.01]**.

Quy trình tuyển dụng và lựa chọn GV, NCV được thực hiện một cách chặt chẽ và minh bạch qua 7 bước cụ thể: (1) Chuẩn bị kế hoạch tuyển dụng; (2) Thông báo tuyển dụng và tiếp nhận hồ sơ; (3) Kiểm tra hồ sơ, thông báo danh sách đủ điều kiện và gặp mặt giao nhiệm vụ cho ứng viên dự tuyển; (4) Tổ chức sát hạch; (5) Tổng hợp kết quả tuyển dụng; (6) Thông báo kết quả tuyển dụng; (7) Hiệu trưởng phòng vấn ký hợp đồng tuyển dụng và nhận việc **[H6.06.03.01]**, **[H6.06.01.12]**, **[H6.06.03.03]**, **[H6.06.03.04]**, **[H6.06.03.05]**. Để có cơ sở tuyển dụng đội ngũ CB, GV, NV Nhà trường xây dựng đề án vị trí việc làm, trong đó mô tả cụ thể về khung năng lực của từng vị trí. Đồng thời, xây dựng và báo cáo biên chế công chức, số lượng người làm việc hàng năm theo danh mục vị trí việc làm, số lượng người làm việc của Trường và cơ cấu theo chức danh nghề nghiệp hạng I, II, III, IV và trình Bộ GDĐT duyệt chỉ tiêu biên chế **[H06.06.01.03]**, **[H6.06.01.04]**, **[H6.06.01.05]**. Quy trình tuyển dụng CB, công chức, viên chức của Trường ban hành được gửi đến các đơn vị để thực hiện và thông báo, phổ biến đến đội ngũ GV biết. Bên cạnh đó, quy định về quy trình tuyển dụng CB, công chức, viên chức, thông báo tuyển dụng hằng năm của Nhà trường được phổ biến tại các cuộc họp giao ban của Trường, của Khoa Y Dược, được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Trường và các phương tiện thông tin đại chúng **[H1.01.03.10]**, **[H6.06.03.02]**.

Để đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng đội ngũ, bảo đảm thực hiện CTĐT, Nhà trường áp dụng nhiều chính sách thu hút như: đối với TS về nhận công tác giảng dạy tại Khoa Y Dược được nhận 200 triệu và được hưởng lương khởi điểm bậc II, đối với ThS được nhận 50 triệu và hưởng lương khởi điểm bậc III; triển khai nâng lương trước thời hạn đối với các GV có thành tích xuất sắc; áp dụng các hình thức thi đua khen thưởng các cấp đối với GV **[H6.06.03.06]**, **[H6.06.03.07]**, **[H6.06.03.08]**. Trong chu kỳ đánh giá, toàn trường tuyển dụng 74 GV, trong đó có 02 TS, 13 ThS; Khoa Y Dược tuyển dụng 41 GV, 01 kỹ thuật viên, trong đó có 02 ThS **[H6.06.03.04]**, **[H6.06.03.05]**.

Về công tác bổ nhiệm cán bộ được quy định rõ trong Quy chế của Nhà trường và áp dụng cho tất cả Khoa trong trường, trong đó có Khoa Y Dược. Đối với CB chủ chốt thuộc Trường, Nhà trường ban hành Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời

gian giữ chức vụ, thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm viên chức giữ chức vụ quản lý thuộc Trường ĐHTN và triển khai thực hiện. Ngoài ra, Quy chế tổ chức hoạt động của Hội đồng trường, quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ĐHTN và quy chế tổ chức hoạt động của bộ môn quy định rõ các tiêu chí, điều kiện bổ nhiệm từng vị trí chức danh [H6.06.01.15], [H6.06.01.16]. Trong chu kỳ đánh giá, Nhà trường bổ nhiệm 45 CBQL, miễn nhiệm 05 CBQL và điều chuyển 18 GV [H6.06.01.15].

2. Điểm mạnh

- Việc thực hiện quy trình tuyển dụng GV, NCV được Nhà trường ban hành quy trình cụ thể, thực hiện công khai minh bạch và thông báo bằng nhiều hình thức khác nhau.

- Nhà trường ban hành Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm viên chức giữ chức vụ quản lý thuộc Trường ĐHTN và triển khai thực hiện.

- Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV để bổ nhiệm, điều chuyển được thể hiện trong Quy định về quy trình tuyển dụng CB, công chức, viên chức; Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm viên chức giữ chức vụ quản lý thuộc Trường ĐHTN; Bản mô tả công việc do Nhà trường ban hành.

3. Điểm tồn tại

Số lượng ứng viên dự tuyển ở một số bộ môn, đặc biệt là các bộ môn cơ sở ngành, chưa nhiều. Đồng thời, việc thu hút được GV, NCV đáp ứng tốt các tiêu chí tuyển dụng về công tác lâu dài tại các Bộ môn còn gặp khó khăn.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Nhà Trường và phòng TCCB lập kế hoạch và xây dựng chính sách mạnh thu hút và giữ chân các GV.	Trường ĐHTN, Phòng TCCB	Từ năm học 2024-2025	
2	Phát huy điểm mạnh	- Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyển dụng GV theo quy định.	Trường ĐHTN,	Hằng năm	

		- Định kỳ rà soát quy hoạch tạo nguồn CB đảm bảo số lượng và chất lượng theo quy định.	Khoa Y Dược, Bộ môn		
--	--	--	---------------------------	--	--

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 6.4. Năng lực của đội ngũ GV, NCV được xác định và được đánh giá

1. Mô tả hiện trạng

Đề án vị trí việc làm của Trường ĐHTN được lên kế hoạch xây dựng theo từng giai đoạn và triển khai đến các đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ quyền hạn cụ thể; kèm theo đó là phân nhóm công việc; xây dựng bản mô tả công việc, khung năng lực của từng vị trí việc làm [H6.06.04.01], [H6.06.04.02]. Trên cơ sở đó, năm 2019, Nhà trường xây dựng danh mục vị trí việc làm, mô tả chuẩn chức danh từng vị trí, trình Hội đồng Trường phê duyệt và Hiệu trưởng ký ban hành [H6.06.01.05], [H6.06.01.06]. Trong Đề án vị trí việc làm của Nhà trường ban hành có thể hiện rõ năng lực của đội ngũ GV. Bên cạnh đó, năng lực của GV được thể hiện trong Bản mô tả công việc [H6.06.04.02], [H6.06.01.05], [H6.06.01.06]. Năng lực của GV bao gồm: Năng lực NCKH; năng lực xây dựng, thiết kế và thực hiện CTDH; năng lực lựa chọn và áp dụng các PPGD, KTĐG phù hợp đáp ứng yêu cầu CDR; năng lực ứng dụng và sử dụng CNTT trong dạy học; năng lực giám sát và tự đánh giá chất lượng công việc; năng lực NCKH và PVCĐ [H6.06.04.01]. Ngoài ra, Nhà trường xây dựng và ban hành các văn bản quy định về tiêu chuẩn năng lực của đội ngũ CBQL, GV, NV [H6.06.01.04], [H6.06.03.01], [H6.06.03.06], [H6.06.04.01]. Trong đó, Quy chế tổ chức hoạt động làm cơ sở pháp lý đánh giá các mặt hoạt động của Nhà trường và yêu cầu năng lực đối với Chủ tịch Hội đồng trường, Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, Trưởng phó các phòng, Trưởng phó các khoa, GV, NV [H6.06.03.06]. Quy chế bổ nhiệm, miễn nhiệm quy định rõ tiêu chuẩn chung về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, tri thức, năng lực quản lý, hiệu quả công tác và tiêu chuẩn riêng về kinh nghiệm giảng dạy, trình độ đối với trường đơn vị phụ trách công tác tổ chức, đào tạo và NCKH [H6.06.04.03]. Quy định về tuyển dụng viên chức yêu cầu tiêu chuẩn về học lực, sức khỏe, trình độ chuyên môn, ngoại ngữ, tin học đối với ứng viên dự tuyển viên chức giảng dạy, NCV, kỹ thuật viên và NV [H6.06.03.01]. Quy định về quản lý đào tạo, BD GV, viên chức yêu cầu về tiêu chuẩn năng lực của GV về chuyên môn, ngoại ngữ, giảng dạy, NCKH được cụ thể hóa theo từng mốc thời gian công tác [H6.06.04.04].

Để đánh giá năng lực của đội ngũ GV, Nhà trường ban hành hệ thống văn bản hướng dẫn quy trình, tiêu chí đánh giá hiệu quả công việc của CB, GV và NV bao gồm: Quy định về định mức giờ dạy đối với GV; Quy chế đánh giá phân loại CC, VC, NLD; Quy định về thi đua khen thưởng, Quy chế nâng lương trước thời hạn [H6.06.02.04], [H6.06.04.03], [H6.06.04.04], [H6.06.04.05], [H6.06.04.06]. Định kỳ cuối năm học, Nhà trường ban hành thông báo triển khai đánh giá, phân loại công chức, VC, NLD và gửi đến các đơn vị triển khai công khai, dân chủ, minh bạch [H6.06.04.07]. Khoa Y Dược tổ chức họp Khoa để phổ biến đến GV thực hiện đúng quy trình từ bước cá nhân tự đánh giá, bộ môn nhận xét đánh giá phân loại, sau đó xét tại đơn vị và cuối cùng ở cấp Trường. Sau khi đánh giá, phân loại viên chức năm học ở cấp đơn vị, Nhà trường tiến hành đánh giá, phân loại ở cấp Trường, công khai và gửi kết quả đánh giá về các đơn vị để thông báo đến CB, VC, NLD [H6.06.04.08], [H6.06.04.09]. Kết quả đánh giá, phân loại năm học làm cơ sở cho công tác bình xét thi đua khen thưởng các cấp và được sử dụng làm căn cứ để xác định chính sách hỗ trợ, đầu tư cho công tác ĐT, BD phục vụ hoạt động ĐT, NCKH và PVCD và cơ sở để quy hoạch đào tạo đội ngũ GV [H6.06.04.10]. Kết quả đánh giá GV hằng năm được lưu trữ trong hồ sơ của GV do phòng TCCB quản lý [H6.06.02.01], [H6.06.02.02]. Trong giai đoạn 2020-2024, tất cả GV Khoa Y Dược được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ trở lên, chiếm tỷ lệ 98% [H6.06.04.09].

2. Điểm mạnh

- Năng lực của GV Nhà trường và GV Khoa Y Dược được xác định bao gồm: Năng lực NCKH; năng lực xây dựng, thiết kế và thực hiện CTDH; năng lực lựa chọn và áp dụng các PPGD, KTĐG phù hợp đáp ứng yêu cầu CĐR; năng lực ứng dụng và sử dụng CNTT trong dạy học; năng lực giám sát và tự đánh giá chất lượng công việc; năng lực nghiên cứu và đóng góp cho cộng đồng, ... và được thể hiện cụ thể trong các văn bản do Nhà trường ban hành.

- Hằng năm, Nhà trường triển khai đánh giá, phân loại công chức, VC, NLD, trong đó có đánh giá năng lực của đội ngũ GV.

- Trong giai đoạn 2020 – 2024, tất cả GV Khoa Y Dược được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, chiếm tỷ lệ 98%.

3. Điểm tồn tại

Năng lực ngoại ngữ của GV Khoa Y Dược, đặc biệt là năng lực về ngoại ngữ chuyên ngành, còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tổ chức các lớp BD tiếng Anh cho GV, đặc biệt là lớp tiếng Anh chuyên ngành Y khoa đồng thời tăng cường chế độ khen thưởng, động viên, khuyến khích GV đạt được các chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế.	Trường ĐHTN, Trung tâm Ngoại ngữ Tin học	Từ năm học 2024 - 2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Duy trì việc triển khai đánh giá năng lực của đội ngũ GV	Trường ĐHTN, Khoa Y Dược	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 6.5. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV, NCV được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường luôn quan tâm đến công tác đào tạo, BD, phát triển đội ngũ CB, GV, NV và thể hiện trong Kế hoạch chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2011-2020 và Quy hoạch phát triển Trường giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn 2030 [H4.04.01.02], [H6.06.01.08]. Công tác ĐT, BD GV Khoa Y Dược được thể hiện trong Kế hoạch chiến lược của Khoa giai đoạn 2017-2022, 2023-2028 nhằm phát triển đội ngũ GV của Khoa đáp ứng nhu cầu về ĐT, NCKH và PVCD [H6.06.01.01]. Để xác định nhu cầu về ĐT, BD và phát triển chuyên môn của CB, GV và NV các cấp, Nhà trường triển khai thông báo đến các đơn vị rà soát, thống kê đội ngũ CBQL, CB thuộc diện quy hoạch chưa qua lớp BD nhà giáo và CBQL [H6.06.02.01], [H6.06.05.01]. Tiếp theo, các đơn vị phổ biến để GV đăng ký nhu cầu ĐT, BD; tiến hành họp xét những GV đủ điều kiện và gửi về phòng TCCB để tổng hợp. Sau đó, Nhà trường duyệt nhu cầu đào

tạo của toàn Trường, trong đó có Khoa Y Dược và triển khai thực hiện [H6.06.01.09]. Đặc biệt, để nâng cao chất lượng đội ngũ GV chất lượng cao, Nhà trường đã xây dựng quy hoạch bảo vệ chức danh GS, PGS [H6.06.05.02].

Để triển khai thực hiện tốt hoạt động ĐT, BD, phát triển đội ngũ GV, Nhà trường xây dựng dự toán ngân sách và cơ cấu thu chi hằng năm dành cho kế hoạch kinh phí chi ĐT, phát triển đội ngũ GV [H6.06.05.03]. Căn cứ Quy hoạch ĐT, BD từng giai đoạn, Nhà trường cử CBQL, GV học tập sau đại học ở trong và ngoài nước, hợp đồng liên kết với các đơn vị đào tạo về trường BD nghiệp vụ GDDH cho các GV mới trong 3 năm đầu hợp đồng lao động và được tạo điều kiện về thời gian và hỗ trợ kinh phí BD [H6.06.05.04], [H6.06.04.10]. Đồng thời, Nhà trường thường xuyên tổ chức nhiều hội thảo quốc gia, quốc tế và các buổi seminar chia sẻ kinh nghiệm trong giảng dạy, NCKH tại Trường [H6.06.05.05]. Các CB, GV, NV được cử đi ĐT, BD được Nhà trường hỗ trợ các chế độ theo quy định của Quy chế chi tiêu nội bộ bao gồm: hỗ trợ học phí và hỗ trợ đi lại và sinh hoạt phí, hỗ trợ kinh phí bảo vệ luận văn, luận án; hỗ trợ kinh phí thi chứng chỉ Tiếng Anh (B2, IELTS hoặc TOEFL,...), các chế độ này được bổ sung và điều chỉnh định kỳ hàng năm. Trong giai đoạn từ 2020-2024, có 15 GV Khoa Y Dược được nhận kinh phí hỗ trợ thi chứng chỉ IELTS với mức chi 5 triệu/CB [H6.06.02.11]. Ngoài ra, GV được cử đi học sau đại học ở trong và ngoài nước được hưởng chế độ miễn giảm giờ chuẩn theo quy định của Nhà trường [H6.06.02.04]. Tại Hội nghị Tổng kết năm học, Hội nghị viên chức của Nhà trường và của Khoa Y Dược cũng như các khảo sát trong đề tài NCKH của GV cho thấy GV Trường ĐHTN và Khoa Y Dược đều thể hiện sự hài lòng về hoạt động ĐT, BD của Trường [H4.04.01.07], [H6.06.05.06], [H6.06.05.07].

Trong giai đoạn 2020-2024, Nhà trường cử hơn 1.000 lượt CB tham gia các lớp đào tạo, BD, tập huấn [H6.06.04.10], [H6.06.05.01], [H6.06.05.04]. Nhà trường dành kinh phí hơn 100 tỷ đồng cho hoạt động ĐT, BD CB, GV, NV của Trường [H6.06.05.03]. Kết quả hoạt động ĐT, BD đội ngũ GV của Nhà trường được giám sát, đánh giá và thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học hằng năm của Trường và báo cáo Hội nghị CBVC hằng năm của Trường và của Khoa [H4.04.01.07], [H6.06.05.06]. Trên cơ sở giám sát, đánh giá kết quả hoạt động ĐT, BD đội ngũ GV, Nhà trường và Khoa Y Dược áp dụng các biện pháp đẩy mạnh hoạt động ĐT, BD GV, khuyến khích các GV trẻ nâng cao trình độ lên TS và học tập các khóa ngắn hạn bồi dưỡng chuyên

môn [H6.06.05.09], [H6.06.05.10]. Tuy nhiên, hiện tại số lượng GV có trình độ TS trở lên tại Khoa chưa nhiều, chỉ chiếm 12,16% trên tổng số GV cơ hữu.

2. Điểm mạnh

- Nhà trường ban hành Quy hoạch đào tạo, BD CBVC giai đoạn 2021-2024 và 2024-2028 dựa trên cơ sở xác định nhu cầu ĐT, BD của các đơn vị và căn cứ chỉ tiêu phát triển đội ngũ trong Kế hoạch phát triển Trường và Khoa Y Dược.

- Để triển khai thực hiện tốt hoạt động ĐT, BD, phát triển đội ngũ GV, Nhà trường xây dựng dự toán ngân sách và cơ cấu thu chi hằng năm cụ thể, rõ ràng.

- Các CB, GV, NV được cử đi ĐT, BD được Nhà trường hỗ trợ các chế độ theo quy định của Quy chế chi tiêu nội bộ.

- Kết quả khảo sát ý kiến GV hằng năm thể hiện sự hài lòng về hoạt động ĐT, BD của Trường.

3. Điểm tồn tại

Số lượng GV Khoa Y Dược có học vị TS chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tăng cường chính sách khuyến khích, hỗ trợ và tạo điều kiện để GV học tập NCS ở trong và ngoài nước.	Trường ĐHTN, Khoa Y Dược	Từ năm 2024 - 2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục quan tâm đến công tác đào tạo, BD, phát triển đội ngũ CB, GV, NV	Trường ĐHTN, Khoa Y Dược	Hằng năm	

5. Tự đánh giá Đạt mức 4/7

Tiêu chí 6.6. Việc quản trị theo kết quả công việc của GV, NCV (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả hiện trạng

Căn cứ các văn bản quy định của Bộ GDĐT, Nhà trường ban hành Quy định về định mức giờ dạy đối với GV, trong đó GV thực hiện giờ nghĩa vụ theo từng chức

danh GV hạng I, GV hạng II, GV hạng III, trợ giảng và thực hiện giờ NCKH; giờ miễn giảm do làm công tác quản lý, công tác kiêm nhiệm, ... [H6.06.02.04], [H6.06.06.01]. Nhà trường ban hành Quy chế đánh giá phân loại CB, VC, NLD quy định cụ thể tiêu chí đánh giá theo các mức và quy trình triển khai đánh giá ở các cấp; Quy định về thi đua khen thưởng, trong đó các GV có thành tích xuất sắc trong đào tạo (hướng dẫn SV thi Olympic, hướng dẫn các cuộc thi sáng tạo kỹ thuật, ...), NCKH (hướng dẫn SV NCKH đạt giải, công bố trong nước và quốc tế có chất lượng), PVCĐ (tham gia dự án lớn mang tính chất quốc gia, BD nâng cao năng lực cộng đồng và các hoạt động vì cộng đồng khác) đều được Nhà trường biểu dương bằng các hình thức khen thưởng và tặng thưởng danh hiệu từ Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở trở lên [H6.06.04.05]. Ngoài ra, Nhà trường ban hành Quy chế nâng lương trước thời hạn, trong đó quy định các thành tích và điều kiện về thời gian, kết quả công tác để xét nâng lương trước thời hạn [H6.06.04.06]. Đầu mỗi năm học, toàn thể CB, VC-NLD của Nhà trường thực hiện đăng ký thi đua, đây là cơ sở xét thành tích cuối mỗi năm học [H6.06.06.02].

Căn cứ nhiệm vụ được giao, kết quả thực hiện nhiệm vụ và đối chiếu với các tiêu chuẩn của các quy định trên, định kỳ cuối năm học, Nhà trường ban hành thông báo triển khai đánh giá, phân loại CB, VC-NLD và gửi đến các đơn vị để thực hiện [H6.06.04.07]. Cuối mỗi năm học, Khoa Y Dược thống kê giờ giảng, các hoạt động NCKH và các hoạt động PVCĐ của GV đã thực hiện trong năm học và đối chiếu với Quy định về định mức giờ dạy đối với GV, Bản mô tả vị trí công việc của GV do Nhà trường ban hành để làm cơ sở đánh giá. Khoa tổ chức họp để phổ biến đến GV thực hiện đúng quy trình: từ bước cá nhân tự đánh giá, bộ môn nhận xét đánh giá phân loại, sau đó cấp Khoa và cuối cùng cấp Trường. Nhà trường sẽ công khai và gửi kết quả đánh giá về các đơn vị để thông báo đến CC, VC-NLD [H6.06.04.08], [H6.06.04.09]. Bên cạnh đó, kết quả đánh giá, phân loại năm học được sử dụng làm cơ sở để bình xét thi đua khen thưởng các cấp bao gồm: danh hiệu lao động tiên tiến đối với cá nhân, tập thể, chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, cấp Bộ. Khen thưởng cấp Trường, cấp Tỉnh, cấp Bộ và được Hiệu trưởng công nhận kết quả bình xét thi đua khen thưởng năm học theo thẩm quyền [H6.06.04.08].

Trong giai đoạn 2020-2024, GV của Nhà trường và Khoa Y Dược nhận được nhiều hình thức khen thưởng các cấp bao gồm: danh hiệu lao động tiên tiến đối với cá nhân, tập thể, chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, cấp Bộ; khen thưởng cấp Trường, cấp Tỉnh,

cấp Bộ [H6.06.04.08], [H6.06.04.09]. Hằng năm, Nhà trường triển khai góp ý Quy chế đánh giá, xếp loại chất lượng CB, VC-NLĐ của Nhà trường và trên cơ sở tiếp thu ý kiến của VC-NLĐ, Nhà trường ban hành Quy chế đánh giá, xếp loại chất lượng CB, VC-NLĐ và gửi đến các đơn vị để thực hiện, đồng thời đăng tải trên trang thông tin điện tử của Trường [H6.06.06.03], [H1.01.03.10], [H1.01.03.11]. Ngoài ra, các ý kiến của GV tại Hội nghị CBVC hằng năm của Nhà trường và của Khoa Y Dược thể hiện sự hài lòng về đánh giá thi đua khen thưởng được công nhận của Trường và các cấp có thẩm quyền [H4.04.01.07].

2. Điểm mạnh

- Nhà trường ban hành hệ thống văn bản quản trị công việc của CB, VC-NLĐ và triển khai thực hiện.

- Đầu mỗi năm học, GV Khoa Y Dược thực hiện đăng ký thi đua và đây là cơ sở xét thi đua cuối mỗi năm học.

- Hằng năm, Nhà trường ban hành thông báo triển khai đánh giá, phân loại CB, VC-NLĐ và gửi đến các đơn vị để thực hiện.

- Kết quả đánh giá, phân loại GV và kết quả thi đua khen thưởng hằng năm được thông báo công khai và lưu trữ trong hồ sơ của GV do phòng TCCB quản lý.

- Kết quả khảo sát ý kiến của GV về việc thi đua khen thưởng được công nhận của Trường và các cấp có thẩm quyền thể hiện GV hài lòng về quy chế thi đua khen thưởng.

3. Điểm tồn tại

Số lượng GV Khoa Y Dược được nhận các hình thức khen thưởng cấp cao còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tăng cường động viên, khuyến khích, tạo điều kiện nhằm tăng số lượng GV Khoa Y Dược được nhận các hình thức khen thưởng cấp cao.	Trường ĐHTN, Khoa Y Dược	Hằng năm	

2	Phát huy điểm mạnh	Duy trì việc thống kê giờ giảng, các hoạt động NCKH và các hoạt động PVCĐ của GV đã thực hiện trong năm học làm cơ sở đánh giá phân loại GV.	Trường ĐHTN, Khoa Y Dược	Hàng năm	
---	--------------------	--	--------------------------	----------	--

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 6.7. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của GV và NCV được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

Trong quy chế Tổ chức và hoạt động của Nhà trường ban hành nêu rõ mục tiêu của hoạt động khoa học và công nghệ là nâng cao chất lượng DH, năng lực nghiên cứu và khả năng ứng dụng KHCN, hợp tác NCKH và chuyển giao công nghệ; hình thành và phát triển năng lực NCKH cho NH [H6.06.03.06]. Nhà trường ban hành Quy định, chức năng nhiệm vụ của các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường, trong đó quy định Phòng KH&QHQT là đơn vị chức năng tham mưu, giúp việc cho Hiệu trưởng hoạch định chiến lược kế hoạch hoạt động KHCN và tư vấn của Trường [H6.06.07.01]. Dựa trên cơ sở các văn bản hướng dẫn có liên quan đến KHCN, các văn bản pháp quy của Chính phủ và của Bộ GDĐT, Bộ KHCN, Nhà trường ban hành Quy chế hoạt động KHCN của Trường ĐHTN và các văn bản liên quan đến hoạt động NCKH như: Quy định về định mức chi thực hiện nhiệm vụ KHCN cấp Trường; Chính sách bảo hộ tài sản trí tuệ; Quy định tiêu chí xét duyệt và nghiệm thu đề tài; Hướng dẫn lập dự toán và quyết toán đề tài NCKH cấp Trường, cấp Bộ, cấp Tỉnh và đề tài NCKH của SV; Chế độ viết báo, tạp chí và các quy định về chế độ cho hội nghị, hội thảo, các bài NCKH, quy định về giờ chuẩn trong NCKH; Quy định về tiếp nhận tài trợ [H6.06.07.02], [H6.06.07.03], [H6.06.07.04], [H6.06.07.05]. Các văn bản quy định hoạt động KHCN được công bố công khai trên Trang thông tin điện tử của Trường, niêm yết trong Sổ tay NCKH và gửi đến các đơn vị để triển khai thực hiện [H1.01.03.10], [H1.01.03.11], [H6.06.07.06]. Trong Quy định về chế độ làm việc đối với GV của Nhà trường ban hành có quy định tiết chuẩn NCKH nghĩa vụ cho mỗi GV trong thời gian tập sự là 80 tiết/năm, GV hạng III là 120 tiết/năm; GV hạng II là 140 tiết/năm; GV hạng I là 160 tiết/năm. Bên cạnh đó, Nhà trường quy định về loại hình NCKH GV thực hiện cũng như hướng dẫn cách quy đổi các hoạt động NCKH ra tiết chuẩn và số điểm đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ NCKH của GV như: số giờ NCKH quy đổi cho một bài

báo công bố quốc tế thuộc hệ thống ISI/Scopus được tính 300 giờ/bài; đăng trên tạp chí quốc tế có mã ISSN (có phân biệt) mà không theo danh mục ISI/Scopus được tính 200 giờ/bài; đăng trên tạp chí chuyên ngành có mã số ISSN được công nhận theo văn bản quy định của Hội đồng GS Nhà nước được tính từ 120-200 giờ/bài; đăng trên tạp chí chuyên ngành có mã số ISSN không được tính điểm của Hội đồng GS nhà nước được tính 100 giờ/ bài [H6.06.02.04]. Trên cơ sở đó, trong mỗi năm học, GV thực hiện hoạt động NCKH được công nhận và nhập toàn bộ công trình nghiên cứu đã thực hiện lên hệ thống quản lý lưu trữ của Trường [H6.06.02.10].

Hàng năm, Phòng KH&QHQT thống kê kết quả hoạt động NCKH của GV toàn trường và đối sánh với chỉ tiêu trong kế hoạch năm học cũng như đối sánh giữa các năm học với nhau [H6.06.02.09], [H6.06.07.07], [H6.06.07.08]. Bên cạnh đó, kết quả NCKH của GV được sử dụng để đánh giá, phân loại GV hàng năm cũng như bình xét thi đua khen thưởng [H6.06.02.07], [H6.06.04.08], [H6.06.04.09].

Nhà trường áp dụng nhiều biện pháp cải tiến hoạt động NCKH của GV như: Loại hình và khối lượng NCKH của đội ngũ GV được Trường thường xuyên cải tiến để đáp ứng mục tiêu phát triển; định mức giờ nghĩa vụ của GV và mức quy đổi giờ chuẩn các hoạt động NCKH được điều chỉnh theo hướng tăng cường và khuyến khích các hoạt động NCKH; áp dụng mức thưởng cho công bố trên các tạp chí quốc tế và quốc gia có uy tín, đặc biệt là công bố trên các tạp chí thuộc danh mục ISI, SCOPUS, ... [H6.06.02.04]. Trong giai đoạn 2020-2024, GV Khoa Y Dược đã thực hiện 02 đề tài cấp Tỉnh, hơn 30 đề tài NCKH cấp cơ sở, 01 đề tài dự án nước ngoài, đăng 95 bài báo khoa học trong nước, 14 bài báo khoa học quốc tế, xuất bản 05 sách tham khảo và 01 giáo trình giảng dạy. Khoa cũng đã tổ chức 02 hội thảo quốc tế về chuyên đề Thần kinh, 05 hội thảo cấp trường. Những công trình trên đã được ghi nhận bằng 02 bằng khen cấp Bộ, hơn 100 giấy khen cấp Trường [H6.06.07.09].

2. Điểm mạnh

- Nhà trường ban hành đầy đủ văn bản quy định cụ thể về các loại hình và số lượng sản phẩm NCKH mà GV phải thực hiện và triển khai thực hiện.

- Hàng năm, Phòng KH&QHQT thống kê kết quả hoạt động NCKH của GV toàn trường và đối sánh với chỉ tiêu trong kế hoạch năm học cũng như đối sánh giữa các năm học với nhau.

- Nhà trường áp dụng nhiều biện pháp cải tiến hoạt động NCKH của GV và

trong giai đoạn 2020-2024, số lượng đề tài NCKH các cấp và số lượng các bài báo khoa học do GV thực hiện tăng lên, kể cả số lượng bài báo công bố trên các tạp chí Quốc tế.

- GV Nhà trường đạt nhiều hình thức khen thưởng các cấp vì đã đạt thành tích trong NCKH.

3. Điểm tồn tại

Loại hình NCKH do GV Khoa Y Dược thực hiện chưa đa dạng và chưa tương xứng với số lượng đội ngũ GV.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tăng cường chế độ khen thưởng và tăng cường động viên, khuyến khích GV thực hiện các đề tài NCKH các cấp và phối hợp với các đối tác bên ngoài để thực hiện các loại hình khoa học.	Trường ĐHTN, Khoa Y Dược	Từ năm học 2024 – 2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục áp dụng những biện pháp cải tiến hoạt động NCKH của GV, số lượng đề tài NCKH các cấp và số lượng các bài báo khoa học.	Trường ĐHTN, Khoa Y Dược	Hàng năm	

5. Tự đánh giá. Đạt mức 4/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 6:

Các nội dung quy hoạch và phát triển đội ngũ GV được Nhà trường ban hành trong Quy hoạch phát triển Trường giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn 2030. Bên cạnh đó, Nhà trường xây dựng Quy hoạch CBQL các đơn vị trực thuộc Trường theo giai đoạn và được bổ sung thường xuyên, trong đó công tác quy hoạch các chức danh lãnh đạo Trường, CBQL thuộc Trường được thực hiện từ cấp bộ môn, đơn vị đến cấp Trường. Nhà trường thường xuyên triển khai rà soát, bổ sung quy hoạch đúng quy trình, bảo đảm tính công khai, minh bạch, dân chủ của tất cả CB, VC-NLĐ, bảo đảm quy hoạch

những người có đủ tiêu chuẩn, năng lực và trình độ vào các vị trí quản lý. Nhà trường ban hành Quy định về quy trình tuyển dụng CB, VC và thông báo đến GV, các bên liên quan bằng nhiều hình thức khác nhau. GV mới được sát hạch về chuyên môn trước khi chính thức giảng dạy. Năng lực của GV được xác định bao gồm: năng lực NCKH; năng lực xây dựng, thiết kế và thực hiện CTDH; năng lực lựa chọn và áp dụng các PPGD, KTĐG phù hợp đáp ứng yêu cầu CĐR; năng lực ứng dụng và sử dụng CNTT trong dạy học; năng lực giám sát và tự đánh giá chất lượng công việc; năng lực nghiên cứu và đóng góp cho cộng đồng, ... và được thể hiện cụ thể trong các văn bản do Nhà trường ban hành.

Nhà trường ban hành văn bản Quy định về định mức giờ dạy đối với GV và triển khai thực hiện. Nhà trường ban hành hệ thống văn bản quản trị công việc của CB, VC-NLĐ và triển khai thực hiện. Trên cơ sở đó, đầu mỗi năm học, GV Khoa Y Dược thực hiện đăng ký thi đua vào đầu năm học và là cơ sở xét thi đua cuối mỗi năm học. Hằng năm, dựa trên cơ sở giám sát khối lượng công việc đối với đội ngũ GV, Nhà trường và Khoa Y Dược đánh giá khối lượng công việc của GV và áp dụng các biện pháp để cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ. Tỷ lệ GV/NH của CTĐT ngành KHYS đáp ứng yêu cầu theo quy định hiện hành. Hằng năm, Nhà trường triển khai đánh giá, phân loại CB, VC và NLĐ, trong đó có đánh giá năng lực của đội ngũ GV. Trong giai đoạn 2020-2024, GV Khoa Y Dược được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên chiếm tỷ lệ 98%. Kết quả khảo sát ý kiến của GV cho thấy GV hài lòng về việc thi đua khen thưởng và công nhận của Trường và các cấp có thẩm quyền.

Nhà trường ban hành Quy hoạch đào tạo, BD CBVC theo từng giai đoạn và liên tục bổ sung, điều chỉnh dựa trên cơ sở xác định nhu cầu ĐT, BD của các đơn vị và căn cứ chỉ tiêu phát triển đội ngũ trong Kế hoạch phát triển Trường. Để triển khai thực hiện tốt hoạt động ĐT, BD, phát triển đội ngũ GV, Nhà trường xây dựng dự toán ngân sách và cơ cấu thu chi hằng năm dành cho kế hoạch kinh phí chi ĐT, phát triển đội ngũ GV. Kết quả khảo sát ý kiến GV hằng năm thể hiện sự hài lòng về hoạt động ĐT, BD của Trường.

Nhà trường ban hành đầy đủ văn bản quy định cụ thể về các loại hình và số lượng sản phẩm NCKH mà GV phải thực hiện và triển khai thực hiện. Hằng năm, Nhà trường thống kê kết quả hoạt động NCKH của GV toàn trường và đối sánh với chỉ tiêu trong kế hoạch năm học cũng như đối sánh giữa các năm học với nhau. Trên cơ sở đó,

Nhà trường áp dụng nhiều biện pháp cải tiến hoạt động NCKH của GV. Trong giai đoạn 2020-2024, số lượng đề tài NCKH các cấp và số lượng các bài báo khoa học do GV thực hiện tăng lên, kể cả số lượng bài báo công bố trên các tạp chí quốc tế. GV Nhà trường đã đạt nhiều hình thức khen thưởng các cấp.

Tuy nhiên, việc tuyển dụng GV có học hàm, học vị theo quy hoạch phát triển đội ngũ của Trường và Khoa còn hạn chế ở một số học phần đặc thù. Do nguồn lực của Trường còn hạn chế nên các chính sách thu hút GV của Nhà trường mới được ban hành gần đây. Năng lực ngoại ngữ của GV Khoa Y Dược còn hạn chế đặc biệt là năng lực ngoại ngữ chuyên ngành. Số lượng GV Khoa Y Dược có học vị TS chưa nhiều. Số lượng GV Khoa Y Dược được nhận các hình thức khen thưởng cấp cao còn hạn chế. Loại hình NCKH do GV Khoa Y Dược thực hiện chưa đa dạng.

Tự đánh giá 7 tiêu chí của tiêu chuẩn này, CTĐT ngành ThS KHYS đạt yêu cầu 7/7 tiêu chí, trong đó 2 tiêu chí đạt 4/7 điểm, 5 tiêu chí đạt 5/7.

Tiêu chuẩn 7. Đội ngũ nhân viên

Mở đầu:

Trường ĐHTN luôn quan tâm phát triển đội ngũ NV phục vụ hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ. Đầu tiên, Nhà trường quan tâm quy hoạch đội ngũ NV (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác) đáp ứng nhu cầu về ĐT, NCKH và các hoạt động PVCĐ. Bên cạnh đó, các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn NV để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai. Trên cơ sở đó, Nhà trường tuyển dụng đội ngũ NV đáp ứng nhu cầu hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ. Năng lực của đội ngũ NV của Nhà trường được xác định và được đánh giá hằng năm. Ngoài ra, nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của NV được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó. Việc quản trị theo kết quả công việc của NV (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho ĐT, NCKH và các hoạt động PVCĐ. Do đó, đội ngũ NV của Khoa Y Dược không những có trình độ chuyên môn, trình độ nghiệp vụ đáp ứng được yêu cầu đào tạo, NCKH mà còn có một phẩm chất chính trị và đạo đức tốt phù hợp với vai trò vừa là GV vừa là NV y tế.

Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thực hành, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả hiện trạng

Căn cứ phê duyệt chỉ tiêu biên chế của Bộ GDĐT, BGH Nhà trường trình Hội đồng Trường phê duyệt và ban hành danh mục vị trí việc làm, thông báo đến các đơn vị thuộc Trường rà soát, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ hằng năm của CBVC và xây dựng kế hoạch nhân lực trong năm của đơn vị [H6.06.01.01], [H6.06.01.02], [H6.06.04.01]. Các đơn vị báo cáo nhu cầu nhân lực của đơn vị, bao gồm cả đội ngũ NV, gửi về phòng TCCB để tổng hợp, trong đó chú trọng đề xuất phát triển đội ngũ NV đáp ứng hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ [H6.06.01.04], [H7.07.01.01], [H6.06.01.03]. Trên cơ sở đó, phòng TCCB thực hiện báo cáo phân tích nhu cầu nhân lực của toàn trường, từ đó Nhà trường có cơ sở để xây dựng quy hoạch nguồn nhân lực [H6.06.01.01], [H6.06.01.05], [H6.06.01.08], [H7.07.01.02].

Để thu hút đội ngũ NV về làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác, Nhà trường áp dụng nhiều chính sách thu hút như: thực hiện chế độ phụ cấp 22%; triển khai nâng lương trước thời hạn đối với các NV có thành tích xuất sắc; áp dụng các hình thức thi đua khen thưởng các cấp đối với NV [H6.06.03.07], [H6.06.03.08], [H6.06.04.05], [H6.06.04.06], [H6.06.04.08]. Phòng TCCB là đơn vị quản lý thông tin về cơ cấu độ tuổi, giới tính, trình độ chuyên môn của NV của toàn Trường và Khoa Y Dược [H6.06.01.03], [H6.06.01.04]. Trường ĐHTN có các chế độ, chính sách nhằm thu hút ưu đãi đối với NV mới được tuyển dụng như: Trong thời gian tập sự, NV được hưởng ngay thu nhập tăng thêm, các chế độ phúc lợi theo Quy chế Chi tiêu nội bộ như đối với các viên chức khác của Nhà trường [H6.06.03.08].

Trong Báo cáo thực trạng và định hướng quy hoạch phát triển Trường ĐHTN giai đoạn 2016-2020 tầm nhìn 2030 đã đánh giá thực trạng về ĐT, NCKH, chuyển giao công nghệ, quan hệ quốc tế, đội ngũ GV, NV [H6.06.01.08]. Trên cơ sở đó, Nhà trường phân tích bối cảnh KT-XH, nhu cầu đào tạo, BD để xác định các giải pháp, kế hoạch và chỉ tiêu phát triển đội ngũ bảo đảm về số lượng, chất lượng và hợp lý về cơ cấu, trong đó chú trọng đội ngũ NV [H6.06.01.09]. Bên cạnh đó, trong Kế hoạch chiến lược của Khoa Y Dược giai đoạn 2017-2021 và 2023-2028 có nội dung phát triển đội

ngũ NV của Khoa nhằm đáp ứng nhu cầu về ĐT, NCKH và PVCĐ [H6.06.01.01]. Năm 2019, Nhà trường xây dựng danh mục vị trí việc làm, mô tả chuẩn chức danh từng vị trí, trình Hội đồng Trường phê duyệt và Hiệu trưởng ký ban hành [H6.06.01.05]. Năm 2020, Nhà trường xây dựng Kế hoạch chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2020-2027, định hướng 2035, trong đó có nội dung và các chỉ số phát triển đội ngũ NV được xây dựng dựa trên phân tích, dự báo nhu cầu về đội ngũ NV [H4.04.01.02].

Theo chức năng nhiệm vụ, Phòng TCCB đã xây dựng kế hoạch nhân lực, trình Đảng ủy, BGH để có phương án sắp xếp, bố trí, tuyển dụng NV làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, phòng CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác [H6.06.01.05]. NV làm việc tại thư viện có 11 người, tại các phòng chức năng có 101 người, các trung tâm phục vụ có 43 người, quản lý hệ thống CNTT có 05 người. Tại Khoa Y Dược có 02 chuyên viên đảm nhiệm công việc trợ lý khoa và 03 trợ lý khoa kiêm nhiệm, trong đó có 01 trợ lý phụ trách công tác hỗ trợ đào tạo sau đại học và NCKH [H6.06.01.03], [H6.06.04.02]. Đội ngũ NV của Nhà trường đủ về số lượng và bảo đảm trình độ chuyên môn, nghiệp vụ phục vụ hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường và của CTĐT ngành KHYS [H6.06.01.04], [H6.06.04.02].

2. Điểm mạnh

- Nhà Trường triển khai để các đơn vị đề xuất nhu cầu đội ngũ NV, GV, CBVC phục vụ hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ và trên cơ sở đó xây dựng quy hoạch đội ngũ NV.

- Nhà Trường áp dụng nhiều chính sách thu hút đội ngũ NV về làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác.

- Đội ngũ NV đủ về số lượng và trình độ chuyên môn nghiệp vụ đảm bảo yêu cầu vị trí việc làm, hoàn thành nhiệm vụ phục vụ công tác đào tạo ngành KHYS, NCKH và các hoạt động PVCĐ của Nhà Trường.

3. Điểm tồn tại

Số lượng NV phụ trách vận hành hệ thống CNTT còn chưa nhiều, do đó, việc vận hành phần mềm quản lý và các trang thông tin của Trường còn chưa phong phú và đa dạng.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tăng cường nhân lực về CNTT.	Trường ĐHTN, Phòng TCCB	Từ năm 2024-2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Tạo điều kiện tối đa để đội ngũ NV có thể tham gia một số lớp BD chất lượng để phục vụ cho nhu cầu công việc và phát triển năng lực bản thân.	Trường ĐHTN, Khoa Y Dược	Hằng năm	

5. Tự đánh giá Đạt mức 5/7

Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai

1. Mô tả hiện trạng

Việc tuyển dụng viên chức của Nhà trường được thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức, Trường ĐHTN đã xây dựng, ban hành quy định về quy trình tuyển dụng CB, công chức, viên chức, trong đó yêu cầu cụ thể về tiêu chuẩn, tiêu chí tuyển dụng. Các tiêu chí tuyển dụng NV bao gồm: Trình độ và chuyên môn nghiệp vụ, sức khỏe, ngoại ngữ tin học, phẩm chất đạo đức [H6.06.03.01]. Bên cạnh đó, các tiêu chí, tiêu chuẩn của NV được thể hiện trong Đề án vị trí việc làm [H6.06.04.01]. Nhà trường ban hành Quy trình tuyển dụng CB, VC, NLD cho phù hợp với yêu cầu phát triển của Nhà trường và quy định hiện hành của Nhà nước [H6.06.03.01]. Quy trình tuyển dụng CB, công chức, viên chức của Nhà trường bao gồm 7 bước cụ thể: (1) Chuẩn bị kế hoạch tuyển dụng; (2) Thông báo tuyển dụng và tiếp nhận hồ sơ; (3) Kiểm tra hồ sơ, thông báo danh sách đủ điều kiện và gặp mặt giao nhiệm vụ cho ứng viên dự tuyển; (4) Tổ chức sát hạch; (5) Tổng hợp kết quả tuyển dụng; (6) Thông báo kết quả tuyển dụng; (7) Hiệu trưởng phòng vắn ký hợp đồng tuyển dụng và nhận việc [H6.06.01.12], [H6.06.03.01], [H6.06.03.02], [H6.06.03.03], [H6.06.03.04], [H6.06.03.05]. Công tác bổ nhiệm CBQL được thực

hiện theo Luật Cán bộ, công chức, Luật viên chức và các quy định của Bộ GDĐT và Nhà trường: Đối với chức danh Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng, Nhà trường thực hiện theo Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, luân chuyển công chức, viên chức giữ chức vụ quản lý thuộc Trường ĐHTN và triển khai thực hiện [H6.06.04.03]. Ngoài ra còn có Quy chế tổ chức hoạt động của Hội đồng trường, Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ĐHTN, Quy định về chức năng nhiệm vụ của các đơn vị thuộc Trường ĐHTN và quy chế tổ chức hoạt động của bộ môn quy định rõ các tiêu chí, điều kiện bổ nhiệm từng vị trí chức danh [H6.06.03.06].

Để có cơ sở tuyển dụng đội ngũ CB, GV, NV, Nhà trường triển khai xây dựng, rà soát Đề án vị trí việc làm và tiếp thu ý kiến của các đơn vị trong quá trình thực hiện, trên cơ sở đó ban hành Đề án vị trí việc làm Trường ĐHTN [H6.06.01.05]. Bên cạnh đó, các đơn vị thực hiện báo cáo rà soát đánh giá và kế hoạch nhân lực của các đơn vị và gửi về phòng TCCB để làm cơ sở triển khai công tác tuyển dụng của Trường [H6.06.01.02]. Nhà trường xây dựng và báo cáo biên chế viên chức, số lượng người làm việc hàng năm theo danh mục vị trí việc làm, số lượng người làm việc của Trường và cơ cấu theo chức danh nghề nghiệp hạng I, II, III, IV và trình Bộ GDĐT duyệt chỉ tiêu biên chế [H6.06.01.01], [H6.06.01.02], [H6.06.01.03], [H7.07.01.01].

Nhà trường gửi Quy định về quy trình tuyển dụng CB, viên chức; Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm viên chức giữ chức vụ quản lý thuộc Trường đến các đơn vị để thực hiện và thông báo, phổ biến đến đội ngũ NV biết để thực hiện [H6.06.01.06], [H6.06.04.03], [H6.06.03.01]. Bên cạnh đó, BGH Nhà Trường cũng phổ biến những Quy định này tại các cuộc họp giao ban của Trường, của các đơn vị và đăng tải trên trang thông tin điện tử của Trường [H1.01.03.10], [H1.01.03.11]. Trong giai đoạn 2020-2023, Khoa Y Dược đã tuyển dụng được 34 giảng viên, trợ giảng và kỹ thuật viên và điều chuyển 3 giảng viên, chuyên viên và kỹ thuật viên [H6.06.03.05], [H7.07.02.01].

2. Điểm mạnh

- Nhà trường ban hành Quy trình tuyển dụng CB, VC; Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm VC giữ chức vụ quản lý thuộc Trường.

- Nhà trường phổ biến Quy trình tuyển dụng CB, VC của Trường; Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm VC giữ chức vụ quản lý thuộc Trường đến CB, GV, NV bằng nhiều hình thức khác nhau.

- Nhà trường triển khai lấy ý kiến góp ý của các đơn vị và GV, NV về các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển NV.

3. Điểm tồn tại

Do hạn chế về nguồn lực nên các chính sách của Nhà trường thu hút đội ngũ NV có năng lực và kinh nghiệm làm việc chưa phát huy tối đa hiệu quả.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Nhà trường tăng cường các chính sách thu hút NV có năng lực và kinh nghiệm làm việc nhằm phục vụ tốt hoạt động ĐT, NCKH và PVCD.	Trường ĐHTN, Phòng TCCB	Từ năm 2024-2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện tốt quy định về quy trình tuyển dụng CB, công chức, viên chức.	Trường ĐHTN, Khoa Y Dược	Hàng năm	.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 7.3: Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá

1. Mô tả hiện trạng

Từ năm 2016, Nhà trường triển khai kế hoạch xây dựng Đề án vị trí việc làm và triển khai đến các đơn vị thống kê công việc theo chức năng, nhiệm vụ quyền hạn; phân nhóm công việc; xây dựng bản mô tả công việc, khung năng lực của từng vị trí việc làm. Trên cơ sở tổng hợp kết quả thống kê của các đơn vị, Nhà trường xây dựng Đề án vị trí việc làm của Trường và trình Bộ GDĐT phê duyệt **[H6.06.01.05]**,

[H6.06.01.06], [H7.07.03.01]. Năm 2022, Nhà trường xây dựng danh mục vị trí việc làm, mô tả chuẩn chức danh từng vị trí, trình Hội đồng Trường phê duyệt và Hiệu trưởng ký ban hành [H6.06.04.01]. Trong Đề án vị trí việc làm của Nhà trường ban hành có thể hiện rõ năng lực của đội ngũ NV. Bên cạnh đó, năng lực của NV được thể hiện trong Bản mô tả công việc [H6.06.04.02]. Ngoài ra, Nhà trường xây dựng và ban hành các văn bản quy định về tiêu chuẩn năng lực của đội ngũ CBQL, GV, NV [H6.06.03.01], [H6.06.03.06], [H6.06.04.03], [H6.06.04.04]. Trong đó, Quy chế tổ chức hoạt động làm cơ sở pháp lý đánh giá các mặt hoạt động của Nhà trường và yêu cầu năng lực đối với Chủ tịch Hội đồng trường, Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, Trưởng phó các phòng, Trưởng phó các khoa, GV, NV [H6.06.03.06]. Quy chế bổ nhiệm, miễn nhiệm quy định rõ tiêu chuẩn chung về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, tri thức, năng lực quản lý, hiệu quả công tác và tiêu chuẩn riêng về kinh nghiệm giảng dạy, trình độ đối với trường đơn vị phụ trách công tác tổ chức, đào tạo và NCKH [H6.06.04.03]. Quy định về tuyển dụng VC yêu cầu tiêu chuẩn về học lực, sức khỏe, trình độ chuyên môn, ngoại ngữ, tin học đối với ứng viên dự tuyển viên chức giảng dạy, NCV, kỹ thuật viên và NV [H6.06.03.01], [H6.06.04.04].

Để đánh giá năng lực của đội ngũ NV, Nhà trường ban hành hệ thống văn bản hướng dẫn quy trình, tiêu chí đánh giá hiệu quả công việc của CB, GV và NV bao gồm: Quy chế đánh giá phân loại CB, VC, NLD; Quy định về thi đua khen thưởng, Quy chế nâng lương trước thời hạn [H6.06.02.04], [H6.06.04.05], [H6.06.04.06]. Đối với NV, tiêu chí đánh giá trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, đạo đức, trách nhiệm, kết quả thực hiện nhiệm vụ như: học tập và BD nâng cao trình độ, tư tưởng chính trị, kết quả công việc được quy định trong Quy chế đánh giá phân loại CB, VC, NLD [H6.06.02.04]. Định kỳ cuối năm học, Nhà trường ban hành thông báo triển khai đánh giá, phân loại VC-NLD và gửi đến các đơn vị triển khai công khai, dân chủ, minh bạch [H6.06.04.07]. Sau khi đánh giá, phân loại viên chức năm học ở cấp đơn vị, Nhà trường tiến hành đánh giá, phân loại ở cấp Trường, công khai và gửi kết quả đánh giá về các đơn vị để thông báo đến CB, VC-NLD [H6.06.04.09]. Kết quả đánh giá, phân loại năm học làm cơ sở cho công tác bình xét thi đua khen thưởng các cấp và được sử dụng làm căn cứ để xác định chính sách hỗ trợ, đầu tư cho công tác ĐT, BD phục vụ hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ và cơ sở để quy hoạch đào tạo đội ngũ NV [H6.06.04.10]. Kết quả đánh giá NV hằng năm được lưu trữ trong hồ sơ của VC-NLD

do phòng TCCB quản lý [H6.06.02.07]. Trong giai đoạn 2020-2024, tất cả VC-NLĐ Khoa Y Dược được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, chiếm tỷ lệ 98% [H6.06.04.09].

2. Điểm mạnh

- Nhà trường ban hành hệ thống văn bản đánh giá năng lực của đội ngũ NV, trong đó thể hiện rõ tiêu chí đánh giá chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, đạo đức, trách nhiệm, kết quả thực hiện nhiệm vụ.

- Hằng năm, Nhà trường triển khai đánh giá năng lực của đội ngũ NV về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, mức độ hoàn thành công việc.

- Trong giai đoạn 2020-2024, Nhà trường ban hành hệ thống văn bản đánh giá năng lực của đội ngũ NV, trong đó thể hiện rõ tiêu chí đánh giá chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, đạo đức, trách nhiệm, kết quả thực hiện nhiệm vụ.

3. Điểm tồn tại

Đội ngũ NV chưa có sự quan tâm đúng mức về các văn bản, quy trình đánh giá năng lực, các quy chế, văn bản quy định nên nhiều NV còn chưa hiểu hết chính sách hỗ trợ, đầu tư cho cá nhân, tập thể của mình.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Nhà trường và Khoa tiếp tục triển khai và có giám sát việc thực hiện triển khai các văn bản, quy trình đến từng bộ môn, đồng thời tiến hành phân tích, lấy ý kiến ở cấp độ Khoa để NV có thể nắm rõ nội dung.	Trường ĐHTN, Khoa Y Dược	Hằng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục triển khai đánh giá năng lực của đội ngũ NV về năng lực chuyên môn,	Trường ĐHTN, Phòng QLCL	Hằng năm	.

		nghiệp vụ, mức độ hoàn thành công việc và sự hài lòng của các bên liên quan.			
--	--	--	--	--	--

5. *Tự đánh giá:* Đạt mức 5/7

Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó

1. *Mô tả hiện trạng*

Nhà trường luôn quan tâm đến công tác ĐT, BD, phát triển đội ngũ CB, GV, NV và thể hiện trong Kế hoạch chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2020-2027 định hướng 2035 [H4.04.01.02], [H6.06.01.08]. Theo định kỳ, các đơn vị phổ biến đề NV đăng ký nhu cầu ĐT, BD và gửi về phòng TCCB để tổng hợp. Trong giai đoạn 2020-2024, nhu cầu ĐT, BD của đội ngũ NV Nhà trường tập trung ở các nội dung về: chuyên môn nghiệp vụ, ngoại ngữ, tin học, kỹ năng giao tiếp, giải quyết vấn đề [H6.06.05.01].

Dựa trên cơ sở xác định nhu cầu ĐT, BD của các đơn vị và căn cứ chỉ tiêu phát triển đội ngũ trong báo cáo thực trạng và định hướng quy hoạch phát triển Trường giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn 2030, Nhà trường họp xét, xác định nhu cầu đào tạo CBQL, GV, NV theo giai đoạn của đơn vị [H6.06.01.08], [H6.06.01.09]. Ngoài ra, Nhà trường quan tâm đến công tác BD chuyên môn nghiệp vụ cho NV như: quản lý nhà nước ngạch chuyên viên, chuyên viên chính, nghiệp vụ thư viện, lý luận chính trị, nghiệp vụ quản lý Khoa, phòng bộ môn, BD kiến thức quốc phòng và an ninh cho đội ngũ NV. Đội ngũ NV Nhà trường thường xuyên đăng ký đi học nâng cao trình độ chuyên môn, đăng ký thi thăng hạng, đăng ký học các khóa về đào tạo nghiệp vụ [H6.06.05.01].

Để triển khai thực hiện tốt hoạt động ĐT, BD, phát triển đội ngũ CB, GV, NV, Nhà trường xây dựng dự toán ngân sách và cơ cấu thu chi hằng năm dành cho kế hoạch kinh phí chi ĐT, phát triển đội ngũ CB, GV, NV. Trong giai đoạn 2020-2024, Nhà trường dành kinh phí hơn 100 tỷ đồng cho hoạt động ĐT, BD CB, GV, NV của Trường [H6.06.05.03]. Căn cứ Quy hoạch ĐT, BD từng giai đoạn, Nhà trường cử đội ngũ NV học tập, tham gia các khóa ĐT, BD về chuyên môn nghiệp vụ như: Kiểm định viên kiểm định chất lượng giáo dục và trung cấp chuyên nghiệp; nghiệp vụ thông tin thư viện; đào tạo về khởi nghiệp; BD nghiệp công tác thanh tra; công tác kế toán – kiểm toán; tập huấn đào tạo viết CDR của CTĐT [H6.06.04.10]. Các CB, GV, NV

được cử tham gia các khóa ĐT, BD được Nhà trường hỗ trợ các chế độ theo quy định của Quy chế chi tiêu nội bộ bao gồm hỗ trợ học phí và hỗ trợ đi lại và sinh hoạt phí, hỗ trợ kinh phí bảo vệ luận văn, luận án; hỗ trợ kinh phí thi chứng chỉ Tiếng Anh (B2, IELTS hoặc TOEFL...), ... Các chế độ hỗ trợ CB, GV, NV được cử đi ĐT, BD được bổ sung và điều chỉnh định kỳ hằng năm trong Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường [H6.06.02.11]. Kết quả hoạt động ĐT, BD đội ngũ NV của Nhà trường được giám sát, đánh giá và thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học và báo cáo Hội nghị CBVC hằng năm của Trường và Khoa [H4.04.01.07], [H6.06.05.06], [H7.07.04.01]. Trên cơ sở giám sát, đánh giá kết quả hoạt động ĐT, BD đội ngũ NV, Nhà trường và các đơn vị áp dụng các biện pháp đẩy mạnh hoạt động ĐT, BD NV và thể hiện trong kế hoạch năm học của Trường và của Khoa [H4.04.01.08]. Trong giai đoạn 2020-2024, có 16 NV của Nhà trường đạt học vị ThS và 560 lượt NV được tham gia các khóa ĐT, BD chuyên môn, nghiệp vụ [H6.06.05.09], [H6.06.05.10].

2. Điểm mạnh

- Nhà trường ban hành Quy hoạch đào tạo, BD CB, VC dựa trên nhu cầu ĐT, BD của CB, GV và NV.

- Nhà trường triển khai nhiều hoạt động ĐT, BD đội ngũ NV nhằm tạo điều kiện để NV phát triển trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và phục vụ tốt hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ.

3. Điểm tồn tại

Số lượng NV tham gia ĐT, BD ở nước ngoài chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Nhà trường và Khoa tăng cường động viên, khuyến khích, hỗ trợ tạo điều kiện để NV tích cực tham gia các khóa ĐT, BD ở nước ngoài.	Trường ĐHTN, Khoa Y Dược	Từ năm 2024-2025	

2	Phát huy điểm mạnh	<p>- Tiếp tục triển khai nhiều hoạt động ĐT, BD đội ngũ NV nhằm tạo điều kiện để NV phát triển trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và phục vụ tốt hoạt động ĐT, NCKH, PVCD.</p> <p>- Thường xuyên khảo sát ý kiến đội ngũ NV về sự hài lòng trong hoạt động ĐT, BD của Nhà trường.</p>	Trưởng ĐHTN, Khoa Y Dược, Phòng QLCL	Hàng năm	
---	--------------------	---	--------------------------------------	----------	--

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả hiện trạng

Năm 2022, Nhà trường xây dựng danh mục vị trí việc làm, mô tả chuẩn chức danh từng vị trí, trình Hội đồng Trường phê duyệt và Hiệu trưởng ký ban hành [H6.06.01.05], [H6.06.01.06]. Trong Đề án vị trí việc làm, bản mô tả công việc và mô tả khối lượng công việc có nêu rõ khối lượng công việc của đội ngũ NV cần thực hiện [H6.06.04.01], [H7.07.03.01]. Nhà trường công khai và gửi đến các đơn vị Đề án vị trí việc làm, danh mục vị trí việc làm, mô tả chuẩn chức danh từng vị trí, quy định xếp loại CBVC và thi đua khen thưởng đến các đơn vị để thực hiện. Việc triển khai giám sát, đánh giá hiệu quả công việc của CB, GV, NV, Nhà trường giao cho phòng TCCB là đơn vị thường trực Hội đồng đánh giá xếp loại VC của Trường và phụ trách công tác thi đua khen thưởng từ năm 2020 [H6.06.03.06]. Bên cạnh đó, trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Nhà trường giao nhiệm vụ cho lãnh đạo các đơn vị quản lý theo dõi, giám sát, đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ NV của đơn vị [H6.06.03.06]. Căn cứ các văn bản quy định của Bộ GDĐT, Nhà trường ban hành các văn bản quản trị theo kết quả công việc của CB, GV, NV bao gồm: Quy định về thời giờ làm việc của viên chức hành chính; Quy chế đánh giá phân loại VC, NLD; Quy định về thi đua khen thưởng; Quy chế nâng lương trước thời hạn [H6.06.02.04], [H6.06.04.05], [H6.06.04.06], [H6.06.06.01]. Đầu mỗi năm học, toàn thể VC-NLD của Nhà trường

thực hiện đăng ký thi đua, đây cơ sở xét khen thưởng cuối mỗi năm học [H6.06.06.02], [H6.06.02.07]. Trong kế hoạch năm học của Nhà trường và của các đơn vị luôn có nội dung đánh giá, phân loại VC-NLĐ và bình xét thi đua khen thưởng hằng năm [H4.04.01.08].

Hằng năm, đội ngũ NV thực hiện bản đăng ký kế hoạch năm học và được Nhà trường, lãnh đạo các đơn vị sử dụng để giám sát, đánh giá, phân loại NV [H7.07.05.01]. Căn cứ nhiệm vụ được giao, kết quả thực hiện nhiệm vụ và đối chiếu với các tiêu chuẩn của các quy định trên, định kỳ cuối năm học, Nhà trường ban hành thông báo triển khai đánh giá, phân loại VC-NLĐ và gửi đến các đơn vị để thực hiện [H6.06.04.07]. Các đơn vị tổ chức họp toàn thể VC-NLĐ để phổ biến và yêu cầu thực hiện đúng quy trình từ bước cá nhân tự đánh giá, đồng nghiệp nhận xét đánh giá phân loại, sau đó đơn vị và cuối cùng cấp Trường [H6.06.04.07]. Sau khi đánh giá, phân loại viên chức năm học ở cấp đơn vị, Nhà trường tiến hành đánh giá, phân loại ở cấp Trường, công khai và gửi kết quả đánh giá về các đơn vị để thông báo đến VC-NLĐ [H6.06.04.09]. Bên cạnh đó, kết quả đánh giá, phân loại NV được lưu trữ trong hồ sơ của đội ngũ NV do phòng TCCB quản lý [H6.06.02.07].

Kết quả đánh giá, phân loại năm học được sử dụng làm cơ sở để bình xét thi đua khen thưởng các cấp bao gồm: danh hiệu lao động tiên tiến đối với cá nhân, tập thể, chiến sỹ thi đua cấp cơ sở, cấp Bộ; khen thưởng cấp Trường, cấp Tỉnh, cấp Bộ và được Hiệu trưởng công nhận kết quả bình xét thi đua khen thưởng năm học theo thẩm quyền [H6.06.04.09]. Báo cáo kết quả quản trị của đội ngũ NV hằng năm được thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học và báo cáo Hội nghị CBVC hằng năm của Trường và Khoa, [H4.04.01.07]. Trong giai đoạn 2020-2024, NV của Nhà trường nhận được các hình thức khen thưởng thường xuyên và đột xuất của các cấp như: Cấp trường, cấp tỉnh, cấp bộ, [H7.07.05.02].

Các ý kiến của NV tại Hội nghị CBVC hằng năm của Nhà trường và Khoa thể hiện sự hài lòng về việc thi đua khen thưởng và công nhận của Trường và các cấp có thẩm quyền [H4.04.01.07].

2. Điểm mạnh

- Nhà trường quy định về khối lượng công việc cụ thể đối với NV và quy định về việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ NV, trong đó có cả các quy định về khen thưởng và công nhận.

- Nhà trường và Khoa đã có sự phân công công việc cụ thể, rõ ràng cho đội ngũ CB hỗ trợ. Ngoài ra, đội ngũ NV có tinh thần trách nhiệm cao và luôn tuân thủ những quy định của Khoa và Nhà trường đề ra.

- Nhà trường triển khai việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ NV dựa trên quy định về khối lượng công việc cụ thể đã xác định và phân công.

- Hằng năm, Nhà trường ban hành thông báo triển khai đánh giá, phân loại VC-NLĐ và gửi đến các đơn vị để thực hiện.

- Kết quả đánh giá, phân loại NV và kết quả thi đua khen thưởng hằng năm được thông báo công khai và lưu trữ trong hồ sơ năng lực của đội ngũ NV do phòng TCCB quản lý.

- Kết quả khảo sát ý kiến của NV về việc thi đua khen thưởng và công nhận của Trường và các cấp có thẩm quyền thể hiện NV hài lòng về việc thi đua khen thưởng và công nhận của Trường và các cấp có thẩm quyền.

3. Điểm tồn tại

Số lượng NV được nhận các hình thức khen thưởng cấp cao còn hạn chế. Một vài NV đảm nhận khá nhiều công việc nên không tránh những sai sót trong quá trình làm việc.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Nhà trường và lãnh đạo Khoa tăng cường động viên, khuyến khích, hỗ trợ tăng số lượng NV được nhận các hình thức khen thưởng cấp cao.	Trường ĐHTN, Khoa Y Dược	Từ năm 2024-2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Nhà trường và Khoa có sự phân công công việc cụ thể, rõ ràng cho đội ngũ CB hỗ trợ; kiểm tra, giám sát	Trường ĐHTN, Khoa Y Dược	Hằng năm	

		thường xuyên và đánh giá, phân loại, xét thi đua khen thưởng hằng năm một cách công bằng, công khai.			
--	--	--	--	--	--

5. Tự đánh giá: Đạt mức 4/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 7:

Nhà trường triển khai để các đơn vị đề xuất nhu cầu đội ngũ NV phục vụ hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ và trên cơ sở đó xây dựng quy hoạch đội ngũ NV. Nhà trường áp dụng nhiều chính sách thu hút đội ngũ NV về làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác. Đội ngũ NV của Nhà trường hiện nay đủ về số lượng và bảo đảm trình độ chuyên môn, nghiệp vụ phục vụ hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường và của CTĐT ngành KHYS. Nhà trường ban hành quy trình tuyển dụng CB, VC; Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm viên chức giữ chức vụ quản lý thuộc Trường và phổ biến đến CB, GV, NV bằng nhiều hình thức khác nhau.

Nhà trường ban hành hệ thống văn bản đánh giá năng lực của đội ngũ NV, trong đó thể hiện rõ tiêu chí đánh giá chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, đạo đức, trách nhiệm, kết quả thực hiện nhiệm vụ. Hằng năm, Nhà trường triển khai đánh giá năng lực của đội ngũ NV về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, mức độ hoàn thành công việc và sự hài lòng của các bên liên quan. Trong giai đoạn 2020-2024, tất cả NV của Nhà trường được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, chiếm tỷ lệ trên 90%.

Nhà trường ban hành Quy hoạch đào tạo, BD CBVC theo từng giai đoạn và rà soát, điều chỉnh, bổ sung dựa trên nhu cầu ĐT, BD của CB, GV và NV. Nhà trường triển khai nhiều hoạt động ĐT, BD đội ngũ NV nhằm tạo điều kiện để NV phát triển trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và phục vụ tốt hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ. Kết quả khảo sát ý kiến đội ngũ NV thể hiện sự hài lòng về hoạt động ĐT, BD của Nhà trường.

Nhà trường quy định về khối lượng công việc cụ thể đối với NV và quy định về việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ NV, trong đó có cả các quy định về khen thưởng và công nhận. Trên cơ sở đó, Nhà trường triển khai việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ NV dựa trên quy định về khối lượng công việc cụ thể đã xác định và phân công. Hằng năm, Nhà trường ban hành thông báo triển khai đánh giá, phân loại VC-NLĐ và gửi đến các đơn vị để thực

hiện. Kết quả đánh giá, phân loại NV và kết quả thi đua khen thưởng hằng năm được thông báo công khai và lưu trữ trong hồ sơ năng lực của đội ngũ NV do phòng TCCB quản lý. Kết quả khảo sát ý kiến của NV về việc thi đua khen thưởng và công nhận của Trường và các cấp có thẩm quyền thể hiện NV hài lòng về việc thi đua khen thưởng và công nhận của Trường và các cấp có thẩm quyền.

Tuy nhiên, công tác quy hoạch đội ngũ NV gặp khó khăn do thực hiện tinh giảm biên chế. Do hạn chế về nguồn lực nên các chính sách của Nhà trường thu hút đội ngũ NV có năng lực và kinh nghiệm làm việc chưa phát huy tối đa hiệu quả. Số lượng NV tham gia ĐT, BD ở nước ngoài chưa nhiều. Số lượng NV được nhận các hình thức khen thưởng cấp cao còn hạn chế.

Tự đánh giá theo 5 tiêu chí của tiêu chuẩn này, CTĐT ngành ThS KHYS đạt yêu cầu 5/5 tiêu chí, trong đó 04 tiêu chí đạt mức 5/7 và 01 tiêu chí đạt mức 4/7.

Tiêu chuẩn 8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Mở đầu:

CTĐT lấy người học làm trung tâm với mục tiêu phát triển kiến thức và năng lực đáp ứng với các yêu cầu CDR của chương trình. Chính vì vậy người học và hoạt động hỗ trợ người học đóng một vai trò rất quan trọng trong đảm bảo chất lượng của CTĐT. Những hoạt động này bao gồm xác lập và công khai chính sách tuyển sinh của Trường ĐHTN, các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học, xây dựng hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học, có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác cũng như xây dựng môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan của Trường ĐHTN. Những dữ kiện thu thập được sẽ là cơ sở để đảm bảo chất lượng và cải thiện việc học tập của sinh viên, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và rèn luyện của người học.

Tiêu chí 8.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật.

1. Mô tả hiện trạng

Công tác tuyển sinh được coi là khâu khởi đầu của chuỗi quá trình đào tạo. Trong đó, chính sách tuyển sinh đóng vai trò quan trọng, đưa thông tin về các hình thức tuyển sinh, điều kiện tuyển sinh đến với những thí sinh có nhu cầu. Trường ĐHTN tuyển sinh theo quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy ban hành hằng năm của Bộ

GD&ĐT, chính sách tuyển sinh của ĐHĐN và kế hoạch tuyển sinh riêng của Trường ĐHTN, đồng thời, chính sách này được sự góp ý của các bên liên quan và các phân tích/dự báo nhu cầu nguồn nhân lực [\[H8.08.01.01\]](#), [\[H8.08.01.02\]](#).

Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, công bố công khai và cập nhật thường xuyên. Hằng năm, dựa vào quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ GD&ĐT, ĐHĐN, và tham khảo ý kiến các bên liên quan cũng như tìm hiểu nhu cầu nguồn nhân lực, Trường ĐHTN xây dựng kế hoạch, chiến lược tuyển sinh nhằm công bố hình thức, chỉ tiêu, quy trình xét tuyển và các thông tin liên quan được xác định và ghi trong đề án tuyển sinh, thông báo tuyển sinh và được công bố trên website và các trang thông tin xã hội của Trường ĐHTN [\[H8.08.01.02\]](#), [\[H8.08.01.03\]](#).quảng bá trên các Brochure tuyển sinh - giới thiệu các CTĐT, tham gia các chương trình tư vấn tuyển sinh do trường ĐHTN, các Sở Giáo dục và các đơn vị báo chí tổ chức [\[H8.08.01.03\]](#), [\[H8.08.01.04\]](#), [\[H5.05.01.01\]](#), [\[H8.08.01.05\]](#), [\[H8.08.01.06\]](#), [\[H8.08.01.07\]](#), [\[H8.08.01.08\]](#). Hiện nay, Trường ĐHTN xét tuyển theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo bao gồm: Xét tuyển, xét tuyển và kết hợp với thi đánh giá năng lực ngoại ngữ đầu vào đối với các thí sinh chưa có chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Trường ĐHTN còn tổ chức xét tuyển các đối tượng xét tuyển và với nguyên tắc xét tuyển như sau: Đối tượng 1 là đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp với ngành đăng ký xét tuyển; Đối tượng 2 là trường hợp người dự tuyển đã có bằng tốt nghiệp đại học hoặc quyết định công nhận tốt nghiệp đại học hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp đại học (tạm thời) thuộc các ngành cần bổ sung kiến thức phải hoàn thành việc học và thi các học phần bổ sung kiến thức trước khi xét tuyển. Trường ĐHTN luôn tổ chức các hoạt động tư vấn trực tuyến qua điện thoại và livestream nhằm giới thiệu, quảng bá cũng như giải đáp tất cả các thắc mắc của thí sinh về thông tin tuyển sinh, hoạt động này luôn thu hút được sự quan tâm của đông đảo học sinh và phụ huynh [\[H8.08.01.06\]](#). Ngoài ra, Trường ĐHTN cũng thành lập Tổ tư vấn tuyển sinh nhằm tăng cường các hoạt động đưa tin, truyền thông để tăng hiệu quả quảng bá tuyển sinh, tích cực giới thiệu về ngành KHYS và các ngành học khác tại Trường ĐHTN đến với học viên trong ngày hội hướng nghiệp [\[H8.08.01.08\]](#), [\[H8.08.01.09\]](#). Ngoài ra Trường ĐHTN còn xây dựng các chính sách học bổng dành cho tân sinh viên, các chính sách

cũng được phổ biến sớm đến người học và các bên liên quan trong quá trình thực hiện các hoạt động tư vấn tuyển sinh [H8.08.01.06].

Những thông tin dự báo về nhu cầu nhân lực trong nước và quốc tế của ngành KHYS luôn được tìm hiểu phân tích nhằm đưa ra những chính sách tuyển sinh phù hợp với thực tế của từng năm học, Khoa học Y sinh là ngành học kết hợp giữa kiến thức sinh học và y học từ đó hỗ trợ các bạn trong việc tìm hiểu, khám phá, nghiên cứu về đặc điểm, cấu trúc và chức năng của cơ thể con người. Đặc biệt, Khoa học Y sinh tập trung nghiên cứu sâu về bệnh học và những biến đổi bất thường trong cơ thể để từ đó đề ra các chiến lược mới để chẩn đoán và điều trị, cũng như tạo ra những sản phẩm nhằm cải thiện và nâng cao sức khỏe của con người. Điều trị ung thư bằng liệu pháp miễn dịch, trẻ hóa bằng liệu pháp tế bào gốc, hay sống khỏe bằng chế độ dinh dưỡng cân bằng, da nhân tạo chữa bỏng, điều khiển tay chân giả bằng sóng não đều là các ví dụ điển hình về thành tựu của Khoa học Y sinh [H8.08.01.10]. Bên cạnh đó, Trường ĐHTN cũng lấy ý kiến các bên liên quan, đặc biệt là ý kiến trực tiếp từ các nhà tuyển dụng và từ chính học viên của Trường ĐHTN để làm căn cứ xây dựng chính sách tuyển sinh. Hằng năm Trường ĐHTN sẽ tiến hành làm khảo sát lấy ý kiến của tân học viên về những chính sách tuyển sinh của Trường ĐHTN để có những điều chỉnh, cải thiện kịp thời phù hợp [H8.08.01.11]. Tuy nhiên, số lượng khảo sát lấy ý kiến các nhà tuyển dụng và các bên liên quan khác hiện tại còn khá ít cần phải tăng cường thêm để có ý kiến tổng hợp khách quan nhất. Sau khi kết thúc công tác tuyển sinh hằng năm, Trường ĐHTN tổ chức họp tổng kết công tác tuyển sinh nhằm mục đích đánh giá hiệu quả công tác tuyển sinh, từ đó xây dựng kế hoạch tuyển sinh cho năm học tới nhằm nâng cao hiệu quả công tác tuyển sinh hằng năm. Báo cáo tổng kết công tác tuyển sinh phân tích nêu rõ được mặt tích cực đã đạt được, điểm tồn tại hạn chế và đưa ra được giải pháp đề xuất để cải thiện công tác tuyển sinh năm tới [H8.08.01.12], [H8.08.01.13], [H8.08.01.14]. Với chính sách tuyển sinh của Trường ĐHTN từ khi mở ngành KHYS đến nay, ngành KHYS được xã hội biết đến, chất lượng đào tạo được công nhận, là sự lựa chọn của những học sinh có đam mê với lĩnh vực khoa học y sinh tại khu vực miền Trung – Tây Nguyên.

2. Điểm mạnh

- Trường ĐHTN xây dựng được phương thức tuyển sinh riêng, có sự góp ý của các bên liên quan và phù hợp với phân tích, dự báo nhu cầu nhân lực; được cập nhật

hàng năm.

- Chính sách tuyển sinh của Trường ĐHTN đa dạng và được xác định một cách rõ ràng và công bố công khai dưới nhiều hình thức, giúp người học và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

- Triển khai quảng bá sớm và trên nhiều kênh khác nhau thông tin về khóa học cho tân học viên trước đợt đăng ký nguyện vọng.

3. Điểm tồn tại

Số lượng các bên liên quan được lấy ý kiến về chính sách tuyển sinh về ngành đào tạo còn ít.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	<ul style="list-style-type: none"> - Số lượng các bên liên quan được lấy ý kiến về chính sách tuyển sinh và việc phân tích/dự báo nhu cầu nhân lực về ngành đào tạo cần được chú trọng hơn. - Cần có giải pháp để mở rộng phạm vi lấy ý kiến tới nhiều đối tượng và phân tích/dự báo nhu cầu nguồn nhân lực đối với ngành KHYS để có chính sách phù hợp. 	Trường ĐHTN Phòng Đào tạo	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp tục duy trì và mở rộng thêm các chính sách tuyển sinh, học bổng thu hút được nhiều người học. - Tăng cường quảng bá sớm và trên nhiều kênh khác nhau thông tin về khóa học và học bổng cho 	Trường ĐHTN Phòng Đào tạo	Hàng năm	

		tân học viên trước đợt đăng ký nguyện vọng.			
--	--	--	--	--	--

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 8.2. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH được xác định rõ ràng và được đánh giá

1. Mô tả hiện trạng

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH được Trường ĐHTN xây dựng xác định căn cứ vào quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT, đồng thời dựa trên cơ sở góp ý của các bên liên quan cũng như cơ sở vật chất đội ngũ hiện hành của Trường ĐHTN để đảm bảo chất lượng đào tạo [H8.08.01.01], [H8.08.01.11]. Các chính sách, quy định về tuyển sinh của Trường ĐHTN như đối tượng tuyển sinh, phạm vi tuyển sinh, phương thức tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh, ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, tổ hợp xét tuyển cũng như thời gian dự kiến tuyển sinh hay các thông tin về điều kiện đảm bảo chất lượng (cơ sở vật chất, đội ngũ giảng viên) đều được thể hiện rõ ràng, đầy đủ, chi tiết trong Đề án tuyển sinh [H8.08.02.01]. Đối với tuyển sinh sau đại học, Trường ĐHTN đưa ra những quy định rõ ràng về đối tượng tuyển sinh, các ngành tuyển sinh, chỉ tiêu, thời gian và cách thức tuyển sinh [H8.08.01.03]. Tất cả thông tin về kết quả tuyển sinh đều được thông báo rõ ràng, đầy đủ trên website của Trường ĐHTN [H8.08.01.13] [H8.08.01.08].

Trường ĐHTN tổ chức hội nghị tổng kết công tác tuyển sinh, đây chính là cơ sở để đánh giá tính phù hợp của những tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH, từ đó rút kinh nghiệm và đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả tuyển sinh cho những năm tiếp theo [H8.08.01.07].

Hằng năm, Trường ĐHTN đã có kế hoạch truyền thông về công tác tuyển sinh, phương thức xét tuyển vào Trường ĐHTN [H8.08.01.05]. Sau khi có kết quả xét tuyển, Hội đồng tuyển sinh của Trường ĐHTN gửi giấy báo đến các thí sinh trúng tuyển để thí sinh chuẩn bị các giấy tờ theo nội dung và nhập học theo thời gian ghi trên giấy báo.

Trường ĐHTN đã ban hành các thông báo về kết quả tuyển sinh, quyết định trúng tuyển theo các đợt tuyển sinh, quyết định phê duyệt điểm chuẩn trúng tuyển sau đại học

Sau mỗi kỳ tuyển sinh, kết quả tuyển sinh như chỉ tiêu, số lượng đăng ký, số lượng trúng tuyển, số lượng nhập học, điểm trúng tuyển,... được thống kê và được sử

dụng để phân tích thông qua các công cụ thống kê nhằm mục đích đánh giá tính hợp lý. Điểm xét tuyển đầu vào của ngành KHYS qua các năm có xu hướng tăng dần và điểm trung bình của học viên trúng tuyển luôn giữ được ở mức cao chứng tỏ Trường ĐHTN đang dần thu hút được nhiều học viên có học lực tốt. Hình thức tuyển sinh đa dạng cũng đã giúp Trường ĐHTN thu hút được một số học viên từ nhiều đơn vị. Những thông tin về xu thế chọn ngành, nguồn gốc thí sinh dự thi cũng được phân tích nhằm thu hút thí sinh từ các trường. Các tiêu chí tuyển sinh và phương pháp tuyển chọn người học được rà soát, đánh giá theo đúng quy trình và quy định và quyết định bởi Hội đồng tuyển sinh hằng năm nhằm mục đích tuyển được các thí sinh có chất lượng cao và phù hợp với các ngành đào tạo [H8.08.01.12]. Căn cứ vào ý kiến phân tích, đánh giá của các chuyên gia, Hội đồng tuyển sinh đã đưa ra các phương hướng tuyển sinh đợt tiếp theo. Các bất cập khác trong quy trình, hình thức tuyển sinh cũng được thảo luận trong cuộc họp tổng kết công tác tuyển sinh và nhập học [H8.08.02.02].

2. Điểm mạnh

- Hình thức tuyển sinh đa dạng đã giúp thu hút được học viên từ nhiều đơn vị;
- Việc bổ sung nhiều đợt tuyển sinh đã tạo điều kiện cho học viên có nhiều cơ hội theo đuổi ngành học;
- Báo cáo tổng kết công tác tuyển sinh đã đánh giá được điểm mạnh và những điểm cần cải thiện để nâng cao hiệu quả công tác tuyển sinh.

3. Điểm tồn tại

Từ năm học 2019 đến nay, trường ĐHTN vẫn sử dụng hình thức tuyển sinh xét tuyển nhưng vẫn chưa thu hút được nhiều thí sinh đăng ký xét tuyển theo hình thức này.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Phối hợp với các cơ quan truyền thông để quảng bá về trường ĐHTN trên các phương tiện thông tin đại chúng nhằm cung cấp thêm	Trường ĐHTN	Hằng năm	

		thông tin cho người học, phổ biến về các hình thức tuyển chọn, đặc biệt là các hình thức mới.			
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát điều chỉnh quy trình xây dựng tiêu chí và phương pháp tuyển sinh trên cơ sở góp ý của các bên liên quan.	Trường ĐHTN	Hàng năm	

5. Tự đánh giá Đạt mức 4/7

Tiêu chí 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của NH

1. Mô tả hiện trạng

Tại trường ĐHTN, người học được tư vấn hỗ trợ kịp thời trong suốt quá trình học từ khi đăng ký thi tuyển đến nhập học, làm luận văn và đến khi tốt nghiệp **[H8.08.01.03], [H8.08.01.04]**. Trước hết, Trường ĐHTN có hệ thống lưu thông tin quản lý từ khi người học đến nộp hồ sơ thi tuyển, xét tuyển, sau đó là quản lý thông tin hồ người học nhập học một cách nhanh chóng thuận lợi nhất **[H8.08.01.05]**. Sau khi người học bắt đầu vào học, Trường ĐHTN có quy trình, có công cụ giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng của người học. Hệ thống, quy trình giám sát này dựa trên Quy chế đào tạo sau đại học của Bộ GD&ĐT, của ĐHQG cũng như của Trường ĐHTN **[H1.01.01.04], [H1.01.01.05], [H1.01.01.06]**. Trường ĐHTN đã ban hành các quy định về tổ chức thi, kiểm tra đánh giá kết thúc học phần, công bố điểm, quy định rõ ràng chuẩn đầu ra tin học, ngoại ngữ trong các CTĐT

Cơ chế quản lý, báo cáo và phản hồi về sự tiến bộ của người học về học tập và rèn luyện được thực hiện bởi sự phối hợp giữa phòng Đào tạo, phòng công tác sinh viên, phòng quản lý chất lượng, khoa Y Dược và giảng viên. Trường ĐHTN quy định rõ cụ thể chức năng, nhiệm vụ các đơn vị chức năng

Phòng Đào tạo, phòng quản lý chất lượng quản lý các quy trình bằng hệ thống trên website <http://staff.Trường ĐHTN .edu.vn:5000>, tiến hành đánh giá định kỳ để phân tích, tổng hợp kết quả học tập cho từng người học **[H8.08.03.01]**.

Trên hệ thống này, Phòng Đào tạo, phòng QLCL và giảng viên hướng dẫn có thể theo dõi tiến trình học tập của người học, biết được điểm số các học phần của học viên, tình trạng học tập (đang học hay đã tốt nghiệp, đang bị cảnh cáo học vụ hay đã thôi

học) và điểm trung bình tích lũy của người ở thời điểm hiện tại. Ngoài ra, khoa Y Dược cũng thường xuyên báo cáo theo dõi tiến độ học tập của học viên theo từng khóa học để học viên dễ dàng theo dõi và nắm bắt tình hình học tập của học viên. Với báo cáo này học viên và giảng viên có thể theo dõi tiến độ học tập, biết được các vấn đề gặp phải của học viên trong học tập, trên cơ sở đó tư vấn cho học viên đăng ký học phần phù hợp theo tiến độ chương trình. Trên cơ sở này, giảng viên hướng dẫn và các giảng viên trong khoa Y Dược căn cứ vào kết quả học tập để kịp thời khích lệ, tuyên dương cũng như nhắc nhở, tư vấn và hướng dẫn người học điều chỉnh kế hoạch học tập.

CTĐT ngành KHYS được đăng tải lên trang thông tin điện tử của Trường ĐHTN để học viên lập kế hoạch học tập linh hoạt cho cá nhân [H2.02.01.04]. Số lượng tín chỉ được phân bố hợp lý giữa các kì, trong đó các môn học đại cương về chính trị, pháp luật được phân bổ đều vào các học kỳ để tránh sự nhàm chán. Các kỳ học được phân bổ hợp lý từ lí thuyết, thực hành, thực tập để người học phát triển đầy đủ kiến thức, kĩ năng, để đảm bảo hầu hết học viên có thể tốt nghiệp đúng tiến độ nhưng cũng linh hoạt nhằm tạo điều kiện cho học viên có thể đăng ký học vượt hoặc học cải thiện. Khoa Y Dược cũng xây dựng và gửi đến học viên bảng theo dõi tiến độ học tập để học viên theo dõi danh sách các học phần đã học, đã đăng ký học, những học phần và các yêu cầu còn thiếu cho quá trình tốt nghiệp. Bảng theo dõi sẽ được tự động cập nhật giúp học viên biết được tiến độ học tập của mình và điều chỉnh tiến độ học tập hay đăng ký học phần phù hợp với tiến độ của mình.

Kết quả học tập của từng môn học của người học được cập nhật lên hệ thống quản lý trực tuyến để thông báo cho học viên qua tài khoản cá nhân cũng như tính khối lượng tín chỉ và điểm trung bình tích lũy. Kết quả tích lũy là cơ sở để xét điều kiện khóa luận, tốt nghiệp. Trường ĐHTN và khoa Y Dược có quy định hướng dẫn rõ ràng về điều kiện và cách thức làm luận văn tốt nghiệp và dưới sự hướng dẫn giám sát của thầy cô hướng dẫn trực tiếp cùng thầy cô giảng dạy.

Trường ĐHTN tổ chức các buổi sinh hoạt lớp định kỳ để Khoa Y Dược nắm bắt tâm tư, nguyện vọng, quá trình học tập của học viên. Qua đó phối hợp với bộ môn để có hướng điều chỉnh và hỗ trợ HV tốt nhất. Qua đây, Bộ môn tổng hợp các ý kiến, các đề xuất của người học để kịp thời điều chỉnh, giám sát và hỗ trợ người học. Đồng thời, hằng năm trường đều tổ chức các buổi thảo luận công tác giảng dạy nhằm rà soát, cải tiến việc hỗ trợ học viên được tốt hơn [H5.05.02.04].

Trong trường hợp HV có kết quả học tập không đạt ở kì học trước đó, Khoa Y Dược và Nhà trường sẽ thống kê và lập danh sách có quyết định cảnh báo kết quả học tập cho NH kịp thời chủ động thay đổi tình trạng học tập để cải thiện kết quả, giúp NH hoàn thành khóa học một cách tốt nhất .

Căn cứ vào các cơ sở dữ liệu về việc giám sát hoạt động học tập, rèn luyện, Bộ môn đánh giá về kết quả học tập và rèn luyện của học viên, trình bày những công việc đã thực hiện, đánh giá các mặt được và các mặt còn hạn chế. Từ đó, Bộ môn rút kinh nghiệm và đề xuất các vấn đề cần điều chỉnh, cải tiến để nâng cao hiệu quả hoạt động tư vấn học tập cũng như hoạt động rèn luyện của học viên trong năm học sau [H8.08.03.02].

Trường ĐHTN hiện đã có sử dụng nhiều công cụ số hóa, hệ thống quản lý, giám sát về kết quả học tập và rèn luyện của người học, tuy nhiên các công cụ, hệ thống này còn chưa được tập trung hóa và hệ thống hóa một cách tối ưu nhất nên vẫn còn gây đôi chút khó khăn trong khi sử dụng cho đội ngũ quản lý và giảng viên.

2. Điểm mạnh

- Trường ĐHTN có hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học, cảnh báo học vụ.
- Trường ĐHTN có quy trình/quy định về việc giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học.
- Trường ĐHTN có cơ sở dữ liệu theo dõi sự tiến bộ của người học trong học tập và rèn luyện. theo dõi tỉ lệ chậm tiến độ, thôi học.
- Giảng viên trong Trường ĐHTN và bộ môn hầu hết là những người trẻ, nhiệt huyết, gần gũi với học viên nên kịp thời nắm bắt chính xác vấn đề của học viên gặp phải và sẵn sàng hỗ trợ người học.

3. Điểm tồn tại

Trường ĐHTN đã có nhiều công cụ, hệ thống quản lý, giám sát về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học, tuy nhiên các công cụ, hệ thống này còn chưa được tập trung hóa và hệ thống hóa một cách tốt nhất nên đôi lúc còn gây đôi chút khó khăn trong sử dụng cho đội ngũ quản lý và có vấn học tập.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	- Tập trung hóa và hệ thống hóa hơn nữa các công cụ hệ thống quản lý, giám sát về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học. - Tăng cường hướng dẫn thêm cán bộ quản lý, cố vấn học tập về việc sử dụng các công cụ hệ thống quản lý.	Trường ĐHTN	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục theo dõi chặt chẽ tiến độ học tập của người học, đặc biệt là các học viên bị cảnh báo học vụ để hỗ trợ kịp thời.	P. Đào tạo Khoa Y Dược	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 8.4. Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của NH.

1. Mô tả hiện trạng

Để nâng cao hiệu quả học tập và cơ hội việc làm sau khi tốt nghiệp, Trường ĐHTN đã có các hoạt động và dịch vụ tư vấn, hỗ trợ HV kịp thời ngay từ thời gian đầu ở Trường ĐHTN cho đến khi tốt nghiệp. Ngoài ra, trong quá trình học tập, những hoạt động tư vấn này còn giúp HV cải thiện hiệu quả học tập qua đó nâng cao hiệu quả chất lượng của CTĐT. Các hoạt động tư vấn được thực hiện bởi Khoa, Bộ môn, Đoàn Thanh niên của Trường ĐHTN [H8.08.04.01], [H8.08.04.02]. Trong đó chịu trách nhiệm chính nhiệm vụ về tư vấn học tập được quy định rõ ràng và chịu trách nhiệm chính nhiệm vụ về các hoạt động hỗ trợ [H8.08.04.02].

Trường ĐHTN cũng đã giao nhiệm vụ hướng dẫn cho các giảng viên chuyên môn của Trường ĐHTN để hỗ trợ, theo dõi và hướng dẫn học viên trong suốt quá trình học tập, hằng năm tổ chức hội nghị giao ban công tác để tổng kết rút kinh nghiệm và đề xuất các giải pháp hỗ trợ học viên kịp thời và hiệu quả. Trường ĐHTN và Khoa Y Dược luôn tư vấn đăng kí tín chỉ, việc rút hoặc học vượt tín chỉ, các hình thức đóng học phí trong quá trình đào tạo theo hệ thống tín chỉ [\[H5.05.02.04\]](#).

Những học viên mới nhập học được phổ biến các quy chế, hướng dẫn phương pháp học tập, cách thức đánh giá cũng như các quy định của Trường ĐHTN để giúp HV có thể hòa nhập với môi trường học tập sau đại học.

Trong suốt quá trình học, người học sẽ được tạo điều kiện hỗ trợ hết mình từ bộ phận hành chính trong việc kiểm tra sửa chữa kịp thời hư hỏng cơ sở vật chất đảm bảo điều kiện học tập tốt nhất và tổ tài vụ trong việc thu chi quản lý học phí. Trường ĐHTN có thư viện trường ĐHTN luôn luôn mở cửa phục vụ nhu cầu tự học tham khảo tài liệu của học viên cũng như phòng Y tế để hỗ trợ xử lý kịp thời giúp học viên đảm bảo sức khỏe học tập [\[H8.08.04.03\]](#), [\[H8.08.04.04\]](#), [\[H8.08.04.05\]](#).

Bên cạnh việc hỗ trợ học tập, các chính sách xã hội, tổ chức Đoàn thanh niên cũng tổ chức nhiều hoạt động ngoại khóa, hoạt động hỗ trợ cộng đồng bổ ích cho người học và thu hút được đông đảo học viên tham gia như: tổ chức chương trình huấn luyện kỹ năng mềm, tổ chức các hoạt động thiện nguyện, hỗ trợ cộng đồng, các hoạt động sáng tạo, các hoạt động thể dục thể thao. Các hoạt động này đã thu hút đông đảo học viên tham gia và hỗ trợ học viên phát triển kỹ năng và cải thiện việc học tập [\[H8.08.04.02\]](#), [\[H8.08.04.06\]](#).

Hoạt động NCKH của HV cũng được Trường ĐHTN quan tâm đẩy mạnh và hỗ trợ kinh phí, Trường ĐHTN đã hoàn thiện quy trình quản lý hoạt động NCKH của HV như: ban hành quy định hoạt động NCKH của HV TRƯỜNG ĐHTN, thông báo đăng ký đề tài học viên NCKH, thông báo báo cáo tiến độ thực hiện đề tài NCKH, công văn về việc triển khai thực hiện đề tài NCKH, kế hoạch tổ chức hội nghị NCKH và hỗ trợ kinh phí thực hiện đề tài cho HV. Số lượng học viên của Trường ĐHTN tham gia nghiên cứu khoa học tăng dần từ năm học 2020-2021 đến nay, trong đó có 19 học viên thuộc bộ môn KHYS với 9 đề tài NCKH cấp Trường ĐHTN được triển khai và 3 bài báo khoa học được đăng trên các tạp chí trong nước và quốc tế. Trường ĐHTN và Khoa Y Dược còn có hợp tác với các cơ sở đào tạo, doanh nghiệp, tổ chức trong và

ngoài nước nhằm hỗ trợ các học viên được đi thực tập, thực hiện Khóa luận tốt nghiệp theo đúng chuyên môn mong muốn [H8.08.04.07]. Học viên có khả năng có thể xin hướng dẫn từ các thầy cô, vào phòng thí nghiệm tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học cùng thầy cô tại Trường ĐHTN. Ngoài ra, Khoa Y Dược còn thường xuyên tổ chức các buổi sinh hoạt khoa học Trường ĐHTN. Bên cạnh đó, nhà trường đăng tải thông tin tuyển dụng cũng như có báo cáo tổng kết đánh giá tình hình việc làm của học viên sau khi tốt nghiệp [H8.08.04.08], [H8.08.04.09]. Kết quả khảo sát sơ bộ cho thấy hầu hết học viên của Trường ĐHTN có việc làm trong vòng 6 tháng sau khi tốt nghiệp với mức lương từ 5 – 15 triệu đồng [H8.08.04.10].

Ngoài ra, điểm nổi bật của trường ĐHTN và ngành KHYS là có rất nhiều các chương trình tham quan học thuật, trao đổi, chuyển tiếp với các trường để học viên có điều kiện tiếp cận với môi trường học thuật trên toàn quốc. Việc này sẽ giúp học viên có thêm nhiều cơ hội học tập và hợp tác với nhiều cơ quan tuyển dụng sau khi tốt nghiệp.

Cuối mỗi học kì, Trường ĐHTN tổ chức đối thoại, lấy ý kiến HV để tiếp thu ý kiến và lắng nghe tâm tư nguyện vọng của NH để kịp thời điều chỉnh các hoạt động tư vấn học tập. Các hoạt động rèn luyện và thi đua của Trường ĐHTN đôi khi chưa đảm bảo tính sáng tạo, đa dạng nên còn một số ít HV chưa có hứng thú trong việc tham gia các hoạt động ngoại khóa. Tuy nhiên nhìn chung theo đánh giá của HV, hơn 80% HV hài lòng với các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của NH.

2. Điểm mạnh

- Trường ĐHTN có phân công bộ phận chịu trách nhiệm tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để cải thiện việc học tập của người học. Các bộ phận này đã hoạt động tích cực và có hiệu quả trong các công tác hỗ trợ học viên.

- Trường ĐHTN có phân công bộ phận chịu trách nhiệm tư vấn việc làm cho người học.

- Trường ĐHTN đã tích cực thực hiện triển khai các hoạt động hỗ trợ việc làm cho người học, tăng cường liên hệ các nơi có điều kiện thực tập, thực tế; tiến hành ký trao đổi, hợp tác với nhiều nhà sử dụng lao động,...

- Trường ĐHTN xây dựng nhiều hoạt động ngoại khóa cho học viên, hỗ trợ học viên thành lập nhiều câu lạc bộ, đội, nhóm, tăng cường kỹ năng mềm,...

- Trường ĐHTN có các chương trình trao đổi, chuyển tiếp với các đối tác uy tín.

3. Điểm tồn tại

Các hoạt động rèn luyện và thi đua đôi khi chưa đảm bảo tính sáng tạo, đa dạng nên còn một số ít HV chưa có hứng thú trong việc tham gia các hoạt động ngoại khóa.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	<ul style="list-style-type: none"> - Tăng cường phối hợp giữa các phòng ban và các Bộ môn thông qua việc trao đổi thông tin trong quá trình tổ chức các hoạt động rèn luyện, thi đua và dịch vụ hỗ trợ học viên. - Tìm hiểu tâm tư nguyện vọng của học viên để thiết kế các hoạt động ngoại khóa có khả năng bao phủ đến nhiều học viên hơn. 	Khoa Y Dược Bộ môn Đoàn TN	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	<ul style="list-style-type: none"> - Tăng cường hỗ trợ học viên trong việc tìm kiếm các đơn vị thực tập có uy tín. - Tiếp tục tăng cường các hoạt động ngoại khóa. 	P. KH&HTQT QHĐN	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt mức 4/7

Tiêu chí 8.5. Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân NH

1. Mô tả hiện trạng

Nhằm thiết lập môi trường học tập có chất lượng và hiệu quả, Trường ĐHTN luôn có chính sách về đảm bảo môi trường học tập, sức khỏe và an toàn cho người học, Trường ĐHTN đã ban hành quy định tiêu chuẩn môi trường, an toàn, sức khỏe tại Trường ĐHTN [H8.08.05.01]. Sơ đồ thiết kế trường ĐHTN được bố trí hợp lý các khu giảng đường, khu hành chính, thực hành, thể thao, giải trí. Đặc biệt, Trường ĐHTN trồng nhiều cây xanh tạo cảnh quan tâm lý thoải mái cho người dạy và học [H8.08.05.02], [H8.08.05.03].

Trường ĐHTN có sơ đồ, vị trí lắp đặt pano, băng rôn và hình ảnh pano, băng rôn, hình ảnh các câu nói tạo động lực học tập tại các khu giảng đường để mọi người học, nhân viên luôn nhận thức được vai trò sứ mệnh của bản thân, có động lực làm việc, học tập, phát triển bản thân [H8.08.05.04]. Trường ĐHTN cũng quy định toàn cán bộ công nhân viên phải đeo băng tên khi làm việc, giữ thái độ hòa nhã và tận tụy với học viên và luôn nhấn mạnh văn hóa học đường, ban hành các nội quy giảng đường, nội quy phòng thực hành, nội quy Thư trường ĐHTN [H8.08.05.05], [H8.08.05.06], [H8.08.05.07], [H8.08.05.08].

Để khuyến khích học viên và nhân viên tham gia các hoạt động thể dục, thể thao, Trường ĐHTN đã hợp tác với các sân bóng đá, nhà thi đấu thể thao và nhà sinh hoạt đa năng, để HV có thể sử dụng vào các hoạt động ngoại khóa [H8.08.05.09]. Trường ĐHTN cũng đã hỗ trợ những học viên có nhu cầu trong việc về sử dụng khu kí túc xá của trường ĐHTN [H8.08.05.10].

Trường ĐHTN thường xuyên tổ chức các hoạt động thể dục, thể thao, an toàn giao thông và nhiều cuộc thi bổ ích khác để tạo sân chơi lành mạnh, rèn luyện thể lực cho HV, tăng cường tinh thần giao lưu, đoàn kết trong cộng đồng HV trong Trường ĐHTN [H8.08.05.11].

Nhằm hỗ trợ tâm lý cho người học, năm học 2019-2020, Lãnh đạo Trường ĐHTN đã có thư ngỏ gửi đến học viên và cán bộ giảng viên để động viên khích lệ mọi người vượt qua những khó khăn do đại dịch COVID gây ra [H8.08.05.12].

Sức khỏe là yếu tố quan trọng để người học thực hiện được nhiệm vụ học tập và NCKH của mình. Chính vì vậy, Trường ĐHTN có các tủ y tế tại khu học tập và làm

việc nhằm hỗ trợ kịp thời học viên về vấn đề y tế cơ bản. Hằng năm, Trường ĐHTN tổ chức khám sức khỏe định kì và cung cấp dịch vụ bảo hiểm y tế cho học viên [H8.08.05.13]. Trường ĐHTN cũng đã có các thông báo, công văn nhằm phổ biến việc phòng chống dịch bệnh [H8.08.05.14].

Để có được cảnh quan sạch đẹp, Trường ĐHTN hợp đồng với nhân viên vệ sinh luân phiên làm việc từ 7h-18h tất cả các ngày. Để đảm bảo môi trường học đường an toàn, Trường ĐHTN có bộ phận bảo vệ thường trực trong khung giờ làm việc của Trường ĐHTN. Ngoài ra, Trường ĐHTN luôn chú trọng hệ thống phòng cháy, chữa cháy. Hệ thống thiết bị phòng cháy chữa cháy tại các giảng đường, thực hành, các phòng làm việc được trang bị đầy đủ. Ngoài ra, định kỳ Trường ĐHTN tham gia cùng ĐHĐN tổ chức khóa tập huấn phòng cháy chữa cháy cho nhân viên để có kỹ năng đảm bảo an toàn về cháy nổ.

Hằng kỳ, Trường ĐHTN tổ chức đối thoại với học viên để kịp thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của học viên để đưa ra những giải pháp cho các vấn đề mà học viên gặp phải. Trường ĐHTN cũng tiến hành làm khảo sát lấy ý kiến của học viên và các bên liên quan về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan của Trường ĐHTN. Phản ánh nhận được từ học viên chủ yếu liên quan đến một số vấn đề như wifi khá yếu, điều hòa thi thoảng bị hư, phòng học đôi khi thiếu bút lông, ... Mặc dù các hoạt động tu sửa, thay mới trang thiết bị đôi khi còn chậm, làm ảnh hưởng đến quá trình học tập và nghiên cứu của học viên nhưng đa số học viên hài lòng với những điều kiện về cơ sở vật chất Trường ĐHTN mang lại và các hoạt động mà HV tham gia.

2. Điểm mạnh

- Trường ĐHTN có môi trường tâm lý, xã hội, môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái, để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu.
- Cảnh quan sư phạm của Trường ĐHTN hiện đại, sáng tạo, tạo điều kiện cho các nhu cầu của HV.

3. Điểm tồn tại

Các hoạt động tu sửa, thay mới trang thiết bị đôi khi còn chậm, làm ảnh hưởng đến quá trình học tập và nghiên cứu của HV.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Cải thiện thủ tục hành chính trong các hoạt động tu sửa.	- Trường ĐHTN - Tổ HCTH	Hằng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	- Tiếp tục việc xây dựng môi trường cảnh quan để phục vụ cho việc giảng dạy, học tập và nghiên cứu của giảng viên, học viên. - Phối hợp các phòng, ban liên quan tổ chức đóng góp Kế hoạch xây dựng môi trường, xã hội và cảnh quan tại Trường ĐHTN. - Tiếp tục nắm bắt kịp thời Tâm lý, tâm tư người học để kịp thời chia sẻ động viên.	- Trường ĐHTN - Tổ HCTH	Hằng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 8:

Trong những năm qua, chất lượng người học và hoạt động hỗ trợ người học đã được trường ĐHTN, khoa Y Dược xác định là một trong những yếu tố rất quan trọng để nâng cao chất lượng đào tạo của Trường ĐHTN. Chính sách tuyển sinh, phương pháp tuyển chọn người học được công bố công khai, cập nhật thường xuyên và thực hiện đúng theo quy chế tuyển sinh của BGDĐT, phù hợp với nhu cầu nhân lực của xã hội. Từ khi nhập học đến khi kết thúc quá trình học tập, người học luôn được tư vấn, hỗ trợ kịp thời để giải quyết những khó khăn gặp phải, một hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện đã được xây dựng và công bố công khai, khối lượng học tập được phân bổ đồng đều giữa các năm giúp người học không bị quá tải một kỳ học.

Môi trường tâm lý xã hội tích cực, cảnh quan của Trường ĐHTN đẹp, thoáng mát, thân thiện đã phát huy sự sáng tạo và sự thoải mái trong tâm lý của người học. Các khu vực học tập, làm việc được bố trí khoa học, thuận lợi cho công tác giảng dạy, học tập và NCKH của CTĐT. Trường ĐHTN luôn thường xuyên lấy ý kiến của các bên liên quan (HV, GV, cán bộ) làm cơ sở để chỉnh sửa hoặc nâng cấp môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan.

Tuy nhiên, số lượng các bên liên quan được lấy ý kiến về chính sách tuyển sinh về ngành đào tạo còn ít. Từ năm học 2019 đến nay, trường ĐHTN vẫn sử dụng hình thức tuyển sinh xét tuyển nhưng vẫn chưa thu hút được nhiều thí sinh đăng ký xét tuyển theo hình thức này. Trường ĐHTN đã có nhiều công cụ, hệ thống quản lý, giám sát về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học nhưng các công cụ, hệ thống này còn chưa được tập trung hóa và hệ thống hóa một cách tốt nhất nên đôi lúc còn gây đôi chút khó khăn trong sử dụng cho đội ngũ quản lý và cố vấn học tập. Các hoạt động rèn luyện và thi đua đôi khi chưa đảm bảo tính sáng tạo, đa dạng nên còn một số ít HV chưa có hứng thú trong việc tham gia các hoạt động ngoại khóa. Các hoạt động tu sửa, thay mới trang thiết bị đôi khi còn chậm, làm ảnh hưởng đến quá trình học tập và nghiên cứu của sinh viên.

Tự đánh giá theo 5 tiêu chí của tiêu chuẩn này, CTĐT ngành ThS KHYS đạt yêu cầu 5/5 tiêu chí trong đó 02 tiêu chí đạt 4/7 điểm, 03 tiêu chí đạt 5/7 điểm.

Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Mở đầu:

Đảm bảo nhu cầu về CSVC là điều kiện quan trọng để đạt chất lượng CTĐT, do đó Trường ĐHTN luôn tạo điều kiện tốt nhất về hệ thống phòng làm việc, phòng học, phòng thí nghiệm và các cơ sở thực hành lâm sàng để phục vụ nhu cầu ĐT và NCKH của Khoa Y Dược. Bên cạnh đó, hệ thống học liệu của thư viện, trung tâm thông tin và hệ thống CNTT cũng được Nhà trường đặc biệt quan tâm để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của HV. Nhà trường còn đưa ra các quy định chặt chẽ về tiêu chuẩn, môi trường, sức khỏe và an toàn trong trường học để tạo môi trường thuận lợi cho CB và học viên.

Hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng của Nhà trường đầy đủ với các trang thiết bị để hỗ trợ các hoạt động ĐT và NCKH. Các nguồn học liệu tại thư viện cũng được lựa chọn phù hợp và cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Bên cạnh đó, Nhà trường có đủ các phòng thí nghiệm, thực hành

được trang bị đầy đủ các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

Tiêu chí 9.1. Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả hiện trạng

Trường ĐHTN xác định việc xây dựng CSVC là một trong những điều kiện đảm bảo chủ yếu của việc nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH và các hoạt động khác của Trường. Nhà trường đã huy động nhiều nguồn vốn để xây dựng giảng đường, các công trình phục vụ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động khác. Nhà trường được xây dựng trên diện tích đất 396.892,7 m² với trụ sở chính tại 567 Lê Duẩn, TP. Buon Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk có diện tích 268.765 m². Nhà trường hiện có 10 phòng chức năng, 08 khoa đào tạo, 01 trường THPT thực hành, 01 trường mầm non thực hành, 04 Trung tâm, 01 Thư viện, 01 Bệnh viện, 01 Viện nghiên cứu [H1.01.01.02], [H8.08.05.08], [H9.09.01.01]. Cơ sở hạ tầng của Nhà trường giai đoạn 2019-2024 có sự thay đổi đáng kể, Nhà trường đã xây dựng, cải tạo khu nhà làm việc, khu giảng đường, ... khang trang, tiện nghi, hiện đại phục vụ các hoạt động của Nhà trường. Trong giai đoạn này, Nhà trường thực hiện nhiều dự án đầu tư xây dựng, sửa chữa CSVC và cơ sở hạ tầng, các phương tiện dạy và học, phòng thí nghiệm, phục vụ cho công tác đào tạo và NCKH của Nhà trường như: Nhà Điều hành trung tâm, Khu thể thao,... [H9.09.01.02], [H9.09.01.03], [H9.09.01.04], [H9.09.01.05], [H9.09.01.06]. Nhà trường bố trí đủ phòng làm việc cho các phòng chức năng và đơn vị đào tạo với 261 phòng làm việc và các công trình khác (nhà khách, nhà ăn, căn tin, nhà để xe, nhà truyền thống, nhà bảo vệ, ...) với diện tích 396.892,7m² [H1.01.01.02], [H8.08.05.08], [H9.09.01.01]. Bên cạnh đó, Nhà trường hiện có 04 hội trường với diện tích 2.209 m², phòng học từ 20 chỗ ngồi đến 150 chỗ ngồi với diện tích 17.234 m² [H1.01.01.02], [H8.08.05.08], [H9.09.01.01]. Hiện Nhà trường có 120 giảng đường phòng học với diện tích là 17.234 m². Ngoài các phòng làm việc cho các phòng chức năng, Nhà trường bố trí phòng làm việc riêng giành cho Trưởng khoa, phó khoa, và các phòng làm việc cho các giảng viên tại các bộ môn. Nhà trường hiện có 9 ký túc xá phục vụ cán bộ, giảng viên, sinh viên của nhà trường với diện tích là 26.790 m². Diện tích bình quân/1 NH là: 10,7 m² [H9.09.01.07]. Hệ thống phòng học của Nhà trường bảo đảm đầy đủ để hỗ trợ các hoạt động đào tạo phục vụ CTĐT ngành Khoa học Y

Sinh theo quy định hiện hành [H1.01.01.02], [H1.01.01.01]. Các phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng của Nhà trường được thể hiện trong sơ đồ Trường ĐHTN được niêm yết tại cổng ra vào và tại tiền sảnh các khu Nhà Điều hành [H9.09.01.01].

Trong các phòng làm việc của Nhà trường được trang bị đầy đủ trang thiết bị với hệ thống chiếu sáng, thông gió, máy chiếu, quạt, điều hòa, ... và các trang thiết bị phục vụ công việc của CB, VC-NLĐ như: máy tính, máy in, máy photocopy, bàn ghế, tủ, kệ, ... [H1.01.01.02], [H9.09.01.08]. Trong các phòng học, bàn ghế, ánh sáng đáp ứng tiêu chuẩn của giảng đường và có đủ thiết bị dạy học. Các phòng học có đầy đủ trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu phục vụ CTĐT ngành Khoa học Y Sinh như: hệ thống chiếu sáng, thông gió, an toàn, bàn ghế, máy chiếu, quạt, máy lạnh, ... [H1.01.01.02], [H9.09.01.08]. Phòng CSVC chịu trách nhiệm trong việc quản lý CSVC và trang thiết bị của Nhà trường [H6.06.03.08], [H5.05.02.04], [H9.09.01.08]. Khoa Y Dược được cung cấp đủ phòng học, phòng thực hành, phòng huấn luyện kỹ năng y khoa và các thiết bị phục vụ cho việc đào tạo theo sự phân công và quản lý của Phòng Đào tạo và Phòng CHVS. Theo định kỳ hằng năm, Nhà trường luôn có kế hoạch mua sắm trang thiết bị máy móc phục vụ đào tạo và NCKH, đồng thời có các kế hoạch sửa chữa chống xuống cấp cơ sở vật chất và đăng ký sửa chữa máy móc thiết bị thí nghiệm, văn phòng phục vụ quản lý tại các đơn vị. Điều này giúp tạo môi trường thuận tiện và thoải mái phục vụ cho công tác đào tạo và nghiên cứu của NH [H9.09.01.08]. Nhà trường thành lập các tổ kiểm kê tài sản và tiến hành công tác kiểm kê tài sản của các đơn vị trong toàn Trường [H9.09.01.08]. Bên cạnh đó, tại các phòng học, phòng thực hành, phòng thí nghiệm luôn có Sổ theo dõi tình trạng hoạt động, sử dụng CSVC và trang thiết bị [H9.09.01.08]. Kết quả khảo sát ý kiến của GV thể hiện Nhà trường có đủ phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng phù hợp và bảo đảm tỉ lệ diện tích để hỗ trợ các hoạt động đào tạo phục vụ CTĐT ngành Khoa học Y Sinh theo quy định hiện hành [H9.09.01.08]. Cụ thể:

Bảng 9.1.1 Sự hài lòng của GV về điều kiện làm việc và cơ sở vật chất

Nội dung	2020	2021	2023
Điều kiện làm việc	84,5%	91,98%	86,7%
Mức độ hài lòng về cơ sở vật chất trang thiết bị phục vụ, phòng học	87,17%	92,92%	91,5%

2. Điểm mạnh

- Nhà trường có đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng phù hợp và bảo đảm tỉ lệ diện tích/NH theo quy định để hỗ trợ các hoạt động đào tạo phục vụ CTĐT ngành Khoa học Y Sinh theo quy định hiện hành.

- Hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng có đầy đủ trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu phục vụ CTĐT ngành Khoa học Y Sinh .

- Trong giai đoạn 2018-2023, Nhà trường đầu tư nâng cấp, cải tạo CSVC và cơ sở hạ tầng đáp ứng nhu cầu hoạt động đào tạo và NCKH phục vụ CTĐT ngành Khoa học Y Sinh .

- Kết quả khảo sát ý kiến của GV, HV thể hiện Nhà trường có đủ phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng phù hợp và bảo đảm tỉ lệ diện tích để hỗ trợ các hoạt động đào tạo phục vụ CTĐT ngành Khoa học Y Sinh theo quy định hiện hành.

3. Điểm tồn tại

Một số phòng học tuy đã được cải tạo, nâng cấp nhưng vẫn chưa đáp ứng tiêu chuẩn của phòng học hiện đại.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Cải tạo, nâng cấp các phòng học đáp ứng tiêu chuẩn của phòng học hiện đại.	- Trường ĐHTN - Phòng CSVC	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục sử dụng các, phòng học, CSVC , trang thiết bị đã được triển khai trong công tác dạy và học	- Trường ĐHTN - Phòng CSVC - Khoa Y Dược	Hàng năm	

5. Tự đánh giá Đạt mức 5/7

Tiêu chí 9.2. Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả hiện trạng

Học liệu phục vụ cho công tác đào tạo dựa chủ yếu vào thư viện và Trung tâm thông tin của Trường. Thư viện của Trường được hình thành từ ngày đầu thành lập, trải qua nhiều giai đoạn, năm 1997, Trung tâm Thông tin Tư liệu và Thư viện được tách ra từ Phòng Đào tạo. Đến năm 2007 tách riêng thành hai đơn vị là Thư viện và Trung tâm Thông tin có các qui định về chức năng, nhiệm vụ rõ ràng [H9.09.02.01]. Hiện nay, Thư viện được xây dựng tại trung tâm của khuôn viên trường hoạt động theo mô hình mở, với tổng diện tích sàn hiện nay là 3.200m² với 05 phòng (01 phòng nghiệp vụ, 04 phòng phục vụ: 01 phòng đọc tại chỗ, 01 phòng tham khảo, 01 phòng giáo trình, 01 phòng máy tra cứu) phục vụ đọc tại chỗ với 500 chỗ ngồi [H9.09.02.02]. Đội ngũ CB, NV của Thư viện hiện có 11 người, bao gồm: 01 Giám đốc, 01 Phó giám đốc, 11 NV. Đội ngũ CB, NV Thư viện bảo đảm yêu cầu về chuyên môn, nghiệp vụ và hằng năm được Nhà trường cử tham dự các khóa ĐT, BD chuyên môn nghiệp vụ thư viện [H9.09.02.03], [H9.09.02.04].

Thư viện không ngừng đổi mới phương cách phục vụ, từ kho đóng chuyển thành kho mở tạo điều kiện thuận lợi cho HV tiếp cận, tra cứu tài liệu theo yêu cầu. Bên cạnh đó, Thư viện ứng dụng tin học vào các hoạt động mượn trả tài liệu thư viện và kết nối liên thư viện [H9.09.02.02]. Hiện nay, Thư viện Nhà trường hoạt động theo mô hình mở, các bạn đọc khi đến thư viện có thể tùy ý vào các giá sách để lựa chọn tài liệu, tự do chọn chỗ ngồi phù hợp để đọc hoặc nghiên cứu [H9.09.02.02]. Để phục vụ hiệu quả, Thư viện được hoạt động dựa trên nội quy, quy định cụ thể về nhiệm vụ, chức năng tổ chức bộ máy hoạt động, các quy định về mượn - trả tài liệu, quy định về xử phạt, quy định về việc sử dụng và thời gian mở cửa [H9.09.02.05]. Thư viện được trang bị phần mềm Ilib, đáp ứng nhu cầu tra cứu của bạn đọc, biết được tình trạng mượn - trả của tài liệu bạn đọc, tình trạng lưu thông của tài liệu (<http://appsrv/opac/>) [H9.09.02.06]. Tại tuần sinh hoạt công dân, CB Thư viện luôn giới thiệu và hướng dẫn HV nắm nhất sử dụng thư viện [H9.09.02.05].

Thư viện Nhà trường có tổng số vốn tài liệu 13.371 đầu sách giáo trình, tài liệu tham khảo, tạp chí chuyên ngành phục vụ cho 8 khoa, 40 ngành đào tạo. Trong đó có gần 15.000 sách phục vụ cho ĐT ngành Khoa học Y Sinh trong đó có 9750 tài liệu

giáo trình và 5110 tài liệu tham khảo [H4.04.03.01], [H9.09.02.07]. Tài liệu nội sinh như luận văn, luận án, báo cáo khoa học, giáo trình do CB, GV Nhà trường viết và xuất bản tăng qua từng năm [H9.09.02.07], [H9.09.02.08]. Để nguồn tài liệu đa dạng và phong phú đáp ứng nhu cầu bạn đọc, Thư viện Trường đã liên kết và được Trung tâm Học liệu Đại học, Bộ CSDL Tạp chí điện tử đa ngành, Bộ CSDL Tạp chí điện tử chuyên ngành kinh tế: Emerald e-Journals Collection SAGE e- JournalsCollection, Thư viện trực tuyến quốc tế BNEUF do tổ chức Đại học Pháp ngữ hỗ trợ chia sẻ và chuyển giao nguồn lực tư liệu điện tử, bạn đọc có thể truy cập mạng nội bộ để tìm tài liệu (<https://lrcdig.ctu.edu.vn/digital/>) [H9.09.02.09], [H9.09.02.10]. Ngoài ra, khoa Y Dược còn có tủ sách phục vụ học tập, nghiên cứu cho GV, HV, NCV ngành Khoa học Y Sinh và các ngành liên quan [H9.09.02.11].

Vào đầu mỗi năm học, dựa trên kế hoạch của phòng CSVC về việc đăng ký mua sắm tài sản, Thư viện gửi thông báo và mẫu đăng ký đặt mua giáo trình, sách tham khảo về các khoa [H9.09.01.06], [H9.09.02.12]. Trên cơ sở đó, Khoa Y Dược triển khai để GV đăng ký, tổng hợp và gửi đề xuất cho Thư viện [H9.09.02.13]. Trong giai đoạn 2018-2023, Nhà trường dành kinh phí 1.841.226.000 đồng để bổ sung 27.884 sách, tạp chí cho Thư viện [H9.09.02.14]. Các tài liệu, học liệu (bản in và điện tử) được cập nhật đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu của CTĐT ngành Khoa học Y Sinh với tổng số đầu sách, tạp chí, e - book, cơ sở dữ liệu trong Thư viện lên tới 174.533 đầu sách sách và tạp chí [H1.01.01.01], [H4.04.01.04], [H4.04.03.01], [H9.09.02.13], [H9.09.02.14].

Hàng năm, phòng QLCL triển khai khảo sát ý kiến các bên liên quan về hoạt động của Trường, trong đó khảo sát ý kiến của GV, HV về hoạt động của Thư viện với kết quả khảo sát thể hiện mức độ hài lòng của GV, HV đối với thư viện [H1.01.01.11], [H1.01.01.13], [H8.08.05.14], [H9.09.01.11]. Cụ thể:

Bảng 9.2.1. Tỷ lệ hài lòng của GV và HV về thư viện (%)

Năm học	2019	2021	2022	2023	2024
Giảng viên	70,1	62,5	-	-	
Sinh viên	50,1	74,4	-	63,14	

Ngoài ra, Thư viện có Facebook riêng của thư viện để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu nói chung và đối với CTĐT ngành Khoa học Y Sinh nói riêng [H9.09.02.07].

2. Điểm mạnh

- Nhà trường đầu tư nâng cấp thư viện, bố trí phòng đọc, phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu của CTĐT ngành Khoa học Y Sinh .

- Thư viện có nội quy và triển khai thực hiện, đồng thời hướng dẫn HV năm thứ nhất tại Tuần sinh hoạt công dân.

- Thư viện có đủ học liệu (tài liệu bắt buộc) bao gồm giáo trình, tài liệu, sách tham khảo, ... phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và NCKH của các CTĐT nói chung và đối với CTĐT ngành Khoa học Y Sinh .

- Trong giai đoạn 2018-2023, Nhà trường cập nhật, bổ sung giáo trình, tài liệu, sách tham khảo cho thư viện với 27.884 sách, tạp chí.

- Kết quả khảo sát ý kiến của GV, HV về hoạt động của thư viện thể hiện mức độ hài lòng của GV, HV đối với hoạt động của thư viện.

3. Điểm tồn tại

Số lượng tài liệu điện tử tại thư viện chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Nhà trường tăng cường đầu tư tăng cường tài liệu điện tử cho thư viện.	Trường ĐHTN Thư viện	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục sử dụng có hiệu quả các CSVC, nguồn học liệu hiện có.	Trường ĐHTN Phòng CSVC Khoa Y Dược	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt mức 4/7

Tiêu chí 9.3. Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường hiện có 95 phòng thí nghiệm với diện tích là 11.253 m², 07 phòng thực hành với tổng diện tích là 12.796 m² [H1.01.01.02], [H9.09.01.02], [H9.09.03.01], [H9.09.03.02]. Trong các phòng thí nghiệm, phòng thực hành được trang bị đầy đủ các trang thiết bị phù hợp phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu [H9.09.01.04]. Đối với CTĐT ngành Khoa học Y Sinh có các phòng thí nghiệm, phòng thực hành phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu, đó là: các phòng thực hành môn đại cương được bố trí tại các tòa nhà số 7, 8 và 9, . các phòng thực hành cận lâm sàng và tiền lâm sàng được đặt tại khu nhà số 5, nhà số 2, và nhà số 9, phòng máy vi tính, Trung tâm xét nghiệm Y khoa, Bệnh viện Trường, các Bệnh Viện tuyến tỉnh tại Đắk Lắk, Gia Lai, Khánh Hoà, Viện Công nghệ Sinh học và Môi trường [H1.01.01.02], [H9.09.03.01], [H9.09.03.02]. Nhà trường có đủ phòng thí nghiệm, phòng thực hành với các trang thiết bị phù hợp phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu của CTĐT ngành Khoa học Y Sinh trong đó có bệnh viện trường rộng 3.120 và trung tâm xét nghiệm y khoa rộng 1.341 và các phòng thí nghiệm khác [H1.01.01.02], [H9.09.01.04], [H9.09.03.02], [H1.01.01.01]. Các phòng thí nghiệm, phòng thực hành của Nhà trường được thể hiện trong Sơ đồ Trường ĐHTN được niêm yết tại công ra vào và tại tiền sảnh các khu nhà/giảng đường [H9.09.01.01].

Phòng CSVC chịu trách nhiệm quản lý CSVC trong Nhà trường bao gồm các phòng thí nghiệm, phòng thực hành và trang thiết bị của Trường [H9.09.01.05]. Hằng năm, CSVC và trang thiết bị hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu của Nhà trường được rà soát, kiểm kê cụ thể [H9.09.01.07]. Nhà trường thành lập các tổ kiểm kê tài sản và tiến hành công tác kiểm kê tài sản của các đơn vị trong toàn trường [H9.09.01.07]. Căn cứ kết quả kiểm kê tài sản và đề xuất nhu cầu của các Khoa về phòng thí nghiệm, phòng thực hành và trang thiết bị để phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu, Nhà trường thực hiện các thủ tục báo cáo, trình Bộ GDĐT xin phê duyệt mua sắm cung cấp trang bị máy móc, thiết bị chuyên dùng [H9.09.01.02], [H9.09.01.03]. Các dự án đầu tư được thực hiện chặt chẽ theo quy định của Nhà nước, đúng quy định của pháp luật, đúng tiến độ, đáp ứng yêu cầu của Nhà trường [H9.09.03.03], [H9.09.03.04]. Bên cạnh đó, hằng năm, căn cứ nhu cầu sử dụng và cân đối nguồn kinh phí, Nhà trường đã xây dựng dự toán để đầu tư nâng cấp CSVC, cơ sở hạ tầng, trang thiết bị theo kế hoạch [H9.09.03.04]. Việc có kế hoạch và phân bổ dự toán giúp cho Nhà trường chủ động trong điều tiết nguồn kinh phí chi tiêu nhằm đầu

tư, cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng, CSVC được kịp thời phục vụ các nhiệm vụ của Nhà trường [H9.09.03.04], [H9.09.03.05]. Trong giai đoạn 2018-2023, Nhà trường đầu tư xây dựng mới 03 phòng thực hành vi tính với số tiền 5.115.557.300 đồng; nâng cấp 5 phòng thí nghiệm khu nhà D1 với số tiền: 499.900.000 đồng; nâng cấp 8 phòng thí nghiệm khu nhà D2 với số tiền: 747.000.000 đồng; đầu tư cung cấp, lắp đặt thiết bị bổ sung cho khoa Y Dược Trường ĐHTN với số tiền: 2.729.000.000 đồng; đầu tư cung cấp, lắp đặt thiết bị thí nghiệm bổ sung cho Viện Công nghệ Sinh học và Môi trường Trường ĐHTN với số tiền: 2.200.000.000 đồng; đầu tư mua sắm máy móc thiết bị thuộc Dự án “Tăng cường năng lực hệ thống GDDH Việt Nam nhằm hỗ trợ khả năng tìm kiếm việc làm của HV sau khi tốt nghiệp và kỹ năng khởi nghiệp” (V2WORK) do Trường Đại học Alicante, Tây Ban Nha viện trợ không hoàn lại cho Trường ĐHTN với số tiền: 394.810.000 đồng; đầu tư mua sắm thiết bị tiền lâm sàng của trường ĐHTN với số tiền: 10.590.000.000 đồng [H9.09.03.05], [H9.09.03.06], [H9.09.03.07], [H8.08.04.05]. Ngoài ra, hằng năm, phòng CSVC thực hiện việc bảo trì, đánh giá, nâng cấp CSVC và cơ sở hạ tầng, các phương tiện dạy và học, các phòng thí nghiệm và trang thiết bị phục vụ công tác đào tạo, NCKH [H9.09.01.04], [H9.09.01.05], [H9.09.01.06].

Nhà trường ban hành quy định, quy chế về quản lý, sử dụng tài sản của Trường và triển khai thực hiện [H9.09.03.07], [H9.09.03.08]. Tại các giảng đường, phòng thí nghiệm, NV trực lập sổ theo dõi sử dụng trang thiết bị phục vụ công tác đào tạo và NCKH [H9.09.01.08]. Trên cơ sở đó, Phòng CSVC thực hiện báo cáo tổng hợp về việc sử dụng trang thiết bị bao gồm: tần suất sử dụng, thời gian hoạt động, số giờ vận hành, ... [H9.09.01.08], [H9.09.03.07]. Định kỳ hằng năm Nhà trường tổ chức cuộc khảo sát đối với GV và HV về mức độ đáp ứng của các phòng thí nghiệm về cơ sở hạ tầng, các phương tiện dạy và học, trang thiết bị tại phòng thí nghiệm phục vụ công tác đào tạo và NCKH. Kết quả khảo sát cho thấy GV, HV hài lòng về các phòng thí nghiệm, phòng thực hành và các trang thiết bị phục vụ hoạt động đào tạo và NCKH của ngành Khoa học Y Sinh [H9.09.02.01]. Cụ thể:

Bảng 9.3.1. Tỷ lệ hài lòng của GV và HV về phòng thí nghiệm thực hành (%)

Năm học	2019	2021	2022	2023	2024
Giảng viên	57,5	50,9	-	-	
Sinh viên	58,3	60,8	-	56,32	

Các ý kiến đề xuất cần đầu tư nâng cấp cấp, xây dựng hệ thống phòng thí nghiệm cho hiện đại và hiệu quả hơn [H8.08.05.14], [H9.09.01.03]. Ngoài ra, thông qua các buổi “Hội nghị Đối thoại HV ” và Hội nghị Viên chức hằng năm Nhà trường đã có những điều chỉnh thích hợp để nâng cấp khả năng phục vụ CSVC của các phòng thí nghiệm, thực hành hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu của Nhà trường [H4.04.01.03], [H2.02.03.01], [H2.02.03.02].

2. Điểm mạnh

- Nhà trường đầu tư, mua sắm bảo đảm đủ phòng thí nghiệm, phòng thực hành và trang thiết bị để phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu của CTĐT ngành Khoa học Y Sinh .

- Hằng năm, phòng CSVC tiến hành rà soát, kiểm kê, đánh giá phòng thí nghiệm, phòng thực hành và trang thiết bị để phục vụ đào tạo và NCKH của CTĐT ngành Khoa học Y Sinh

- Trong giai đoạn 2018-2023, Nhà trường đầu tư xây dựng mới, 03 phòng thực hành vi tính và nâng cấp 13 phòng thí nghiệm ở khu nhà D1, D2, mua sắm các trang thiết bị phục vụ hoạt động đào tạo và NCKH.

- Kết quả khảo sát ý kiến của GV, HV thể hiện sự hài lòng đối với phòng thí nghiệm, phòng thực hành và các trang thiết bị hỗ trợ các hoạt động đào tạo và NCKH của CTĐT ngành Khoa học Y Sinh.

3. Điểm tồn tại

Do hạn chế về nguồn tài chính nên việc nâng cấp các phòng thí nghiệm, phòng thực hành chậm hơn kế hoạch đã xây dựng.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Nhà trường tăng cường đầu tư nguồn lực để nâng cấp các phòng thí nghiệm, phòng thực	- Trường ĐHTN - Phòng CSVC	Hằng năm	

		hành để hỗ trợ hiệu quả các hoạt động đào tạo và NCKH.			
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục sử dụng có hiệu quả các CSVC , phòng thí nghiệm, thực hành.	- Trường ĐHTN - Phòng CHVC - Khoa Y Dược	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 9.4. Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường phân công phòng CSVC và Phòng truyền thông và Tư vấn tuyển sinh chịu trách nhiệm trong việc xây dựng, triển khai, quản lý cơ sở hạ tầng CNTT và mạng máy tính, quản trị hệ thống máy chủ, đường truyền và các thiết bị mạng; việc bảo đảm an toàn và bảo mật hệ thống thông tin, đảm bảo sự hoạt động liên tục của các trang tin điện tử và phần mềm ứng dụng... [H1.01.03.10], [H5.05.02.04]. Nhà trường hiện có 05 máy chủ: Một máy chủ Lenovo để lưu trữ CSDL của Nhà trường và máy ảo server website của Nhà trường, 1 máy chủ IBM để backup CSDL và website Nhà trường, 01 máy chủ HP chạy phần mềm thư viện, 01 máy chủ HP chạy các phần mềm khác, 01 máy chủ HP chạy tường lửa, phân luồng và quản lý toàn bộ hệ thống mạng trong Nhà trường; phòng Internet; 14 phòng phòng thực hành máy tính, phòng LAB với 700 máy tính [H8.08.05.08], [H9.09.01.05]. Hạ tầng mạng của Nhà trường được trang bị truyền Internet tốc độ cao và hệ thống bảo mật sử dụng bức tường lửa để phòng chống virus, quyền truy cập được đăng nhập theo mã HV và mã GV [H8.08.05.07], [H9.09.01.05], [H9.09.04.02], [H1.01.01.17]. Bên cạnh đó, Nhà trường có website tại địa chỉ <https://www.ttn.edu.vn/> bao gồm website tiếng Việt và tiếng Anh [H1.01.01.07].

Để hệ thống CNTT hoạt động ổn định, an toàn để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu, Nhà trường luôn có các biện pháp bảo đảm an toàn, bảo mật cho hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng bên trong thông qua các điều khoản sử dụng phần mềm, phân quyền admin, phân cấp quản lý và sử dụng password, sử dụng các phần mềm bảo vệ máy tính Kaspersky Anti-virus, Firewall trong Windows [H9.09.04.01]. Nhà trường cung cấp cho toàn bộ CB, VC-NLĐ, HV địa chỉ email với tên miền

@ttn.edu.vn, đồng thời yêu cầu tất cả CB, VC-NLĐ, HV sử dụng những email này trong quá trình liên lạc, trao đổi công việc để thuận lợi, bảo mật cho việc nhận gửi và xử lý thông tin văn bản [H9.09.04.02]. HV sử dụng các tài khoản, đăng nhập vào các website chuyên dụng của Trường để đăng ký môn học, xem điểm, xem lịch thi, thông tin học vụ [H8.08.03.01]. Nhằm bảo đảm tính thống nhất, kịp thời, bảo mật và an toàn hệ thống trao đổi thông tin, bảo đảm tính chính xác và sẵn có để cung cấp kịp thời cho các bên liên quan, tất cả các tài liệu, Trường quy định hồ sơ của hệ thống QLCL đều có dấu hiệu nhận biết riêng như: tên tài liệu, mã số, nơi nhận, nơi lưu, ngày ban hành, người có thẩm quyền xem xét và phê duyệt trước khi ban hành, tình trạng thay đổi tài liệu trước khi ban hành theo đúng nội dung quy định của quy chế văn thư lưu trữ đã được Nhà nước, Nhà trường ban hành [H9.09.04.03].

Về việc sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng và cập nhật hệ thống CNTT để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và NCKH, hằng năm, căn cứ nhu cầu thực tế, Nhà trường xây dựng kế hoạch đầu tư hệ thống CNTT [H9.09.01.03], [H9.09.03.04]. Nhà trường luôn xác định mục tiêu hiện đại hóa các trang thiết bị đào tạo, vận hành hiệu quả các phần mềm như: quản lý đào tạo, quản lý CB, quản lý thư viện, đầu tư cơ sở hạ tầng CNTT, ưu tiên tăng cường hệ thống máy tính, đồng bộ dữ liệu quản lý đào tạo, website của Nhà trường đáp ứng nhu cầu học tập, nghiên cứu của GV, HV [H4.04.01.03]. Hằng năm, Nhà trường cũng thông báo yêu cầu các đơn vị đề xuất nhu cầu sửa chữa và bảo dưỡng máy móc thiết bị thí nghiệm và thiết bị văn phòng và phân công viên chức phụ trách sửa chữa và bảo dưỡng kịp thời đáp ứng nhu cầu học tập, nghiên cứu của GV, HV. Từ đó, Nhà trường bố trí nguồn kinh phí cho việc sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng và cập nhật hệ thống CNTT [H9.09.01.04], [H9.09.03.04]. Trong giai đoạn 2018-2023, hệ thống CNTT của Nhà trường được thường xuyên đầu tư nâng cấp đáp ứng nhu cầu dạy và học của GV, HV, trong đó Nhà trường đầu tư xây dựng mới 03 phòng thực hành vi tính và nâng cấp 13 phòng thí nghiệm ở khu nhà D1, D2, mua sắm các trang thiết bị phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu với tổng số tiền là 29.326.501.300 [H9.09.01.05], [H9.09.01.07], [H9.09.03.05]. Nhà trường triển khai, nâng cấp nhiều phần mềm nghiệp vụ như: phần mềm kế toán, phần mềm đào tạo, phần mềm tổ chức CB [H9.09.04.01]. Năm 2018, trên cơ sở phối hợp với VNPT, Nhà trường đã đầu tư hệ thống mạng wifi phủ khắp khuôn viên trường [H8.08.05.07]. Nền tảng giảng dạy

trực tuyến (Teams, Google meet, LMS) nâng cấp bổ sung thiết bị wifi tại các đơn vị làm việc trong Nhà trường năm 2020.

Tại các phòng máy tính, phòng CSVC phân công đội ngũ NV trực, quản lý phòng máy và lập sổ theo dõi sử dụng trang thiết bị CNTT phục vụ công tác đào tạo và NCKH [H9.09.01.08], [H9.09.02.01]. Cuối mỗi năm tài chính, phòng CSVC và Trung tâm Thông tin thực hiện việc rà soát, đánh giá hiệu quả việc đầu tư, sử dụng các thiết bị CNTT của toàn trường [H9.09.02.01], [H9.09.03.07]. Bên cạnh đó, hằng năm, Nhà trường thành lập tổ kiểm kê tài sản và tiến hành công tác kiểm kê tài các thiết bị CNTT [H9.09.01.07]. Theo kế hoạch khảo sát hằng năm của Nhà trường, phòng QLCL tiến hành khảo sát ý kiến CB, GV, HV về mức độ đáp ứng của hệ thống CNTT, việc sử dụng hệ thống máy tính và trang thiết bị chất lượng cao được đầu tư phục vụ cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu với kết quả khảo sát thể hiện sự hài lòng của CB, GV, HV về mức độ đáp ứng của hệ thống CNTT của Trường [H8.08.05.14], [H9.09.01.07]. Ngoài ra, các ý kiến của GV tại Hội nghị VC hằng năm và ý kiến của HV tại Hội nghị Đối thoại HV cấp Trường hằng năm cũng thể hiện sự hài lòng đối với hệ thống CNTT của Trường trong việc hỗ trợ các hoạt động đào tạo và NCKH [H4.04.01.07], [H2.02.03.01].

2. Điểm mạnh

- Nhà trường quan tâm đầu tư hệ thống CNTT bao gồm hệ thống máy tính, phần cứng, phần mềm, hệ thống mạng Internet, trang thông tin điện tử, ... phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.
- Nhà trường phân công phòng CSVC và Trung tâm Thông tin và Tư vấn Tuyển sinh là đơn vị lập kế hoạch bảo trì, kiểm toán, nâng cấp hệ thống CNTT.
- Nhà trường triển khai nhiều biện pháp bảo mật nhằm bảo đảm hệ thống CNTT hoạt động ổn định, an toàn để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và NCKH.
- Hằng năm, Nhà trường luôn rà soát hệ thống CNTT để kịp thời sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng và cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và NCKH.
- Kết quả khảo sát ý kiến của GV, HV thể hiện sự hài lòng đối với hệ thống CNTT để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu của CTĐT ngành Khoa học Y Sinh.

3. Điểm tồn tại

Do hạn chế về nguồn tài chính nên Nhà trường gặp khó khăn trong việc trang bị, nâng cấp hệ thống CNTT đồng bộ.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Nhà trường tăng cường đầu tư nguồn lực để nâng cấp, đồng bộ hệ thống CNTT	- Trường ĐHTN - Phòng CSVC - Trung tâm Truyền thông và tư vấn tuyển sinh	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục sử dụng có hiệu quả các hệ thống CNTT có sẵn	- Trường ĐHTN - Phòng CNTT - Khoa Y Dược	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

1. Mô tả hiện trạng

Trong giai đoạn 2018-2023, Nhà trường thực hiện nâng cấp về CSVC để bảo đảm môi trường, sức khỏe, và an toàn cho NH và làm việc tại Trường [H9.09.01.02], [H9.09.01.03], [H9.09.01.04], [H9.09.01.05], [H9.09.01.06]. Những người có nhu cầu đặc biệt, khuyết tật, tàn tật đều được tạo điều kiện tham gia học tập, làm việc tại Trường [H9.09.05.01]. Nhà trường đã ban hành quy định về tổ chức giảng dạy môn học GDTC đối với đào tạo theo học chế tín chỉ, trong đó quy định chương trình GDTC dành cho nhóm HV sức khỏe hạn chế [H9.09.05.02]. Năm 2021, Nhà trường ban hành nội quy, trong đó có nội dung quy định về việc bảo đảm môi trường, sức khỏe và an toàn cho CB, GV, NV, HV và các cá nhân đến liên hệ công tác với Trường [H8.08.05.06]. Bên cạnh đó, trong quy định về công tác HV của Nhà trường ban hành có xác định các tiêu chí về môi trường, sức khỏe, an toàn và có lưu ý đến nhu cầu của người khuyết tật [H8.08.02.03]. Hàng năm, Nhà trường ra thông báo về kế hoạch tổ

chức khám sức khỏe định kỳ cho viên chức nữ và cho HV chính quy ra trường [H8.08.04.03]. Ngoài ra, Nhà trường phổ biến và yêu cầu các đơn vị triển khai Nghị định số 80/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định về môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường [H5.05.04.03].

Nhà trường phân công phòng HCTH và Công tác Sinh viên triển khai bảo đảm an toàn sức khỏe cho CB, GV, HV trong đó chú trọng đến nhu cầu của người khuyết tật như thang máy nhà điều hành trung tâm có âm thanh nhằm phục vụ thuận tiện cho người khiếm thị; Phòng CSVC quản lý môi trường, vệ sinh các giảng đường, phòng học, cắt tỉa, trồng mới cây xanh trong khuôn viên Trường [H8.08.05.03], [H9.09.01.06]. Bên cạnh đó, Nhà trường ban hành Quyết định thành lập Ban chỉ đạo công tác y tế trường học, Tổ Y tế học đường và giao nhiệm vụ tổ chức, chỉ đạo hoạt động y tế học đường của Trường [H8.08.05.01]. Hằng năm, các nhân sự quản lý môi trường, sức khỏe, an toàn của Trường được cử tham dự các khóa BD, tập huấn, hội nghị, hội thảo về quản lý môi trường, sức khỏe, an toàn trong trường học [H6.06.05.10]. Nhà trường có tường rào bao bọc, cách ly hoàn toàn với môi trường xung quanh [H8.08.05.08]. Đội bảo vệ thuộc phòng HCTH trực tại trường 24/24h với chức năng và nhiệm vụ được phân công cụ thể trong quy định làm việc của tổ bảo vệ [H8.08.05.09]. Bên cạnh đó, Nhà trường đã ký kết hợp đồng và ban hành quy chế phối hợp với Công ty vệ sinh Tuấn Ngọc với mục đích bảo vệ an ninh trật tự trong trường [H8.08.05.10]. Ngoài ra, Nhà trường phối hợp tốt với Công an Phường Ea Tam trong công tác bảo vệ an ninh chung trong trường [H8.08.05.11]. Nhà trường thường xuyên tuyên truyền giáo dục nhằm nâng cao trình độ nhận thức của VC – NLD thông qua các đợt tập huấn hằng năm về phòng cháy chữa cháy [H8.08.05.02]. Ban Phòng cháy chữa cháy phối hợp với các đơn vị kiểm tra, bảo dưỡng và bổ sung, đề xuất sửa chữa trang thiết bị phòng cháy chữa cháy trong khuôn viên Trường [H8.08.05.12]. Hiện nay, Nhà trường có các căn tin bán hàng phục vụ HV, VC-NLD trong khuôn viên trường [H8.08.05.08]. Tất cả các căn tin đều có chứng nhận bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Nhà nước và cam kết thực hiện vấn đề vệ sinh an toàn thực phẩm được quy định cụ thể trong điều khoản hợp đồng kí kết với Trường [H8.08.05.13]. Nhà trường bố trí phòng học cho các lớp có HV khuyết tật tại các tầng

trệt giảng đường, và cử các HV tình nguyện hỗ trợ HV khuyết tật khi cần thiết **[H1.01.01.07]**.

Hàng năm, trong nội dung khảo sát ý kiến của GV, HV về hoạt động của Nhà trường, phòng QLCL khảo sát ý kiến của GV, HV về môi trường, sức khỏe và an toàn có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật **[H1.01.01.11]**, **[H1.01.01.12]**, **[H1.01.01.13]**. Kết quả khảo sát ý kiến của GV, HV thể hiện sự hài lòng về môi trường, sức khỏe và an toàn có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật của Trường **[H1.01.01.12]**, **[H1.01.01.13]**, **[H8.08.05.14]**.

2. Điểm mạnh

- Nhà trường luôn quan tâm đến việc bảo đảm môi trường, sức khỏe và an toàn cho CB, GV, HV và có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

- Nhà trường triển khai nhiều biện pháp bảo đảm môi trường, sức khỏe và an toàn cho CB, GV, HV và có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

- Kết quả khảo sát ý kiến của GV, HV thể hiện sự hài lòng về môi trường, sức khỏe và an toàn có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật của Trường.

3. Điểm tồn tại

Do hạn chế về kinh phí nên Nhà trường chưa có nhiều công trình phục vụ nhu cầu của người khuyết tật.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Nhà trường tăng cường kinh phí đầu tư các công trình phục vụ nhu cầu của người khuyết tật.	- Trường ĐHTN - Phòng CSVC	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục phát huy các giải pháp đảm bảo tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn thực phẩm.	- Trường ĐHTN - Phòng CSVC	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 9:

CSVC và trang thiết bị phục vụ CTĐT được cung cấp đầy đủ đáp ứng được tối đa nhu cầu đào tạo thực tế và định hướng mở rộng trong tương lai. Nhà trường có đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng có đầy đủ trang thiết bị và bảo đảm tỉ lệ diện tích/NH theo quy định để hỗ trợ các hoạt động đào tạo phục vụ CTĐT ngành Khoa học Y Sinh theo quy định hiện hành. Trong giai đoạn 2017 – 2021, Nhà trường đầu tư nâng cấp, cải tạo CSVC và cơ sở hạ tầng đáp ứng nhu cầu hoạt động đào tạo và nghiên cứu phục vụ CTĐT ngành Khoa học Y Sinh. Kết quả khảo sát ý kiến của GV, HV thể hiện Nhà trường có đủ phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng phù hợp và bảo đảm tỉ lệ diện tích để hỗ trợ các hoạt động đào tạo phục vụ CTĐT ngành Khoa học Y Sinh theo quy định hiện hành. Thư viện của Nhà trường được đầu tư nâng cấp phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu của CTĐT ngành Khoa học Y Sinh. Thư viện có nội quy hoạt động rõ ràng và đồng thời luôn hỗ trợ, hướng dẫn HV đặc biệt là HV năm thứ nhất sử dụng Thư viện hiệu quả. Nguồn học liệu đảm bảo nhu cầu học tập và nghiên cứu của các CTĐT nói chung và đối với CTĐT ngành Khoa học Y Sinh. Hằng năm, Nhà trường cập nhật, bổ sung giáo trình, tài liệu, sách tham khảo cho thư viện. Kết quả khảo sát ý kiến của GV, HV về hoạt động của Thư viện thể hiện mức độ hài lòng của GV, HV đối với hoạt động của thư viện. Phòng thí nghiệm, thực hành được xây dựng với số lượng và quy cách đáp ứng việc phục vụ cho CTĐT. Các trang thiết bị phù hợp với từng môn học, được trang bị đầy đủ để phục vụ đào tạo và nghiên cứu của CTĐT ngành Khoa học Y Sinh. Hằng năm, phòng CSVC tiến hành rà soát, kiểm kê, đánh giá phòng thí nghiệm, phòng thực hành và trang thiết bị để phục vụ đào tạo và nghiên cứu của CTĐT ngành Khoa học Y Sinh. Trong giai đoạn 2017 – 2021, Nhà trường nâng cấp 13 phòng thí nghiệm ở khu nhà D1, D2 và cho khoa Y Dược quản lý. Đồng thời, các trang thiết bị phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu cũng được mua sắm và sửa chữa hằng năm. Kết quả khảo sát ý kiến của GV, HV thể hiện sự hài lòng đối với phòng thí nghiệm, phòng thực hành và các trang thiết bị hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu của CTĐT ngành Khoa học Y Sinh. Nhà trường quan tâm đầu tư hệ thống CNTT bao gồm hệ thống máy tính, phần cứng, phần mềm, hệ thống mạng Internet, trang thông tin điện tử, ... phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và NCKH. Nhà trường phân công phòng CSVC và Trung tâm Thông tin và Tư vấn Tuyển sinh lập kế hoạch bảo trì, kiểm toán,

nâng cấp hệ thống CNTT. Nhà trường triển khai nhiều biện pháp bảo mật nhằm bảo đảm hệ thống CNTT hoạt động ổn định, an toàn để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Hằng năm, Nhà trường luôn rà soát hệ thống CNTT để kịp thời sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng và cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Kết quả khảo sát ý kiến của GV, HV thể hiện sự hài lòng đối với hệ thống CNTT để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu của CTĐT ngành Khoa học Y Sinh. Nhà trường luôn quan tâm và triển khai nhiều biện pháp bảo đảm môi trường, sức khỏe và an toàn cho CB, GV, HV và có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật. Kết quả khảo sát ý kiến của GV, HV thể hiện sự hài lòng về môi trường, sức khỏe và an toàn có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật của Trường.

Mặc dù, một số phòng học tuy đã được cải tạo, nâng cấp nhưng vẫn chưa đáp ứng tiêu chuẩn của phòng học hiện đại. Số lượng tài liệu điện tử tại Thư viện chưa nhiều. Do hạn chế về nguồn tài chính nên việc nâng cấp các phòng thí nghiệm, phòng thực hành còn chậm hơn kế hoạch đã xây dựng và gặp khó khăn trong việc trang bị, nâng cấp hệ thống CNTT đồng bộ cũng như chưa có nhiều công trình phục vụ nhu cầu của người khuyết tật.

Tự đánh giá theo 5 tiêu chí của tiêu chuẩn này, CTĐT ngành Khoa học Y Sinh đạt yêu cầu 5/5 tiêu chí, trong đó 4 tiêu chí đạt 5/7 điểm và 1 tiêu chí đạt 4/7 điểm.

Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng

Mở đầu:

Nâng cao chất lượng là mục tiêu và là nhiệm vụ quan trọng cần phải duy trì thương xuyên, liên tục trong bất cứ cơ sở đào tạo nào. Có nhiều cách thức khác nhau nhằm đạt được mục tiêu này. Nâng cao chất lượng trong các hoạt động chính là giúp nhà trường đạt được mục tiêu đào tạo, giúp người học thoả mãn được các chuẩn đầu ra theo quy định của từng ngành học, từ đó đáp ứng được các nhu cầu lao động của xã hội. Để hiện thực hoá mục tiêu này, Khoa Y và nhà trường đã thường xuyên rà soát, cải tiến các hoạt động dạy và học; định kỳ rà soát và cập nhật CTĐT theo đúng quy định của Trường và quy định của Bộ GD&ĐT. Việc đánh giá kết quả học tập cũng được rà soát và cải tiến để đảm bảo không ngừng nâng cao giá trị, độ tin cậy, tính công bằng trong đào tạo. Các hoạt động nghiên NCKH trong cơ sở giáo dục có ý nghĩa về nhiều mặt, trong đó có vai trò gắn kết lý thuyết và thực tiễn, cũng như nâng cao uy tín của cơ sở giáo dục. NCKH không chỉ là một hoạt động học thuật mà còn là một phần

thiết yếu trong việc phát triển toàn diện. Để có những cơ sở làm căn cứ cải tiến mọi hoạt động của Trường; Nhà trường đã xây dựng hệ thống lấy ý kiến của các bên liên quan với sự tham gia đồng bộ từ cấp BM, cấp Khoa, cấp Trường. Hệ thống phản hồi tạo điều kiện cho việc đánh giá thường xuyên, khuyến khích một văn hóa cải tiến liên tục trong môi trường học tập. Giúp cơ sở giáo dục theo dõi và đánh giá hiệu quả của các chương trình, hoạt động và chính sách đã triển khai.

Tiêu chí 10.1 Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển CTDH

1. Mô tả hiện trạng

Các bên liên quan trong trường (người học, viên chức, người lao động) và ngoài trường (chuyên gia, nhà sử dụng lao động, cựu người học, gia đình người học...) đóng vai trò quan trọng giúp Trường xác định mục tiêu chiến lược, giám sát hiệu quả của các hoạt động của Trường

Theo quy chế tổ chức và hoạt động của Nhà trường, phòng Đào tạo là các đơn vị tham mưu BGH ban hành hệ thống văn bản liên quan đến lĩnh vực đào tạo để thiết kế, phát triển, giám sát, rà soát, thẩm định, phê duyệt và trình Hiệu trưởng ban hành các CTĐT của Trường [H1.01.01.03], [H1.01.01.04], [H1.01.01.11], [H1.01.01.12]. Bên cạnh đó, Nhà trường phân công phòng QLCL là đơn vị chủ trì, phối hợp với các Khoa thực hiện khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan, trong đó có nội dung khảo sát về CTĐT [H10.10.01.01].

Căn cứ văn bản quy định về đào tạo trình độ thạc sĩ, văn bản của Bộ GDĐT quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà NH đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ, Nhà trường ban hành Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CDR, CTĐT, đề cương học phần của Nhà trường ban hành năm 2020, 2022 [H1.01.01.04], [H1.01.03.01]. Ngoài ra, trong quá trình thực hiện CTĐT, phòng QLCL phối hợp Khoa Y Dược để khảo sát ý kiến của người học trước khi tốt nghiệp về chất lượng CTĐT ngành Thạc sĩ khoa học y sinh và kết quả khảo sát được gửi đến Khoa Y Dược để sử dụng trong quá trình soát, điều chỉnh CTDH ngành Thạc sĩ khoa học y sinh [H1.01.01.07], [H1.01.02.04]. Bên cạnh đó, Khoa Y Dược thu thập thông tin về nhu cầu nguồn nhân lực liên quan đến ngành Thạc sĩ khoa học y sinh thông qua các thông báo tuyển dụng, bài báo,

thông tin từ các nhà tuyển dụng trong các hội nghị, hội thảo do Trường và Khoa Y Dược tổ chức [H1.01.03.03], [H1.01.03.04], [H1.01.03.05]. Trên cơ sở đó, Khoa Y Dược tổng hợp báo cáo nhu cầu của các bên liên quan về CTDH ngành Thạc sĩ khoa học y sinh và sử dụng trong quá trình rà soát, điều chỉnh CTDH ngành Thạc sĩ Y sinh cùng với kết quả khảo sát ý kiến của các bên liên quan làm cơ sở để điều chỉnh, ban hành CTDH vào năm 2020 và điều chỉnh bổ sung trong năm 2022 [H2.02.01.01], [H2.02.01.04], [H2.02.01.05], [H2.02.01.03]. Thông qua cuộc họp lấy ý kiến nhà tuyển dụng về CTĐT, nhìn chung các nhà tuyển dụng nhận thấy các học viên tốt nghiệp ngành Thạc sĩ khoa học y sinh trường Đại học Tây Nguyên có đủ kiến thức, đủ các năng lực cần thiết cho công việc và có khả năng làm việc nhóm. Bên cạnh đó, Thạc sĩ khoa học y sinh trường Đại học Tây Nguyên có tinh thần học hỏi, thái độ làm việc tích cực, nghiêm túc, có kỉ luật tốt.

Các hoạt động lấy ý kiến các BLQ được triển khai theo nhiều hình thức như: khảo sát trực tuyến/trực tiếp, họp, hội thảo, tọa đàm và theo các quy trình lấy ý kiến phản hồi như: quy trình lấy ý kiến phản hồi của nhà sử dụng lao động về chương trình đào tạo và nhu cầu tuyển dụng, quy trình lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động đào tạo và các hoạt động khác, quy trình lấy ý kiến phản hồi của cựu học viên về chất lượng đào tạo và tình hình việc làm, quy trình lấy ý kiến phản hồi của CB viên chức, người lao động về hoạt động đào tạo và các hoạt động khác [H10.10.01.01], [H6.06.07.01]. Các quy trình này giúp đảm bảo thu thập đầy đủ các thông tin - dữ liệu làm căn cứ để đánh giá và cải tiến các hoạt động đào tạo, các điều kiện phục vụ - hỗ trợ đào tạo.

Như vậy, để làm cơ sở xây dựng, rà soát, điều chỉnh các CTDH của Trường nói chung và CTDH thạc sĩ khoa học y sinh nói riêng; việc xác định nhu cầu của xã hội, của nhà sử dụng lao động (các bên liên quan ngoài Trường) và ghi nhận ý kiến góp ý về CTDH được xem như là một hoạt động thường niên của Trường.

Đối với ý kiến của GV và các chuyên gia, phòng ĐT xây dựng kế hoạch rà soát chương trình dạy-học 02 năm/lần [H1.01.01.04]. Các BM tiến hành họp rà soát CTDH và gửi biên bản đề xuất chỉnh sửa về phòng ĐT hoặc phản hồi trực tiếp trong giao ban đào tạo. Sau đó, Hội đồng Khoa và Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường sẽ quyết định bổ sung, điều chỉnh chương trình ĐT.

Căn cứ trên các ý kiến góp ý, các BM đã rà soát chương dạy học và đã có những điều chỉnh trong nội dung giảng dạy như: rà soát CDR CTĐT, xây dựng CDR theo định

hướng nghiên cứu và theo định hướng ứng dụng, điều chỉnh các học phần trong CTĐT, điều chỉnh nội dung HP, thời lượng các nội dung trong HP.

2. Điểm mạnh

- Nhà trường ban hành quy định về khảo sát ý kiến các bên liên quan với việc phân công cụ thể trách nhiệm cho các đơn vị thực hiện, trong đó có nội dung khảo sát về CTDH ngành Thạc sĩ khoa học y sinh.

- Phòng QLCL phối hợp Khoa Y Dược để khảo sát ý kiến của GV, SV, cựu HV, các nhà tuyển dụng về CTDH ngành Thạc sĩ khoa học y sinh.

- Khoa Y Dược triển khai thu thập thông tin về nhu cầu nguồn nhân lực liên quan đến ngành Thạc sĩ khoa học y sinh.

- Khoa Y Dược sử dụng thông tin về nhu cầu nguồn nhân lực liên quan đến ngành Thạc sĩ khoa học y sinh và kết quả khảo sát ý kiến các bên liên quan về CTDH để điều chỉnh và ban hành CTDH ngành Thạc sĩ khoa học y sinh năm 2024.

3. Điểm tồn tại

Số lượng nhà tuyển dụng và cựu HV góp ý về CTDH ngành Thạc sĩ khoa học y sinh chưa nhiều. Một phần do lượng HV tốt nghiệp chuyên ngành này còn ít dẫn đến cỡ mẫu còn hạn chế, dẫn đến chất lượng thông tin chưa cao. Bên cạnh đó có thể do phương thức thu thập thông tin chưa phù hợp và chưa có kích thích được HV tích cực phản hồi.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Khoa Y Dược kết hợp phòng ĐT và phòng QLCL xây dựng hệ thống dữ liệu cựu NH bằng phần mềm và các hình thức lấy ý kiến khác nhau phù hợp theo vị trí công tác của cựu NH ngành Thạc sĩ khoa học y sinh.	Trường ĐHTN, Phòng QLCL	Hàng năm	

2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục phát huy các quy trình khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan về CTDH để điều chỉnh ban hành CTDH	Trường ĐHTN, Phòng QLCL	Hàng năm	
---	--------------------	---	-------------------------	----------	--

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và phát triển CTDH được thiết lập, được đánh giá và cải tiến

1. Mô tả hiện trạng

Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ [H10.10.02.01].

Trên cơ sở đó, Nhà trường phân công Phòng Đào tạo là đơn vị chủ trì và phối hợp các Khoa đào tạo rà soát quy trình thiết kế và quy trình đánh giá CTDH của Trường [H6.06.07.01], [H1.01.03.01]. Nhà trường gửi Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CDR, CTĐT, đề cương học phần của Nhà trường ban hành đến các Khoa để thực hiện trong quá trình xây dựng, rà soát, điều chỉnh CTDH [H1.01.01.04], [H1.01.03.01].

Trên cơ sở tham mưu của phòng Đào tạo và phòng ĐT, năm 2020 và năm 2022, Hiệu trưởng Nhà trường ký ban hành Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CDR, CTĐT, đề cương học phần, trong đó có các biểu mẫu hướng dẫn xây dựng CTDH trên cơ sở tham khảo các CTĐT cùng ngành của các trường đại học trong nước và quốc tế khi điều chỉnh CTDH [H1.01.01.04], [H1.01.03.06], [H3.03.01.02], [H3.03.01.01].

Nhà trường gửi thông báo và biểu mẫu hướng dẫn xây dựng, rà soát, cập nhật CDR, CTĐT, đề cương học phần, đến các Khoa để thực hiện và đăng tải trên trang thông tin điện tử của Trường, Sổ tay CTĐT [H1.01.03.10], [H10.10.02.02]. Khoa Y đã thực hiện theo đúng các quy định của Trường trong thiết kế, rà soát chương trình dạy học (CTDH) ngành Thạc sĩ Khoa học y sinh với các bước:

- Bước 1: Lập kế hoạch cập nhật, đánh giá CTĐT.
- Bước 2: Thu thập thông tin minh chứng liên quan đến việc cần thiết phải cập nhật, sửa đổi CTĐT.

- Bước 3: Báo cáo đánh giá về tính hiệu quả của CTĐT đang thực hiện.
- Bước 4: Dự thảo những nội dung cần sửa đổi, cập nhật, trình Hội đồng Khoa xem xét.

Bước 5: Hội đồng Khoa xem xét, thông qua nội dung sửa đổi CTĐT và trình Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Trường, Hiệu trưởng đề ra quyết định ban hành. Trên cơ sở đó, Khoa Y Dược triển khai rà soát, điều chỉnh CTDH ngành Thạc sĩ Khoa học y sinh.

2. Điểm mạnh

- Trong thông báo xây dựng, rà soát, cập nhật CDR, CTĐT, đề cương học phần của Nhà trường ban hành có nội dung thiết kế và phát triển CTDH với các bước thực hiện cụ thể.

- Năm 2020, Phòng Đào tạo triển khai rà soát thiết kế và phát triển CTDH trong Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CDR, CTĐT, đề cương học phần của Nhà trường ban hành.

- Dựa trên tiếp thu ý kiến của các Khoa và kết quả khảo sát ý kiến của GV về quy trình thiết kế và phát triển CTDH, Nhà trường ban hành Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CDR, CTĐT, đề cương học phần, trong đó có quy trình thiết kế và phát triển CTDH đã được điều chỉnh.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường chưa triển khai khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan bên ngoài trường về quy trình thiết kế và phát triển CTDH.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Thông qua các hội nghị, hội thảo về công tác đào tạo, Nhà trường triển khai ý kiến phản hồi của các bên liên quan bên ngoài trường về quy trình thiết kế và phát triển CTDH.	Trường ĐHTN, Phòng QLCL	Hàng năm	
2	Phát	Tiếp tục xây dựng, rà soát, cập nhật	Trường	Hàng năm	

	huy điểm mạnh	CĐR, CTĐT, đề cương học phần, trong đó có quy trình thiết kế và phát triển CTDH đã được điều chỉnh.	ĐHTN, Phòng QLCL Phòng ĐT		
--	---------------------	--	------------------------------------	--	--

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của NH được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR

1. Mô tả hiện trạng

Trong Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ theo hệ thống tín chỉ, Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần của Nhà trường ban hành có quy định về việc rà soát, đánh giá thường xuyên quá trình dạy học [H5.05.04.01], [H10.10.03.01], [H10.10.03.02]. Việc đánh giá kết quả hoạt động của NH, các phương pháp dạy và học của GV, phương pháp đánh giá KQHT của NH trong CTĐT để bảo đảm sự tương thích với CĐR [H1.01.01.13], [H1.01.01.08], [H3.03.02.01], [H4.04.02.02], [H10.10.03.02]. Theo quy chế tổ chức và hoạt động của Nhà trường ban hành, Nhà trường phân công trách nhiệm cụ thể cho các Khoa trong việc rà soát, đánh giá thường xuyên quá trình dạy học; việc ĐGKQ hoạt động của NH, các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá KQHT của NH trong CTĐT để bảo đảm sự tương thích với CĐR đã ban hành [H5.05.01.02], [H3.03.02.01]. Bên cạnh đó, phòng Thanh tra Pháp chế được giao nhiệm vụ kiểm tra, giám sát việc thực hiện của phòng ĐT, phòng QLCL và các Khoa trong việc thực hiện quá trình dạy học; đánh giá kết quả hoạt động của NH, các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá KQHT của NH trong CTĐT để bảo đảm sự tương thích với CĐR [H6.06.07.01], [H3.03.02.01].

Tại các cuộc họp giao ban của Khoa Y Dược, ban chủ nhiệm Khoa thường xuyên quán triệt, nhắc nhở GV thực hiện tốt việc dạy học, đánh giá kết quả hoạt động của NH, sử dụng các phương pháp dạy và học tích cực nhằm phát triển phẩm chất và năng lực NH, phương pháp đánh giá KQHT của NH để bảo đảm sự tương thích với CĐR đã ban hành [H10.10.03.03]. Trên cơ sở đó, GV Khoa Y Dược sử dụng các phương pháp dạy và học phù hợp, phương pháp đánh giá KQHT của NH để bảo đảm sự tương thích với CĐR môn học đã được xác định trong ĐC học phần [H10.10.03.02].

Cuối mỗi học kỳ và mỗi năm học, Khoa Y Dược triển khai đề bộ môn tổ chức họp tổng kết, đánh giá quá trình dạy học; đánh giá kết quả hoạt động của NH, các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá KQHT của NH trong CTDH ngành Thạc sĩ Khoa học y sinh để bảo đảm sự tương thích với CDR đã ban hành, đồng thời rút kinh nghiệm để triển khai tốt trong học kỳ tiếp theo [H10.10.03.02]. [H10.10.03.04].

Việc rà soát, đánh giá thường xuyên quá trình dạy học; việc đánh giá kết quả hoạt động của NH, các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá KQHT của NH trong CTĐT để bảo đảm sự tương thích với CDR được thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học của Nhà trường, của phòng ĐT, phòng QLCL, phòng Thanh tra Pháp chế, Khoa Y Dược [H5.05.03.08]. Ngoài ra, Nhà trường và Khoa Y Dược tổ chức các hội thảo tổng kết hoạt động NCKH để các chủ nhiệm đề tài và các GV trong Khoa chia sẻ về các nghiên cứu đổi mới PPDH, KTĐG KQHT của NH vận dụng vào giảng dạy các chuyên ngành [H6.06.07.09].

Hàng năm, phòng QLCL khảo sát ý kiến phản hồi của NH sau khi kết thúc môn học với những tiêu chí rất cụ thể để đánh giá GV, cụ thể gồm những nội dung như: Tác phong sư phạm, nội dung giảng dạy, tổ chức hoạt động giảng dạy, KTĐG [H4.04.02.04]. Với những HV năm cuối, Nhà trường tổ chức khảo sát ý kiến đánh giá chất lượng đào tạo của cơ sở giáo dục trước khi tốt nghiệp tại Trường [H1.01.01.07]. Kết quả khảo sát ý kiến phản hồi từ NH của CTĐT ngành Thạc sĩ Khoa học y sinh thể hiện sự hài lòng đối với phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá KQHT của NH [H4.04.02.04].

Bảng 10.3.1. Tỷ lệ của HV hài lòng đối với quá trình dạy - học, đánh giá kết quả học tập của GV khoa Y Dược (%)

Nội dung	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
Tác phong sư phạm	88,5	81,8	77,7	-
Nội dung giảng dạy	82,5	77,2	74	-
Kiểm tra đánh giá	85,7	81,8	85,1	-
Mức độ hài lòng chung	91,4	90,9	92,5	-

2. Điểm mạnh

- Trong các văn bản về hoạt động ĐT, KTĐG KQHT của NH có quy định về việc rà soát, đánh giá thường xuyên quá trình dạy học; việc đánh giá kết quả hoạt động của NH, các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá KQHT của NH trong CTĐT để bảo đảm sự tương thích với CĐR.

- Nhà trường phân công trách nhiệm cụ thể cho Phòng ĐT, Phòng QLCL, Phòng Thanh tra Pháp chế, Khoa Y Dược trong việc rà soát, đánh giá thường xuyên quá trình dạy học; việc đánh giá kết quả hoạt động của NH, các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá KQHT của NH trong CTĐT để bảo đảm sự tương thích với CĐR.

- Từng học kỳ và cuối mỗi năm học, Khoa Y Dược họp tổng kết, đánh giá quá trình dạy học; đánh giá kết quả hoạt động của NH, các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá KQHT của NH trong CTDH ngành Y khoa để bảo đảm sự tương thích với CĐR đã ban hành, đồng thời rút kinh nghiệm để triển khai tốt trong học kỳ tiếp theo.

- Kết quả khảo sát ý kiến phản hồi từ NH của CTĐT ngành Thạc sĩ Khoa học y sinh thể hiện sự hài lòng đối với phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá KQHT của NH.

3. Điểm tồn tại

Số lượng hội nghị, hội thảo về đổi mới PPGD, học tập, KTĐG KQHT của NH do Khoa Y Dược tổ chức chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Khoa Y Dược xây dựng kế hoạch và hằng năm tổ chức hội nghị, hội thảo về đổi mới PPGD, học tập, KTĐG KQHT của NH.	Trường ĐHTN, Phòng QLCL, Khoa Y Dược	Hằng năm	
2	Phát huy	Tiếp tục đánh giá thường xuyên	Trường	Hằng năm	

điểm mạnh	quá trình dạy học; việc đánh giá kết quả hoạt động của NH, các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá KQHT của NH trong CTĐT để bảo đảm sự tương thích với CĐR.	ĐHTN, Phòng QLCL, Phòng ĐT, Khoa Y Dược		
--------------	---	--	--	--

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 10.4. Các kết quả NCKH được sử dụng để cải tiến việc dạy và học

1. Mô tả hiện trạng

Hoạt động nghiên cứu khoa học trong các cơ sở giáo dục có ý nghĩa quan trọng nhiều mặt:

- **Phát triển tư duy phản biện:** Giúp học viên phát triển khả năng phân tích, đánh giá và giải quyết vấn đề.
- **Khuyến khích sáng tạo:** Thúc đẩy tinh thần sáng tạo và khám phá, khuyến khích người học tìm tòi và phát triển ý tưởng mới.
- **Cập nhật kiến thức:** Cung cấp cơ hội cho giảng viên và học viên nắm bắt các kiến thức, công nghệ và xu hướng mới trong lĩnh vực của họ.
- **Gắn kết lý thuyết với thực tiễn:** Giúp học viên áp dụng kiến thức lý thuyết vào thực tiễn, từ đó hiểu rõ hơn về môn học.
- **Phát triển kỹ năng mềm:** Tăng cường các kỹ năng như làm việc nhóm, giao tiếp và quản lý thời gian qua các dự án nghiên cứu.
- **Đóng góp vào xã hội:** Các nghiên cứu có thể giải quyết các vấn đề xã hội, kinh tế, môi trường, góp phần vào sự phát triển bền vững.
- **Nâng cao uy tín của cơ sở giáo dục:** Các công trình nghiên cứu chất lượng cao có thể nâng cao vị thế và danh tiếng của trường.

Nhằm đạt được những mục tiêu mô tả ở trên, Nhà trường có nhiều chính sách hỗ trợ, khuyến khích cán bộ, GV tham gia đề tài khoa học công nghệ về lĩnh vực giáo dục y học và ứng dụng kết quả NCKH của các đề tài liên quan đến dạy và học [\[H10.10.04.01\]](#), [\[H6.06.07.02\]](#), [\[H6.06.07.03\]](#). Các văn bản quy định hoạt động KHCN được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Trường, niêm yết trong Sổ tay NCKH, và gửi đến các đơn vị để triển khai thực hiện [\[H1.01.03.10\]](#), [\[H6.06.07.06\]](#). Phòng KHQHQT được phân công triển khai các nội dung của hoạt động NCKH hằng năm từ khâu xét duyệt đề tài, triển khai thực hiện, nghiệm thu đánh giá, triển khai ứng dụng

[H10.10.04.03], [H10.10.04.04], [H10.10.04.05], [H10.10.04.06], [H10.10.04.07], [H10.10.04.08].

Nhà trường gửi các thông báo hướng dẫn đăng ký đề tài cấp Bộ, cấp Tỉnh, cấp cơ sở tới tất cả các Khoa, Viện và trên cơ sở đó, Khoa Y Dược triển khai đề GV, các nhóm nghiên cứu đề xuất các đề tài, dự án nghiên cứu phù hợp với chuyên môn và lĩnh vực quan tâm và sử dụng các kết quả NCKH để cải tiến việc dạy và học [H10.10.04.09], [H10.10.04.04]. Phòng KHTC có trách nhiệm tham mưu, thảo luận phương án, phân bổ kinh phí và sau đó trình Hiệu trưởng phê duyệt [H6.06.07.04], [H10.10.04.10].

Trong giai đoạn 2017 – 2023, GV Khoa Y Dược đã thực hiện và tham gia thực hiện 51 đề tài NCKH các cấp, và hiện tại có 15 đề tài nghiên cứu khoa học đang thực hiện và chuẩn bị nghiệm thu, trong đó có 9 đề tài NCKH của giảng viên và 6 đề tài của sinh viên. Thế mạnh của khoa Y Dược là các chủ đề nghiên cứu liên quan đến điều trị, dự phòng và chăm sóc sức khỏe phục vụ cho CTĐT ngành khoa như: các bệnh nội khoa, ngoại khoa, truyền nhiễm, bệnh không truyền nhiễm, các yếu tố nguy cơ sức khỏe, chất lượng cuộc sống, các vấn đề về chấn thương và tai nạn thương tích, dinh dưỡng, kiến thức - thái độ - thực hành trong phòng chống bệnh tật. Bên cạnh đó, kết quả các NCKH các đề tài, dự án liên kết với các tổ chức và các đơn vị tham gia đào tạo ngành Y khoa như bệnh viện trường Đại học Tây Nguyên, Bệnh viện Đa khoa Vùng Tây Nguyên, cũng được chuyển tải thành nội dung giảng dạy. Ngoài ra, thông qua kết quả hướng dẫn HV thực hiện đề tài hoặc chuyên đề NCKH giúp giảng viên trong việc bổ sung và chuyển tải ứng dụng vào nội dung giảng dạy và các chủ đề tự học đến HV [H10.10.04.08], [H6.06.07.09].

Bảng 10.4.1. Một số ứng dụng kết quả NCKH khoa Y Dược vào hoạt động đào tạo

Tên đề tài	Mô tả ứng dụng
Thực trạng sử dụng thuốc hạ huyết áp ở bệnh nhân tăng huyết áp điều trị ngoại trú tại Bệnh viện đa khoa vùng Tây Nguyên năm 2022	Cải tiến nội dung giảng dạy học phần Nội khoa, Dược lý
Đánh giá thực trạng tật khúc xạ ở học sinh trường THPT thực hành Cao Nguyên và các yếu tố liên quan	Cải tiến nội dung giảng dạy học phần Mắt
Tình trạng và thực trạng nuôi dưỡng người bệnh	Cải tiến nội dung giảng dạy học

tại khoa hồi sức tích - cực chống độc bệnh viện Đa khoa Vùng Tây Nguyên năm 2022	phần Dinh dưỡng và Nội khoa
Tỷ lệ đau thắt lưng, một số yếu tố liên quan và ảnh hưởng của đau thắt lưng ở sinh viên Y khoa, trường Đại học Tây Nguyên	Cải tiến nội dung giảng dạy học phần Thần kinh và phục hồi chức năng
Mô hình bệnh tật và tình hình điều trị nội trú tại Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Daklak năm 2021	Cải tiến nội dung giảng dạy học phần Y học cổ truyền và Tổ chức y tế
Một số yếu tố ảnh hưởng đến nhập viện muộn ở bệnh nhân đột quỵ cấp tại bệnh viện Đa khoa Vùng Tây Nguyên năm 2023	Cải tiến nội dung giảng dạy học phần Nội thần kinh

Nhà trường và Khoa Y Dược thường xuyên phổ biến, động viên, khuyến khích GV có các đề tài NCKH tăng cường áp dụng vào giảng dạy các học phần, chuyên đề trong CTĐT ngành Thạc sĩ Khoa học y sinh [H10.10.04.01]. Theo quy định về công tác NCKH, các đề tài NCKH trước khi nghiệm thu phải tổ chức các buổi sinh hoạt học thuật ở Bộ môn để GV thực hiện các đề tài NCKH được chia sẻ kết quả nghiên cứu với các GV khác [H6.06.07.02], [H10.10.04.08], Kết quả nghiên cứu được áp dụng kết quả NCKH, sáng kiến kinh nghiệm trong giảng dạy CTĐT ngành Thạc sĩ Khoa học y sinh [H1.01.03.08], [H10.10.04.08]. Bên cạnh đó, trong sinh hoạt của các Bộ môn thường xuyên trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm nhằm cải tiến việc dạy và học [H6.06.07.09], [H10.10.03.04].

2. Điểm mạnh

- Nhà trường và Khoa Y Dược luôn quan tâm, chú trọng triển khai hoạt động NCKH của GV và ứng dụng kết quả đề tài NCKH liên quan đến dạy và học vào giảng dạy CTDH ngành Y khoa.

- Trong giai đoạn 2017 -2023, GV và HV Khoa Y Dược đã thực hiện và tham gia thực hiện 51 đề tài NCKH các cấp, và năm 2024 đang thực hiện 15 đề tài. Những đề tài NCKH này đều có sự đóng góp vào quá trình dạy học ngành Thạc sĩ Khoa học y sinh.

- Hằng năm, Khoa Y Dược thường xuyên tổ chức các buổi sinh hoạt học thuật để GV thực hiện các đề tài NCKH hoặc các sáng kiến trong giảng dạy, KTĐG KQHT của NH báo cáo, chia sẻ kinh nghiệm để áp dụng kết quả NCKH, sáng kiến kinh nghiệm trong giảng dạy CTĐT ngành Thạc sĩ Khoa học y sinh.

3. Điểm tồn tại

Số lượng đề tài NCKH do GV Khoa Y Dược thực hiện về lĩnh vực phương pháp giảng dạy còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Nhà trường tăng cường chế độ khen thưởng và Khoa Y Dược tăng cường động viên, khuyến khích, đặt hàng GV thực hiện nhiều đề tài NCKH phương pháp giảng dạy.	Trường ĐHTN, Phòng KHQHQT, Khoa Y Dược	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Thường xuyên tổ chức các buổi sinh hoạt học thuật để GV thực hiện các đề tài NCKH hoặc các sáng kiến trong giảng dạy, KTĐG KQHT của NH báo cáo, chia sẻ kinh nghiệm để áp dụng kết quả NCKH, sáng kiến kinh nghiệm trong giảng dạy CTĐT ngành Thạc sĩ Khoa học y sinh.	Trường ĐHTN, Phòng KHQHQT, Khoa Y Dược	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 10.5. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thực hành, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường ban hành, phân công phòng QLCL là đơn vị chủ trì và phối hợp với các đơn vị khảo sát ý kiến các bên liên quan về hoạt động của Trường [H10.10.01.03], [H10.10.05.01], [H10.10.05.02]. Phòng QLCL tham mưu Hiệu trưởng Nhà trường ban

hành Quy định khảo sát ý kiến của các bên liên quan và gửi đến các đơn vị để thực hiện, đồng thời thông báo, phổ biến đến GV, HV biết để thực hiện [\[H10.10.01.03\]](#), [\[H9.09.02.01\]](#).

Hàng năm, Nhà trường ban hành kế hoạch khảo sát ý kiến của các bên liên quan về hoạt động của Trường, trong đó có khảo sát ý kiến của GV, HV về đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác như: khảo sát về mức độ đáp ứng của trung tâm phục vụ học sinh, SV, HV, GV và NV; Dịch vụ khám chữa bệnh (Bệnh viện, trạm y tế) cho HV, GV và NV; Mức độ đáp ứng tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm (Nhà ăn) phục vụ HV, GV và NV ; Mức độ đáp ứng tiêu chuẩn của khu vui chơi thể thao phục vụ HV, GV và NV (nhà thi đấu đa năng, sân bóng đá, bóng chuyền, sân tennis...); Chất lượng chỗ ở trong KTX cho HV, GV và NV, ... [\[H9.09.02.01\]](#), [\[H10.10.05.03\]](#), [\[H9.09.02.11\]](#).

Kết quả khảo sát ý kiến của GV, SV được phòng QLCL báo cáo BGH Nhà trường và gửi đến các đơn vị để cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác của Trường [\[H4.04.01.04\]](#). Bên cạnh đó, Nhà trường định kỳ triển khai khảo sát đo lường sự hài lòng của người dân đối với giáo dục công của Trường nhằm rà soát, điều chỉnh, cải tiến nâng cao chất lượng phục vụ bảo đảm sự hài lòng của người dân đối với chất lượng giáo dục của Nhà trường [\[H8.08.05.14\]](#).

Bảng 10.5.1. Kết quả hài lòng của sinh viên đối với giáo dục công của Trường(%)

Nội dung	2020	2021	2022	2023
Hệ thống phòng học, giảng đường, khu hoạt động thể thao, văn hoá	61,44	47,8	43,6	
Ký túc xá dành cho SV	59,38	36,9	35,0	
Ứng dụng công nghệ thông tin trong đào tạo của Nhà trường	57,22	52,1	44,6	
Thư viện của trường	59,75	58,8	34,9	
Mức độ hài lòng chung	59,38	51,7	39,5	

Dựa trên kết quả khảo sát ý kiến của GV, SV về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác, kết quả khảo sát đo lường sự hài lòng của người dân đối với giáo dục công của Trường, Nhà trường và các đơn vị xác định kế hoạch cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác [\[H10.10.05.01\]](#),

[H10.10.05.02], [H5.05.04.03]. Tại các cuộc họp giao ban của Trường, BGH Nhà trường yêu cầu Trường đơn vị có trách nhiệm phổ biến triển khai và thực hiện kế hoạch đến các GV, VC - NLD trong đơn vị, báo cáo tiến trình thực hiện việc cải tiến chất lượng trong các cuộc họp giao ban hàng tháng của nhà trường [H10.10.05.04]. Hệ thống phần mềm quản lý đào tạo để giám sát các hoạt động được thường xuyên cải tiến nhằm phục vụ tốt cho quá trình quản lý, phục vụ và hỗ trợ NH [H5.05.04.03]. Bên cạnh đó, để giảm thiểu thủ tục hành chính và phục vụ NH tốt hơn, Phòng Công tác Sinh viên cải tiến quy trình xác nhận SV thanh toán ra trường [H10.10.05.05]. Nội quy, quy chế hoạt động và phần mềm của Thư viện được cải tiến để đáp ứng nhu cầu của bạn đọc [H10.10.05.06]. Nhà trường tăng cường bố trí các không gian học tập, tự học, tự nghiên cứu bằng việc xây dựng và mở cửa phòng tự học dành cho SV [H10.10.05.07]. Trong giai đoạn 2017 – 2021, Nhà trường đầu tư xây mới 03 phòng thực hành vi tính với số tiền 5.115.557.300 đồng; Nâng cấp 5 phòng thí nghiệm khu nhà D1 với số tiền: 499.900.000 đồng, nâng cấp 8 phòng thí nghiệm khu nhà D2 với số tiền: 747.000.000 đồng; đầu tư cung cấp, lắp đặt thiết bị bổ sung cho Khoa Y Dược với số tiền: 2.729.000.000 đồng, đầu tư mua sắm thiết bị tiền lâm sàng của trường ĐHTN với số tiền: 10.590.000.000 đồng [H9.09.03.03], [H9.09.02.12], [H9.09.01.03]. Kết quả khảo sát ý kiến của GV, SV thể hiện mức độ hài lòng đối với chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác của Nhà trường đã tăng gần 20% từ năm học 2019-2020 đến năm học 2020- 2021 [H9.09.02.01], [H8.08.05.14].

Bảng 10.5.2. Kết quả hài lòng của sinh viên giảng viên đối với chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác của

Nhà trường

Nội dung	2021		2023	
	Sinh viên	Giảng viên cán bộ	Sinh viên	Giảng viên cán bộ
Hệ thống công nghệ thông tin	56,9	48,6	53,27	-
Các dịch	60,2	47,4	52,69	-
Thư viện	68,2	60,7	63,14	-
Phòng thí nghiệm thực hành	60,8	50,9	56,23	-
Mức độ hài lòng chung	56,7			

2. Điểm mạnh

- Nhà trường ban hành Quy định khảo sát ý kiến của các bên liên quan và phân công phòng QLCL là đơn vị chủ trì và phối hợp với các đơn vị khảo sát ý kiến các bên liên quan về hoạt động của Trường.

- Trường đã đưa ứng dụng công nghệ thông tin vào dịch vụ hỗ trợ và tiện ích tại các phòng ban chức năng, thư viện,... để thuận lợi và tiết kiệm thời gian cho NH

- Công tác khảo sát ý kiến của GV, SV về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ được thực hiện định kỳ thường xuyên với tỷ lệ hài lòng chung từ 38% năm 2019-2020 lên 56,7% năm học 2020-2021.

3. Điểm tồn tại

Số lượng cá nhân tham gia khảo sát đo lường sự hài lòng của người dân đối với giáo dục công của Trường chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Phòng QLCL đa dạng hình thức khảo sát đo lường sự hài lòng của người dân đối với giáo dục công của Trường.	Trường ĐHTN Phòng QLCL	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác của Trường.	Trường ĐHTN Phòng QLCL	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến

1. Mô tả hiện trạng

Hệ thống phản hồi lấy ý kiến của các bên liên quan trong cơ sở giáo dục có nhiều ý nghĩa quan trọng:

- **Cải thiện chất lượng giáo dục:** Phản hồi giúp cơ sở giáo dục nhận diện điểm mạnh và yếu, từ đó điều chỉnh chương trình giảng dạy và phương pháp giảng dạy để nâng cao chất lượng.
- **Tăng cường sự tham gia:** Khuyến khích sự tham gia của HV, gia đình, giảng viên và cộng đồng, tạo ra môi trường đào tạo gắn kết hơn.
- **Đáp ứng nhu cầu:** Giúp cơ sở giáo dục hiểu rõ hơn về nhu cầu và mong muốn của các bên liên quan, từ đó phát triển các dịch vụ và chương trình phù hợp.
- **Xây dựng lòng tin:** Khi các bên liên quan thấy ý kiến của họ được lắng nghe và đưa vào hành động, lòng tin vào cơ sở giáo dục sẽ được củng cố.
- **Khuyến khích cải tiến liên tục:** Hệ thống phản hồi tạo điều kiện cho việc đánh giá thường xuyên, khuyến khích một văn hóa cải tiến liên tục trong môi trường học tập.
- **Đo lường hiệu quả:** Giúp cơ sở giáo dục theo dõi và đánh giá hiệu quả của các chương trình, hoạt động và chính sách đã triển khai.
- **Phát triển bền vững:** Góp phần xây dựng một môi trường học tập bền vững, nơi mọi người đều có cơ hội để phát triển và cải tiến.

Như vậy, hệ thống phản hồi là một công cụ quan trọng để nâng cao hiệu quả và chất lượng giáo dục, đồng thời tạo ra sự kết nối mạnh mẽ giữa các bên liên quan. Nhằm đạt được hiệu quả của hệ thống phản hồi, năm 2021, Nhà trường ban hành Quy định khảo sát ý kiến của các bên liên quan phục vụ công tác bảo đảm chất lượng của Trường ĐHTN, gửi đến các đơn vị để thực hiện, đồng thời thông báo, phổ biến đến GV, SV biết để thực hiện [\[H10.10.01.01\]](#). Trong Quy định khảo sát ý kiến của các bên liên quan của Nhà trường ban hành phân công trách nhiệm cụ thể cho phòng QLCL là đơn vị thực hiện chuyên trách trong hoạt động khảo sát các bên liên quan hoàn thiện hệ thống thu thập thông tin, xây dựng cơ sở dữ liệu phản hồi từ các bên liên quan; Thực hiện báo cáo định kì và báo cáo tổng kết theo yêu cầu của BGH và Bộ GDĐT [\[H6.06.07.01\]](#), [\[H10.10.01.02\]](#), [\[H1.01.03.02\]](#). Các đơn vị trong nhà trường có trách nhiệm phối hợp với phòng QLCL khảo sát ý kiến của các bên liên quan đối với hoạt động của nhà Trường [\[H10.10.01.03\]](#), [\[H9.09.02.01\]](#). Hằng năm, Nhà trường ban hành kế hoạch kế hoạch bảo đảm chất lượng với nhiều hoạt động như đào tạo, NCKH – HTQT, kết nối và PVCĐ trong đó có hoạt động khảo sát ý kiến các bên liên quan về hoạt động của Trường (giảng dạy, tình hình việc làm sau tốt nghiệp của cựu SV, chất

lượng ĐT, mức độ đáp ứng của CSVC, ...) [H10.10.05.02]. Bên cạnh đó, Nhà trường định kì triển khai khảo sát đo lường sự hài lòng của người dân đối với giáo dục công của Trường nhằm rà soát, điều chỉnh, cải tiến nâng cao chất lượng phục vụ bảo đảm sự hài lòng của người dân đối với chất lượng giáo dục [H10.10.01.03], [H8.08.05.14]. Kết quả khảo sát ý kiến các bên liên quan về hoạt động của Trường được phòng QLCL báo cáo BGH Nhà trường và gửi đến các đơn vị để thực hiện cải tiến chất lượng [H4.04.02.04], [H10.10.06.02].

Nhà trường tổ chức họp giữa phòng QLCL với các Khoa để tiếp thu ý kiến góp ý về cơ chế phản hồi của các bên liên quan trong Quy định khảo sát ý kiến của các bên liên quan do Nhà trường ban hành [H9.09.02.01], [H8.08.02.01]. Trên cơ sở tiếp thu ý kiến của các Khoa về cơ chế phản hồi của các bên liên quan trong Quy định khảo sát ý kiến của các bên liên quan do Nhà trường ban hành, phòng QLCL tham mưu BGH Nhà trường điều chỉnh cơ chế phản hồi của các bên liên quan trong Quy định khảo sát ý kiến của các bên liên quan của Nhà trường ban hành [H10.10.01.03].

Trên cơ sở tham mưu của phòng QLCL, năm 2021, Hiệu trưởng Nhà trường ký ban hành Quy định khảo sát ý kiến của các bên liên quan, trong đó có cơ chế phản hồi của các bên liên quan đã được điều chỉnh với việc bổ sung nội dung phòng QLCL giám sát việc các đơn vị sử dụng kết quả phản hồi của các bên liên quan để xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng và triển khai cải tiến chất lượng hoạt động dựa trên kết quả phản hồi của các bên liên quan [H10.10.01.03], [H9.09.02.01], [H10.10.06.02]. Quy định khảo sát ý kiến của các bên liên quan do Nhà trường ban hành được thể hiện trong Sổ tay Bảo đảm chất lượng và gửi đến các đơn vị để thực hiện [H4.04.01.05]. Trong năm 2021, Nhà trường và các đơn vị chú trọng sử dụng ý kiến phản hồi của các bên liên quan trong quá trình xây dựng kế hoạch hoạt động của Trường và của đơn vị [H6.06.05.06], [H6.06.04.07], [H10.10.06.01].

2. Điểm mạnh

- Hệ thống phản hồi các bên liên quan có sự phối hợp đồng bộ giữa các đơn vị trong Nhà trường và được triển khai với nhiều hình thức khác nhau.

- Cơ chế phản hồi của các bên liên quan được đánh giá một cách khoa học và có nhiều cải tiến từ năm 2021 đến nay.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường chưa triển khai khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan bên ngoài trường về cơ chế phản hồi của các bên liên quan.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Thông qua các hội nghị, hội thảo về công tác đào tạo và NCKH, Nhà trường triển khai ý kiến phản hồi của các bên liên quan bên ngoài trường về cơ chế phản hồi của các bên liên quan.	Trường ĐHTN Phòng QLCL	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục khảo sát ý kiến của các bên liên quan đối với hoạt động của Trường và hằng năm, Nhà trường ban hành kế hoạch khảo sát ý kiến các bên liên quan về hoạt động của Trường và sử dụng ý kiến phản hồi của các bên liên quan trong quá trình xây dựng kế hoạch hoạt động của Trường và của đơn vị.	Trường ĐHTN Phòng QLCL Khoa Y Dược	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 10:

Nhà trường ban hành quy định về khảo sát ý kiến các bên liên quan với việc phân công cụ thể trách nhiệm cho các đơn vị thực hiện, trong đó có nội dung khảo sát về CTDH ngành Thạc sĩ Khoa học y sinh, phòng QLCL phối hợp Khoa Y Dược để khảo sát ý kiến của GV, SV, cựu SV, về CTDH ngành Thạc sĩ Khoa học y sinh và triển khai thu thập thông tin về nhu cầu nguồn nhân lực liên quan đến ngành Thạc sĩ Khoa học y sinh. Trên cơ sở đó, Khoa Y Dược sử dụng thông tin về nhu cầu nguồn nhân lực liên quan đến ngành Thạc sĩ Khoa học y sinh và kết quả khảo sát ý kiến các

bên liên quan về CTDH để điều chỉnh phù hợp với CĐR. Trong Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT, đề cương học phần của Nhà trường ban hành có quy trình thiết kế và phát triển CTDH với các bước thực hiện cụ thể. Năm 2020, Phòng đào tạo triển khai rà soát quy trình thiết kế và phát triển CTDH trong Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT, đề cương học phần của Nhà trường ban hành. Dựa trên tiếp thu ý kiến của các Khoa và kết quả khảo sát ý kiến của GV về quy trình thiết kế và phát triển CTDH, Nhà trường ban hành Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT, đề cương học phần, trong đó có quy trình thiết kế và phát triển CTDH đã được điều chỉnh. Trong các văn bản về hoạt động ĐT, KTĐG KQHT của NH có quy định về việc rà soát, đánh giá thường xuyên quá trình dạy học; việc đánh giá kết quả hoạt động của NH, các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá KQHT của NH trong CTĐT để bảo đảm sự tương thích với CĐR. Nhà trường phân công trách nhiệm cụ thể cho Phòng ĐT, phòng QLCL, phòng Thanh tra Pháp chế, Khoa Y Dược trong việc rà soát, đánh giá thường xuyên quá trình dạy học; việc đánh giá kết quả hoạt động của NH, các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá KQHT của NH trong CTĐT để bảo đảm sự tương thích với CĐR. Từng học kỳ và cuối mỗi năm học, Khoa Y Dược họp tổng kết, đánh giá quá trình dạy học; đánh giá kết quả hoạt động của NH, các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá KQHT của NH trong CTDH ngành Thạc sĩ Khoa học y sinh để bảo đảm sự tương thích với CĐR đã ban hành, đồng thời rút kinh nghiệm để triển khai tốt trong học kỳ tiếp theo. Kết quả khảo sát ý kiến phản hồi từ NH của CTĐT ngành Thạc sĩ Khoa học y sinh thể hiện sự hài lòng đối với phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá KQHT của NH. Nhà trường và Khoa Y Dược luôn quan tâm, chú trọng triển khai hoạt động NCKH của GV và ứng dụng kết quả đề tài NCKH liên quan đến dạy và học vào giảng dạy CTDH ngành Thạc sĩ Khoa học y sinh. Trong giai đoạn 2020– 2024, GV Khoa Y Dược đã thực hiện và đang thực hiện 66 đề tài NCKH các cấp, trong đó tất cả các đề tài NCKH đều phục vụ cho hoạt động dạy học các chuyên ngành trong Khoa Y Dược. Hằng năm, Khoa Y Dược thường xuyên tổ chức các buổi sinh hoạt học thuật để GV thực hiện các đề tài NCKH báo cáo, chia sẻ kinh nghiệm để áp dụng kết quả NCKH, sáng kiến kinh nghiệm trong giảng dạy CTĐT ngành Thạc sĩ Khoa học y sinh. Nhà trường ban hành Quy định khảo sát ý kiến của các bên liên quan và phân công phòng QLCL là đơn vị chủ trì và phối hợp với các đơn vị khảo sát ý kiến các bên liên quan về hoạt động của Trường. Hằng

năm, phòng QLCL phối hợp với các đơn vị khảo sát ý kiến các bên liên quan về hoạt động của Trường, trong đó có khảo sát ý kiến của GV, SV về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác của Trường. Kết quả khảo sát ý kiến của GV, SV về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác của Trường được Nhà trường và các đơn vị sử dụng để xác định các nội dung, biện pháp cải tiến chất lượng. Trong giai đoạn 2020 – 2024, Nhà trường triển khai nhiều hoạt động cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác của Trường. Trong Quy định khảo sát ý kiến của các bên liên quan của Nhà trường ban hành phân công trách nhiệm cụ thể cho phòng QLCL và các đơn vị phối hợp khảo sát ý kiến của các bên liên quan đối với hoạt động của Trường và hằng năm, Nhà trường ban hành kế hoạch khảo sát ý kiến các bên liên quan về hoạt động của Trường. Phòng QLCL phối hợp các đơn vị triển khai khảo sát ý kiến các bên liên quan về hoạt động của Trường và gửi kết quả khảo sát ý kiến các bên liên quan đến các đơn vị để thực hiện cải tiến chất lượng. Năm 2021, phòng QLCL triển khai rà soát Quy định khảo sát ý kiến của các bên liên quan của Nhà trường ban hành và dựa trên cơ sở tiếp thu ý kiến của các Khoa về cơ chế phản hồi của các bên liên quan trong Quy định khảo sát ý kiến của các bên liên quan do Nhà trường ban hành, Hiệu trưởng Nhà trường ban hành Quy định khảo sát ý kiến của các bên liên quan, trong đó có cơ chế phản hồi của các bên liên quan đã được điều chỉnh. Trong năm 2021, Nhà trường và các đơn vị chú trọng sử dụng ý kiến phản hồi của các bên liên quan trong quá trình xây dựng kế hoạch hoạt động của Trường và của đơn vị.

Tuy nhiên, số lượng nhà tuyển dụng và cựu HV góp ý về CTDH ngành Thạc sĩ Khoa học y sinh chưa nhiều. Nhà trường chưa triển khai khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan bên ngoài trường về quy trình thiết kế và phát triển CTDH. Số lượng hội nghị, hội thảo về đổi mới giảng dạy, học tập, KTĐG KQHT của NH do Khoa Y Dược tổ chức chưa nhiều. Số lượng đề tài NCKH do GV Khoa Y Dược thực hiện về lĩnh vực phương pháp giảng dạy còn hạn chế. Số lượng cá nhân tham gia khảo sát đo lường sự hài lòng của người dân đối với giáo dục công của Trường chưa nhiều. Nhà trường chưa triển khai khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan bên ngoài trường về cơ chế phản hồi của các bên liên quan.

Tự đánh giá theo 6 tiêu chí của tiêu chuẩn này, CTĐT ngành Thạc sĩ Khoa học y sinh đạt yêu cầu 6/6 tiêu chí, trong đó 6 tiêu chí đạt 5/7 điểm.

Tiêu chuẩn 11. Kết quả đầu ra

Mở đầu:

Kết quả đầu ra có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với tất cả các trường đại học, trong đó có Trường ĐHTN. Kết quả đầu ra là sản phẩm của tất cả các biện pháp Nhà trường đã tập trung, chú trọng triển khai đối với hoạt động ĐT, NCKH và PVCD. Nhà trường xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng tỉ lệ thi học, tốt nghiệp của NH. Bên cạnh đó, Nhà trường xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng thời gian tốt nghiệp trung bình của CTĐT. Đồng thời, tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của NH được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng. Ngoài ra, mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

Tiêu chí 11.1. Tỷ lệ thi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

Phòng Đào tạo được phân công quản lý cơ sở dữ liệu về KQHT của NH toàn trường thông qua việc sử dụng phần mềm quản lý đào tạo. Hằng năm, Phòng Đào tạo và Khoa Y Dược thống kê tỷ lệ thi học, tốt nghiệp đúng hạn (không kể thời gian kéo dài), danh sách thi học, tốt nghiệp của học viên ngành Thạc sĩ Khoa học y sinh trong năm học. Phòng Đào tạo là đầu mối quản lý học tập, theo dõi, cập nhật tình hình học tập và tốt nghiệp của các học viên [H11.11.01.01]. Bên cạnh đó Khoa Y Dược có Trợ lý Đào tạo Sau đại học tổ chức họp cung các GV giảng dạy nhằm hỗ trợ giám sát tình trạng thi học và tỷ lệ tốt nghiệp của học viên [H6.06.04.02], [H11.11.01.02]. Tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn của học viên CTĐT ngành thạc sĩ Khoa học Y Sinh luôn được thống kê hằng năm để theo dõi và đối sánh [H11.11.01.03].

Nhìn chung, từ năm 2019 đến 2021 không có học viên thi học. Nhưng đến năm học 2022-2023 thì bắt đầu có tình trạng thi học của học viên, ngành Thạc sĩ Khoa học Y Sinh. Nguyên nhân khách quan là do điều kiện kinh tế, và sức khoẻ không đảm bảo nên đã ảnh hưởng không nhỏ đến quá trình học tập của học viên, HV xin thi học. Trong khi đó, tỷ lệ học viên tốt nghiệp luôn đạt 100% [H11.11.01.03].

Bảng 11.1.1. Tỷ lệ tốt nghiệp và thôi học của học viên ngành Thạc sỹ Khoa học Y Sinh

Khoá đào tạo	Nhập học (SV)	Số SV nhập học	Thôi học		Tốt nghiệp	
			SL	Tỷ lệ	TN đúng hạn	Tỷ lệ
Cao học Khoa học y sinh k19	27	27	0	0,0%	27	100%
Cao học Khoa học y sinh k20	8	8	0	0,0%	8	100%
Cao học Khoa học y sinh k21	14	14	0	0,0%	14	100%
Cao học Khoa học y sinh k22	13	13	3	23,1%	chưa TN	
Cao học Khoa học y sinh k23	6	6	0	0,0%	chưa TN	

Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp của HV được đánh giá, phân tích, giám sát. Từ kết quả thống kê của Phòng Đào tạo Sau đại học của Khoa và Bộ môn tiến hành phân tích tỷ lệ thôi học, tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn và có báo cáo trong cuộc họp giao ban Khoa hàng tháng, quý và cuối năm; đồng thời phân tích, dự đoán về tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học của CTĐT Thạc sỹ ngành Khoa học Y Sinh để phân tích, tìm hiểu nguyên nhân thôi học và đề xuất các biện pháp tư vấn, hỗ trợ cho HV như: Trợ lý Đào tạo Sau đại học sẽ thông báo cho HV gặp gỡ hoặc trao đổi, giúp người học lập kế hoạch học tập tốt hơn để có thể đảm bảo tốt nghiệp đúng theo kế hoạch. Trong trường hợp HV vì lý do cá nhân mà không thể hoặc chưa tham gia học sẽ được Trợ lý Đào tạo Sau đại học tư vấn bảo lưu kết quả học tập hoặc làm đơn xin thôi học [H11.11.01.02]. Danh sách học viên tốt nghiệp được Phòng Đào tạo cập nhật và công khai trên website/Fanpage của Nhà Trường hàng năm. Tỷ lệ thôi học và tốt nghiệp của người học luôn được thống kê hàng năm [H11.11.01.03].

Khoa Y Dược cũng đã thực hiện đối sánh về tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học của CTĐT Thạc sỹ Khoa học Y sinh với CTĐT Chuyên khoa I Nội Khoa của Trường nhằm cải tiến chất lượng. Kết quả cho thấy tỷ lệ tốt nghiệp của HV cao học ở cả 2 CTĐT Thạc sỹ Khoa học Y Sinh và Chuyên khoa I Nội Khoa tương đương nhau (100%) [H11.11.01.04].

2. Điểm mạnh

- Có hệ thống giám sát tình hình học tập, tỷ lệ thôi học và tỷ lệ tốt nghiệp của học viên.

- Tỷ lệ học viên tốt nghiệp đúng hạn cao.

3. Điểm tồn tại

Khoa chưa thực hiện đối sánh tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp của học viên cùng chuyên ngành với các đơn vị ngoài Trường.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Khoa Y Dược, Bộ môn triển khai đối sánh tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp với các đơn vị ngoài Trường.	Khoa Y Dược	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục xác định tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp đúng hạn, đồng thời thông báo, phổ biến đến GV, HV biết để thực hiện.	Trường ĐHTN Phòng ĐT Khoa Y Dược	Hàng năm	

5. Tự đánh giá Đạt mức 4/7

Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

Trong CTĐT ngành thạc sỹ Khoa học Y sinh xác định thời gian tốt nghiệp trung bình là 2 năm thời gian đào tạo kéo dài không được quá một năm, không có trường hợp được rút ngắn thời gian học tập [H1.01.01.11], [H1.01.01.12]. Trong Quy định chức năng, nhiệm vụ chủ yếu của các đơn vị trực thuộc Trường ĐHTN ban hành có quy định trách nhiệm của Phòng Đào tạo và Khoa Y Dược giám sát thời gian tốt nghiệp trung bình của các CTĐT thạc sỹ Khoa học Y sinh [H7.07.03.01], [H11.11.02.01]. Việc phối hợp diễn ra thường xuyên và liên tục, nhưng việc quản lý, cập nhật, thông báo tình hình học tập cho học viên đôi khi còn chậm. Hơn nữa, Khoa

chưa được cấp quyền truy cập hệ thống quản lý đào tạo để giám sát hoạt động đào tạo nói chung và thời gian tốt nghiệp nói riêng.

Trong thực tế, hầu hết các học viên đều hoàn thành các học phần của chương trình đào tạo trước khi báo cáo luận văn tốt nghiệp. Qua thống kê cho thấy số lượng học viên ngành Thạc sĩ Khoa học Y sinh tốt nghiệp đúng hạn luôn chiếm tỷ lệ 100% [H11.11.01.04]. Không có học viên tốt nghiệp trước hạn.

Việc áp dụng phần mềm trong quản lý kết quả học tập của học viên giúp Trường đánh giá kết quả với độ chính xác cao hơn và đưa ra cảnh báo học vụ kịp thời cho học viên có cơ hội điều chỉnh việc học. Việc quản lý quá trình học tập, quản lý thời gian tốt nghiệp được thông báo công khai cho người học thông qua email. Dựa vào kết quả trên và đồng thời căn cứ vào quy định chung của Trường và cụ thể là các quy định về điều kiện tốt nghiệp cho học viên có trong chương trình chi tiết của ngành đào tạo, các học viên ngành Thạc sĩ Khoa học Y sinh sẽ được Trường xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ điều kiện theo quy định [H11.11.02.01].

2. Điểm mạnh

- Trường áp dụng phần mềm trong việc quản lý kết quả học tập của học viên giúp đánh giá kết quả với độ chính xác cao.

- Có sự phối hợp giữa Khoa và Phòng trong việc quản lý học tập và thời gian tốt nghiệp của học viên.

3. Điểm tồn tại

Khoa Y Dược chưa khảo sát ý kiến của HV về các biện pháp rút ngắn thời gian tốt nghiệp.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn	Nhà trường và Khoa Y Dược tăng cường theo dõi, giám sát thời gian tốt nghiệp trung bình của CTĐT ngành để áp dụng các biện pháp phù hợp nhằm	Trường ĐHTN, Phòng ĐT, Khoa Y	Hàng năm	

	tại	rút ngắn thời gian tốt nghiệp trung bình.	Dược		
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục áp dụng phần mềm trong việc quản lý kết quả học tập của học viên giúp đánh giá kết quả với độ chính xác cao. Đồng thời tăng cường sự phối hợp giữa Khoa và Phòng trong việc quản lý học tập và thời gian tốt nghiệp của học viên.	Trường ĐHTN, Phòng ĐT, Khoa Y Dược	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 11.3. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

Theo quy chế tổ chức và hoạt động của Nhà trường ban hành, phòng QLCL và Khoa Y Dược là đơn vị theo dõi tình hình việc làm của HV tốt nghiệp. Phòng QLCL phân công chuyên viên phụ trách việc theo dõi tình hình việc làm của SV tốt nghiệp toàn trường [H11.11.03.01]. Bên cạnh đó, khoa Y Dược lập kế hoạch lấy ý kiến cựu học viên về chất lượng đào tạo và tình hình việc làm sau tốt nghiệp và phối hợp với Bộ môn thực hiện theo dõi, liên hệ học viên tốt nghiệp [H01.01.01.07]. Nội dung khảo sát bao gồm: khảo sát tỷ lệ HV có việc làm sau tốt nghiệp; thời gian có việc làm sau tốt nghiệp; vị trí việc làm có phù hợp chuyên môn; khảo sát các kiến thức, kỹ năng được học có hỗ trợ hiệu quả trong công tác; mức thu nhập bình quân; đơn vị công tác; khảo sát lý do HV không tìm được việc làm; ý kiến đóng góp, nâng cao hiệu quả đào tạo của Trường [H11.11.03.02].

Hình thức tổ chức khảo sát bao gồm: gọi điện thoại phỏng vấn trực tiếp, khảo sát qua mạng internet bằng cách đăng mẫu phiếu lên website Trường, cung cấp đường link cho các đối tượng HV tốt nghiệp truy cập và trả lời phiếu. Việc gửi đường link có thể thông qua mạng xã hội (facebook, zalo), qua email hoặc tin nhắn điện thoại. Ngoài 2 hình thức triển khai chủ yếu trên, Khoa, Phòng còn lấy thông tin trực tiếp khi các đối tượng về Trường nhận văn bằng, chứng chỉ; các đối tượng tiếp tục học nâng cao chuyên môn [H10.10.01.01].

Kết quả khảo sát từ 2018 đến 2021 cho thấy tỷ lệ HV có việc làm/tổng số HV sau tốt nghiệp chiếm tỷ lệ từ gần 93-100% sau tháng tốt nghiệp Tuy nhiên, chưa thể thực hiện việc đối sánh cùng ngành với các trường trong và ngoài nước khác [H11.11.03.02].

Bảng 11.3.1. Tình hình việc làm của học viên ngành Thạc sỹ Khoa học Y Sinh sau tốt nghiệp

Năm tốt nghiệp		2021	2022	2023
Tổng số học viên tốt nghiệp		27	08	14
Số lượng học viên có việc làm sau tốt nghiệp		25	08	14
Công việc	Đúng ngành đào tạo	24	08	14
	Gần với ngành đào tạo	01	0	0
	Không liên quan ngành đào tạo	0	0	0
Khu vực làm việc	Nhà nước	21	08	12
	Không nhà nước	0	0	0
	Tư nhân	04	0	01
	Tự lập	01	0	01

Kết quả khảo sát sau khi thống kê sẽ được báo cáo đồng thời lãnh đạo Trường, Khoa Y Dược và một số phòng ban liên quan tổ chức các buổi họp phân tích nguyên nhân, đề xuất các phương án hỗ trợ học viên tốt nghiệp có việc làm. Do hầu hết người học đều đã đi làm trước khi dự tuyển chương trình Thạc sỹ và có quyết định cử đi học của cơ quan công tác. Có một số ít người học ưu tú (tốt nghiệp loại giỏi) ở bậc Đại học và đủ điều kiện dự tuyển chương trình Thạc sỹ ngay sau khi tốt nghiệp. Với các lý do nêu trên, hầu hết người học đều có việc làm sau tốt nghiệp [H11.11.03.02].

2. Điểm mạnh

Tỷ lệ học viên của chương trình đào tạo Thạc sỹ Khoa học Y Sinh có việc làm trong vòng 1 năm sau khi tốt nghiệp rất cao; và thực hiện đối sánh qua các năm.

3. Điểm tồn tại

Chưa thực hiện so sánh số liệu người học có việc làm sau tốt nghiệp 1 năm với các ngành khác trong trường.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Thực hiện thống kê và đối sánh tình hình việc làm của học viên sau tốt nghiệp với CTĐT khác trong trường	Trường ĐHTN, Phòng QLCL, Khoa Y Dược	Hằng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục áp dụng nhiều biện pháp tăng khả năng có việc làm của học viên ngành thạc sỹ Khoa học Y sinh và hỗ trợ SV tốt nghiệp có việc làm.	Trường ĐHTN, Khoa Y Dược, Trung tâm đổi mới Sáng tạo	Hằng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt mức 4/7

Tiêu chí 11.4. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của NH được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

Xác định nghiên cứu khoa học của học viên là phần không thể thiếu của cơ sở giáo dục sau đại học. Căn cứ các văn bản quy định của Bộ GDĐT, Nhà trường ban hành Quy định quản lý hoạt động khoa học công nghệ, trong đó có quy định thực hiện đề tài NCKH SV và nêu rõ các loại hình hoạt động nghiên cứu, số lượng và chất lượng NCKH mà NH cần thực hiện. Quy định thực hiện đề tài NCKH SV được Nhà trường gửi đến các đơn vị để thực hiện và thông báo, phổ biến đến GV và SV biết để thực hiện **[H6.06.07.01]**. Bên cạnh đó, Quy định thực hiện đề tài NCKH SV được niêm yết trong Sổ tay NCKH và đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Nhà trường **[H11.11.04.01]**. NH có thể tham gia hoạt động NCKH với nhiều hình thức khác nhau như: Viết tiểu luận, báo cáo thực tập, làm bài tập lớn,

làm chuyên đề, khóa luận, luận văn, đồ án tốt nghiệp (theo quy định trong CTĐT) hoặc tham gia các đề tài NCKH của SV [H6.06.07.01].

Đề giám sát và đánh giá kết quả thực hiện đề tài NCKH của người học, Nhà trường xây dựng các quy định, quy chế quản lý từng loại hình: Quy định quản lý đề tài khoa học công nghệ cấp cơ sở, quy định về luận văn của học viên. Năm 2016, thông qua Quyết định số Số: 1287/QĐ-ĐHTN- ĐTSĐH ngày 11/11/2016, Trường đã ban hành Quy định về hình thức đề cương luận văn, luận án và hình thức luận văn, luận án gồm: Quy trình thực hiện luận văn, các yêu cầu về nội dung, hình thức luận văn, Quy định về việc công nhận hoàn thành luận văn tốt nghiệp [H11.11.04.02]. Hàng năm, học viên cũ sau khi học viên Nhà trường bảo vệ Khóa luận tốt nghiệp, Luận văn, Luận án sẽ hoàn thiện báo cáo và nộp về Thư viện để lưu giữ, cập nhật vào phần mềm. Việc đánh giá chất lượng hoạt động nghiên cứu của người học được thực hiện thông qua các Hội đồng khoa học, được thực hiện theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Y tế: Hội đồng chấm Luận văn Thạc sĩ [H11.11.04.02].

Bên cạnh đó, Nhà trường phân công Phòng KHQHQT có nhiệm vụ theo dõi, giám sát các hoạt động NCKH của người học. Bên cạnh đó, Khoa Y Dược đồng thời phối hợp xây dựng CSDL về kết quả thực hiện NCKH của người học của Khoa được báo cáo hàng năm trong Hội nghị tổng kết hoạt động KHCN và báo cáo tổng kết năm học của Khoa.

Bảng 11.4.1. Số lượng học viên ngành Thạc sỹ Khoa học Y Sinh học vi
tham gia nghiên cứu khoa học

Năm	2021	2022	2023
Số lượng học viên thực hiện NCKH	26	08	14
Đề tài các cấp (ĐT cơ sở)	04	0	01
XB bài báo khoa học	02	01	01
Giải thưởng NCKH	0	0	0

Hệ thống giám sát việc NCKH của người học được tổ chức hợp lý, việc giám sát trực tiếp được giao cho người hướng dẫn và Bộ môn trực tiếp quản lý học viên với trách nhiệm hỗ trợ học viên từ giai đoạn định hướng nghiên cứu, viết đề cương, người hướng dẫn phải theo sát học viên trong suốt quá trình thực hiện nghiên cứu, giúp tháo gỡ các khó khăn vướng mắc; bên cạnh việc giám sát của giảng viên hướng dẫn và bộ

môn; thông qua trợ lý NCKH, Khoa đóng vai trò giám sát tổng thể tất cả loại hình và số lượng nghiên cứu của học viên [H11.11.04.03].

Các chủ đề nghiên cứu của học viên có thể xuất phát từ ý tưởng NCKH của học viên, từ các hoạt động thực hành tại bệnh viện, phòng thí nghiệm của người học, từ các vấn đề thời sự đang diễn ra trong xã hội và được giảng viên hướng dẫn định hướng cho phù hợp với tình hình thực tế và định hướng nghiên cứu của Trường. Theo quy định chung của Trường, các học viên thực hiện đề tài được quyền sử dụng cơ sở vật chất của Trường phục vụ cho việc nghiên cứu, bao gồm: hệ thống phòng thí nghiệm, phòng nghiên cứu tại các Khoa, hệ thống máy móc trang thiết bị của Khoa, Trường và được sự hỗ trợ của bệnh viện Trường khi cần,... [H11.11.04.03]. Theo quy định của Trường, Hội đồng Khoa khi xét duyệt đề cương đề tài NCKH của học viên đều đảm bảo tính khả thi, đề tài có mục tiêu vừa phải, phù hợp với trình độ của học viên, khối lượng nghiên cứu vừa phải đảm bảo được tiến độ thực hiện đề tài trong vòng 12 tháng và các đề xuất nghiên cứu đều bám sát các vấn đề thời sự phản ánh được xu thế phát triển của thời đại.

Hằng năm, Khoa Y Dược phối hợp với Phòng KHQHQT, phòng Đào tạo thực hiện đối sánh loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của NH giữa các năm với nhau [H11.11.04.04].

2. Điểm mạnh

- Trường có quy định riêng và quy trình hướng dẫn thực hiện đề tài NCKH cho NH.

- Việc thực hiện NCKH của người học được sự hỗ trợ với nhiều hình thức từ cấp Trường, Khoa đến bộ môn.

- Các loại hình hoạt động NCKH của người học đã được xác lập với nội dung phong phú và phù hợp với khả năng của người học.

- Hằng năm, phòng KHQHQT và Khoa Y Dược và Phòng Đào tạo phối hợp thực hiện đối sánh loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của NH giữa các CTĐT trong Trường.

3. Điểm tồn tại

Học viên ngành thạc sĩ Khoa học Y sinh chủ yếu tham gia hoạt động NCKH qua việc thực hiện luận văn, rất ít các bài báo khoa học được xuất bản.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Khoa Y Dược tăng cường tổ chức các buổi tập huấn nâng cao kỹ năng NCKH, công bố kết quả khoa học cho học viên.	Trường ĐHTN, Phòng KHQHQT, Khoa Y Dược	Hằng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục triển khai và áp dụng nhiều biện pháp hỗ trợ tạo điều kiện thuận lợi để học viên tăng cường thực hiện NCKH.	Trường ĐHTN, Phòng KHQHQT, Khoa Y Dược	Hằng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt mức 4/7

Tiêu chí 11.5. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

Theo quy chế tổ chức và hoạt động của Nhà trường ban hành, phòng QLCL là đơn vị thống kê, phân tích, đánh giá mức độ hài lòng của các bên liên quan đối với hoạt động của Trường [H11.11.05.01], [H11.11.03.01]. Nhà trường ban hành Quy định khảo sát ý kiến của các bên liên quan và gửi đến các đơn vị để thực hiện, đồng thời thông báo, phổ biến đến GV, SV biết để thực hiện [H10.10.01.01]. Bảng câu hỏi được ra soát, điều chỉnh bổ sung định kỳ 2 lần/ năm bao gồm một số hoạt động sau:

- Khảo sát lấy ý kiến của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên
- Khảo sát người học về chất lượng phục vụ của Nhà trường
- Khảo sát sinh viên trước khi tốt nghiệp
- Khảo sát cựu người học
- Khảo sát viên chức, người lao động về môi trường làm việc
- Khảo sát các bên liên quan về chương trình đào tạo
- Khảo sát tuyển sinh, nhập học
- Khảo sát hoạt động nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế

- Khảo sát về công tác tài chính của Nhà trường
- Khảo sát hoạt động kết nối và phụ vụ cộng đồng
- Khảo sát đơn vị sử dụng lao động
- Khảo sát tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp
- Các khảo sát đặc thù khác.

Kết quả các khảo sát này được tổng hợp, phân tích và Nhà trường công bố trên website [\[H11.11.05.02\]](#).

Bảng 11.5.1. So sánh tỷ lệ người học hài lòng về hoạt động giảng dạy của giảng viên Khoa Y Dược và một số khoa khác thuộc trường đại học Tây Nguyên năm 2024

STT	Mức độ	Tỷ lệ người học hài lòng về hoạt động giảng dạy của giảng viên (%)				
		Y Dược	Kinh tế	Sư phạm	Lý luận chính trị	Ngoại ngữ
1	Rất Không hài lòng	4.2	2.3	2.5	5.3	2.1
2	Không hài lòng	1.9	2.2	1.8	2.1	2.2
3	Bình thường	18.4	18.4	16.2	13	19.3
4	Hài lòng	31.6	34.1	44.6	56.7	32
5	Rất Hài lòng	43.9	43.0	34.9	22.9	44.4
Điểm trung bình		4.1	4.1	4.1	3.9	4.1

Dựa trên kết quả khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan đối với hoạt động của Trường và đối với CTĐT ngành Y khoa, Nhà trường và các đơn vị, Khoa Y Dược xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng và triển khai các hoạt động cải tiến chất lượng. Trong giai đoạn 2020-2024, nhằm nâng cao mức độ hài lòng của các bên liên quan, Nhà trường đầu tư xây dựng đầy đủ các phòng học, phòng thực hành, phòng thí nghiệm và trang bị đầy đủ các thiết bị cần thiết để NH thực hành, thực tập; đầu tư bổ sung, cập nhật sách báo, tài liệu tham khảo, tạp chí chuyên ngành theo yêu cầu của CTĐT để NH có điều kiện tốt trong học tập và NCKH. Nhà trường quan tâm đến công tác tổ chức phục vụ của Thư viện, cải thiện thái độ, tinh thần phục vụ của NV các phòng ban chức năng để giải quyết những yêu cầu của NH. Bên cạnh đó, Nhà trường triển khai rà soát, điều chỉnh CTĐT, trong đó CTĐT đã được cập nhật, điều chỉnh định kỳ để các kiến thức cung cấp cho NH đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động.

2. Điểm mạnh

- Nhà trường phân công trách nhiệm cho phòng QLCL là đơn vị thống kê, phân tích, đánh giá mức độ hài lòng của các bên liên quan đối với hoạt động của Trường.

- Hằng năm, Nhà trường triển khai khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan đối với hoạt động của Trường và sử dụng kết quả khảo sát để xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng và triển khai các hoạt động cải tiến chất lượng.

3. Điểm tồn tại

Khoa chưa thực hiện đối sánh với kết quả lấy ý kiến liên quan CTĐT của các cơ sở giáo dục thuộc khối ngành khoa học sức khỏe khác.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Nhà trường và Khoa Y Dược khảo sát dự liệu và thực hiện đối sánh với các CSGD khác ngoài trường.	Trường ĐHTN, Phòng QLCL, Khoa Y Dược	Hằng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục áp dụng nhiều biện pháp nhằm nâng cao mức độ hài lòng của các bên liên quan đối với hoạt động của Trường	Trường ĐHTN, Phòng QLCL, Khoa Y Dược	Hằng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 11:

Nhà trường có hệ thống giám sát tình hình học tập, tỷ lệ thôi học và tỷ lệ tốt nghiệp của học viên. Tỷ lệ học viên ngành Thạc sỹ Khoa học Y sinh tốt nghiệp đúng hạn cao. Trường áp dụng phần mềm trong việc quản lý kết quả học tập của học viên giúp đánh giá kết quả với độ chính xác cao. Có sự phối hợp giữa Khoa và Phòng trong việc quản lý học tập và thời gian tốt nghiệp của học viên. Tỷ lệ học viên của chương trình đào tạo Thạc sỹ Khoa học Y Sinh có việc làm trong vòng 1 năm sau khi tốt nghiệp rất cao; và thực hiện đối sánh qua các năm. Trường có quy định riêng và quy trình hướng dẫn thực hiện đề tài NCKH cho NH. Việc thực hiện NCKH của người học được sự hỗ trợ với nhiều hình thức từ cấp Trường, Khoa đến bộ môn. Các loại hình hoạt động NCKH

của người học đã được xác lập với nội dung phong phú và phù hợp với khả năng của người học. Hằng năm, phòng KHQHQT và Khoa Y Dược và Phòng Đào tạo phối hợp thực hiện đối sánh loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của NH giữa các. Nhà trường phân công trách nhiệm cho phòng QLCL là đơn vị thống kê, phân tích, đánh giá mức độ hài lòng của các bên liên quan đối với hoạt động của Trường. Hằng năm, Nhà trường triển khai khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan đối với hoạt động của Trường và sử dụng kết quả khảo sát để xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng và triển khai các hoạt động cải tiến chất lượng.

Tuy nhiên, Khoa chưa thực hiện đối sánh tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp của học viên cùng chuyên ngành với các đơn vị ngoài Trường. Khoa Y Dược chưa khảo sát ý kiến của SV về các biện pháp rút ngắn thời gian tốt nghiệp. Chưa thực hiện so sánh số liệu người học có việc làm sau tốt nghiệp 1 năm với các ngành khác trong trường. Học viên ngành thạc sĩ Khoa học Y sinh chủ yếu tham gia hoạt động NCKH qua việc thực hiện luận văn, rất ít các bài báo khoa học được xuất bản. Khoa chưa thực hiện đối sánh với kết quả lấy ý kiến liên quan CTĐT của các cơ sở giáo dục thuộc khối ngành khoa học sức khỏe khác.

Tự đánh giá theo 5 tiêu chí của tiêu chuẩn này, CTĐT ngành ThS KHYS đạt yêu cầu 5/5 tiêu chí, trong đó 03 tiêu chí đạt 4/7 điểm, 02 tiêu chí đạt 5/7 điểm.

PHẦN III. KẾT LUẬN

3.1. Tóm tắt những điểm mạnh và những điểm cần phát huy của CTĐT

Mục tiêu của CTĐT thạc sĩ KHYS được xác định rõ ràng, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội về nguồn nhân lực y tế. Mục tiêu thông tin đến GV, HV bằng nhiều hình thức để đảm bảo hiệu quả triển khai thực hiện. CĐR của CTĐT được xây dựng cụ thể, rõ ràng, thành các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm của người học giúp HV vừa rèn luyện được chuyên môn, vừa rèn luyện đạo đức cá nhân và các kỹ năng mềm trong quá trình học tập để thực hành nghề nghiệp trong tương lai. CĐR của CTĐT được công bố công khai cho HV khi tham gia vào khoá đào tạo.

CTĐT thạc sĩ ngành KHYS được thiết kế với cấu trúc chặt chẽ, hệ thống, có đầy đủ các thông tin; đúng quy trình xây dựng CTĐT của Trường ĐH Tây Nguyên. ĐCCTHP được xây dựng cụ thể, rõ ràng. Quá trình cập nhật và điều chỉnh CTĐT, ĐCCTHP đều dựa trên cơ sở góp ý của các bên liên quan như GV, HV, cựu HV, nhà sử dụng lao động qua các lần khảo sát, lấy ý kiến. Các thông tin quan trọng trong bản mô tả CTĐT và ĐCCTHP được công bố công khai, minh bạch, dễ tiếp cận cho các bên liên quan bằng nhiều hình thức khác nhau.

CTDH ngành ThS KHYS được thiết kế dựa trên CĐR, với các học phần trong CTDH có cấu trúc chặt chẽ, tích hợp theo trình tự từ cơ bản đến chuyên sâu, từ đơn giản đến phức tạp; nội dung của các HP trong phần kiến thức chung, kiến thức cơ sở và chuyên ngành có cấu trúc gắn kết, liền mạch, phù hợp và bổ trợ lẫn nhau; các phương pháp kiểm tra đánh giá đầy đủ, giúp người học đạt được CĐR của CTĐT. Các nội dung trong CTDH được rà soát, điều chỉnh, bổ sung theo các đợt cập nhật và có sự góp ý của các bên liên quan.

Trường ĐHTN tuyên bố TLGD vào năm 2020 là “Phát triển toàn diện phẩm chất, năng lực NH” và phổ biến đến các bên liên quan bằng nhiều hình thức khác nhau. GV hiểu rõ về TLGD của Trường và triển khai thực hiện. Kết quả khảo sát ý kiến của GV, HV, cựu HV thể hiện mức độ hài lòng đối với TLGD của Trường. GV Khoa Y Dược xác định hoạt động dạy học, PPGD đa dạng, phù hợp để đạt được CĐR ngành Phát triển toàn diện phẩm chất, năng lực NH và thể hiện trong ĐC học phần. GV Khoa Y Dược tích cực hướng dẫn HV sử dụng các hoạt động học tập phù hợp từ đó giúp HV

chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức nhằm đạt được CĐR. GV, HV Khoa Y Dược hài lòng với các hoạt động dạy và học, các phương pháp dạy và học được sử dụng trong CTĐT ngành Thạc sĩ Khoa học y sinh. Tất cả ĐC học phần ngành Thạc sĩ Khoa học y sinh mô tả rõ việc sử dụng các PPGD và học tập phù hợp nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm cho HV; mô tả và nhấn mạnh đến hoạt động tự nghiên cứu, tự học nhằm hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời cho HV. GV Khoa Y Dược sử dụng đa dạng, phù hợp các PPGD để đạt CĐR của học phần và CĐR của CTĐT ngành Thạc sĩ Khoa học y sinh nhằm hỗ trợ HV rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời. Kết quả khảo sát ý kiến của HV thể hiện GV Khoa Y Dược sử dụng đa dạng các PPGD phù hợp nhằm hỗ trợ HV rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời.

Trường đã xây dựng và công khai các qui định về đánh giá KQHT và đảm bảo tất cả người học đều được tiếp cận với cách thức dễ dàng nhất và hiểu rõ ràng. Phương pháp đánh giá được xác định khoa học, đảm bảo đánh giá được năng lực và kỹ năng của người học. Ngoài ra, việc thông báo kết quả đánh giá học tập cũng được thông báo nhanh chóng qua nhiều kênh, giúp người học biết để điều chỉnh kế hoạch và phương pháp học tập của bản thân. Quyền khiếu nại của HV cũng được đáp ứng qua những qui định qui trình về tiếp nhận và xử lý khiếu nại.

Các nội dung quy hoạch và phát triển đội ngũ GV được Nhà trường ban hành trong Quy hoạch phát triển Trường giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn 2030. Bên cạnh đó, Nhà trường xây dựng Quy hoạch CBQL các đơn vị trực thuộc Trường theo giai đoạn và được bổ sung thường xuyên, trong đó công tác quy hoạch các chức danh lãnh đạo Trường, CBQL thuộc Trường được thực hiện từ cấp bộ môn, đơn vị đến cấp Trường. Nhà trường thường xuyên triển khai rà soát, bổ sung quy hoạch đúng quy trình, bảo đảm tính công khai, minh bạch, dân chủ của tất cả CB, VC-NLĐ, bảo đảm quy hoạch những người có đủ tiêu chuẩn, năng lực và trình độ vào các vị trí quản lý. Nhà trường ban hành Quy định về quy trình tuyển dụng CB, VC và thông báo đến GV, các bên liên quan bằng nhiều hình thức khác nhau. GV mới được sát hạch về chuyên môn trước khi chính thức giảng dạy. Năng lực của GV được xác định bao gồm: năng lực NCKH; năng lực xây dựng, thiết kế và thực hiện CTDH; năng lực lựa chọn và áp dụng các PPGD, KTĐG phù hợp đáp ứng yêu cầu CĐR; năng lực ứng dụng và sử dụng CNTT trong dạy học; năng lực giám sát và tự đánh giá chất lượng công việc; năng lực

ngiên cứu và đóng góp cho cộng đồng, ... và được thể hiện cụ thể trong các văn bản do Nhà trường ban hành.

Nhà trường ban hành văn bản Quy định về định mức giờ dạy đối với GV và triển khai thực hiện. Nhà trường ban hành hệ thống văn bản quản trị công việc của CB, VC-NLĐ và triển khai thực hiện. Trên cơ sở đó, đầu mỗi năm học, GV Khoa Y Dược thực hiện đăng ký thi đua vào đầu năm học và là cơ sở xét thi đua cuối mỗi năm học. Hằng năm, dựa trên cơ sở giám sát khối lượng công việc đối với đội ngũ GV, Nhà trường và Khoa Y Dược đánh giá khối lượng công việc của GV và áp dụng các biện pháp để cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ. Tỷ lệ GV/NH của CTĐT ngành KHYS đáp ứng yêu cầu theo quy định hiện hành. Hằng năm, Nhà trường triển khai đánh giá, phân loại CB, VC và NLĐ, trong đó có đánh giá năng lực của đội ngũ GV. Trong giai đoạn 2020-2024, GV Khoa Y Dược được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên chiếm tỷ lệ 98%. Kết quả khảo sát ý kiến của GV cho thấy GV hài lòng về việc thi đua khen thưởng và công nhận của Trường và các cấp có thẩm quyền.

Nhà trường ban hành Quy hoạch đào tạo, BD CBVC theo từng giai đoạn và liên tục bổ sung, điều chỉnh dựa trên cơ sở xác định nhu cầu ĐT, BD của các đơn vị và căn cứ chỉ tiêu phát triển đội ngũ trong Kế hoạch phát triển Trường. Để triển khai thực hiện tốt hoạt động ĐT, BD, phát triển đội ngũ GV, Nhà trường xây dựng dự toán ngân sách và cơ cấu thu chi hằng năm dành cho kế hoạch kinh phí chi ĐT, phát triển đội ngũ GV. Kết quả khảo sát ý kiến GV hằng năm thể hiện sự hài lòng về hoạt động ĐT, BD của Trường.

Nhà trường ban hành đầy đủ văn bản quy định cụ thể về các loại hình và số lượng sản phẩm NCKH mà GV phải thực hiện và triển khai thực hiện. Hằng năm, Nhà trường thống kê kết quả hoạt động NCKH của GV toàn trường và đối sánh với chỉ tiêu trong kế hoạch năm học cũng như đối sánh giữa các năm học với nhau. Trên cơ sở đó, Nhà trường áp dụng nhiều biện pháp cải tiến hoạt động NCKH của GV. Trong giai đoạn 2020-2024, số lượng đề tài NCKH các cấp và số lượng các bài báo khoa học do GV thực hiện tăng lên, kể cả số lượng bài báo công bố trên các tạp chí quốc tế. GV Nhà trường đã đạt nhiều hình thức khen thưởng các cấp.

Nhà trường triển khai để các đơn vị đề xuất nhu cầu đội ngũ NV phục vụ hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ và trên cơ sở đó xây dựng quy hoạch đội ngũ NV. Nhà trường áp dụng nhiều chính sách thu hút đội ngũ NV về làm việc tại thư viện, phòng

thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác. Đội ngũ NV của Nhà trường hiện nay đủ về số lượng và bảo đảm trình độ chuyên môn, nghiệp vụ phục vụ hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường và của CTĐT ngành KHYS. Nhà trường ban hành quy trình tuyển dụng CB, VC; Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm viên chức giữ chức vụ quản lý thuộc Trường và phổ biến đến CB, GV, NV bằng nhiều hình thức khác nhau.

Nhà trường ban hành hệ thống văn bản đánh giá năng lực của đội ngũ NV, trong đó thể hiện rõ tiêu chí đánh giá chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, đạo đức, trách nhiệm, kết quả thực hiện nhiệm vụ. Hằng năm, Nhà trường triển khai đánh giá năng lực của đội ngũ NV về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, mức độ hoàn thành công việc và sự hài lòng của các bên liên quan. Trong giai đoạn 2020-2024, tất cả NV của Nhà trường được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, chiếm tỷ lệ trên 90%.

Nhà trường ban hành Quy hoạch đào tạo, BD CBVC theo từng giai đoạn và rà soát, điều chỉnh, bổ sung dựa trên nhu cầu ĐT, BD của CB, GV và NV. Nhà trường triển khai nhiều hoạt động ĐT, BD đội ngũ NV nhằm tạo điều kiện để NV phát triển trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và phục vụ tốt hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ. Kết quả khảo sát ý kiến đội ngũ NV thể hiện sự hài lòng về hoạt động ĐT, BD của Nhà trường.

Nhà trường quy định về khối lượng công việc cụ thể đối với NV và quy định về việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ NV, trong đó có cả các quy định về khen thưởng và công nhận. Trên cơ sở đó, Nhà trường triển khai việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ NV dựa trên quy định về khối lượng công việc cụ thể đã xác định và phân công. Hằng năm, Nhà trường ban hành thông báo triển khai đánh giá, phân loại VC-NLĐ và gửi đến các đơn vị để thực hiện. Kết quả đánh giá, phân loại NV và kết quả thi đua khen thưởng hằng năm được thông báo công khai và lưu trữ trong hồ sơ năng lực của đội ngũ NV do phòng TCCB quản lý. Kết quả khảo sát ý kiến của NV về việc thi đua khen thưởng và công nhận của Trường và các cấp có thẩm quyền thể hiện NV hài lòng về việc thi đua khen thưởng và công nhận của Trường và các cấp có thẩm quyền.

Trong những năm qua, chất lượng người học và hoạt động hỗ trợ người học đã được trường ĐHTN, khoa Y Dược xác định là một trong những yếu tố rất quan trọng để nâng cao chất lượng đào tạo của Trường ĐHTN. Chính sách tuyển sinh, phương pháp tuyển chọn người học được công bố công khai, cập nhật thường xuyên và thực

hiện đúng theo quy chế tuyển sinh của BGDĐT, phù hợp với nhu cầu nhân lực của xã hội. Từ khi nhập học đến khi kết thúc quá trình học tập, người học luôn được tư vấn, hỗ trợ kịp thời để giải quyết những khó khăn gặp phải, một hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện đã được xây dựng và công bố công khai, khối lượng học tập được phân bổ đồng đều giữa các năm giúp người học không bị quá tải một kỳ học. Môi trường tâm lý xã hội tích cực, cảnh quan của Trường ĐHTN đẹp, thoáng mát, thân thiện đã phát huy sự sáng tạo và sự thoải mái trong tâm lý của người học. Các khu vực học tập, làm việc được bố trí khoa học, thuận lợi cho công tác giảng dạy, học tập và NCKH của CTĐT. Trường ĐHTN luôn thường xuyên lấy ý kiến của các bên liên quan (HV, GV, cán bộ) làm cơ sở để chỉnh sửa hoặc nâng cấp môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan.

CSVC và trang thiết bị phục vụ CTĐT được cung cấp đầy đủ đáp ứng được tối đa nhu cầu đào tạo thực tế và định hướng mở rộng trong tương lai. Nhà trường có đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng có đầy đủ trang thiết bị và bảo đảm tỉ lệ diện tích/NH theo quy định để hỗ trợ các hoạt động đào tạo phục vụ CTĐT ngành Khoa học Y Sinh theo quy định hiện hành. Trong giai đoạn 2017 – 2021, Nhà trường đầu tư nâng cấp, cải tạo CSVC và cơ sở hạ tầng đáp ứng nhu cầu hoạt động đào tạo và nghiên cứu phục vụ CTĐT ngành Khoa học Y Sinh. Kết quả khảo sát ý kiến của GV, HV thể hiện Nhà trường có đủ phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng phù hợp và bảo đảm tỉ lệ diện tích để hỗ trợ các hoạt động đào tạo phục vụ CTĐT ngành Khoa học Y Sinh theo quy định hiện hành. Thư viện của Nhà trường được đầu tư nâng cấp phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu của CTĐT ngành Khoa học Y Sinh. Thư viện có nội quy hoạt động rõ ràng và đồng thời luôn hỗ trợ, hướng dẫn HV đặc biệt là HV năm thứ nhất sử dụng Thư viện hiệu quả. Nguồn học liệu đảm bảo nhu cầu học tập và nghiên cứu của các CTĐT nói chung và đối với CTĐT ngành Khoa học Y Sinh. Hằng năm, Nhà trường cập nhật, bổ sung giáo trình, tài liệu, sách tham khảo cho thư viện. Kết quả khảo sát ý kiến của GV, HV về hoạt động của Thư viện thể hiện mức độ hài lòng của GV, HV đối với hoạt động của thư viện. Phòng thí nghiệm, thực hành được xây dựng với số lượng và quy cách đáp ứng việc phục vụ cho CTĐT. Các trang thiết bị phù hợp với từng môn học, được trang bị đầy đủ để phục vụ đào tạo và nghiên cứu của CTĐT ngành Khoa học Y Sinh. Hằng năm, phòng CSVC tiến hành rà soát, kiểm kê, đánh giá phòng thí nghiệm, phòng thực

hành và trang thiết bị để phục vụ đào tạo và nghiên cứu của CTĐT ngành Khoa học Y Sinh . Trong giai đoạn 2017 – 2021, Nhà trường nâng cấp 13 phòng thí nghiệm ở khu nhà D1, D2 và cho khoa Y Dược quản lý. Đồng thời, các trang thiết bị phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu cũng được mua sắm và sửa chữa hằng năm. Kết quả khảo sát ý kiến của GV, HV thể hiện sự hài lòng đối với phòng thí nghiệm, phòng thực hành và các trang thiết bị hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu của CTĐT ngành Khoa học Y Sinh . Nhà trường quan tâm đầu tư hệ thống CNTT bao gồm hệ thống máy tính, phần cứng, phần mềm, hệ thống mạng Internet, trang thông tin điện tử, ... phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và NCKH. Nhà trường phân công phòng CSVC và Trung tâm Thông tin và Tư vấn Tuyển sinh lập kế hoạch bảo trì, kiểm toán, nâng cấp hệ thống CNTT. Nhà trường triển khai nhiều biện pháp bảo mật nhằm bảo đảm hệ thống CNTT hoạt động ổn định, an toàn để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Hằng năm, Nhà trường luôn rà soát hệ thống CNTT để kịp thời sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng và cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Kết quả khảo sát ý kiến của GV, HV thể hiện sự hài lòng đối với hệ thống CNTT để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu của CTĐT ngành Khoa học Y Sinh . Nhà trường luôn quan tâm và triển khai nhiều biện pháp bảo đảm môi trường, sức khỏe và an toàn cho CB, GV, HV và có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật. Kết quả khảo sát ý kiến của GV, HV thể hiện sự hài lòng về môi trường, sức khỏe và an toàn có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật của Trường.

Nhà trường ban hành quy định về khảo sát ý kiến các bên liên quan với việc phân công cụ thể trách nhiệm cho các đơn vị thực hiện, trong đó có nội dung khảo sát về CTDH ngành Thạc sĩ Khoa học y sinh, phòng QLCL phối hợp Khoa Y Dược để khảo sát ý kiến của GV, SV, cựu SV, về CTDH ngành Thạc sĩ Khoa học y sinh và triển khai thu thập thông tin về nhu cầu nguồn nhân lực liên quan đến ngành Thạc sĩ Khoa học y sinh. Trên cơ sở đó, Khoa Y Dược sử dụng thông tin về nhu cầu nguồn nhân lực liên quan đến ngành Thạc sĩ Khoa học y sinh và kết quả khảo sát ý kiến các bên liên quan về CTDH để điều chỉnh phù hợp với CĐR. Trong Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT, đề cương học phần của Nhà trường ban hành có quy trình thiết kế và phát triển CTDH với các bước thực hiện cụ thể. Năm 2020, Phòng đào tạo triển khai rà soát quy trình thiết kế và phát triển CTDH trong Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT, đề cương học phần của Nhà trường ban hành. Dựa trên

tiếp thu ý kiến của các Khoa và kết quả khảo sát ý kiến của GV về quy trình thiết kế và phát triển CTDH, Nhà trường ban hành Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CDR, CTĐT, đề cương học phần, trong đó có quy trình thiết kế và phát triển CTDH đã được điều chỉnh. Trong các văn bản về hoạt động ĐT, KTĐG KQHT của NH có quy định về việc rà soát, đánh giá thường xuyên quá trình dạy học; việc đánh giá kết quả hoạt động của NH, các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá KQHT của NH trong CTĐT để bảo đảm sự tương thích với CDR. Nhà trường phân công trách nhiệm cụ thể cho Phòng ĐT, phòng QLCL, phòng Thanh tra Pháp chế, Khoa Y Dược trong việc rà soát, đánh giá thường xuyên quá trình dạy học; việc đánh giá kết quả hoạt động của NH, các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá KQHT của NH trong CTĐT để bảo đảm sự tương thích với CDR. Từng học kỳ và cuối mỗi năm học, Khoa Y Dược họp tổng kết, đánh giá quá trình dạy học; đánh giá kết quả hoạt động của NH, các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá KQHT của NH trong CTDH ngành Thạc sĩ Khoa học y sinh để bảo đảm sự tương thích với CDR đã ban hành, đồng thời rút kinh nghiệm để triển khai tốt trong học kỳ tiếp theo. Kết quả khảo sát ý kiến phản hồi từ NH của CTĐT ngành Thạc sĩ Khoa học y sinh thể hiện sự hài lòng đối với phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá KQHT của NH. Nhà trường và Khoa Y Dược luôn quan tâm, chú trọng triển khai hoạt động NCKH của GV và ứng dụng kết quả đề tài NCKH liên quan đến dạy và học vào giảng dạy CTDH ngành Thạc sĩ Khoa học y sinh. Trong giai đoạn 2020– 2024, GV Khoa Y Dược đã thực hiện và đang thực hiện 66 đề tài NCKH các cấp, trong đó tất cả các đề tài NCKH đều phục vụ cho hoạt động dạy học các chuyên ngành trong Khoa Y Dược. Hằng năm, Khoa Y Dược thường xuyên tổ chức các buổi sinh hoạt học thuật để GV thực hiện các đề tài NCKH báo cáo, chia sẻ kinh nghiệm để áp dụng kết quả NCKH, sáng kiến kinh nghiệm trong giảng dạy CTĐT ngành Thạc sĩ Khoa học y sinh. Nhà trường ban hành Quy định khảo sát ý kiến của các bên liên quan và phân công phòng QLCL là đơn vị chủ trì và phối hợp với các đơn vị khảo sát ý kiến các bên liên quan về hoạt động của Trường. Hằng năm, phòng QLCL phối hợp với các đơn vị khảo sát ý kiến các bên liên quan về hoạt động của Trường, trong đó có khảo sát ý kiến của GV, SV về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác của Trường. Kết quả khảo sát ý kiến của GV, SV về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác của Trường được

Nhà trường và các đơn vị sử dụng để xác định các nội dung, biện pháp cải tiến chất lượng. Trong giai đoạn 2020 – 2024, Nhà trường triển khai nhiều hoạt động cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác của Trường. Trong Quy định khảo sát ý kiến của các bên liên quan của Nhà trường ban hành phân công trách nhiệm cụ thể cho phòng QLCL và các đơn vị phối hợp khảo sát ý kiến của các bên liên quan đối với hoạt động của Trường và hằng năm, Nhà trường ban hành kế hoạch khảo sát ý kiến các bên liên quan về hoạt động của Trường. Phòng QLCL phối hợp các đơn vị triển khai khảo sát ý kiến các bên liên quan về hoạt động của Trường và gửi kết quả khảo sát ý kiến các bên liên quan đến các đơn vị để thực hiện cải tiến chất lượng. Năm 2021, phòng QLCL triển khai rà soát Quy định khảo sát ý kiến của các bên liên quan của Nhà trường ban hành và dựa trên cơ sở tiếp thu ý kiến của các Khoa về cơ chế phản hồi của các bên liên quan trong Quy định khảo sát ý kiến của các bên liên quan do Nhà trường ban hành, Hiệu trưởng Nhà trường ban hành Quy định khảo sát ý kiến của các bên liên quan, trong đó có cơ chế phản hồi của các bên liên quan đã được điều chỉnh. Trong năm 2021, Nhà trường và các đơn vị chú trọng sử dụng ý kiến phản hồi của các bên liên quan trong quá trình xây dựng kế hoạch hoạt động của Trường và của đơn vị.

Nhà trường có hệ thống giám sát tình hình học tập, tỷ lệ thôi học và tỷ lệ tốt nghiệp của học viên. Tỷ lệ học viên ngành Thạc sỹ Khoa học Y sinh tốt nghiệp đúng hạn cao. Trường áp dụng phần mềm trong việc quản lý kết quả học tập của học viên giúp đánh giá kết quả với độ chính xác cao. Có sự phối hợp giữa Khoa và Phòng trong việc quản lý học tập và thời gian tốt nghiệp của học viên. Tỷ lệ học viên của chương trình đào tạo Thạc sỹ Khoa học Y Sinh có việc làm trong vòng 1 năm sau khi tốt nghiệp rất cao; và thực hiện đối sánh qua các năm. Trường có quy định riêng và quy trình hướng dẫn thực hiện đề tài NCKH cho NH. Việc thực hiện NCKH của người học được sự hỗ trợ với nhiều hình thức từ cấp Trường, Khoa đến bộ môn. Các loại hình hoạt động NCKH của người học đã được xác lập với nội dung phong phú và phù hợp với khả năng của người học. Hằng năm, phòng KHQHQT và Khoa Y Dược và Phòng Đào tạo phối hợp thực hiện đối sánh loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của NH giữa các. Nhà trường phân công trách nhiệm cho phòng QLCL là đơn vị thống kê, phân tích, đánh giá mức độ hài lòng của các bên liên quan đối với hoạt động của Trường. Hằng năm, Nhà trường triển khai khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên

quan đối với hoạt động của Trường và sử dụng kết quả khảo sát để xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng và triển khai các hoạt động cải tiến chất lượng.

3.2. Tóm tắt những điểm tồn tại và những vấn đề cần cải tiến chất lượng

Trong quá trình tổ chức rà soát, điều chỉnh mục tiêu đào tạo của CTĐT, số lượng nhà tuyển dụng trả lời ý kiến phản hồi về CTĐT thạc sĩ ngành KHYS chưa nhiều. Việc cập nhật, điều chỉnh CDR của CTĐT ThS KHYS chuẩn hóa theo khung trình độ quốc gia, phù hợp với yêu cầu xã hội. Tuy nhiên, nhìn chung, CDR của CTĐT ThS KHYS còn chưa tiệm cận chuẩn quốc tế. Nội dung trong các hình thức phổ biến CTĐT, mục tiêu đào tạo và đặc biệt là CDR CTĐT của Trường và Khoa còn chung chung và kết hợp với nhiều nội dung khác nên khó nhớ.

Bản mô tả CTĐT và ĐCCTHP tuy được rà soát, cập nhật nhưng chưa đối sánh với các trường lân cận và trong khu vực. Việc cập nhật tài liệu tham khảo của một số học phần còn ít. Cần thông qua nhiều kênh truyền thông, quảng bá hơn nữa CTĐT và ĐCCTHP nhằm giúp các bên liên quan có thể tiếp cận dễ dàng và thuận tiện.

Trong quá trình xây dựng và cập nhật CTDH, cần được đối sánh với nhiều CTDH của các trường đại học có đào tạo thạc sĩ cùng chuyên ngành, nhất là các trường lân cận, cùng khu vực, số lượng nhà tuyển dụng và cựu SV góp ý về CTDH ngành ThS KHYS chưa nhiều. GV sử dụng phương pháp giảng dạy thuyết giảng trong CTDH đôi khi vẫn chưa lồng ghép hoàn toàn dạy học tích cực, nên GV vẫn giữ vai trò là người giảng nhiều hơn vai trò hỗ trợ NH.

Triết lý giáo dục của trường mặc dù được phổ biến rộng rãi trên website tuy nhiên việc lan tỏa triết lý giáo dục của trường đến một số bên liên quan còn nhiều khó khăn, một số bên liên quan chưa thật sự hiểu sâu sắc và thấu đáo về triết lý giáo dục của trường. Nhà trường và Khoa Y Dược chưa khảo sát mức độ hài lòng và hiểu biết của GV, HV, cựu HV và các nhà tuyển dụng về TLGD của Trường. Phương pháp giảng dạy trực tuyến mới được bắt đầu áp dụng trong thời kỳ dịch Covid nên vẫn còn một số GV và HV chưa kịp thích nghi để sử dụng có hiệu quả cao với phương pháp này. Số lượng các hội nghị, hội thảo về đổi mới, cải tiến phương pháp dạy và học do Khoa Y Dược tổ chức chưa nhiều.

Quyền khiếu nại của HV cũng được đáp ứng qua những quy định qui trình về tiếp nhận và xử lý khiếu nại. Tuy nhiên, hạn chế là chưa đánh giá được mức độ điều chỉnh hoặc cải thiện công tác học tập của người học sau khi đánh giá KQHT.

Việc tuyển dụng GV có học hàm, học vị theo quy hoạch phát triển đội ngũ của Trường và Khoa còn hạn chế ở một số học phần đặc thù. Do nguồn lực của Trường còn hạn chế nên các chính sách thu hút GV của Nhà trường mới được ban hành gần đây. Năng lực ngoại ngữ của GV Khoa Y Dược còn hạn chế đặc biệt là năng lực ngoại ngữ chuyên ngành. Số lượng GV Khoa Y Dược có học vị TS chưa nhiều. Số lượng GV Khoa Y Dược được nhận các hình thức khen thưởng cấp cao còn hạn chế. Loại hình NCKH do GV Khoa Y Dược thực hiện chưa đa dạng.

Công tác quy hoạch đội ngũ NV gặp khó khăn do thực hiện tinh giảm biên chế. Do hạn chế về nguồn lực nên các chính sách của Nhà trường thu hút đội ngũ NV có năng lực và kinh nghiệm làm việc chưa phát huy tối đa hiệu quả. Số lượng NV tham gia ĐT, BD ở nước ngoài chưa nhiều. Số lượng NV được nhận các hình thức khen thưởng cấp cao còn hạn chế.

Số lượng các bên liên quan được lấy ý kiến về chính sách tuyển sinh về ngành đào tạo còn ít. Từ năm học 2019 đến nay, trường ĐHTN vẫn sử dụng hình thức tuyển sinh xét tuyển nhưng vẫn chưa thu hút được nhiều thí sinh đăng ký xét tuyển theo hình thức này. Trường ĐHTN đã có nhiều công cụ, hệ thống quản lý, giám sát về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học nhưng các công cụ, hệ thống này còn chưa được tập trung hóa và hệ thống hóa một cách tốt nhất nên đôi lúc còn gây đôi chút khó khăn trong sử dụng cho đội ngũ quản lý và cố vấn học tập. Các hoạt động rèn luyện và thi đua đôi khi chưa đảm bảo tính sáng tạo, đa dạng nên còn một số ít HV chưa có hứng thú trong việc tham gia các hoạt động ngoại khóa. Các hoạt động tu sửa, thay mới trang thiết bị đôi khi còn chậm, làm ảnh hưởng đến quá trình học tập và nghiên cứu của sinh viên.

Mặc dù một số phòng học tuy đã được cải tạo, nâng cấp nhưng vẫn chưa đáp ứng tiêu chuẩn của phòng học hiện đại. Số lượng tài liệu điện tử tại Thư viện chưa nhiều. Do hạn chế về nguồn tài chính nên việc nâng cấp các phòng thí nghiệm, phòng thực hành còn chậm hơn kế hoạch đã xây dựng và gặp khó khăn trong việc trang bị, nâng cấp hệ thống CNTT đồng bộ cũng như chưa có nhiều công trình phục vụ nhu cầu của người khuyết tật.

Số lượng nhà tuyển dụng và cựu HV góp ý về CTDH ngành Thạc sĩ Khoa học y sinh chưa nhiều. Nhà trường chưa triển khai khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan bên ngoài trường về quy trình thiết kế và phát triển CTDH. Số lượng hội nghị,

hội thảo về đổi mới giảng dạy, học tập, KTĐG KQHT của NH do Khoa Y Dược tổ chức chưa nhiều. Số lượng đề tài NCKH do GV Khoa Y Dược thực hiện về lĩnh vực phương pháp giảng dạy còn hạn chế. Số lượng cá nhân tham gia khảo sát đo lường sự hài lòng của người dân đối với giáo dục công của Trường chưa nhiều. Nhà trường chưa triển khai khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan bên ngoài trường về cơ chế phản hồi của các bên liên quan.

Tuy nhiên, Khoa chưa thực hiện đối sánh tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp của học viên cùng chuyên ngành với các đơn vị ngoài Trường. Khoa Y Dược chưa khảo sát ý kiến của SV về các biện pháp rút ngắn thời gian tốt nghiệp. Chưa thực hiện so sánh số liệu người học có việc làm sau tốt nghiệp 1 năm với các ngành khác trong trường. Học viên ngành thạc sĩ Khoa học Y sinh chủ yếu tham gia hoạt động NCKH qua việc thực hiện luận văn, rất ít các bài báo khoa học được xuất bản. Khoa chưa thực hiện đối sánh với kết quả lấy ý kiến liên quan CTĐT của các cơ sở giáo dục thuộc khối ngành khoa học sức khỏe khác.

3.3. Tóm tắt các kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT

3.3.1. Khắc phục điểm tồn tại

Mở rộng quy mô khảo sát đến các cơ quan nơi học viên đang làm việc. Rà soát, cập nhật CDR của CTĐT dần hướng đến chuẩn quốc tế, đặc biệt, cần thực hiện tốt hơn về CDR ngoại ngữ, tin học trong CTĐT. Triển khai nội dung trong các hình thức phổ biến CTĐT, mục tiêu đào tạo và đặc biệt là CDR CTĐT tập trung và súc tích, không phối hợp quá nhiều nội dung.

Tham khảo bản mô tả CTĐT của các trường lân cận và trong khu vực khi rà soát, cập nhật. Rà soát và cập nhật thêm các TLTK mới, đặc biệt là các TLTK nước ngoài, các bài báo khoa học trên các tạp chí uy tín. Phối hợp TTTT, phòng ĐT đẩy mạnh quảng bá CTĐT ThS KHYS trên các tờ rơi, mạng xã hội, website để các bên liên quan có thể tiếp cận dễ dàng, thuận tiện hơn.

Tổ chức các đợt tập huấn về phát triển phương pháp giảng dạy tích cực cho GV, các buổi hướng dẫn phương pháp học tập tích cực cho HV. Gia tăng trọng số các bài đánh giá quá trình. Tăng cường lấy ý kiến góp ý của nhà tuyển dụng và cựu HV về CTDH ngành ThS KHYS. Tham khảo, nghiên cứu CTDH thạc sĩ của các trường khác để gia tăng tính tích hợp.

Khoa Y Dược phối hợp với Nhà trường tiến hành khảo sát mức độ hài lòng và hiểu biết của GV, HV, cựu HV và các nhà tuyển dụng về TLGD của Trường. Tổ chức tập huấn, hội thảo trao đổi kinh nghiệm để nâng cao chất lượng đào tạo trực tuyến giúp người học đạt được CDR của CTĐT. Khoa Y Dược tổ chức thêm nhiều hội nghị, hội thảo về đổi mới, cải tiến phương pháp dạy học.

Khoa/Trường có quy trình cụ thể hướng dẫn GV thực hiện đổi hình thức đánh giá so với hình thức công bố trong đề cương học phần, nhằm thích ứng với tình hình hiện nay. Khoa tiếp tục duy trì và đi vào ổn định các kênh thông tin hiện tại. Khoa xây dựng kế hoạch 100 % môn học do GV cơ hữu hiện tại phụ trách có ngân hàng đề thi trong năm học 2020-2021, và 100 % môn học trong CTĐT có ngân hàng đề thi chung trong năm học tiếp theo. Khuyến khích học viên đăng kí học và thi cải thiện điểm của các học phần có điểm số thấp. Tiến hành khảo sát định kỳ nhằm đánh giá việc tiếp cận qui trình khiếu nại của người học

Nhà trường và Khoa Y Dược tạo điều kiện thuận lợi cho GV nâng cao năng lực ngoại ngữ để có thể tìm kiếm và tham gia các khóa học tại nước ngoài. Khoa Y Dược xây dựng và hoàn thiện đề án phát triển nguồn nhân lực trong đó có nhiều chính sách hỗ trợ GV, NCV học tập nâng cao chuyên môn trong và ngoài nước. Khuyến khích GV, NCV tham gia công tác NCKH, PVCĐ. Khoa Y Dược phối hợp với Phòng KH&HTQT hỗ trợ GV, NCV trong các thủ tục hành chính. Nhà Trường và phòng TCCB lập kế hoạch và xây dựng chính sách mạnh thu hút và giữ chân các GV. Tổ chức các lớp BD tiếng Anh cho GV, đặc biệt là lớp tiếng Anh chuyên ngành Y khoa đồng thời tăng cường chế độ khen thưởng, động viên, khuyến khích GV đạt được các chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế. Tăng cường chính sách khuyến khích, hỗ trợ và tạo điều kiện để GV học tập NCS ở trong và ngoài nước. Tăng cường động viên, khuyến khích, tạo điều kiện nhằm tăng số lượng GV Khoa Y Dược được nhận các hình thức khen thưởng cấp cao. Tăng cường chế độ khen thưởng và tăng cường động viên, khuyến khích GV thực hiện các đề tài NCKH các cấp và phối hợp với các đối tác bên ngoài để thực hiện các loại hình khoa học.

Tăng cường nhân lực về CNTT. Nhà trường tăng cường các chính sách thu hút NV có năng lực và kinh nghiệm làm việc nhằm phục vụ tốt hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ. Nhà trường và Khoa tiếp tục triển khai và có giám sát việc thực hiện triển khai các văn bản, quy trình đến từng bộ môn, đồng thời tiến hành phân tích, lấy ý kiến ở

cấp độ Khoa để NV có thể nắm rõ nội dung. Nhà trường và Khoa tăng cường động viên, khuyến khích, hỗ trợ tạo điều kiện để NV tích cực tham gia các khóa ĐT, BD ở nước ngoài. Nhà trường và lãnh đạo Khoa tăng cường động viên, khuyến khích, hỗ trợ tăng số lượng NV được nhận các hình thức khen thưởng cấp cao.

Số lượng các bên liên quan được lấy ý kiến về chính sách tuyển sinh và việc phân tích/dự báo nhu cầu nhân lực về ngành đào tạo cần được chú trọng hơn. Cần có giải pháp để mở rộng phạm vi lấy ý kiến tới nhiều đối tượng và phân tích/dự báo nhu cầu nguồn nhân lực đối với ngành KHYS để có chính sách phù hợp. Phối hợp với các cơ quan truyền thông để quảng bá về trường ĐHTN trên các phương tiện thông tin đại chúng nhằm cung cấp thêm thông tin cho người học, phổ biến về các hình thức tuyển chọn, đặc biệt là các hình thức mới. Tập trung hóa và hệ thống hóa hơn nữa các công cụ hệ thống quản lý, giám sát về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học. Tăng cường hướng dẫn thêm cán bộ quản lý, cố vấn học tập về việc sử dụng các công cụ hệ thống quản lý. Tăng cường phối hợp giữa các phòng ban và các Bộ môn thông qua việc trao đổi thông tin trong quá trình tổ chức các hoạt động rèn luyện, thi đua và dịch vụ hỗ trợ học viên. Tìm hiểu tâm tư nguyện vọng của học viên để thiết kế các hoạt động ngoại khóa có khả năng bao phủ đến nhiều học viên hơn. Cải thiện thủ tục hành chính trong các hoạt động tu sửa.

Cải tạo, nâng cấp các phòng học đáp ứng tiêu chuẩn của phòng học hiện đại. Nhà trường tăng cường đầu tư tăng cường tài liệu điện tử cho thư viện. Nhà trường tăng cường đầu tư nguồn lực để nâng cấp các phòng thí nghiệm, phòng thực hành để hỗ trợ hiệu quả các hoạt động đào tạo và NCKH. Nhà trường tăng cường đầu tư nguồn lực để nâng cấp, đồng bộ hệ thống CNTT. Nhà trường tăng cường kinh phí đầu tư các công trình phục vụ nhu cầu của người khuyết tật.

Khoa Y Dược kết hợp phòng ĐT và phòng QLCL xây dựng hệ thống dữ liệu cụ thể NH bằng phần mềm và các hình thức lấy ý kiến khác nhau phù hợp theo vị trí công tác của cụ thể NH ngành Thạc sĩ khoa học y sinh. Thông qua các hội nghị, hội thảo về công tác đào tạo, Nhà trường triển khai ý kiến phản hồi của các bên liên quan bên ngoài trường về quy trình thiết kế và phát triển CTDH. Khoa Y Dược xây dựng kế hoạch và hằng năm tổ chức hội nghị, hội thảo về đổi mới PPGD, học tập, KTĐG KQHT của NH. Nhà trường tăng cường chế độ khen thưởng và Khoa Y Dược tăng cường động viên, khuyến khích, đặt hàng GV thực hiện nhiều đề tài NCKH phương

pháp giảng dạy. Phòng QLCL đa dạng hình thức khảo sát đo lường sự hài lòng của người dân đối với giáo dục công của Trường. Thông qua các hội nghị, hội thảo về công tác đào tạo và NCKH, Nhà trường triển khai ý kiến phản hồi của các bên liên quan bên ngoài trường về cơ chế phản hồi của các bên liên quan.

Khoa Y Dược, Bộ môn triển khai đối sánh tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp với các đơn vị ngoài Trường. Nhà trường và Khoa Y Dược tăng cường theo dõi, giám sát thời gian tốt nghiệp trung bình của CTĐT ngành để áp dụng các biện pháp phù hợp nhằm rút ngắn thời gian tốt nghiệp trung bình. Thực hiện thống kê và đối sánh tình hình việc làm của học viên sau tốt nghiệp với CTĐT khác trong trường. Khoa Y Dược tăng cường tổ chức các buổi tập huấn nâng cao kỹ năng NCKH, công bố kết quả khoa học cho học viên. Nhà trường và Khoa Y Dược khảo sát dữ liệu và thực hiện đối sánh với các CSGD khác ngoài trường.

3.3.2. Phát huy điểm mạnh

Rà soát, điều chỉnh, cập nhật CTĐT và kế hoạch đào tạo định kỳ để phù hợp với mục tiêu đào tạo. Thường xuyên rà soát, cập nhật CDR của CTĐT ThS KHYS định kỳ để tăng cường tính chủ động, sáng tạo của HV, đồng thời tạo môi trường thuận lợi cho HV chủ động trong học tập, tìm hiểu thông tin và nhận hỗ trợ từ phía GV hoặc CVHT. Tiếp tục rà soát, cập nhật CDR CTĐT theo kế hoạch của nhà trường. Mở rộng quy mô lấy ý kiến của các nhà tuyển dụng trong quá trình cập nhật CDR.

Tiếp tục tổ chức, cập nhật bản mô tả CTĐT. Thực hiện thêm các cuộc khảo sát NH về nội dung bài học của ĐCCT để có những điều chỉnh phù hợp và cũng tăng sự gắn kết của NH đối với BM. Liên tục cập nhật CTĐT cũng như ĐCCTHP của các năm lên website để NH có thể tìm hiểu một cách dễ dàng, thuận tiện hơn khi có nhu cầu.

Tiếp tục cập nhật CTDH hằng năm đặc biệt quan tâm cải tiến phương pháp giảng dạy, học tập, phương pháp kiểm tra/đánh giá. Tiếp tục cập nhật sự tương thích về nội dung và sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần nhằm đạt được CDR. Rà soát, cập nhật, bổ sung CTDH đảm bảo tính gắn kết và liền mạch của các học phần/môn học.

Kết hợp thêm các nội dung về chia sẻ nội hàm của triết lý giáo dục trường trong các hoạt động liên quan đến người học, nhà tuyển dụng, cựu sinh viên, giúp các bên liên quan hiểu rõ hơn về triết lý giáo dục của trường. Lập kế hoạch và tổ chức các buổi seminar về các PPDH mới tích cực. Tiếp tục đẩy mạnh các phương pháp dạy học thực

hành, trải nghiệm và các phương pháp dạy học tích cực khác. GV Khoa Y Dược tiếp tục sử dụng đa dạng, phù hợp các PPGD để đạt CĐR của học phần và CĐR của CTĐT ngành thạc sĩ Khoa học y sinh nhằm hỗ trợ HV rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời.

Thực hiện đúng quy trình đánh giá đạt chuẩn đầu ra cho học viên. Tích cực phổ biến Quy định về đánh giá kết quả học tập đến HV. Áp dụng hiệu quả các Các phương pháp đánh giá, sử dụng bảng tiêu chí và thang điểm đối với HV. Khuyến khích GV phản hồi KQHT thông qua các bài kiểm tra thi đánh giá quá trình kịp thời đến người học. Phòng KH&QHQT và ĐT tăng cường các kênh thông báo các qui định qui trình đến người học.

Nhà trường và Khoa Y Dược tiếp tục chú trọng quy hoạch và BD đội ngũ CBVC. Duy trì việc đánh giá khối lượng công việc của GV và áp dụng các biện pháp để cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ. Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyển dụng GV theo quy định. Định kỳ rà soát quy hoạch tạo nguồn CB đảm bảo số lượng và chất lượng theo quy định. Duy trì việc triển khai đánh giá năng lực của đội ngũ GV. Tiếp tục quan tâm đến công tác đào tạo, BD, phát triển đội ngũ CB, GV, NV. Duy trì việc thống kê giờ giảng, các hoạt động NCKH và các hoạt động PVCĐ của GV đã thực hiện trong năm học làm cơ sở đánh giá phân loại GV. Tiếp tục áp dụng những biện pháp cải tiến hoạt động NCKH của GV, số lượng đề tài NCKH các cấp và số lượng các bài báo khoa học.

Tạo điều kiện tối đa để đội ngũ NV có thể tham gia một số lớp BD chất lượng để phục vụ cho nhu cầu công việc và phát triển năng lực bản thân. Tiếp tục thực hiện tốt quy định về quy trình tuyển dụng CB, công chức, viên chức. Tiếp tục triển khai đánh giá năng lực của đội ngũ NV về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, mức độ hoàn thành công việc và sự hài lòng của các bên liên quan. Tiếp tục triển khai đánh giá năng lực của đội ngũ NV về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, mức độ hoàn thành công việc và sự hài lòng của các bên liên quan. Nhà trường và Khoa có sự phân công công việc cụ thể, rõ ràng cho đội ngũ CB hỗ trợ; kiểm tra, giám sát thường xuyên và đánh giá, phân loại, xét thi đua khen thưởng hằng năm một cách công bằng, công khai.

Tiếp tục duy trì và mở rộng thêm các chính sách tuyển sinh, học bổng thu hút được nhiều người học. Tăng cường quảng bá sớm và trên nhiều kênh khác nhau thông tin về khóa học và học bổng cho tân học viên trước đợt đăng ký nguyện

vọng. Tiếp tục rà soát điều chỉnh quy trình xây dựng tiêu chí và phương pháp tuyển sinh trên cơ sở góp ý của các bên liên quan. Tiếp tục theo dõi chặt chẽ tiến độ học tập của người học, đặc biệt là các học viên bị cảnh báo học vụ để hỗ trợ kịp thời. Tăng cường hỗ trợ học viên trong việc tìm kiếm các đơn vị thực tập có uy tín. Tiếp tục tăng cường các hoạt động ngoại khóa. Tiếp tục việc xây dựng môi trường cảnh quan để phục vụ cho việc giảng dạy, học tập và nghiên cứu của giảng viên, học viên. Phối hợp các phòng, ban liên quan tổ chức đóng góp Kế hoạch xây dựng môi trường, xã hội và cảnh quan tại Trường ĐHTN. Tiếp tục nắm bắt kịp thời Tâm lý, tâm tư người học để kịp thời chia sẻ động viên.

Tiếp tục sử dụng các, phòng học, CSVC, trang thiết bị đã được triển khai trong công tác dạy và học. Tiếp tục sử dụng có hiệu quả các CSVC, nguồn học liệu hiện có. Tiếp tục sử dụng có hiệu quả các CSVC, phòng thí nghiệm, thực hành. Tiếp tục sử dụng có hiệu quả các hệ thống CNTT có sẵn. Tiếp tục phát huy các giải pháp đảm bảo tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và ăn toàn thực phẩm.

Tiếp tục phát huy các quy trình khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan về CTDH để điều chỉnh ban hành CTDH. Tiếp tục xây dựng, rà soát, cập nhật CDR, CTĐT, đề cương học phần, trong đó có quy trình thiết kế và phát triển CTDH đã được điều chỉnh. Tiếp tục đánh giá thường xuyên quá trình dạy học; việc đánh giá kết quả hoạt động của NH, các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá KQHT của NH trong CTĐT để bảo đảm sự tương thích với CDR. Thường xuyên tổ chức các buổi sinh hoạt học thuật để GV thực hiện các đề tài NCKH hoặc các sáng kiến trong giảng dạy, KTĐG KQHT của NH báo cáo, chia sẻ kinh nghiệm để áp dụng kết quả NCKH, sáng kiến kinh nghiệm trong giảng dạy CTĐT ngành Thạc sĩ Khoa học y sinh. Tiếp tục cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác của Trường. Tiếp tục khảo sát ý kiến của các bên liên quan đối với hoạt động của Trường và hằng năm, Nhà trường ban hành kế hoạch khảo sát ý kiến các bên liên quan về hoạt động của Trường và sử dụng ý kiến phản hồi của các bên liên quan trong quá trình xây dựng kế hoạch hoạt động của Trường và của đơn vị.

Tiếp tục xác định tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp đúng hạn, đồng thời thông báo, phổ biến đến GV, HV biết để thực hiện. Tiếp tục áp dụng phần mềm trong việc quản lý kết quả học tập của học viên giúp đánh giá kết quả với độ chính xác cao. Đồng thời tăng cường sự phối hợp giữa Khoa và Phòng trong việc quản lý học tập và thời gian tốt

nghiệp của học viên. Tiếp tục áp dụng nhiều biện pháp tăng khả năng có việc làm của học viên ngành thạc sỹ Khoa học Y sinh và hỗ trợ SV tốt nghiệp có việc làm. Tiếp tục triển khai và áp dụng nhiều biện pháp hỗ trợ tạo điều kiện thuận lợi để học viên tăng cường thực hiện NCKH. Tiếp tục áp dụng nhiều biện pháp nhằm nâng cao mức độ hài lòng của các bên liên quan đối với hoạt động của Trường.

Phụ lục 6a: Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá chương trình đào tạo

(Theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT, Thông tư số 02/2020/TT-BGDĐT, Thông tư số 39/2020/TT-BGDĐT)

Tên cơ sở giáo dục: TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN

Mã: TNU

Tên CTĐT: Y khoa

Mã CTĐT: 7720101

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦			
<i>Tiêu chuẩn 1</i>								5	3	100%
Tiêu chí 1.1					5					
Tiêu chí 1.2					5					
Tiêu chí 1.3					5					
<i>Tiêu chuẩn 2</i>								5	3	100%
Tiêu chí 2.1					5					
Tiêu chí 2.2					5					
Tiêu chí 2.3					5					
<i>Tiêu chuẩn 3</i>								5	3	100%
Tiêu chí 3.1					5					
Tiêu chí 3.2					5					
Tiêu chí 3.3					5					
<i>Tiêu chuẩn 4</i>								5	3	100%
Tiêu chí 4.1					5					
Tiêu chí 4.2					5					
Tiêu chí 4.3					5					
<i>Tiêu chuẩn 5</i>								5	5	100%
Tiêu chí 5.1					5					
Tiêu chí 5.2						6				
Tiêu chí 5.3					5					
Tiêu chí 5.4					5					
Tiêu chí 5.5				4						

<i>Tiêu chuẩn 6</i>										
Tiêu chí 6.1					5					
Tiêu chí 6.2					5					
Tiêu chí 6.3					5					
Tiêu chí 6.4					5					
Tiêu chí 6.5				4						
Tiêu chí 6.6					5					
Tiêu chí 6.7				4						
<i>Tiêu chuẩn 7</i>										
Tiêu chí 7.1					5					
Tiêu chí 7.2					5					
Tiêu chí 7.3					5					
Tiêu chí 7.4					5					
Tiêu chí 7.5				4						
<i>Tiêu chuẩn 8</i>										
Tiêu chí 8.1					5					
Tiêu chí 8.2				4						
Tiêu chí 8.3					5					
Tiêu chí 8.4				4						
Tiêu chí 8.5					5					
<i>Tiêu chuẩn 9</i>										
Tiêu chí 9.1					5					
Tiêu chí 9.2				4						
Tiêu chí 9.3					5					
Tiêu chí 9.4					5					
Tiêu chí 9.5					5					
<i>Tiêu chuẩn 10</i>										
Tiêu chí 10.1					5					
Tiêu chí 10.2					5					
Tiêu chí 10.3					5					
Tiêu chí 10.4					5					
Tiêu chí 10.5					5					
							4,71	7	100%	
							4,8	5	100%	
							4,6	5	100%	
							4,8	5	100%	
							5	6	100%	

Tiêu chí 10.6					5					
<i>Tiêu chuẩn 11</i>										
Tiêu chí 11.1					5			4.6	5	100%
Tiêu chí 11.2					5					
Tiêu chí 11.3				4						
Tiêu chí 11.4				4						
Tiêu chí 11.5					5					
Đánh giá chung CTĐT								4,86	50	100,00

Đắk Lắk, ngày..... tháng..... năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

PHẦN IV. PHỤ LỤC

Phụ lục 1. Quyết định thành lập Hội đồng TĐG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN

Số: 833 /QĐ-ĐHTN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đắk Lắk, ngày 15 tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo trình độ thạc sỹ theo Bộ tiêu chuẩn của Bộ giáo dục và đào tạo (MOET), năm 2024 đối với chương trình: Khoa học Y sinh

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN

Căn cứ Luật Giáo dục Đại học số 08/2012/QH13 ngày 18/6/2012 và Luật Giáo dục Đại học số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và đào tạo ngày 29/11/2013 về việc ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường Đại học, Cao đẳng và Trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 298/CP ngày 11 tháng 11 năm 1977 của Hội đồng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Tây Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 1061/QĐ-ĐHTN-TCCB ngày 10 tháng 6 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên về việc ban hành Chiến lược phát triển Trường Đại học Tây Nguyên giai đoạn 2020-2027, định hướng 2035;

Căn cứ theo Kế hoạch số 07/KH-ĐHTN ngày 01/4/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên về việc triển khai tự đánh giá và đánh giá ngoài các chương trình đào tạo theo Bộ tiêu chuẩn của Bộ giáo dục và đào tạo năm 2024;

Theo đề nghị của Trường khoa Y dược và Trường phòng Quản lý chất lượng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Khoa học Y sinh (trình độ thạc sỹ) theo Bộ tiêu chuẩn của Bộ giáo dục và đào tạo (MOET).

Giúp việc cho Hội đồng có Ban thư ký và các nhóm chuyên trách với các thành viên theo danh sách kèm theo.

Điều 2. Hội đồng có nhiệm vụ triển khai, tổ chức thực hiện công tác tự đánh giá chương trình đào tạo theo Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT, ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Hướng dẫn tự đánh giá, ĐGN CTĐT của Cục Quản lý chất lượng.

Nhiệm vụ cụ thể của các thành viên do Chủ tịch Hội đồng phân công. Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Các Ông (Bà) Trưởng phòng Quản lý chất lượng, Trưởng các đơn vị liên quan và các ông (bà) có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu (để biết);
- Như điều 3;
- Lưu: VT, QLCL.



PHÓ HIỆU TRƯỞNG
PGS-TS. Lê Đức Niêm



PHỤ LỤC 1
DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THEO BỘ TIÊU CHUẨN CỦA BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO, NĂM 2024



Chương trình: Khoa học Y sinh

Bậc đào tạo: Thạc sỹ

Khoa đào tạo: Y dược

(Kèm theo Quyết định số: 833/QĐ-ĐHTN ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên)

TT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ
1	TS. Nguyễn Thanh Trúc	Hiệu trưởng	Chủ tịch Hội đồng
2	PGS. TS Lê Đức Niêm	Phó Hiệu trưởng	Phó CT Hội đồng
3	TS. Đinh Hữu Hùng	Trưởng khoa Y Dược	Phó CT Hội đồng
4	ThS. Hoàng Thị Ngọc Diệp	Giảng viên	Thư ký
5	TS. Thái Quang Hùng	Phó TK Y Dược	Thành viên
6	ThS. Huỳnh Văn Quốc	TP. Quản lý chất lượng	Thành viên
7	PGS.TS. Nguyễn Phương Đại Nguyên	TP. Đào tạo Đại diện HĐ KH và ĐT	Thành viên
8	ThS. Võ Văn Thành	PTP. KHTC	Thành viên
9	ThS. Phạm Văn Thành	TP. Cơ sở vật chất	Thành viên
10	TS. Ngô Thị Hiếu	TP. TCCB Đại diện Hội đồng Trường	Thành viên
11	TS. Phạm Trọng Lượng	TP. CTSV	Thành viên
12	TS. Nguyễn Đình Sỹ	TP. KH và QHQT	Thành viên
13	ThS. Vũ Thị Giang	GD. Thư viện	Thành viên
14	PGS.TS. Thân Trọng Quang	TBM Vi ký sinh	Thành viên
15	PGS. TS. Phan Văn Trọng	GVCC, BM Vi ký sinh	Thành viên
16	PGS. TS. Hồ Văn Hoàng	GVCC (GV mời giảng)	Thành viên
17	TS. Trần Thị Thanh	GVC (GV mời giảng)	Thành viên
18	ThS. Trần Thị Nguyên Đăng	Giảng viên	Thành viên
19	ThS. Vũ Thị Thu Hường	Giảng viên chính	Thành viên
20	ThS. Phan Thị Huyền Trang	Giảng viên	Thành viên
21	HV. Nguyễn Thị Lệ Quyên	Lớp cao học Khoa học Y Sinh K23	Thành viên

Danh sách có: 21 thành viên./

PHỤ LỤC 2
DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN THƯ KÝ
HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THEO BỘ TIÊU
CHUẨN CỦA BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO, NĂM 2024



Chương trình: Khoa học Y sinh

Bậc đào tạo: Thạc sỹ

Khoa đào tạo: Y dược

(Kèm theo Quyết định số: 833 /QĐ-ĐHTN ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên)

STT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ
1	ThS. Hoàng Thị Ngọc Diệp	Giảng viên	Trưởng ban thư ký
2	ThS. Nguyễn Thị Pháp	Giảng viên	Thành viên
3	ThS. Nguyễn Thanh Thảo	Giảng viên	Thành viên
4	ThS. Hoàng Thị Thanh Thảo	Giảng viên	Thành viên
5	BS. Võ Nguyễn Thanh Hằng	Trợ giảng	Thành viên
6	BS. Cao Thị Huế	Trợ giảng	Thành viên
7	BS. Nguyễn Thị Thu Hòa	Trợ giảng	Thành viên
8	BS. Trần Thị Phương Thùy	Trợ giảng	Thành viên
9	CN. Lưu Thị Dung	Chuyên viên	Thành viên
10	CN. Ninh Thị Kim Loan	Chuyên viên	Thành viên
11	CN. Dương Bảo Khánh	KTV	Thành viên
12	CN. Đặng Thị Nhài	KTV	Thành viên
13	CN. Dương Bảo Khánh	KTV	Thành viên
14	CN. Nguyễn Thị Hoa	KTV	Thành viên
15	CN. Đinh Thị Ngọc Lan	KTV	Thành viên
16	ThS. Phạm Thị Oanh	P. QLCL	Thành viên
17	CN. Trần Văn Tài	P. Đào tạo	Thành viên

Danh sách có: 17 thành viên./

PHỤ LỤC 3
DANH SÁCH NHÓM CÔNG TÁC CHUYÊN TRÁCH
HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THEO BỘ TIÊU
CHUẨN CỦA BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO, NĂM 2024



Chương trình: Khoa học Y sinh

Bậc đào tạo: Thạc sỹ

Khoa đào tạo: Y dược

(Kèm theo Quyết định số: 833 /QĐ-ĐHTN ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên)

TT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ
Nhóm 1 (TC 1,2, 3)	PGS.TS Thân Trọng Quang	TBM vi ký sinh	Trưởng nhóm
	ThS. Hoàng Thị Ngọc Diệp	Giảng viên	Thành viên
	BS. Nguyễn Thị Thu Hòa	Trợ giảng	Thành viên
	CN. Đặng Thị Nhài	KTV	Thành viên
Nhóm 2 (TC 4 và TC 5)	PGS.TS Phan Văn Trọng	GVCC	Trưởng nhóm
	ThS. Hoàng Thị Thanh Thảo	Giảng viên	Thành viên
	CN. Dương Bảo Khánh	KTV	Thành viên
	HV. Nguyễn Thị Lệ Quyên	Lớp cao học Khoa học Y Sinh K23	Thành viên
Nhóm 3 (TC 6 và TC 7)	ThS Trần Thị Nguyên Đăng	Giảng viên	Trưởng nhóm
	ThS. Nguyễn Thanh Thảo	Giảng viên	Thành viên
	CN. Ninh Thị Kim Loan	Chuyên viên	Thành viên
	BS. Cao Thị Huế	Trợ giảng	Thành viên
Nhóm 4 (TC 8 và TC 9)	ThS. Vũ Thị Thu Hường	Giảng viên chính	Trưởng nhóm
	BS. Võ Nguyễn Thanh Hằng	Trợ giảng	Thành viên
	CN. Đinh Thị Ngọc Lan	KTV	Thành viên
	CN. Lưu Thị Dung	Chuyên viên	Thành viên
Nhóm 5 (TC 10 và TC 11)	ThS. Phan Thị Huyền Trang	Giảng viên	Trưởng nhóm
	ThS. Nguyễn Thị Pháp	Giảng viên	Thành viên
	CN. Nguyễn Thị Hoa	KTV	Thành viên
	BS. Trần Thị Phương Thùy	Trợ giảng	Thành viên

Danh sách có: 05 nhóm, 20 thành viên./

Phụ lục 2. Kế hoạch tự đánh giá Chương trình đào tạo ngành Thạc sĩ Khoa học y sinh

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 14/KH-ĐHTN

Đắk Lắk, ngày 17 tháng 6 năm 2024

KẾ HOẠCH TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NGÀNH KHOA HỌC Y SINH

I. Mục đích tự đánh giá

Nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo (CTĐT) trình độ thạc sĩ ngành Khoa học y sinh và đề đăng ký kiểm định chất lượng giáo dục (KĐCLGD).

II. Phạm vi tự đánh giá

Đánh giá các hoạt động của đơn vị thực hiện CTĐT trình độ thạc sĩ ngành Khoa học y sinh theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trong một chu kỳ KĐCLGD. Chu kỳ tự đánh giá từ năm 2020 đến năm 2024.

III. Công cụ tự đánh giá

Trường Đại học Tây Nguyên thực hiện xây dựng báo cáo tự đánh giá các CTĐT trình độ đại học của Nhà trường dựa trên căn cứ pháp lý là các văn bản hiện hành của Bộ giáo dục và đào tạo. Cụ thể, công cụ tự đánh giá chất lượng CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành Khoa học y sinh bao gồm:

- Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng CTĐT của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

- Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT;

- Công văn số 1074/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28 tháng 6 năm 2016 của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục về việc hướng dẫn chung về sử dụng tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học (GDĐH);

- Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Cục quản lý chất lượng, thay thế tài liệu đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH ban hành kèm theo Công văn số 769/QLCL-KĐCLGD ngày 20 tháng 4 năm 2018 của Cục Quản lý chất lượng;

- Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Cục Quản lý chất lượng về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài CTĐT;

- Công văn số 774/QLCL-KĐCLGD ngày 10 tháng 6 năm 2021 của Cục Quản lý chất lượng, về việc điều chỉnh một số Phụ lục của Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD.

- Thông báo số 151/TB-ĐHTN ngày 24/4/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên về việc hướng dẫn triển khai tự đánh giá chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

IV. Hội đồng tự đánh giá

1. Thành phần Hội đồng tự đánh giá

Hội đồng tự đánh giá CTĐT theo Bộ tiêu chuẩn của Bộ giáo dục và đào tạo (MOET) năm 2024 đối với chương trình: Khoa học y sinh (trình độ thạc sĩ) được thành lập theo Quyết định số 833/QĐ-ĐHTN ngày 15 tháng 5 năm 2024 của trường Đại học Tây Nguyên, Hội đồng gồm có 21 thành viên (Danh sách kèm theo).

2. Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách (Danh sách kèm theo)

3. Phân công thực hiện nhiệm vụ

a) Nhóm thư ký: Biên soạn tài liệu, biểu mẫu, hướng dẫn các nhóm chuyên trách cách thu thập minh chứng, cách viết báo cáo tiêu chí, tiêu chuẩn; Triển khai, đôn đốc, giám sát tiến độ của các nhóm chuyên trách; Tổng hợp danh mục minh chứng, tổng hợp báo cáo tiêu chuẩn; Tổng hợp ý kiến góp ý của Hội đồng với Dự thảo báo cáo TĐG; Hoàn thiện báo cáo tự đánh giá chính thức; Thực hiện các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng TĐG.

b) Các nhóm công tác, cá nhân

TT	Tiêu chuẩn	Nhóm công tác, cá nhân chịu trách nhiệm	Thời gian thu thập thông tin và minh chứng	Ghi chú
1	TC1, TC2 và TC3	1. PGS.TS Thân Trọng Quang 2. ThS. Hoàng Thị Ngọc Diệp 3. BS. Nguyễn Thị Thu Hoà 4. CN. Đặng Thị Nhài	Tháng 6 - 8 năm 2024	
2	TC4 và TC5	1. PGS.TS Phan Văn Trọng 2. ThS. Hoàng Thị Thanh Thảo 3. CN. Dương Bảo Khánh 4. HV. Nguyễn Thị Lệ Quyên	Tháng 6 - 8 năm 2024	
3	TC6 và TC7	1. ThS. Trần Thị Nguyên Đăng 2. ThS. Nguyễn Thanh Thảo 3. CN. Ninh Thị Kim Loan 4. BS. Cao Thị Huệ	Tháng 6 - 8 năm 2024	
4	TC8 và TC9	1. ThS. Vũ Thị Thu Hương 2. BS. Võ Nguyễn Thanh Hằng 3. CN. Đinh Thị Ngọc Lan 4. CN. Lưu Thị Dung	Tháng 6 - 8 năm 2024	
5	TC10 và TC11	1. ThS. Phan Thị Huyền Trang 2. ThS. Nguyễn Thị Pháp 3. CN. Nguyễn Thị Hoa 4. BS. Trần Thị Phương Thủy	Tháng 6 - 8 năm 2024	

V. Tập huấn nghiệp vụ tự đánh giá

1. Thời gian: Tháng 6 - 7/2024

2. Thành phần: Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách

3. Nội dung, chương trình tập huấn: Tập huấn nội dung thực hiện báo cáo tự đánh giá:

- Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ

Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT;

- Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD của Cục Quản lý chất lượng 31/12/2020 về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài CTĐT;

- Công văn số 1074/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28 tháng 6 năm 2016 của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục về việc hướng dẫn chung về sử dụng tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học (GDĐH);

- Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Cục quản lý chất lượng, thay thế tài liệu đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH ban hành kèm theo Công văn số 769/QLCL-KĐCLGD ngày 20 tháng 4 năm 2018 của Cục Quản lý chất lượng;

- Tập huấn viết báo cáo và sử dụng phần mềm quản lý minh chứng.

VI. Dự kiến các nguồn lực (nhân lực, tài chính, ...) và thời điểm cần huy động/cung cấp

TT	Tiêu chuẩn	Các hoạt động	Các nguồn lực cần được huy động/cung cấp	Thời điểm cần huy động	Ghi chú
1	1, 2, 3	<p>Phân tích mục tiêu, chuẩn đầu ra, của CTĐT có phản ánh được tầm nhìn và sứ mạng của Nhà trường; mức độ tương thích của CĐR CTĐT với yêu cầu của thị trường lao động; quy trình xây dựng CĐR.</p> <p>Bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần được cập nhật và được công bố công khai đến các bên liên quan.</p> <p>Nội dung của CTĐT có phản ánh được CĐR; CTĐT có đảm bảo tỷ lệ cân đối giữa các môn kiến thức chung và môn chuyên ngành;</p> <p>Thu thập, phân tích và xử lý thông tin, minh chứng (theo mẫu phụ lục 3 và 4a).</p> <p>Tập hợp minh chứng của tiêu chuẩn 1, 2, 3.</p> <p>Lập danh mục minh chứng (theo mẫu phụ lục 9).</p> <p>Viết báo cáo tự đánh giá tiêu chuẩn 1, 2, 3.</p>	<p>Thành viên nhóm 1</p> <p>Đơn vị phối hợp cung cấp minh chứng: phòng Đào tạo, phòng QLCL, khoa Y Dược</p>	01/6/- 31/7/2024	

		<p>Hoàn thiện báo cáo tự đánh giá tiêu chuẩn 1, 2, 3.</p> <p>Thu thập minh chứng bổ sung.</p>	<p>Thành viên nhóm 1</p> <p>Đơn vị phối hợp cung cấp minh chứng: phòng Đào tạo, phòng QLCL, khoa Y Dược</p>	<p>01/8/- 25/8/2024</p>	
2	4, 5	<p>Phương pháp dạy và học, kiểm tra đánh giá người học có tương thích với CĐR; triết lý giáo dục được tuyên bố rõ ràng và phổ biến tới các bên có liên quan.</p> <p>Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế có phù hợp với mức độ đạt CĐR; các quy định về kiểm tra, đánh giá KQHT người học có rõ ràng và được công bố công khai cho người học không; người học có hài lòng về các quy trình thi, kiểm tra đánh giá; có quy định cho việc phúc khảo không?; kết quả đánh giá có được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập.</p> <p>Thu thập, phân tích và xử lý thông tin, minh chứng (theo mẫu phụ lục 3 và 4a).</p> <p>Tập hợp minh chứng của tiêu chuẩn 4, 5.</p> <p>Lập danh mục minh chứng (theo mẫu phụ lục 9).</p> <p>Viết báo cáo tự đánh giá tiêu chuẩn 4, 5.</p>	<p>Thành viên nhóm nhóm 2</p> <p>Đơn vị phối hợp cung cấp minh chứng: phòng Công tác sinh viên, phòng Đào tạo, phòng QLCL, Khoa Y Dược</p>	<p>01/6/- 31/7/2024</p>	
		<p>Hoàn thiện báo cáo tự đánh giá tiêu chuẩn 4, 5.</p> <p>Thu thập minh chứng bổ sung.</p>	<p>Thành viên nhóm 2</p> <p>Đơn vị phối hợp cung cấp minh chứng: phòng Công tác sinh viên, phòng Đào tạo,</p>	<p>01/8/- 25/8/2024</p>	

			phòng QLCL, Khoa Y Dược		
3	6, 7	<p>Thống kê danh sách đội ngũ GV, NCV.</p> <p>Năng lực của đội ngũ GV, NCV có đủ để thực hiện tốt CTĐT không?; chính sách tuyển dụng nhân sự trong giảng dạy và nghiên cứu; tỷ lệ GV/người học có đáp ứng yêu cầu không?; thống kê các công trình NCKH của đội ngũ GV, NCV.</p> <p>Thống kê danh sách đội ngũ nhân viên; năng lực và trình độ chuyên môn của nhân viên có đáp ứng yêu cầu công việc không?; chính sách tuyển dụng đội ngũ nhân viên ở trường như thế nào?; đội ngũ nhân viên có hài lòng với vị trí công việc của họ không?</p> <p>Thu thập, phân tích và xử lý thông tin, minh chứng (theo mẫu phụ lục 3 và 4a).</p> <p>Tập hợp minh chứng của tiêu chuẩn 6, 7.</p> <p>Lập danh mục minh chứng (theo mẫu phụ lục 9).</p> <p>Viết báo cáo tự đánh giá tiêu chuẩn 6, 7.</p>	<p>Thành viên nhóm 3;</p> <p>GV Khoa Y Dược; Bộ môn Vi Ký sinh</p> <p>Đơn vị phối hợp cung cấp minh chứng: Phòng TCCB, phòng KH&QHQT, phòng QLCL, Khoa Y Dược</p>	01/6/- 31/7/2024	
		<p>Hoàn thiện báo cáo tự đánh giá tiêu chuẩn 6, 7.</p> <p>Thu thập minh chứng bổ sung.</p>	<p>Thành viên nhóm 3</p> <p>Đơn vị phối hợp cung cấp minh chứng: Phòng TCCB, phòng KH&QHQT, phòng QLCL, Khoa Y Dược</p>	01/8/- 25/8/2024	
4	8, 9	<p>Thống kê tình hình tuyển sinh của CTĐT; chính sách tuyển sinh và phương pháp lựa chọn người học của Nhà trường như thế nào?;</p>	<p>Thành viên nhóm 4</p>	01/6/- 31/7/2024	

		<p>khối lượng học tập có được phân bổ phù hợp trong từng năm học và cả CTĐT không?; khoa có hệ thống giám sát và hỗ trợ tư vấn cho người học trong quá trình học tập tại trường không?; người học có hài lòng với các dịch vụ hỗ trợ hiện có không?; thống kê cơ sở vật chất, trang thiết bị; tài liệu học tập.</p> <p>Tổng hợp số liệu về ý kiến phản hồi về CSVC, trang thiết bị, của các bên liên quan về môi trường, sức khỏe, an toàn (đặc biệt là các phản hồi từ người học khuyết tật).</p> <p>Thu thập, phân tích và xử lý thông tin, minh chứng (theo mẫu phụ lục 3 và 4a).</p> <p>Tập hợp minh chứng của tiêu chuẩn 8, 9.</p> <p>Lập danh mục minh chứng (theo mẫu phụ lục 9).</p> <p>Viết báo cáo tự đánh giá tiêu chuẩn 8, 9.</p>	<p>Đơn vị phối hợp cung cấp minh chứng: Phòng CSVC, phòng KHTC, Thư viện, phòng TT&TVTS, phòng QLCL, phòng CTSV, Khoa Y Dược</p>		
		<p>Hoàn thiện báo cáo tự đánh giá tiêu chuẩn 8, 9.</p> <p>Thu thập minh chứng bổ sung.</p>	<p>Thành viên nhóm 4</p> <p>Đơn vị phối hợp cung cấp minh chứng: Phòng CSVC, Thư viện, phòng TT&TVTS, phòng QLCL, phòng CTSV, Khoa Y Dược</p>	01/8/- 25/8/2024	
5	10, 11	<p>Thông tin phản hồi của các bên liên quan được sử dụng để thiết kế và phát triển CTDH như thế nào?; việc thiết kế và phát triển CTDH được đánh giá và cải tiến như nào?; các hoạt động NCKH trong 5 năm gần đây có được áp dụng vào hoạt động dạy và học không?</p>	<p>Thành viên nhóm 5</p> <p>Đơn vị phối hợp cung cấp minh chứng: Phòng Đào</p>	01/6/- 31/7/2024	

	<p>Tổng hợp số liệu về ý kiến phản hồi của các bên liên quan về hoạt động NCKH, về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ, cơ sở vật chất ...</p> <p>Ti lệ thôi học, tốt nghiệp đúng hạn được xác lập. Danh sách thôi học, tốt nghiệp được cập nhật hằng năm.</p> <p>Ti lệ thôi học, tốt nghiệp được đánh giá, phân tích, giám sát. Đối sánh hằng năm về ti lệ thôi học, ti lệ tốt nghiệp để cải tiến chất lượng CTĐT.</p> <p>Ti lệ có việc làm sau tốt nghiệp.</p> <p>Thu thập, phân tích và xử lý thông tin, minh chứng (theo mẫu phụ lục 3 và 4a).</p> <p>Tập hợp minh chứng của tiêu chuẩn 10, 11.</p> <p>Lập danh mục minh chứng (theo mẫu phụ lục 9).</p>	<p>Đào tạo, phòng CTSV, phòng KH&QHQT, phòng QLCL, Khoa Y Dược</p>		
	<p>Tập hợp minh chứng của tiêu chuẩn 10, 11, ...</p> <p>Viết báo cáo tự đánh giá tiêu chuẩn 10, 11.</p> <p>Hoàn thiện báo cáo tự đánh giá tiêu chuẩn 10, 11.</p> <p>Thu thập minh chứng bổ sung.</p>	<p>Thành viên nhóm 5</p> <p>Đơn vị phối hợp cung cấp minh chứng: Phòng Đào tạo, phòng CTSV, phòng KH&QHQT, phòng QLCL, Khoa Y Dược</p>	<p>01/8/- 25/8/2024</p>	

VII. Dự kiến thu thập thông tin từ nguồn ngoài cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

Xác định các thông tin cần thu thập từ bên ngoài, nguồn cung cấp, thời gian cần thu thập, kinh phí cần có.

VIII. Dự kiến thuê chuyên gia tư vấn để giúp Hội đồng triển khai TĐG

Không.

Lập Bảng danh mục mã minh chứng

Sau khi các nhóm công tác, cá nhân thực hiện xác định nội hàm, phân tích tiêu chí tìm minh chứng cho từng tiêu chí; phân loại và mã hoá các minh chứng thu được.

Hội đồng TĐG thảo luận các minh chứng cho từng tiêu chí đã thu thập được và lập Bảng danh mục mã minh chứng.

IX. Thời gian và nội dung hoạt động

Thời gian	Nội dung hoạt động	Người/Đơn vị chủ trì	Người/Đơn vị thực hiện
Tuần 1 – 2 (06/5/2024–19/5/2024)	Căn cứ điều 7 của Thông tư 38/2013/TT-BGDĐT, đề xuất thành lập hội đồng TĐG, Ban thư ký, nhóm công tác chuyên trách.	Phó Chủ tịch Hội đồng TĐG - TS. Đinh Hữu Hùng	Khoa Y Dược đề xuất Hội đồng TĐG
	Họp Lãnh đạo Khoa và Bộ môn Vi Ký sinh để thảo luận mục đích, phạm vi, thời gian biểu và xác định các thành viên của Hội đồng tự đánh giá CTĐT cấp khoa, thư kí chương trình và các nhóm chuyên trách.	Phó Chủ tịch Hội đồng TĐG - TS. Đinh Hữu Hùng	Khoa: Y Dược; Bộ môn Vi ký sinh
	Soạn thảo và trình ký quyết định thành lập Hội đồng TĐG CTĐT	Hiệu trưởng - TS. Nguyễn Thanh Trúc	Phòng QLCL
Tuần 3-5 (20/5/2024–09/6/2024)	<ol style="list-style-type: none"> Họp Hội đồng tự đánh giá để: <ul style="list-style-type: none"> Công bố quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá; Tập huấn về quy trình tự đánh giá và bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng; Thảo luận về nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng tự đánh giá cấp khoa; Dự thảo bản kế hoạch tự đánh giá; Phổ biến chủ trương triển khai tự đánh giá đến toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên và sinh viên tham gia thực hiện CTĐT. Khoa tổ chức tập huấn cho toàn thể cán bộ, GV, nhân viên và SV về quy trình tự đánh giá và bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT theo chuẩn Bộ giáo dục và Đào tạo. Họp Hội đồng tự đánh giá để thông qua: <ul style="list-style-type: none"> Bản kế hoạch tự đánh giá; Dự thảo đề cương báo cáo tự đánh giá (dựa trên cơ sở tài liệu hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và điều kiện cụ thể của đơn vị thực hiện CTĐT); 	Phó Chủ tịch Hội đồng TĐG - TS. Đinh Hữu Hùng; Trưởng Ban thư ký - ThS. Hoàng Thị Ngọc Diệp	Hội đồng TĐG; Khoa: Y Dược; Bộ môn Vi ký sinh; Các nhóm chuyên trách; Ban thư ký;

Thời gian	Nội dung hoạt động	Người/Đơn vị chủ trì	Người/Đơn vị thực hiện
	- Trình Hiệu trưởng đề nghị phê chuẩn kế hoạch tự đánh giá.		
Tuần 6 - 9 (10/6/2024-07/7/2024)	1. Công bố kế hoạch tự đánh giá đã được phê duyệt, thông báo phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Hội đồng, Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách giúp việc cho Hội đồng. 2. Kiểm tra lại các thông tin và minh chứng được sử dụng trong báo cáo TĐG; 3. Xác định các vấn đề phát sinh từ các thông tin và minh chứng thu được; 4. Xác định các thông tin cần thu thập bổ sung; 5. Rà soát và chỉnh sửa báo cáo, danh mục minh chứng của từng tiêu chuẩn, tiêu chí theo hướng dẫn	Phó Chủ tịch Hội đồng TĐG - TS. Đinh Hữu Hùng	Khoa: Y Dược; Bộ môn Vi ký sinh; Các nhóm chuyên trách; Ban thư ký
Tuần 10 - 14 (08/7/2024-11/8/2024)	1. Các nhóm công tác chuyên trách viết các báo cáo của từng tiêu chí (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết). 3. Trường các nhóm chuyên trách tổng hợp các báo cáo tiêu chí thành các báo cáo tiêu chuẩn (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết).	Phó Chủ tịch Hội đồng TĐG - TS. Đinh Hữu Hùng	Các nhóm chuyên trách; Ban thư ký
Tuần 15 - 17 (12/8/2024-01/9/2024)	Hội đồng tự đánh giá cấp khoa: - Xem xét các báo cáo của từng tiêu chuẩn, tiêu chí do các nhóm chuyên trách dự thảo; - Kiểm tra lại các thông tin và minh chứng được sử dụng trong báo cáo tự đánh giá; - Xác định các vấn đề phát sinh từ các thông tin và minh chứng thu được; - Xác định các thông tin cần thu thập bổ sung; - Thư ký Hội đồng tập hợp các báo cáo tiêu chuẩn thành dự thảo báo cáo tự đánh giá.	Phó Chủ tịch Hội đồng TĐG - TS. Đinh Hữu Hùng;	Khoa Y Dược; Các nhóm chuyên trách; Ban thư ký
Tuần 18 - 19 (02/9/2024-15/9/2024)	1. Hội đồng tự đánh giá xem xét dự thảo báo cáo tự đánh giá và đề xuất những chỉnh sửa. 2. Hội đồng tự đánh giá tiến hành họp với Bộ môn Vi Ký sinh, phòng, ban, ... để thảo luận về báo cáo tự đánh giá, xin ý kiến góp ý.	Chủ tịch hội đồng TĐG - TS. Nguyễn Thanh Trúc	Thành viên hội đồng; Ban thư ký hội đồng
Tuần 20 - 21 (16/9/2024-29/9/2024)	1. Công bố bản báo cáo tự đánh giá (đã chỉnh sửa sau góp ý của các bộ môn, phòng, ban, ...) trong nội bộ Nhà trường và khoa Y Dược. 2. Các bộ môn, phòng ban, cán bộ, giảng viên, nhân viên, người học, đóng góp ý kiến phản biện về báo cáo tự đánh giá.	Chủ tịch hội đồng TĐG - TS. Nguyễn Thanh Trúc	Thành viên hội đồng, Ban thư ký hội đồng

Thời gian	Nội dung hoạt động	Người/Đơn vị chủ trì	Người/Đơn vị thực hiện
Tuần 22 - 23 (30/9/2024-13/10/2024)	1. Hội đồng tự đánh giá tiến hành họp để tiếp tục bổ sung và hoàn thiện báo cáo theo góp ý và phản biện; 2. Hội đồng tự đánh giá thông qua báo cáo tự đánh giá lần cuối và nộp báo cáo cho lãnh đạo Khoa Y Dược và Hội đồng Trường để xem xét. 3. Hoàn thiện báo cáo TDG	Chủ tịch hội đồng TDG - TS. Nguyễn Thanh Trúc	Thành viên hội đồng, Ban thư ký hội đồng
Tuần 24 (14/10/2024-20/10/2024)	1. Cơ sở giáo dục gửi báo cáo TDG và công văn cho cơ quan quản lý trực tiếp, Bộ Giáo dục và Đào tạo. 2. Cơ sở giáo dục bảo quản báo cáo TDG, lưu giữ các thông tin minh chứng theo thứ tự mã minh chứng đã ghi trong báo cáo TDG.	Chủ tịch hội đồng TDG - TS. Nguyễn Thanh Trúc	P. QLCL;

Nơi nhận:

- Cục QLCL – Bộ GDĐT (đề b/c);
- Ban Giám hiệu (đề b/c);
- Hội đồng TDG (đề th/h);
- Các đơn vị có liên quan (đề th/h; ph/h);
- Lưu: VT, QLCL, Khoa Y dược



PHÓ HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS. LÊ ĐỨC NIÊM

Phụ lục 7. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng chương trình đào tạo
CƠ SỞ DỮ LIỆU
KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Thời điểm báo cáo: Tính đến ngày 30/9/2024

I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục:

1. Tên cơ sở giáo dục (theo Quyết định thành lập)
 - Tiếng Việt: Trường Đại học Tây Nguyên
 - Tiếng Anh: Tay Nguyen University
2. Tên viết tắt của cơ sở giáo dục
 - Tiếng Việt: TTN
 - Tiếng Anh: TNU
3. Tên trước đây (nếu có):
4. Cơ quan quản lý trực tiếp: Bộ giáo dục và đào tạo
5. Địa chỉ: 567 Lê Duẩn, Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk
6. Thông tin liên hệ: Điện thoại: (0262) 3 825 185 Số fax: (0262) 3 825 184
 E-mail: dhtn@ttn.edu.vn Website: <https://www.ttn.edu.vn/>
7. Năm thành lập cơ sở giáo dục (theo quyết định thành lập): 1977
8. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: 1977
9. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I: 1983
10. Loại hình cơ sở giáo dục:

Công lập Bán công Dân lập Tư thục
11. Loại hình khác (đề nghị ghi rõ).....

II. Thông tin chung về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

12. Tên Khoa thực hiện CTĐT (theo Quyết định thành lập)
 - Tiếng Việt: Khoa Y Dược
 - Tiếng Anh: Faculty of Medicine and Pharmacy
13. Tên viết tắt của Khoa thực hiện CTĐT
 - Tiếng Việt: không
 - Tiếng Anh: không
14. Tên trước đây (nếu có):
 - Tiếng Việt: Khoa Y
 - Tiếng Anh: Faculty of Medicine

15. Mã CTĐT: 8720101

16. Tên trước đây của CTĐT (nếu có): Thạc sĩ Ký sinh trùng – Côn trùng y học

17. Địa chỉ của Bộ môn thực hiện CTĐT: Tầng 4 nhà Điều hành Trung tâm, Trường Đại học Tây Nguyên, 567 Lê Duẩn, Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

18. Số điện thoại liên hệ: 0262 3 825 80, E-mail: vanphongkhoayduoc@gmail.com;

Website: <https://www.ttn.edu.vn/index.php/kyd>

19. Năm thành lập Bộ môn (theo Quyết định thành lập): 1977

20. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I (của CTĐT): 2007

21. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I (của CTĐT): 2009

III. Giới thiệu khái quát về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

22. Khái quát về lịch sử phát triển, thành tích nổi bật của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo:

Trường ĐHTN được thành lập năm 1977 đến nay đã trải qua 43 năm hình thành và phát triển. Vào những ngày đầu thành lập Trường, chỉ có 04 khoa, 06 chuyên ngành đào tạo và 215 SV. Đến thời điểm hiện tại Nhà trường đã phát triển với 08 khoa đào tạo 04 chuyên ngành tiến sĩ, 11 ngành thạc sĩ, 01 ngành chuyên khoa cấp I, 39 chuyên ngành đại học, 09 chuyên ngành liên thông từ cao đẳng lên đại học hệ chính quy và 19 chuyên ngành VHVL, với số lượng học viên và SV gần 10.000.

Khoa Y Dược được hình thành từ những ngày đầu thành lập trường, hiện nay Khoa đang đào tạo 02 chương trình sau đại học: Thạc sĩ Khoa học y sinh, chuyên khoa I Nội tổng quát và 03 chương trình đại học: Y khoa, Điều dưỡng và Kỹ thuật xét nghiệm y học. Khoa luôn định hướng và có kế hoạch phát triển phù hợp với mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực y tế chất lượng cao cho khu vực Tây Nguyên và cả nước. Lực lượng bác sĩ, điều dưỡng tốt nghiệp từ Khoa Y Dược, Trường ĐHTN đang là những nhân lực giữ vị trí quan trọng trong hệ thống y tế ở nhiều địa phương trong cả nước đặc biệt là khu vực 05 tỉnh Tây Nguyên.

Với sự cố gắng nỗ lực của cả tập thể, Khoa Y Dược đã vinh dự đón nhận các phần thưởng cao quý:

- Bằng khen của Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2002

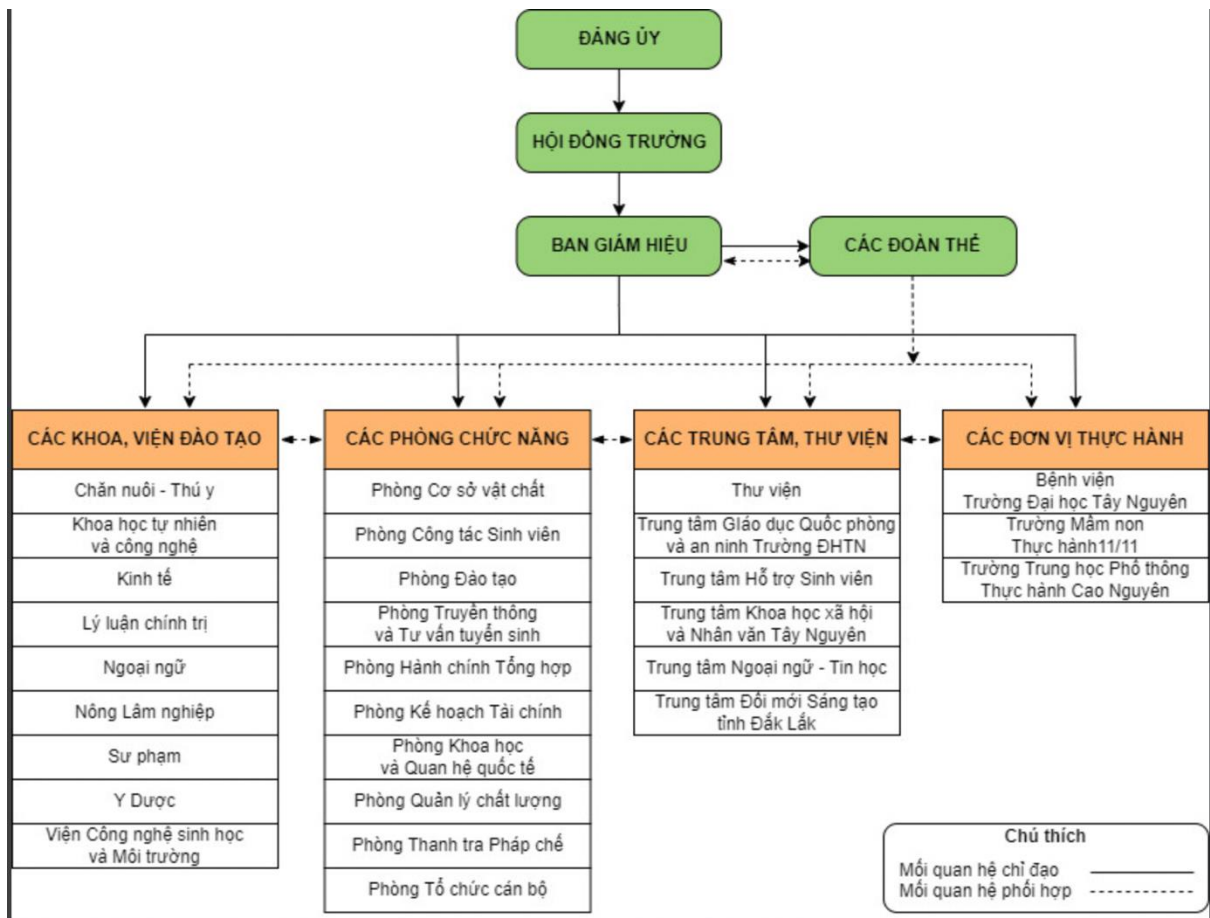
- Bằng khen của Bộ Y tế năm 2017

- Bằng khen của Bộ Y tế năm 2010

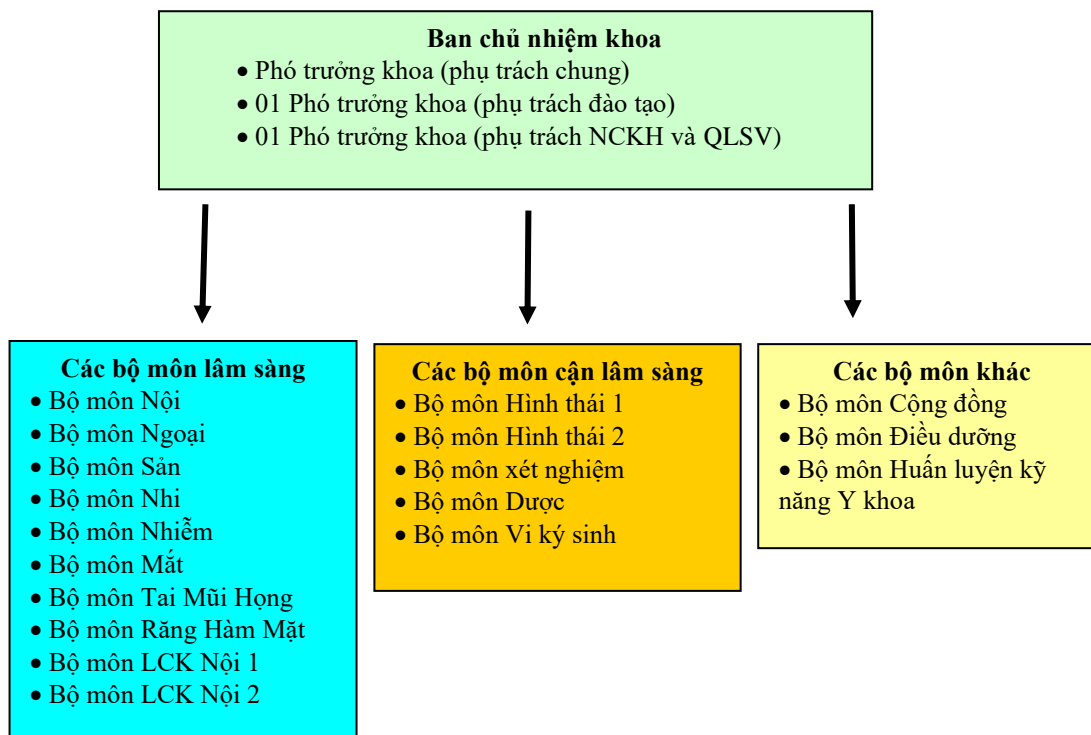
- Bằng khen của Bộ Y tế năm 2007
- Bằng khen của Công đoàn giáo dục Việt Nam năm 2019
- Bằng khen của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk năm 2005
- Bằng khen của Ban chấp hành tỉnh Đoàn Đắk Lắk năm 2020
- Bằng khen của Ban chấp hành tỉnh Đoàn Đắk Lắk năm 2007

23. Cơ cấu tổ chức hành chính của Trường Đại học Tây Nguyên và Khoa Y dược

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN NĂM 2024



SƠ ĐỒ TỔ CHỨC KHOA Y DƯỢC NĂM 2024



24. Danh sách Ban lãnh đạo Nhà trường và danh sách CB lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện Chương trình đào tạo

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh	Điện thoại	Email
Ban Lãnh đạo Nhà trường						
1	Hiệu trưởng	Nguyễn Thanh Trúc	1979	TS	0905467699	nttruc@ttn.edu.vn
2	Phó Hiệu trưởng	Lê Đức Niêm	1972	PGS. TS	0964061111	ldniem@ttn.edu.vn
3	Phó Hiệu trưởng	Nguyễn Văn Nam	1968	PGS. TS	0766789268	nvnam@ttn.edu.vn
4	Phó Hiệu trưởng	TS. Lê Thế Phiệt		TS.		ltphiet@ttn.edu.vn
5	Chủ tịch Hội đồng Trường	Nguyễn Thị Tĩnh	1976	TS.	0914461976	nttinh@ttn.edu.vn

Đơn vị thực hiện CTĐT						
I	Lãnh đạo Khoa Y Dược					
1	Trưởng khoa	Đình Hữu Hùng	1975	TS	0905291295	dhhung@ttn.edu.vn
2	P. Trưởng khoa	Thái Quang Hùng	1965	TS	0905224480	Tqhung@ttn.edu.vn
II	Các tổ chức Đảng, Đoàn, Công đoàn					
1	Bí thư Chi bộ Khoa Ydược	Đình Hữu Hùng	1975	TS	0905291295	dhhung@ttn.edu.vn
2	Chủ tịch CĐ Khoa Y Dược	Nguyễn Văn Long	1988	ThS	0947455566	nvlong@ttn.edu.vn
3	Bí thư Đoàn Khoa Y Dược	Nguyễn Tiến Công	1988	Ths	0977997341	ntcong@ttn.edu.vn
III	Các Bộ môn					
1	Chức năng	Hoàng Thị Thanh Thảo	1986	ThS	0987557537	httthao@ttn.edu.vn
2	Tai mũi họng	Ngô Minh Trung	1965	ThS	0913475750	nmtrung@ttn.edu.vn
3	Sản	Nguyễn Thị Thu Hương	1969	ThS	0914198212	ntthuong@ttn.edu.vn
4	LCK hệ Nội 2	Nguyễn Thị Bích Thủy	1973	ThS	0913484478	ntbthuy@ttn.edu.vn
5	Điều dưỡng	Nguyễn Thị Kim Quyên	1982	ThS	0908284125	ntkquyen@ttn.edu.vn
6	Răng hàm mặt	Nguyễn Văn Thành	1976	ThS	0914066004	nvthanh@ttn.edu.vn
7	Hình thái 1	Phương Minh Hải	1974	ThS- BS CK II	0914021974	pmhai@ttn.edu.vn

8	Vi ký sinh	Thân Trọng Quang	1963	PGS-TS	0914098116	ttquang@ttn.edu.vn
9	LCK hệ Nội 1	Trần Ngọc Tuyền	1961	ThS	0914141168	tntuyen@ttn.edu.vn
10	Nội	Văn Hữu tài	1972	ThS	0982424808	vhtai@ttn.edu.vn
11	Huấn luyện kỹ năng	Nguyễn Mạnh Tuyền	1968	ThS	0914055442	nmtuyen@ttn.edu.vn
12	Ngoại	Lê Anh Tuấn	1982	ThS	0938878087	latuan@ttn.edu.vn
13	Nhi	Trương Ngô Ngọc Lan	1985	ThS	0935804517	ttnlan@ttn.edu.vn
14	Hình thái 2	Trần Thị Bích Dân	1979	ThS	0914061654	ttbdan@ttn.edu.vn
15	Xét nghiệm	Trịnh Ngọc Thảo Vy	1988	ThS	0705940943	tntvy@ttn.edu.vn
16	Mắt	Nguyễn Đức Vương	1987	BS CK	0905132205	ndvuong@ttn.edu.vn

25. Các ngành/chuyên ngành đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT: 05

26. Số lượng chuyên ngành đào tạo tiến sĩ: 00

27. Số lượng chuyên ngành đào tạo thạc sĩ: 01

28. Số lượng ngành đào tạo đại học: 03

29. Số lượng ngành đào tạo cao đẳng: 00

30. Số lượng ngành (chuyên ngành) đào tạo khác (đề nghị nêu rõ): Chuyên khoa cấp 1: 01

31. Các loại hình đào tạo của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo (đánh dấu x vào các ô tương ứng):

Loại hình đào tạo	Có	Không
- Chính quy	X	
- Không chính quy	X	
- Từ xa		X
- Liên kết đào tạo với nước ngoài		X
- Liên kết đào tạo trong nước		X

32. Tổng số các ngành đào tạo: 03 ngành đào tạo Đại học, 01 ngành đào tạo Thạc sỹ; 01 ngành đào tạo chuyên khoa cấp I.

IV. Cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

33. Thống kê số lượng cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên của đơn vị thực hiện CTĐT

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Đội ngũ cơ hữu¹ <i>Trong đó:</i>			74
I.1	Đội ngũ trong biên chế			0
I.2	Đội ngũ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn			74
II	Các đối tượng khác Hợp đồng ngắn hạn (dưới 01 năm, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng ²)			19
	Tổng số			93

(Đơn vị thực hiện CTĐT cần có cơ sở dữ liệu về đội ngũ của đơn vị, bao gồm cả cơ hữu và hợp đồng ngắn hạn. Từ cơ sở dữ liệu lấy ra các thông tin trên).

34. Thống kê, phân loại giảng viên

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	Giảng viên cơ hữu (GV)			GV thỉnh giảng trong nước	GV quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
-1	-2	-3	-4	-5	-6	-7	-8
1	Giáo sư, Viện sĩ	1	0	1	0	1	0

¹ Đội ngũ cơ hữu là cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên trong biên chế và cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) hoặc cán bộ hợp đồng không xác định thời hạn theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

² Giảng viên thỉnh giảng là cán bộ ở các cơ quan khác hoặc cán bộ nghỉ hưu hoặc diện tự do được đơn vị thực hiện CTĐT mời tham gia giảng dạy theo những chuyên đề, khoá học ngắn hạn hoặc theo các học phần, thông thường được ký các hợp đồng thời vụ, hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm) theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

2	Phó Giáo sư	10	0	3	1	7	0
3	Tiến sĩ khoa học	0		0	0	0	0
4	Tiến sĩ	17		6	3	11	0
5	Thạc sĩ	0		0	0	0	0
6	Đại học	0		0	0	0	0
7	Cao đẳng	0		0	0	0	0
8	Trình độ khác	0		0	0	0	0
	Tổng số	28		9	4	19	0

(Khi tính số lượng các TSKH, TS thì không bao gồm những giảng viên vừa có học vị vừa có chức danh khoa học vì đã tính ở 2 dòng trên)

Tổng số giảng viên cơ hữu = Cột (3) - cột (7) - cột (8) = 156 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 156/169 (92,3%)

35. Quy đổi số lượng giảng viên của đơn vị thực hiện CTĐT theo quy định hiện hành của Bộ GDĐT (nếu đơn vị có giảng viên có trình độ TSKH nhưng không có học hàm thì tính ngang với Phó Giáo sư theo thứ tự như cột 3 trong Bảng 35).

Số liệu Bảng 35 được lấy từ Bảng 35 nhân với hệ số quy đổi (Ví dụ đối với cơ sở giáo dục đại học, học viện: áp dụng Thông tư số 06/2018/TT-BGDĐT ngày 28/02/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT).

Cách tính: Cột 10 = cột 3*(cột 5 + cột 6 + 0,3*cột 7 + 0,2*cột 8 + 0,2*cột 9)

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
-1	-2	-3	-4	-5	-6	-7	-8	-9	-10
	Hệ số			1,0	1,0	0,3	0,2	0,2	

	quy đổi								
1	Giáo sư, Viện sĩ	5,0	1	0	0	0	1	0	1
2	Phó Giáo sư	3,0	10	0	3	1	7	0	14,1
3	Tiến sĩ khoa học	3,0	0	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	2	17	0	6	3	11	0	26,4
5	Thạc sĩ	1	0	0	0	0	0	0	0
6	Đại học	0,3	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng		28		9	4	19		

36. Thông kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người):

TT	Trình độ	Số lượng người	Tỉ lệ (%)	Phân loại theo giới (người)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	<30	30-40	41-50	51-60	>60
1	GS	01		01	0	0			01	
2	PGS. TS	04		04	0	0		01	03	
3	Tiến sĩ	0								0
4	Thạc sĩ	04		02	02	0	02	01	01	
5	ĐH	0		0	0					
	Tổng	0		0	0					

36.1. Tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 52,67 tuổi

36.2. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 17/74

36.3. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT:

37. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) GV cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)		X
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	X	
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)		
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)		
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)		
	Tổng		

V. Người học (chỉ tính số lượng người học của chương trình đào tạo)

38. Người học bao gồm học sinh, SV, học viên cao học và nghiên cứu sinh

Tổng số người đăng ký dự tuyển vào CTĐT, số người học trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):

Năm học	Số thí sinh đăng ký vào CTĐT (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào/thang điểm	Điểm trung bình của sinh viên được tuyển	Số lượng sinh viên quốc tế nhập học (người)
2019-2020	27	27	-	27			0
2020.-2021.	8	8	-	8			0
2021-2022	14	14	-	14			0
2022.-	13	13	-	10			0

2023							
2023- 2024	08	06	-	06			0

39. Thống kê, phân loại số lượng người học theo học CTĐT trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy.

Đơn vị: người

Các tiêu chí	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
1. Nghiên cứu sinh	-	-	-	-	-
2. Học viên cao học	27	8	14	10	6
3. Sinh viên đại học	-	-	-	-	-
Trong đó:					
Hệ chính quy	-	-	-	-	-
Hệ không chính quy	-	-	-	-	-
4. Sinh viên cao đẳng	-	-	-	-	-
Trong đó:					
Hệ chính quy	-	-	-	-	-
Hệ không chính quy	-	-	-	-	-
5. Học sinh TCCN	-	-	-	-	-
Trong đó:					
Hệ chính quy	-	-	-	-	-
Hệ không chính quy	-	-	-	-	-
6. Khác ...	-	-	-	-	-

40. Số sinh viên quốc tế theo học CTĐT trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

	Năm học				
	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
Số lượng (người)	0	0	0	0	0
Tỷ lệ (%) trên tổng số người học	0	0	0	0	0

41. Người học của CTĐT có chỗ ở trong ký túc xá/tổng số người học có nhu cầu:

Các tiêu chí	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
1. Tổng diện tích phòng ở (m ²)	26790	26790	26790	26790	26790
2. Người học có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá) (người)	0	0	0	0	0
3. Người học được ở trong ký túc xá (người)	0	0	0	0	0
4. Tỷ số diện tích trên đầu người học ở trong ký túc xá (m ² /người)	0	0	0	0	0

42. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học của CTĐT tham gia nghiên cứu khoa học

	Năm học				
	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
Số lượng (người)	0	0	0	0	0
Tỷ lệ (%) trên tổng số sinh viên	0	0	0	0	0

43. Thống kê số lượng người học của CTĐT tốt nghiệp trong 5 năm gần đây

Đơn vị: người

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2020	2021	2022	2023	2024
1. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ					

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2020	2021	2022	2023	2024
2. Học viên tốt nghiệp cao học		27	8	14	Chưa TN
3. Sinh viên tốt nghiệp đại học					
Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
4. Sinh viên tốt nghiệp cao đẳng					
Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
5. Học sinh tốt nghiệp trung cấp					
Trong đó:	0	0	0	0	0
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
6. Khác...	0	0	0	0	0
	0	0	0	0	0

(Tính cả những người học đã đủ điều kiện tốt nghiệp theo quy định nhưng đang chờ cấp bằng)

44. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên hệ chính quy của CTĐT:

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
		2021	2022	2023	2024
1. Số lượng người học tốt nghiệp (người).		27	8	14	Chưa TN
2. Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%).		100	100	100	
3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:					
A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không	-	-	-	-	-

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
		2021	2022	2023	2024
điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 4 B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
3.1. Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).	-	-	-	-	-
3.2. Tỷ lệ người học trả lời <i>chỉ học được một phần</i> kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).	-	-	-	-	-
3.3. Tỷ lệ người học trả lời <i>không</i> học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp	-	-	-	-	-
4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 5 B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều		25	8	14	-

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
		2021	2022	2023	2024
tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
4.1. Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%). - Sau 6 tháng tốt nghiệp. - Sau 12 tháng tốt nghiệp.		88,8	100	100	-
4.2. Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%).	0	3,7	0	0	-
4.3. Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm.					
5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống kết thúc bảng này. B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:	-	-	-	-	-
5.1. Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%).	-	88,8	100	100	
5.2. Tỷ lệ người học cơ	-	3,7	-	-	

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
		2021	2022	2023	2024
bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%).					
5.3. Tỷ lệ người học phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%).	-	-	-	-	

Ghi chú:

- Người học tốt nghiệp là người học có đủ điều kiện để được công nhận tốt nghiệp theo quy định, kể cả những người học chưa nhận được bằng tốt nghiệp;
- Người học có việc làm là người học tìm được việc làm hoặc tạo được việc làm;
- Năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: 12 tháng kể từ ngày tốt nghiệp;
- Các mục bỏ trống đều được xem là cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về việc này.

VI. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

45. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại đề tài	Hệ số**	Số lượng				Tổng (đã quy đổi)
			2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(9)
1	Đề tài cấp NN	2,0	0	0	0	0	
2	Đề tài cấp Bộ/Tỉnh*	1,0	1	1	1	1	
3	Đề tài cấp trường	0,5	15	6	8	11	
	Tổng		16	7	9	12	

Cách tính: Cột 9 = cột 3*(cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7 + cột 8)

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước.

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số đề tài quy đổi: 28

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 28/169 (0,17)

45. Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT trong 5 năm gần đây:

TT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VND)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của đơn vị thực hiện CTĐT (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VND/ người)
1	2020	0	0	0
2	2021	0	0	0
3	2022	0	0	0
4	2023	0	0	0
5	2024	0	0	0

47. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 05 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	0	0	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	10	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số cán bộ tham gia	0	0	0	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

48. Số lượng đầu sách của đơn vị thực hiện CTĐT được xuất bản trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại sách	Hệ số*	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	
1	Sách chuyên khảo	2,0	0	0	0	0	0	0

2	Sách giáo trình	1,5	0	0	0	0	0	0
3	Sách tham khảo	1,0	0	5	2	1	-	9
4	Sách hướng dẫn	0,5	0	1	0	0	-	
	Tổng							

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số sách (quy đổi):

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu:

49. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách	0	0	17	1
Từ 4 đến 6 cuốn sách	0	0	0	0
Trên 6 cuốn sách	0	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	0	0	17	1

50. Số lượng bài của đội ngũ cơ hữu đơn vị thực hiện CTĐT được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	
1	Tạp chí khoa học quốc tế	1,5	1	3	4	4		
2	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	1,0	8	18	6	12		
3	Tạp chí / tập san của cấp trường	0,5	6	12	15	12		
	Tổng		15	33	25	28		

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi):

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu:

51. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí khoa học quốc tế (ISI, Scopus,...)	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	Tạp chí / tập san cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo	15	60	30
Từ 6 đến 10 bài báo	0	50	0
Từ 11 đến 15 bài báo	0	5	0
Trên 15 bài báo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	15	115	30

52. Số lượng báo cáo khoa học do đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại hội thảo	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	
1	Hội thảo quốc tế	1,0	0	1	0	1		
2	Hội thảo trong nước	0,5	5	6	2	6		
3	Hội thảo cấp trường	0,25	0	3	3	0		
	Tổng							

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của cơ sở giáo dục vì đã được tính 1 lần)

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước.

Tổng số bài báo cáo (quy đổi):

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu:

53. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 05

năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo ở trường
Từ 1 đến 5 báo cáo	7	14	0
Từ 6 đến 10 báo cáo	0	8	6
Từ 11 đến 15 báo cáo	0	2	0
Trên 15 báo cáo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	0	24	6

54. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp

Năm học	Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)
2019-2020	0
2020-2021	0
2021-2022	0
2022-2023	0
2023-2024	0

55. Nghiên cứu khoa học của người học

55.1. Số lượng người học của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng người học tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	0	73	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số người học tham gia	0	0	73	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

55.2. Thành tích nghiên cứu khoa học của sinh viên:

(Thống kê các giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo, các bài báo, công trình được công bố)

TT	Thành tích nghiên cứu khoa học	Số lượng				
		2019- 2020	2020- 2021	2021- 2022	2022- 2023	2023.- 2024
1	Số giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo	0	1	2	2	
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố	0	0	3	3	

VII. Cơ sở vật chất, thư viện

56. Tổng diện tích đất sử dụng của cơ sở giáo dục (tính bằng m²): 396.892,7

57. Tổng diện tích đất sử dụng của đơn vị thực hiện CTĐT (tính bằng m²): 98.263,2

58. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m²):

Nơi làm việc: 2.555,4 Nơi học: 13328,84 Nơi vui chơi giải trí: 5172

59. Diện tích phòng học (tính bằng m²)

- Tổng diện tích phòng học: 10535,84

- Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 162

60. Tổng số đầu sách thuộc ngành đào tạo được sử dụng tại Trung tâm Thông tin - Thư viện:

Tổng số đầu sách trong phòng tư liệu của đơn vị thực hiện CTĐT (nếu có):

61. Tổng số máy tính của đơn vị thực hiện CTĐT:

- Dùng cho hệ thống văn phòng: 37

- Dùng cho người học học tập: 700

- Tỷ số số máy tính dùng cho người học/người học chính quy: 10,8

VIII. Tóm tắt một số chỉ báo quan trọng

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ báo quan trọng dưới đây:

1. Giảng viên:

- Tổng số giảng viên cơ hữu (người): 09

- Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu (%): 81,8

- Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 100

- Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 0

2. Người học:

- Tổng số người học chính quy (người): 65 (tính từ 2019-2024).
- Tỷ số người học chính quy trên giảng viên: 7,2
- Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%): 100%(năm học 2021-2022)

3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:

- Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): -
- Tỷ lệ người học trả lời *chỉ học được một phần* kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): -

4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:

- Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%): -
- Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%): -
- Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm (triệu VNĐ): -

5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:

- Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%): -
- Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%): -

6. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ:

- Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: -
- Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu: -
- Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: -
- Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,36(2021-2023)
- Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 48 học viên thực hiện NCKH

7. Cơ sở vật chất:

- Tỷ số máy tính dùng cho người học trên người học chính quy: 10,8
- Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 162
- Tỷ số diện tích ký túc xá trên người học chính quy: -